



Chương trình developPPP
của Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên Bang Đức

Tài liệu hướng dẫn dành cho giảng viên trong trường dạy nghề và đào tạo viên trong doanh nghiệp

bao gồm giảng dạy và đào tạo nghề gia công kim loại thông qua các ví dụ về nghề cắt gọt kim loại với học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt

Chúng tôi thúc đẩy việc xây dựng hồ sơ năng lực toàn diện cho học viên

Chúng tôi tạo điều kiện cho các học viên học tập các công nghệ mới một cách độc lập, sáng tạo và có trách nhiệm cũng như sử dụng chúng một cách có mục tiêu

Chúng tôi tạo điều kiện cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt hòa nhập với xã hội và dễ dàng tiếp cận hơn với cơ hội việc làm

Chúng tôi đối xử với nhau bằng sự tôn trọng

Chúng tôi khuyến khích học viên học tập chủ động

Bằng cách thúc đẩy các kỹ năng cá nhân của học viên, chúng tôi phát triển và củng cố động lực học tập của học viên



Hình 1 – Hòa nhập/ đào thải

Mục lục

Nội dung

Mục lục.....	2
1. Lời giới thiệu.....	8
1.1 Sơ bộ.....	8
1.2 Mục tiêu dự án.....	9
2. Các thuật ngữ và minh họa.....	10
2.1 Sự hòa nhập và nguyên tắc hướng dẫn.....	10
2.2 Người khiếm khuyết trong học tập.....	12
2.3 Nhu cầu giáo dục đặc biệt.....	14
2.4 Dịch vụ Giáo dục Đặc biệt Lưu Động (DVGĐĐBLĐ),.....	17
2.5 Đánh giá về giáo dục đặc biệt.....	17
2.6 Báo cáo chẩn đoán về giáo dục đặc biệt.....	18
2.7 Các lớp học có mục tiêu học tập bình đẳng và chuyên biệt trong việc đào tạo.....	19
2.8 Làm việc nhóm liên ngành và đa chuyên môn.....	19
2.9 Hợp tác của nhóm trong đào tạo hằng ngày.....	21
2.10 Đề suất về thành phần của các nhóm học không đồng nhất.....	21
3. Mô hình kỹ năng và đánh giá kỹ năng.....	23
3.1 Khái niệm ý tưởng / mô tả ý tưởng.....	23
3.2 Mô hình kỹ năng của các kỹ năng chính.....	24
3.2.1 Sự độc lập.....	25
3.2.2 Sự tự nhận thức.....	25
3.2.3 Sự linh hoạt.....	25
3.2.4 Sự sáng tạo.....	25
3.2.5 Kiểm soát căng thẳng.....	25
3.2.6 Kỹ năng giao tiếp.....	26
3.2.7 Kỹ năng cảm xúc.....	26
3.2.8 Khả năng trong mối quan hệ.....	26
3.2.9 Khả năng trong xung đột.....	26
3.2.10 Tinh thần đồng đội.....	27
3.2.11 Kỹ thuật học tập và làm việc.....	27
3.2.12 Tổ chức công việc.....	27
3.2.13 Kỹ năng trình bày.....	27
3.2.14 Kỹ năng sư phạm của giảng viên.....	28

3.2.15 Đào tạo theo định hướng năng lực và cá nhân	28
3.3 Hướng dẫn định hướng cho giảng viên	30
4. Chẩn đoán.....	31
4.1 Chẩn đoán nhu cầu hỗ trợ trong việc học tập	31
4.1.1 Chẩn đoán đầu vào.....	31
4.1.2 Chẩn đoán sự phạm.....	32
4.1.3 Thu thập dữ liệu đầu vào	33
4.1.4 Việc quan sát lớp học.....	33
4.1.5 Tháo luận chẩn đoán	34
4.2 Bảng câu hỏi.....	35
4.2.1 Mẫu câu hỏi tự đánh giá và đánh giá từ người khác.....	36
4.2.2 Chẩn đoán nhu cầu giáo dục đặc biệt.....	36
4.2.3 Kết quả đánh giá.....	37
4.3 Chẩn đoán các nhu cầu giáo dục đặt biệt chuyên sâu trong phát triển cảm xúc và xã hội ...	38
4.3.1 Quan sát hành vi.....	38
4.3.2 Trao đổi chẩn đoán.....	40
5. Kế hoạch hỗ trợ.....	40
5.1 Quy trình lập kế hoạch hỗ trợ và nhóm lập kế hoạch hỗ trợ	40
5.2 Lựa chọn mục tiêu hỗ trợ và biện pháp hỗ trợ	42
5.3 Học viên là đối tác tích cực trong kế hoạch hỗ trợ	43
5.4 Đánh giá và xem xét các mục tiêu của kế hoạch hỗ trợ	44
5.5 Kế hoạch hỗ trợ (mẫu quan sát)	45
6. Cấu trúc nhóm và làm việc theo nhóm	48
6.1 Mối quan hệ Giảng viên- Học Viên.....	48
6.2 Làm việc theo nhóm chuyên môn đa ngành.....	49
6.3 Các điều kiện và quan điểm thuận lợi để có sự hợp tác tốt	50
6.4 Điều kiện và quan điểm cần tránh để có sự hợp tác tốt	51
6.5 Xây dựng mạng lưới hỗ trợ.....	51
6.6 Nhiệm vụ và hiểu biết về vai trò trong các nhóm chuyên môn đa ngành	53
6.6.1 Vòng hoạt động nội bộ	53
6.6.2 Vòng hoạt động bên ngoài	54
6.6.3 Vòng hoạt động của học viên và gia đình	54
6.6.4 Giảng viên kỹ năng xã hội	55
6.6.5 Giảng viên tư vấn.....	55
6.6.6 Nhà tâm lý (Học đường).....	55

6.6.7 Hỗ trợ đào tạo	56
6.6.8 Giảng viên giáo dục đặc biệt	56
7. Tổ chức và thiết kế bài học	57
7.1 Sự chuyên biệt	57
7.2 Sự chuyên biệt theo thể chất bên ngoài và khả năng bên trong	58
7.2.1 Hỗ trợ hành động thông qua các biểu tượng	60
7.2.2 Trang hướng dẫn nhiệm vụ với các ký hiệu hỗ trợ hành động	62
7.3 Tinh giản giáo trình.....	65
7.4 Tối ưu hóa văn bản và tính rõ ràng của tài liệu giảng dạy	68
7.4.1 Tối ưu văn bản.....	70
7.4.2 Nguyên tắc cho đơn giản và dễ dàng hóa ngôn ngữ	70
7.4.3 Cấu trúc rõ ràng trong tài liệu làm việc	71
7.5 Thiết kế bài học với hai giảng viên	72
7.6 Buổi học mở lấy học viên làm trung tâm.....	75
7.6.1 Làm việc nhóm và thảo luận trên lớp	76
7.6.2 Lớp học trong xưởng như một vòng tròn	79
7.6.3 Việc đóng vai trò và mô phỏng.....	79
7.6.4 Các thang giáo trình học tập	80
8. Hỗ trợ và khuyến khích bổ sung	88
8.1 Các yếu tố của quá trình học tập	88
8.2 Gián đoạn trong quá trình học tập.....	89
8.3 Các hoạt động hỗ trợ học tập	90
8.3.1 Hỗ trợ trong việc đạt được chuyên môn cụ thể.....	90
8.3.2 Hỗ trợ phát triển các kỹ năng nhận thức rộng	92
8.3.3 Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc hành vi học tập	92
8.3.4 Phát triển các chiến lược học tập và ghi nhớ	93
8.3.5 Hỗ trợ phát triển động lực và động lực bản thân	96
8.4 Hỗ trợ và tư vấn về cho việc sợ thi cử.....	97
8.5 Quản lý lớp học (Classroom Management - CM).....	99
8.5.1 Quy tắc trong lớp học	99
8.5.2 Ưu tiên trong trường hợp có gián đoạn	101
8.5.3 Kỹ thuật quản lý lớp học	101
8.5.4 Mối quan hệ giữa giảng viên và học viên.....	102
8.5.5 Sắp xếp chỗ ngồi tối ưu	103
8.5.6 Các quy trình và quy tắc được thiết lập	106

8.6 Đối phó với việc bắt nạt.....	108
8.6.1 Nguyên nhân có thể của việc bắt nạt	108
8.6.2 Ngăn ngừa bắt nạt.....	109
8.7 Bù đắp thiệt thòi cho học viên	110
9. Các điển hình thực tiễn tích cực	112
9.1 Đo lường năng lực.....	112
9.1.1 Hệ thống đánh giá	112
9.1.2 Kiểm tra đánh giá năng lực	113
9.1.3 Các hạng mục đánh giá – tiêu điểm lựa chọn và hệ thống điểm	114
9.1.4 Tổng quan các tiêu chí đánh giá.....	119
9.2 Ví dụ bài học phay CNC 3+2 trực.....	120
9.2.1 Năng lực cần có của học viên	122
9.2.2 Tình trạng lớp học	122
9.2.3 Nhiệm vụ công việc.....	123
9.2.4 Lập kế hoạch qui trình	134
9.3 Đào tạo chuyên viên thực hành chuyên môn.....	140
9.3.1 Cơ sở pháp lý.....	140
9.3.2 Đào tạo theo quy định của chuyên viên thực hành chuyên môn.	140
9.3.3 Tổng quan về các lĩnh vực học tập Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại và chuyên viên thực hành	142
9.3.4 So sánh qui trình đề thi cuối kỳ phần 1.....	143
9.3.5 So sánh qui trình đề thi cuối kỳ phần 2.....	144
10. Phụ lục thiết kế bảng tổng hợp.....	146
10.1 Tiện.....	146
10.2 Phay	151

Danh sách hình ảnh

Hình 1 – Hòa nhập/ đào thải	1
Hình 2 – Mô hình kỹ năng (năng lực chính).....	24
Hình 3 - Quy trình (chu trình) lập kế hoạch hỗ trợ	41
Hình 4 - Lập kế hoạch hỗ trợ liên kết.....	43
Hình 5 – Nhóm chuyên môn đa ngành	52
Hình 6 – Vòng hoạt động nội bộ	53
Hình 7 – Vòng hoạt động bên ngoài	54
Hình 8 – Vòng hoạt động của học viên/ phụ huynh	54
Hình 9 – Các câu hỏi đặt ra cho rút gọn giáo trình	65

Hình 10 – Các nguyên tắc của tình giản giáo trình.....	66
Hình 11 – Xếp hạng việc tình giản nội dung của một lĩnh vực học tập	67
Hình 12 – Mô hình việc thực hiện hoàn chỉnh	69
Hình 13 – Việc giảng dạy tại trạm (Station teaching).....	73
Hình 14 – Giảng dạy song song (Parallel teaching).....	73
Hình 15 -Giảng dạy phân chia (Alternative teaching)	73
Hình 16 – Giảng dạy theo nhóm (Team teaching)	74
Hình 17 -Một người dạy - một người hỗ trợ (One teaches - one assists)	74
Hình 18 – Một người dạy- một người quan sát (One teaches – one observes).....	75
Hình 19 – Vòng các nấc trong học tập	80
Hình 20 – Biến diễn bản đồ khái niệm	95
Hình 21 - CRM.....	100
Hình 22 - CRM chủ động	107
Hình 23 -Thang điểm đánh giá Hệ thống 15 điểm.....	113
Hình 24 – Phân tích năng lực.....	115
Hình 25 - Phân tích kỹ năng nghề nghiệp.....	116
Hình 26 -- Phân tích năng lực liên quan đến dự án	117
Hình 27 - Cơ hội phát triển nghề nghiệp.....	118
Hình 28 - Cơ hội phát triển liên quan đến dự án	118
Hình 29 – Bộ phận phay MD12.....	123
Hình 30 – Khối xoayl	128
Hình 31 – Tiện với kích thước tuyệt đối.....	146
Hình 32 – Tiện kích thước tăng dần.....	147
Hình 33 – Tiện G1.....	148
Hình 34 – Tiện G2/3	149
Hình 35- tiện bộ phận MD11	151
Hình 36 – Phay lỗ.....	151
Hình 37 – Phay với G1	152
Hình 38 – Phay với G1/G2/G3 _1.....	153
Hình 39 - Phay G1/G2/G3 _2	154
Hình 40 – Phay G1/G2/G3 _3	155

Tài liệu tham khảo

Arnold/Graumann/Rakhokchine. (2008). S132.

Behinderungen, B. d. (03. Mai 2018). *Die UN-Behindertenrechtskonvention*.

Bildungsforschung, S. f. (2015). S.5.

Bylinski, U. (2016). *Gestaltung individueller Entwicklungsprozesse und inklusiver Lernsettings in der beruflichen Bildung S.12*.

Dorsch. (kein Datum). <https://dorsch.hogrefe.com/stichwort/lernstrategien-metakognitive>. Von Lexikon der Psychologie. abgerufen

Forschung, B. f. (2005).

Forschung, B. f. (Dezember 2019). *Das neue Berufsbildungsgesetz*.

- Gnahn, D. (18. Mai 2010). *Kompetenzen – Erwerb, Erfassung, Instrumente*, S.21.
- Hölscher, K. (2012). Binnendifferenzierung nach Lernstilen S.104.
- Ingenkamp/Lissmann. (2008). *Lehrbuch der pädagogischen Diagnostik*, S.13.
- Kuhn, A. (2. Februar 2022). Deutsches Schulportal der Robert Bosch Stiftung.
- Kultur, M. f. (Juli 2014). Berufsbezogener Lernbereich. *Fachpraktiker/in für Zerspanungsmechanik*. Saarland.
- Kultur, M. f. (Juli 2014). Lehrplan Berufsbezogener Lernbereich.
- Lauth/Brunstein/Grünke. (2014). Lernstörungen im Überblick: Arten Klassifikation, Verbreitung und Erklärungsperspektiven.
- Lernen im Fokus der Kompetenzorientierung*. (2009). Stuttgart.
- Lindner, L. P. (2001). *Differenzieren im Unterricht*.
- Melzer, H. S. (2015). *Handbuch Aggression, Gewalt und Kriminalität bei Kindern und Jugendlichen*. München, S. f. (2016). *Inklusive berufliche Bildung in Bayern* S.17.
- Schubarth, W. (2013). Gewalt und Mobbing an Schulen.
- Staatsregierung, B. (kein Datum). <http://www.inklusion.schule.bayern.de/>.
- Stein, R. (2015). *Grundwissen Verhaltensstörungen*. Schneider Verlag, 4. neu überarbeitete Auflage.
- Waschke, N. (2015). Blackouts, Stress und Angstgedanken. *Lernchancen Heft 107*.
- Weidner, M. (2005). Kooperatives Lernen im Unterricht. Kallmeyersche Verlagsbuchhandlung GmbH, 2. Auflage.

1. Lời giới thiệu

1.1 Sơ bộ

Tài liệu thực hành "Đào tạo và giáo dục hòa nhập trong nghề kỹ thuật kim loại" được thiết kế để cung cấp nền tảng cho việc triển khai giáo dục và phương pháp giảng dạy có tính hòa nhập cho tất cả các giảng viên và đào tạo viên trong lĩnh vực kỹ thuật kim loại, đặc biệt là tại các trung tâm đào tạo nghề có học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

Mục đích của tài liệu hướng dẫn này là để mô tả các yêu cầu cơ bản về triển khai cho một trung tâm đào tạo nghề và doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

Tài liệu hướng dẫn này nhằm cung cấp nền tảng lý thuyết hệ thống cần thiết và minh họa thông qua các ví dụ thực tế về quá trình đào tạo hằng ngày và cuộc sống nghề nghiệp việc giáo dục nghề nghiệp có tính đến tính chất bình đẳng giới và hòa nhập trong các nghề kim loại và sản xuất thông minh.

Điều này sẽ cho phép các nhóm học viên khác nhau, gồm cả nam và nữ trẻ tuổi, thanh thiếu niên có và không có hạn chế, có thể học chung thành công.

Giảng viên trường dạy nghề và giảng viên tại công ty từ các công ty đối tác cần nhận thức và nâng cao năng lực thông qua hướng dẫn về đào tạo nghề bình đẳng giới và hòa nhập trong các nghề gia công kim loại.

Nền tảng cho sự cần thiết của sự hòa nhập trong đào tạo nghề tại Việt Nam: Đào tạo nghề và đào tạo chuyên sâu đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ hội cho các học viên tốt nghiệp và người trẻ tham gia vào cuộc sống lao động. Việt Nam đã nhận ra tầm quan trọng của việc cung cấp cho những người trẻ này một khóa học và hỗ trợ theo nhu cầu cá nhân của họ trong suốt quá trình đào tạo.

Sự hòa nhập và sự bình đẳng giới tính đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc phát triển nhân lực có trình độ và năng lực cho các ngành công nghiệp tiên tiến về công nghệ. Việc hòa nhập các nhóm bị bất lợi vào giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích và động viên thanh niên nam nữ trẻ có hạn chế và khó khăn học tập vào đào tạo nghề trong các ngành nghề thủ công sẽ giúp đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp về nhân lực chuyên môn có trình độ.

Nhiệm vụ của hướng dẫn là ưu tiên cho những sinh viên học việc có khó khăn trong học tập và do đó cần được hỗ trợ giáo dục đặc biệt. Nó cũng cho phép phân tích sự áp dụng chung của việc đào tạo mang tính giới tính và hòa nhập tại các trường đào tạo nghề và doanh nghiệp, ví dụ như chương trình đào tạo "Metal Cutting Technician" (Kỹ thuật viên cắt gọt kim loại).

Để làm rõ định hướng cho nghề Kỹ thuật viên cắt kim loại, chương trình đào tạo hòa nhập cho nghề thực hành chuyên môn kỹ thuật gia công cắt gọt kim loại ở Đức đã được điều chỉnh thành công để giúp người có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt được tích hợp vào thị trường lao động với kế hoạch đào tạo được điều chỉnh phù hợp.

Các kỹ năng, kiến thức và năng lực cần được truyền đạt cho nghề thực hành chuyên môn Kỹ thuật cắt gọt kim loại cũng là tiêu chuẩn tối thiểu để tích hợp người có khó khăn trong học tập và đánh giá khả năng thực hiện chung của việc đào tạo bao gồm tại các học viện TVET

1.2 Mục tiêu dự án

Về cơ bản, dự án cho sự hòa nhập của phụ nữ và của thanh thiếu niên có khó khăn hạn chế trong học tập trong đào tạo nghề thủ công có các mục tiêu sau:

- Nâng cao nhận thức của xã hội về tiềm năng việc làm của những người thuộc nhóm yếu thế và cơ hội nghề nghiệp của họ trong các ngành nghề công nghiệp và đào tạo nghề.
- Nâng cao hình ảnh của việc đào tạo nghề trong xã hội, thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.
- Tạo điều kiện cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt (trọng tâm hỗ trợ là học tập và/hoặc phát triển cảm xúc và tính xã hội) để họ có thể đạt được trình độ chuyên môn chính quy ở mức độ cao hơn so với trường hợp hiện nay.
- Thông qua hỗ trợ riêng có mục tiêu cho tất cả các học viên, cần đạt được cả trình độ kỹ thuật cao hơn và kỹ năng chung cao hơn, chẳng hạn như kỹ năng cá nhân và xã hội.
- Hỗ trợ có mục tiêu nhằm giảm số người bỏ học.
- Phát triển kỹ năng sư phạm của giảng viên và giảng viên để hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho học viên.
- Các giảng viên và chuyên viên đào tạo của công ty mở rộng kỹ năng của họ thông qua việc chuyển giao công nghệ có mục tiêu và nâng cao kỹ năng giảng dạy của họ cho các nhiệm vụ "đào tạo nghề cho sản xuất thông minh bằng máy công cụ".
- Việc chuyển giao bí quyết này mở rộng cả trong cơ sở giáo dục và giữa một số cơ sở giáo dục và các công ty đối tác của các trường Cao đẳng TVET.

2. Các thuật ngữ và minh họa

Hướng dẫn này chủ yếu tập trung vào những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt sẽ được giảng dạy hoặc đào tạo trong các lĩnh vực học tập và phát triển cảm xúc và tính xã hội, đồng thời mô tả các điều kiện và bối cảnh hòa nhập.

Việc đào tạo hòa nhập cho thanh thiếu niên có nhu cầu giáo dục đặc biệt tại các cơ sở đào tạo nghề được quy định bởi pháp luật và các thuật ngữ cần thiết và hữu ích được giải thích dưới đây là cần thiết và hữu ích để hiểu chủ đề hòa nhập.

2.1 Sự hòa nhập và nguyên tắc hướng dẫn

Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật mô tả hòa nhập là một quyền của con người và điều đó thường có nghĩa là “hòa nhập” hoặc “tham gia”. Hòa nhập phải tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia tích cực vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được hòa nhập với các cơ hội bình đẳng trong mọi quá trình giáo dục và đời sống xã hội. Điều này bao gồm giáo dục, đào tạo, công việc, thời gian giải trí, gia đình và chính trị. Tóm lại là tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công ước về Quyền của Người khuyết tật của Liên Hợp Quốc tháng 5 năm 2008 đại diện cho quyền bình đẳng, cơ hội bình đẳng, quyền đồng quyết định toàn diện và sự tham gia tự quyết định - trong mọi lĩnh vực của cuộc sống và có tính ràng buộc về mặt pháp lý. Ta có thể hiểu khuyết tật là một phần bình thường của cuộc sống con người và là sự phong phú cho sự đa dạng của xã hội:

- Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật, cụ thể là Điều 24 và 27:

Điều 24 đoạn 1 c và đoạn 5: “Các quốc gia thành viên công nhận quyền được giáo dục của người khuyết tật. Để thực hiện quyền này mà không có sự phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, các quốc gia ký kết đảm bảo một hệ thống giáo dục [tiếng Anh: 'inclusive'] hòa nhập ở tất cả các cấp và học tập suốt đời với mục đích (...) người khuyết tật được tham gia thực sự vào một xã hội tự do trao quyền”.

“Các Quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng người khuyết tật được tiếp cận giáo dục phổ thông đại học, đào tạo nghề, giáo dục người lớn và học tập suốt đời mà không bị phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên phải đảm bảo cung cấp chỗ ở hợp lý cho người khuyết tật.”

Đối với thanh niên khuyết tật, đào tạo nghề hòa nhập nói chung có nghĩa là có quyền hoàn thành đào tạo nghề trong một nghề đào tạo được công nhận. Điều này xảy ra trong các tổ chức giáo dục được công nhận cùng với những người trẻ tuổi mà không bị hạn chế.

- Đạo luật đào tạo nghề của Đức (BBiG) tháng 12 năm 2019, cụ thể là các Mục 64 đến 66 BBiG:

Theo Mục 64 BBiG, người khuyết tật (Mục 2 Đoạn 1 Câu 1 SGB IX) cần được đào tạo trong các nghề đào tạo được công nhận. § 65

Đoạn 1 câu 2 BBiG quy định rằng các hoàn cảnh đặc biệt của người khuyết tật phải được tính đến:

"Điều này đặc biệt áp dụng cho cấu trúc thời gian và thực tế của khóa đào tạo, thời lượng của các kỳ kiểm tra, phê duyệt các phương tiện hỗ trợ và việc sử dụng hỗ trợ của bên thứ ba, chẳng hạn như thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính."

Điều này nói rõ rằng Đạo luật Dạy nghề cho người khuyết tật xem việc đào tạo trong một nghề đào tạo được công nhận là bình thường.

Chỉ khi điều này không thể áp dụng cho được bồi thường bất lợi (§ 65 BBiG), BBiG cung cấp khả năng tạo ra cái gọi là các khóa đào tạo chuyên ngành giảm lý thuyết theo § 66 BBiG trên cơ sở các quy định đào tạo của cơ quan có thẩm quyền chính quyền:

"Đối với người khuyết tật không thể lựa chọn đào tạo nghề đào tạo được công nhận do dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật của họ, các cơ quan có trách nhiệm, theo yêu cầu của người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ, đưa ra các quy định về đào tạo phù hợp với khuyến nghị của ủy ban chính của Viện đào tạo nghề liên bang. Nội dung đào tạo cần được xây dựng từ nội dung của các nghề đào tạo đã được công nhận, có tính đến tình hình và diễn biến chung của thị trường lao động. Trong đơn đăng ký theo đoạn 1, phải cung cấp bằng chứng về cơ hội đào tạo trong khóa đào tạo mong muốn" (§ 66 Đoạn 1 BBiG).

Việc quy định cho đào tạo chuyên ngành hướng tới đối tượng chủ yếu là người khuyết tật học tập, bởi họ cũng đại diện cho đại đa số người khuyết tật, cũng là đối tượng trọng tâm của hướng dẫn này.

Nói tóm lại việc hòa nhập đề cập cả đến sự hội nhập của những người có hạn chế hoặc khuyết tật vào xã hội và đặc biệt là vào lĩnh vực giáo dục. Do đó, các đặc điểm khuôn mẫu như khó khăn trong học tập hoặc hạn chế về thể chất không nên ngăn cản việc tham gia vào đời sống xã hội và sản xuất.

Các lưu ý sau đây có thể được xác định làm nguyên tắc tiền đề cho việc hòa nhập:

- Các học viên trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp ngày càng đa dạng do khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, lối sống, kỹ năng, sở thích và nhu cầu.
- Sự không đồng nhất này là bình thường và việc học diễn ra với sự hợp tác của các học viên chuyên biệt về nội dung chung. Điều này cũng áp dụng cho các học viên khuyết tật hoặc có nhu cầu giáo dục đặc biệt.
- Cơ sở đào tạo cung cấp một nơi giảng dạy và học tập chung cho tất cả các học viên đang hướng tới một trình độ chuyên môn chung về gia công kim loại.

- Sự không đồng nhất của các học viên là cơ hội đáng hoan nghênh để những người trẻ tuổi học hỏi lẫn nhau và với nhau để đạt được các mục tiêu giáo dục có ý nghĩa và khả thi trong quá trình khuyến khích và phát triển cá nhân.
- Việc đào tạo và khuyến khích hướng đến việc vừa dựa trên nền giáo dục trước đây của từng cá nhân và nhu cầu học tập riêng của từng cá nhân cũng như dựa trên các tiêu chuẩn giáo dục và yêu cầu chuyên môn của nghề đào tạo bắt nguồn từ đó.
- Ngoài ra, những học viên có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập hoặc phát triển tinh thần được giảng dạy tại các trung tâm đào tạo của họ theo cách có mục tiêu.
- Để có thể đáp ứng các yêu cầu sư phạm đặc biệt này một cách hiệu quả, bên cạnh số giờ đào tạo chung cố định của một nhóm giảng dạy là không thể thiếu nguồn nhân lực (cả không gian) bổ sung.
- Áp dụng cho tất cả các học viên, những học viên có thành tích cao cũng như những học viên có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt, được khuyến khích và thử thách cá nhân trong khóa đào tạo chung.

2.2 Người khiếm khuyết trong học tập

Định nghĩa: "Người khiếm khuyết trong học tập là những người bị suy giảm nghiêm trọng và vĩnh viễn trong việc học tập của họ và những người có thành tích và hành vi sai lệch đáng kể so với tiêu chuẩn độ tuổi, khiến cho việc hòa nhập nghề nghiệp của họ trở nên khó khăn hơn đáng kể và lâu dài."

Việc khiếm khuyết trong học tập thể hiện ở chỗ gặp khó khăn đáng kể ngay từ đầu và trong một thời gian dài hơn để đạt được các kỹ năng với tốc độ tương tự như phần lớn các bạn cùng lớp trong khóa đào tạo

Những khó khăn trong học tập đề cập đến những khó khăn mà một người trẻ tuổi gặp phải khi cố gắng học tập. Những khó khăn này có thể xảy ra theo những cách khác nhau và có thể có những nguyên nhân khác nhau. Một số lý do có thể gây khó khăn trong học tập bao gồm:

- Sự khiếm khuyết trong học tập khiến một người khó phát triển các kỹ năng cụ thể quan trọng cho việc học
- Rối loạn ngôn ngữ gây khó khăn trong việc hiểu ý nghĩa của từ và cụm từ.
- Thiếu động lực, có thể dẫn đến việc các cá nhân không đủ nỗ lực để học những điều mới.
- Căng thẳng hoặc sợ hãi có thể dẫn đến việc bản thân những người trẻ gặp khó khăn trong việc hướng sự chú ý của mình vào một thứ gì đó, tức là họ không thể hoặc hầu như không thể tập trung vào một thứ gì đó.

Hòa nhập là một cách để giúp những người trẻ gặp khó khăn trong học tập tham gia vào hệ thống giáo dục. Ví dụ: có thể cung cấp các ưu đãi hỗ trợ đặc biệt, chẳng hạn như dạy kèm, hỗ trợ cá nhân hoặc hỗ trợ kỹ thuật giúp việc học dễ dàng hơn. Những hỗ trợ này sẽ được xem xét chi tiết hơn ở phần sau của tài liệu này.

Nói chung, những đề xuất hỗ trợ này dành cho những người trẻ tuổi có thêm hạn chế về thể chất trong một nghề đào tạo kỹ thuật công nghiệp phải được xem xét và trình bày thêm từ quan điểm sư phạm.

Trong hướng dẫn này, việc hòa nhập trong học nghề và đào tạo trong các nghề kỹ thuật kim loại chủ yếu đề cập đến việc hòa nhập những người trẻ gặp khó khăn trong học tập hoặc khuyết tật vào các nghề kỹ thuật công nghiệp. Điều này có thể được hỗ trợ bởi các biện pháp và phương pháp sư phạm chuyên biệt:

- Điều chỉnh chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy: Điều quan trọng là chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy phải phù hợp với nhu cầu và khả năng của những người trẻ gặp khó khăn hoặc khuyết tật trong học tập. Điều này có thể đạt được, ví dụ, thông qua việc sử dụng các phương tiện trực quan, sử dụng các công cụ và công nghệ được thiết kế hoặc điều chỉnh đặc biệt hoặc đưa vào các bài tập thực hành.
- Môi trường học tập dễ tiếp cận: Điều quan trọng là cơ sở vật chất phải dễ tiếp cận và những người trẻ khuyết tật hoặc bị hạn chế có thể tiếp cận tất cả các cơ sở và cơ sở vật chất. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc sử dụng đường dốc, thang máy và các tiện ích khác (không tập trung trong hướng dẫn này).
- Hỗ trợ trong giao tiếp: Thanh thiếu niên gặp khó khăn trong học tập hoặc khuyết tật có thể gặp khó khăn trong giao tiếp. Điều quan trọng là giảng viên cung cấp hỗ trợ giao tiếp, ví dụ thông qua việc sử dụng các công cụ hỗ trợ giao tiếp dựa trên ký hiệu hoặc chữ viết hiện đại khác.
- Thúc đẩy quyền tự quyết và sự tự tin: Điều quan trọng là thanh thiếu niên gặp khó khăn trong học tập hoặc khuyết tật có cơ hội đưa ra quyết định của riêng mình và tăng cường sự tự tin. Giảng viên có thể đạt được điều này bằng cách thúc đẩy quyền tự quyết và trách nhiệm cá nhân.

Kết luận: Sự thành công trong việc hòa nhập của những người có khó khăn trong học tập hoặc khuyết tật trong các nghề gia công kim loại, sẽ giúp ích và củng cố sự đa dạng và hòa nhập trong thế giới lao động, đồng thời các kỹ năng và tầm nhìn có giá trị sẽ được mang vào cho các nghề này.

2.3 Nhu cầu giáo dục đặc biệt

Trong các nghề đào tạo, nên tránh nói đến việc khuyết tật mà nên lấy việc xây dựng các nhu cầu giáo dục đặc biệt làm chủ đạo.

Nhu cầu giáo dục đặc biệt trong đào tạo kỹ thuật đề cập đến việc hỗ trợ thanh thiếu niên có nhu cầu giáo dục đặt biệt muốn được đào tạo các nghề trong doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, hỗ trợ khắc phục khó khăn trong học tập, điều chỉnh tài liệu học tập và hỗ trợ giao tiếp và tương tác với các học viên và giảng viên khác.

Nhu cầu giáo dục đặc biệt có thể phát sinh do nhiều yếu tố khác nhau như khiếm khuyết trong học tập, các vấn đề về hành vi, rối loạn thể chất hoặc tâm thần hoặc khó khăn về cảm xúc xã hội. Việc sử dụng các nhà giáo dục đặc biệt hoặc giảng viên phụ đạo cũng có thể cần thiết. Các nhà giáo dục đặc biệt và giảng viên phụ đạo hợp tác chặt chẽ với các giảng viên và công ty đào tạo để phát triển và thực hiện các kế hoạch hỗ trợ cá nhân.

Điều này cũng có thể tóm gọn rằng một nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt là cần thiết nếu hệ thống đào tạo chung, mặc dù đã có các quy trình và hoạt động bổ sung và khác biệt, không thể hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của học viên và các giải pháp bổ sung và có mục tiêu sẽ là cần thiết để phát triển kỹ năng cho học viên. Các giải pháp đào tạo bổ sung này sẽ được xác định thông qua chẩn đoán và phù hợp lý tưởng với nhu cầu cá nhân của học viên.

Hỗ trợ đặc biệt cho học viên có khó khăn trong học tập được coi là sự bổ sung cần thiết và trọng tâm của hỗ trợ chung trong đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt. Điều đó cũng sử dụng để hạn chế sự xuất hiện của một nhu cầu hỗ trợ giáo dục cá nhân đặc biệt dựa trên việc hỗ trợ sớm một cách có mục tiêu và ở giai đoạn đầu. Theo nguyên tắc hướng dẫn của giáo dục theo nhu cầu giáo dục đặt biệt, công việc của giảng viên giáo dục đặc biệt được thực hiện ở nhiều cấp độ và nhiều lớp. Điều quan trọng là phải nhận biết những điều sau:

- Tất cả các hỗ trợ đều mang tính hệ thống và theo định hướng cá nhân.
- Trọng tâm chính là hỗ trợ hệ thống thông qua chẩn đoán và tư vấn cũng như thông qua các biện pháp hỗ trợ được điều chỉnh đặc biệt.

Như đã xác định, những người trẻ có thể có nhu cầu giáo dục đặt biệt trong các lĩnh vực sau:

- Khả năng học hỏi
- Ngôn ngữ
- Phát triển tình xúc- tính xã hội
- Phát triển tinh thần
- Phát triển thể chất - vận động
- Nghe
- Nhìn

Đặc điểm cho trọng tâm hỗ trợ học tập là sự suy yếu của những người trẻ gặp khó khăn trong học tập và đặc biệt là trong học tập ở trường được đặc trưng bởi sự suy giảm khả năng vận động, nhận thức, giác quan, ngôn ngữ và cảm xúc xã hội. Qua đó, có những bất thường trong các khoảng kỹ năng:

- Nhận thức khác biệt
- Khả năng tư duy
- Nhận biết và có ý thức về các quy trình
- Khả năng ghi nhớ
- Khả năng giải quyết vấn đề
- Trí tưởng tượng và sáng tạo

Đặc biệt của trọng tâm hỗ trợ cho sự phát triển cảm xúc và xã hội được đặc trưng bởi các biểu hiện khác nhau, được xác định riêng về thời lượng và mức độ mà chúng đi lệch khỏi chuẩn mực.

Ví dụ, các biểu hiện cần được hỗ trợ trong lĩnh vực cảm xúc là:

- Khó khăn trong việc nhận thức và thể hiện cảm xúc của bản thân
- Hung hăng về tinh thần và thể chất
- Hành vi bốc đồng
- Thiếu sự đồng cảm (đối phương nghĩ, cảm thấy, mong đợi điều gì?)
- Thiếu hoặc khó tiếp cận các chủ đề thuộc lĩnh vực cảm xúc xã hội
- Sợ thay đổi (ví dụ: thay đổi phòng học, thay đổi giảng viên, thay đổi cách sắp xếp chỗ ngồi, thay đổi lịch học, phương pháp đào tạo mới, thành lập nhóm, làm việc nhóm, ...)
- Không chắc chắn do các tình huống không có cấu trúc
- Thay đổi tâm trạng đột ngột
- Không chắc chắn, sợ hãi và từ chối trong các tình huống trình bày cho đến đóng góp của việc tham gia bằng lời nói trong đào tạo hằng ngày
- Yếu kém trong việc khái quát hóa, khó khăn trong việc chuyển các chiến lược thực hiện (mới) sang các tình huống không giống với các tình huống đã biết và các ứng dụng đã thực hành (không chắc chắn, từ chối, hành vi không phù hợp)

Ví dụ, các biểu hiện cần được hỗ trợ trong lĩnh vực xã hội là:

- Hành vi phản đối và thách thức
- Hành vi chống đối xã hội (coi thường và vi phạm quyền của người khác, lừa dối và thao túng là những chiến lược chính được sử dụng để đạt được lợi ích cá nhân)
- Trường hợp nghiêm trọng: hành vi phạm pháp (hành vi vi phạm pháp luật hiện hành)

Ví dụ, Tổ Chức Dịch vụ Giáo dục Đặc biệt Di Động (GDĐBĐĐ), được thành lập cho mục đích này ở Đức, thường chẩn đoán xem có cần hỗ trợ giáo dục đặc biệt hay không.

Giải thích thêm bằng ví dụ của Đức về hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho học viên và về tổ chức là:

- Giáo dục theo nhu cầu giáo dục đặt biệt là trách nhiệm chung của các giảng viên hỗ trợ và giảng viên chính quy
- Học viên được xác định có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt có quyền nhận thêm giờ hỗ trợ giáo dục đặc biệt.
- Những người này sẽ được phân vào các lớp đa hỗ trợ. Hỗ trợ giáo dục đặc biệt diễn ra chủ yếu với sự kết nối sự khác biệt hóa và cá thể hóa trong nhóm dạy học.

Đa hỗ trợ có nghĩa là - vượt cấp tổ chức cho phù hợp về nội dung:

- Trách nhiệm chung cho tất cả học viên
- Cùng thiết kế các biện pháp sư phạm cho nhóm dạy học
- Các khóa đào tạo cho học viên chuyên biệt dựa trên việc lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân dưới nhiều hình thức hợp tác khác nhau
- Tạo điều kiện phát triển cho mọi học viên
- Trợ giúp trực tiếp cho tất cả học viên
- Nếu cần thiết, hỗ trợ cho các nhóm nhỏ và cá nhân

Nhiệm vụ của các giảng viên hỗ trợ là:

- Phối hợp với tất cả các giảng viên và nhân viên sư phạm tham gia, xây dựng có trách nhiệm và phát triển thêm các kế hoạch hỗ trợ cá nhân cho các học viên có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt đã xác định.
- Các giảng viên hỗ trợ đảm bảo rằng các kế hoạch hỗ trợ có cái nhìn toàn diện về học viên và được tính đến mục tiêu phát triển các điểm mạnh của học viên
- Họ chịu trách nhiệm tạo các mẫu chứng chỉ hoặc quan sát thành công trong học tập với sự hợp tác của các trưởng bộ phận.

Trong các môn học có đa hỗ trợ, giảng viên hỗ trợ đặc biệt đảm nhận các nhiệm vụ sau với sự tham khảo ý kiến của giảng viên chính quy:

- Lập kế hoạch theo chủ đề cụ thể và thực hiện hướng dẫn chung cho các học viên được đào tạo với các mục tiêu học tập khác nhau
- Lập kế hoạch và thực hiện các giải pháp cho học viên chuyên biệt, sử dụng hợp lý các nguồn hỗ trợ, hỗ trợ bù đắp thiệt thòi
- Cung cấp tài liệu cho các học viên chuyên biệt
- Tạo và, nếu cần, sửa đổi của việc theo dõi mục tiêu học tập
- Hỗ trợ giảng viên bộ môn chuẩn bị báo cáo/chứng chỉ phát triển học tập cho học viên với mục tiêu đào tạo cụ thể
- Giám sát phòng ngừa

Để đảm bảo hỗ trợ tốt nhất có thể cho các học viên cần hỗ trợ việc hợp tác trong các nhóm đa chuyên môn trong và ngoài khóa đào tạo là điều cần thiết.

Sự hợp tác của giảng viên hỗ trợ với giảng viên chính quy thường diễn ra trong các tiết dạy có học viên chuyên biệt. Điều này có thể có các hình thức khác nhau, chẳng hạn như:

- One teach, one assist (Một dạy, một hỗ trợ): một giảng viên chịu trách nhiệm chính, một giảng viên hỗ trợ riêng từng học viên
- One teach, one observe: (Một dạy, một quan sát): một giảng viên tiến hành bài học trong khi người kia quan sát cụ thể các học viên được chọn
- Alternativ Teaching (Giảng dạy thay thế): Hỗ trợ với một nhóm nhỏ, ví dụ: tại một bàn riêng trong quá trình đào tạo
- Parallel Teaching (Dạy song song): cả hai giảng viên, mỗi giảng viên dạy một nửa nhóm trong phòng dạy nhóm
- Station Teaching (Dạy theo trạm): Trong trạm dạy học, mỗi giảng viên chịu trách nhiệm về các trạm cụ thể.
- Team Teaching (Dạy học theo nhóm): cả hai giảng viên đều tích cực tham gia giảng dạy bài học, ví dụ như trình bày một chủ đề theo cách phân tích hoặc tranh luận

Ví dụ, trong các cuộc họp thường xuyên với người giám sát đào tạo, các vấn đề hiện tại của học viên, các mục tiêu hỗ trợ và việc thực hiện chúng được lên kế hoạch và đánh giá.

2.4 Dịch vụ Giáo dục Đặc biệt Lưu Động (DVGDDBLĐ),

Dịch vụ Giáo dục Đặc biệt Di động tồn tại trong tất cả các ngành giáo dục đặc biệt ở Đức, bao gồm hỗ trợ phát triển thể chất và vận động cũng như phát triển xã hội và cảm xúc, đồng thời hỗ trợ phát triển tinh thần và học tập trong đào tạo.

Để hỗ trợ đào tạo hòa nhập, DVGDDBLĐ chịu trách nhiệm chính về các nhiệm vụ sau:

- Giảng viên và quản lý nhà trường cũng như các công ty đào tạo và thực tập được tư vấn và hỗ trợ trong việc giảng dạy các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt và phát triển đào tạo hòa nhập
- Nhu cầu giáo dục đặc biệt được xác định cho từng cá thể
- Chuẩn bị các báo cáo về chẩn đoán hỗ trợ
- Hỗ trợ, khuyến khích và giám sát các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt (do tuổi tác, cũng có sự tham gia của người giám hộ hợp pháp)
- Các DVGDDBLĐ cũng có các hoạt động khác như:
 - o Lên kế hoạch hỗ trợ cá nhân của các học viên có liên quan,
 - o Tư vấn và thông báo cho giảng viên về đánh giá kỹ năng, nếu cần thiết cũng như đánh giá cụ thể về thành tích của học viên,
 - o Họ đưa ra khuyến nghị và
 - o Liên kết, nếu cần, để hợp tác hiệu quả giữa các nhóm hỗ trợ hòa nhập trong DVGDDBLĐ.

Ngoài việc tư vấn cho giảng viên, GDĐBĐĐ còn có thể tổ chức và thực hiện các khóa đào tạo nâng cao cho giảng viên.

2.5 Đánh giá về giáo dục đặc biệt

Một đánh giá giáo dục đặc biệt luôn được yêu cầu để nhận một thanh niên vào một khóa giáo dục đặc biệt. Trong đánh giá này, các nhu cầu giáo dục đặc biệt của thanh thiếu niên được phân tích và mô tả.

Những thanh thiếu niên đang được giảng dạy và đào tạo hòa nhập, dựa trên ví dụ của Đức, không cần một đánh giá giáo dục đặc biệt.

2.6 Báo cáo chẩn đoán về giáo dục đặc biệt

Báo cáo chẩn đoán hỗ trợ trong đào tạo nghề là một báo cáo nhằm xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng học viên và dựa trên đó để phát triển các biện pháp hỗ trợ có mục tiêu.

Báo cáo được tạo ra như một phần của chẩn đoán hỗ trợ, liên quan đến mục tiêu hỗ trợ cho các học viên. Theo quy định, chẩn đoán hỗ trợ được thực hiện bởi các chuyên gia về giáo dục nghề nghiệp hoặc tâm lý học. Các nguồn dữ liệu khác nhau được sử dụng, chẳng hạn như kiểm tra hiệu suất, quan sát trong quá trình làm việc hoặc thảo luận với học viên và giảng viên.

Báo cáo chẩn đoán hỗ trợ thường chứa một bản tóm tắt kết quả chẩn đoán hỗ trợ cũng như các khuyến nghị về các biện pháp cụ thể để hỗ trợ học viên. Điều này bao gồm, ví dụ, kế hoạch học tập cá nhân, hỗ trợ có mục tiêu từ giảng viên phụ đạo hoặc các khóa đào tạo đặc biệt. Báo cáo nhằm giúp các học viên hoàn thành xuất sắc khóa đào tạo của họ và nhận ra tiềm năng cá nhân của họ một cách tối ưu.

Tầm quan trọng của báo cáo chẩn đoán hỗ trợ dành cho việc hòa nhập trong đào tạo nghề là gì?

Báo cáo chẩn đoán hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện đưa việc hòa nhập vào trong đào tạo nghề. Hòa nhập có nghĩa là tất cả các học viên, bất kể kỹ năng và nhu cầu cá nhân của họ, nên có cơ hội và cơ hội như nhau để thành công trong nghề nghiệp của họ.

Báo cáo chẩn đoán hỗ trợ có thể giúp xác định nhu cầu học tập cá nhân của học viên có nhu cầu giáo dục đặt biệt hoặc khó khăn trong học tập và đề xuất các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Điều này có thể và sẽ giúp đảm bảo rằng những học viên này được hỗ trợ trong quá trình đào tạo của họ và có cơ hội thành công như các đồng nghiệp của họ mà không bị hạn chế.

Ngoài ra, một báo cáo chẩn đoán hỗ trợ cũng có thể giúp việc đào tạo nghề trở nên hội nhập hơn về tổng thể. Bằng cách xác định các nhu cầu và thế mạnh học tập, báo cáo có thể xác định, và tất nhiên là giúp các giảng viên và giảng viên trường dạy nghề điều chỉnh các phương pháp và tài liệu giảng dạy của họ cho phù hợp với nhu cầu của tất cả các học viên, do đó tạo ra một môi trường học tập có thể tiếp cận và có lợi cho tất cả mọi người.

Một báo cáo chẩn đoán hỗ trợ thường chứa:

- Mô tả chi tiết về phân tích môi trường vị thành niên
- Xác định về các nhu cầu giáo dục đặt biệt liên quan đến mục tiêu hỗ trợ
- Kỹ năng và sở thích của học viên
- Mô tả nhu cầu hoạt động sự phạm đối để tạo điều kiện cho học viên tham gia và phát triển cá nhân tốt nhất có thể
- Là cơ sở của hoạt động sự phạm trong giáo dục hòa nhập
- Mô tả các yêu cầu với các phần mục tiêu học tập riêng cho các học viên trong khi được giảng dạy với mục tiêu học tập bình đẳng

2.7 Các lớp học có mục tiêu học tập bình đẳng và chuyên biệt trong việc đào tạo

Nếu học viên không gặp khó khăn/hạn chế trong học tập và được giảng dạy hoặc đào tạo theo cùng một chương trình và mục tiêu học tập như học viên không có hạn chế, thì đó là vấn đề bình đẳng về mục tiêu học tập. Điều này trước hết áp dụng cho việc đào tạo những người trẻ tuổi không bị suy giảm nhận thức.

Trong đào tạo thanh niên có khó khăn học tập nghiêm trọng với các mục tiêu học tập khác nhau, các mục tiêu học tập khác được thống nhất trong quy trình giáo dục theo nhu cầu giáo dục đặt biệt nhằm phần đầu đạt trình độ thực tế trong đào tạo nghề và tránh yêu cầu quá mức.

Ở đây, trong lĩnh vực đào tạo kim loại, các mô tả công việc của chuyên gia thực hành công nghệ gia công cắt gọt kim loại và thực hành chuyên môn cho ngành nghề gia công kim loại là ví dụ về việc điều chỉnh đào tạo nghề hòa nhập ở Đức.

Với việc khái quát của việc hòa nhập, việc đào tạo dành cho các học viên có nhu cầu hỗ trợ cá nhân sẽ không còn chỉ là hình thức.

Việc xác định mức độ thiếu sót trong chương trình đào tạo chính qui trong bối cảnh nghề nghiệp sẽ là điều kiện tiên quyết đối với việc đào tạo nghề chuyên môn.

Khóa đào tạo tay nghề chuyên môn là khóa đào tạo dựa trên một nghề đào tạo được công nhận trong khuôn khổ của Đạo luật đào tạo nghề. Hình thức đào tạo này nhằm mục đích tạo ra việc làm tiếp theo trên thị trường lao động sơ cấp sau khi đào tạo nghề. Chương trình khung và nội dung đào tạo được xây dựng trên cơ sở của các nghề đào tạo đã được công nhận. Tuy nhiên, kiến thức lý thuyết được truyền đạt ở mức độ thấp hơn. Điều này có nghĩa là đào tạo chuyên môn cũng có thể được mô tả là “đào tạo giảm lý thuyết”. Ở Đức, các kỳ thi cuối kỳ cũng do phòng đào tạo nghề chịu trách nhiệm tổ chức.

Qua đó, các mục tiêu được xác định rõ ràng bằng việc hoàn tất với kỳ thi nghề tương ứng. Tương tự việc học nghề sẽ trở nên vô nghĩa nếu việc không xác định mục tiêu rõ ràng này.

2.8 Làm việc nhóm liên ngành và đa chuyên môn

Làm việc nhóm liên ngành đề cập đến sự hợp tác của các chuyên gia về chủ đề từ các ngành khác nhau để cùng giải quyết vấn đề hoặc hoàn thành nhiệm vụ. Ví dụ, trong đào tạo nghề thủ công, điều này có thể liên quan đến sự hợp tác của giảng viên, chuyên gia giáo dục đặc biệt, nhà trị liệu và các chuyên gia khác để xác định nhu cầu và vấn đề cá nhân của học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt và phát triển các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Thuật ngữ "nhóm đa chuyên môn" đề cập đến sự hợp tác của các chuyên gia từ các nhóm chuyên môn khác nhau, những người mang lại các kỹ năng và quan điểm khác nhau. Trong đào tạo nghề thủ công, điều này có thể có nghĩa là, ví dụ, sự hợp tác của giảng viên, chuyên gia giáo dục đặc biệt, chuyên gia chuyên nghiệp và đào tạo trong công ty. Sự hợp tác đa ngành nghề này cho phép xem xét toàn diện các nhu cầu và vấn đề cá nhân của học viên cũng như phát triển các biện pháp hỗ trợ phù hợp và khả thi.

Trong đào tạo cho các lĩnh vực thương mại, làm việc nhóm và hợp tác liên ngành trong các nhóm đa chuyên môn có tầm quan trọng thiết yếu để có thể nhận biết và hỗ trợ đầy đủ các nhu cầu và vấn đề cá nhân của các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Thông qua sự hợp tác của các chuyên gia từ

các ngành và nhóm chuyên môn khác nhau, có thể xác định được sự hiểu biết toàn diện về các nhu cầu và vấn đề của từng cá nhân và có thể phát triển và thực hiện các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Việc làm việc nhóm liên ngành, đa chuyên môn trong đào tạo nghề thủ công có nhiều thuận lợi. Một trong số đó là cơ hội sử dụng nhiều năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của các thành viên trong nhóm để hiểu rõ hơn về nhu cầu và vấn đề cá nhân của học viên và phát triển các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Một ưu điểm khác là sự hợp tác của những người thuộc đa lĩnh vực có thể giúp nhìn thấy các học viên từ những quan điểm khác nhau và do đó đạt được sự hiểu biết toàn diện hơn về các nhu cầu và vấn đề cá nhân của họ.

Trọng tâm chính của làm việc theo nhóm liên ngành và đa chuyên môn là cơ hội sử dụng kinh nghiệm và kiến thức của từng thành viên trong nhóm để phát triển các kế hoạch hỗ trợ cá nhân và các biện pháp hỗ trợ cũng như thực hiện chúng theo cách có mục tiêu. Điều này có thể giúp các học viên hoàn thành xuất sắc khóa đào tạo của họ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng làm việc theo nhóm liên ngành và đa chuyên môn cũng có thể mang lại những thách thức, chẳng hạn như sự phối hợp của các quy trình làm việc, giao tiếp và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm hoặc sự phối hợp của các phương pháp chuyên nghiệp khác nhau. Để đạt được sự hợp tác thành công, điều quan trọng là các thành viên trong nhóm phải tích cực tham gia.

Điều này dẫn đến 6 biện pháp được biện pháp để tăng cường hợp tác và làm việc trong nhóm liên ngành:

1. **Họp nhóm định kỳ:** Các cuộc họp nhóm định kỳ cho phép các thành viên trong nhóm thảo luận về công việc và tiến độ của họ, phân tích các vấn đề và thách thức, đồng thời cùng nhau phát triển hoặc tìm giải pháp.
2. **Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao:** Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao có thể giúp các thành viên trong nhóm nâng cao kiến thức và kỹ năng liên quan đến làm việc theo nhóm liên ngành và đa chuyên môn.
3. **Thúc đẩy giao tiếp và cộng tác:** Điều quan trọng là thúc đẩy giao tiếp và cộng tác giữa các thành viên trong nhóm bằng cách cung cấp phản hồi thường xuyên và cởi mở với các đề xuất và ý tưởng của các thành viên khác trong nhóm.
4. **Xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm:** Cần xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm để tránh nhầm lẫn, hiểu lầm và tạo không khí tập thể.
5. **Mối quan hệ của học viên (và phụ huynh):** Điều quan trọng là phụ huynh và học viên tham gia vào việc phát triển và thực hiện các biện pháp hỗ trợ để hiểu đầy đủ hơn về các nhu cầu và vấn đề cá nhân của họ.
6. **Đánh giá thường xuyên:** Điều quan trọng là phải thường xuyên đánh giá công việc của nhóm để đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ được đề xuất và thực hiện, từ đó cải thiện tinh thần đồng đội nếu cần thiết.

Ghi chú: Xem thêm chương “Cấu trúc đội nhóm và làm việc theo nhóm”.

2.9 Hợp tác của nhóm trong đào tạo hằng ngày

Thời gian hợp tác ngoài khóa đào tạo/lớp học quyết định chất lượng hợp tác trong việc đào tạo/lớp học. Điều kiện khung cấu trúc phải được tạo ra cho việc này, chẳng hạn như:

- Các nhóm giảng viên nên ít như có thể (càng ít giảng viên bộ môn càng tốt cho mỗi nhóm hoặc năm giảng dạy)
- Một hiện diện thường xuyên nhất có thể của giảng viên hỗ trợ cho mỗi môn học và nhóm giảng dạy (việc lựa chọn môn học được quyết định trong nhóm giảng dạy và được thực hiện linh hoạt)
- Cố định thời gian hợp tác hàng tuần cố định trong thời gian biểu (ví dụ: cố định ngày trong tuần)
- Càng ít nhóm giảng dạy khác nhau cho mỗi giảng viên hỗ trợ càng tốt
- Tính liên tục của cá nhân trong hợp tác

Về cơ bản, vẫn cần nhấn mạnh: Yếu tố then chốt để dạy và học thành công trong các nhóm đào tạo không đồng nhất là thái độ và động lực của giảng viên dạy các lớp học hòa nhập.

2.10 Đề xuất về thành phần của các nhóm học không đồng nhất

Ngay cả khi những hướng dẫn này giải quyết các hỗ trợ ưu tiên cho khó khăn và hạn chế trong học tập trong lĩnh vực tình cảm xã hội, đây là lời khuyên sau đây về thành phần của các nhóm học tập không đồng nhất dựa trên kinh nghiệm của các nhóm đào tạo hòa nhập ở Đức và các khuyến nghị dẫn xuất:

Học viên với các hỗ trợ ưu tiên	Liệu nhiều học viên trong một nhóm giảng dạy có hợp lý không?
Các viết tắt:	Cần hỗ trợ giáo dục đặc biệt (HTGDĐB) Mục tiêu đề cập đến các lĩnh vực sau: • Phát triển Cảm xúc và Tính Xã hội (PTCXXH) • Phát triển vận động thể chất (PTVĐTC) • Nhìn(NH) • Nghe (NG) • Ngôn ngữ (NN) Mục tiêu khác nhau đề cập đến các lĩnh vực: • Học tập (HT) • Phát triển tâm thần (PTTT)
Nghe	Có ➤ Người học nghe được hưởng lợi vì họ không phải là người duy nhất bị ảnh hưởng bởi tình trạng khuyết tật. Giảng viên và trường đại học được hưởng lợi vì thiết bị kỹ thuật có thể được sử dụng cho cả học viên.
Nhìn	Có

	➤ Người học nghề được hưởng lợi vì họ không phải là người duy nhất bị ảnh hưởng bởi tình trạng khuyết tật.
	Chú ý! Các học viên cần HTGDĐB về nghe và nhìn không nên ở trong một nhóm giảng dạy cùng nhau vì họ cần sự giúp đỡ trái ngược nhau (ví dụ: về phòng cảm âm ở Sachen).
Đọc	Có ➤ Học viên được hưởng lợi vì họ không phải là người duy nhất phải xử các bài tập riêng theo mục tiêu cụ thể
Phát triển tâm thần	Có ➤ Học viên được hưởng lợi vì họ có thể làm việc cùng nhau theo từng giai đoạn cái mà không thể làm được theo nhóm giảng dạy. Giảng viên được hưởng lợi vì thời gian chuẩn bị giảm đi và số giờ được giám sát bởi giáo dục đặc biệt được tăng lên đáng kể.
	Chú ý! Việc kết hợp của HTGDĐB PTTT với học tập là không có ý nghĩa, vì tăng thêm trình độ đồng nghĩa với khối lượng công việc của giảng viên nhiều hơn và học viên không được hưởng lợi từ đó.
Kiểm khuyết trong vận động	Có, có thể (không quá hai học viên cho mỗi nhóm giảng dạy!) ➤ Học viên được hưởng lợi vì họ không phải là người duy nhất bị ảnh hưởng về mặt này. Tùy thuộc vào thiết bị hỗ trợ (ví dụ: xe lăn điện tử), điều kiện tiên quyết là phải có đủ diện tích phòng!
Phát triển tình cảm và tính xã hội	KHÔNG! Chắc chắn không cùng trong một nhóm giảng dạy! ➤ Thay vào đó, họ nên được bố trí trong các nhóm giảng dạy có hành vi xã hội ổn định nhất có thể.
	Chú ý! Có những học viên được ưu tiên hỗ trợ khác, những người cũng được bổ sung về hành vi xã hội và việc kết hợp với học viên trong phát triển tình cảm sẽ không có ý nghĩa gì. Các câu hỏi nên được thực hiện về điều này trước khi các nhóm giảng dạy được chỉ định.
Ngôn ngữ	Có ➤ Người học việc được hưởng lợi từ ban cố vấn cấp cao. Đối với giảng viên, khối lượng thời gian công việc cho ngôn ngữ phân biệt được giảm bớt. Nên có môi trường học tập yên tĩnh nhất có thể.
Thông tin chung:	Tổng cộng không quá 4 học viên được HTGDĐB vào mỗi nhóm dạy học. (Qua đó, sẽ luôn có chỗ cho những người thêm vào. Ví dụ, trong năm đầu khóa học chưa được chẩn đoán) Nếu có thể, học viên và người hỗ trợ không nên ở trong một nhóm giảng dạy: quá nhiều sẽ không thuận lợi.

3. Mô hình kỹ năng và đánh giá kỹ năng

3.1 Khái niệm ý tưởng / mô tả ý tưởng

Dạy học hòa nhập được thiết kế để giúp các nhà giáo dục (giảng viên dạy lý thuyết và thực hành, giảng viên hỗ trợ và mọi người quanh đội ngũ giảng dạy) phát triển các kỹ năng cần thiết và tạo điều kiện cho giáo dục hòa nhập.

Đồng thời, nhằm phát triển các kỹ năng hạn chế cho học viên là người khuyết tật để họ có thể hoàn thành tốt khóa đào tạo nghề của mình.

Trong quá trình đào tạo nghề, những người trẻ tuổi có được các kỹ năng thực tế với nghề nghiệp của mình. Trong quá trình đào tạo, kỹ năng được gia tăng thông qua kiểm tra trạng thái học tập hoặc mục tiêu học tập có thể hỗ trợ nhân viên đào tạo trong việc tổ chức hỗ trợ phù hợp cho từng học viên và nâng cao chất lượng tổng thể của quá trình đào tạo.

Bằng chứng đáng tin cậy về các kỹ năng có được sau khi hoàn thành khóa đào tạo cũng giúp cung cấp cho người sử dụng lao động và các bên quan tâm khác (Khả năng học hiểu của hệ thống đào tạo) bằng chứng đáng tin cậy về kiến thức, kỹ năng và khả năng mà thanh niên mang lại khi tham gia vào công việc hằng ngày.

Bên cạnh đó, các phương pháp xác định kỹ năng cũng đặc biệt quan trọng đối với những người chưa có được các Kỹ năng bán phần/đào tạo hoặc kỹ năng theo chủ đề cụ thể cho một công việc trong quá trình đào tạo chính thức, nhưng không theo cách chính thức hoặc không chính thức. Ở đây, các bài kiểm tra tạo cơ hội để xác định kiến thức thu được hoặc các kỹ năng và năng lực hiện có để sau đó chỉ ra các cách nâng cao trình độ trong bước đường sự nghiệp

Một điều không kém phần quan trọng là việc chứng minh kỹ năng trong việc so sánh quốc gia và quốc tế về trình độ chuyên môn và tín dụng xuyên quốc gia và công nhận trình độ chuyên môn.

Là một cách tiếp cận để phân tích và đánh giá Kỹ năng, cần thống nhất về một mô hình năng lực phù hợp từ nhiều mô hình và định nghĩa năng lực. Thuật ngữ "kỹ năng" và việc sử dụng nó vẫn còn gây tranh cãi ngày nay. Khi xem xét các mô hình Kỹ năng cho các thuật ngữ riêng lẻ, có những điểm chồng chéo mà không có sự tách biệt rõ ràng giữa các định nghĩa.

Vì vậy, ở đây chúng ta sẽ hướng đến định nghĩa của OECD, định nghĩa này mô tả thuật ngữ kỹ năng như sau:

- Gnahs, D. (2010) Kỹ năng – Sự thu nhận, Ghi chép, Công cụ tr.21

“Kỹ năng là khả năng giải quyết thành công các yêu cầu phức tạp trong các tình huống cụ thể. Hành động có kỹ năng liên quan đến việc sử dụng kiến thức, năng lực nhận thức và áp dụng cũng như các thành phần xã hội và hành vi (thái độ, cảm xúc, giá trị và động cơ). Chẳng hạn, một kỹ năng không thể bị thu gọn vào khía cạnh nhận thức của nó, nó chứa đựng nhiều hơn thế.”

3.2 Mô hình kỹ năng của các kỹ năng chính

Việc xác định, ghi chép, phân tích và đánh giá các kỹ năng trong đào tạo và thực tập tại công ty đang và sẽ liên quan ở trong hệ thống đào tạo nghề hòa nhập ở mức độ lớn đến các tiêu chuẩn nghề nghiệp và đào tạo cũng như lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Đó là một phần quan trọng trong việc hỗ trợ và tư vấn cho học viên và là điểm khởi đầu để giảng viên hành động và thay đổi theo hướng có mục tiêu. Tuy nhiên, việc thu thập và đánh giá trình độ và kỹ năng không có gì mới trong dạy nghề và đào tạo nâng cao. Mọi đánh giá hiệu suất, mọi kiểm tra mục tiêu học tập, mọi bài kiểm tra và mọi cuộc nói chuyện đánh giá với học viên đều là sự đánh giá

Để có thể ghi lại và đánh giá các kỹ năng, các hệ thống và quy trình quốc tế và quốc gia được phát triển để đánh giá các kỹ năng đã được phát triển.

Đối với các học viên, việc phân tích và đo lường kỹ năng phải dẫn đến đánh giá cá nhân và phát triển và được liên kết với các biện pháp hỗ trợ hoặc kế hoạch hỗ trợ phù hợp. Việc chứng minh kỹ năng chuyên môn toàn diện được phát triển trong quá trình đào tạo ngày càng trở nên quan trọng đối với công ty đào tạo cũng như đối với người được đào tạo và do đó cần có các tiêu chuẩn đánh giá kỹ năng và kết quả làm việc. Mô hình kỹ năng sau phù hợp để áp dụng một cách có hệ thống các đánh giá hiệu suất của các kỹ năng chính và ghi lại tiến trình trong quá trình học tập.

Kỹ năng bản thân

- Sự độc lập
- Sự tự nhận thức
- Sự Linh hoạt
- Sự sáng tạo (và đổi mới)
- Kiểm soát căng thẳng

Kỹ năng trong phương pháp

- Kỹ năng học tập và làm việc
- Tổ chức công việc
- Kỹ năng trình bày và quản lý hiệu suất

Kỹ năng xã hội

- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng cảm xúc
- Kỹ năng trong quan hệ
- Kỹ năng trong xung đột
- Tinh thần đồng đội (Khả năng hợp tác)

Kỹ năng chuyên môn

- Kiến thức
- Việc sản xuất
- Hiệu suất công việc (số lượng công việc)
- Chất lượng công việc

Hình 2 – Mô hình kỹ năng (năng lực chính)

3.2.1 Sự độc lập

- Phát triển động lực bản thân – có khả năng thúc đẩy bản thân
- Thể hiện suy nghĩ và hành động độc lập
- Có thể tự quyết định
- Có khả năng phát triển và thể hiện quan điểm của bản thân
- Chịu trách nhiệm cho hành động của mình
- Đánh giá hậu quả của những suy nghĩ và hành động của bản thân
- Có khả năng khẳng định bản thân
- Sử dụng tài nguyên của bản thân một cách có ý thức
- Nhận ra giới hạn của bản thân

3.2.2 Sự tự nhận thức

- Có khả năng suy ngẫm và bày tỏ những trải nghiệm nội tâm
- Có khả năng nhận thức và phân loại cảm xúc của bản thân
- Biết bày tỏ cảm xúc
- Có thể đối mặt với cảm xúc của bản thân và giải quyết chúng một cách có ý thức
- Có khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân
- Phát triển (và có) nhận thức về ảnh hưởng của hành vi của bản thân
- Nhận thức được biểu hiện của người khác (điệu bộ, nét mặt, cử chỉ, giọng nói, ngôn ngữ)

3.2.3 Sự linh hoạt

- Sẵn sàng phát triển nâng cao các lĩnh vực suy nghĩ, hành vi và hành động
- Khả năng thích ứng với hoàn cảnh mới
- Có thể thay đổi suy nghĩ
- Cởi mở với những ý tưởng mới lạ
- Có thể hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau trong cùng một khoảng thời gian
- Có thể thay đổi vai trò
- Có thể chuyển từ nhiệm vụ này sang nhiệm vụ khác
- Có thể nghỉ ngơi và buông bỏ

3.2.4 Sự sáng tạo

- Quan tâm và cởi mở với những điều mới và chưa biết
- Nhìn thấy và thử những khả năng mới
- Có thể kết hợp cái có sẵn với cái mới
- Có can đảm để giải quyết những điều không quen thuộc
- Có thể ứng biến, sử dụng và định hình các tình huống không quen thuộc
- Sử dụng trí tưởng tượng và trí tưởng tượng của bạn
- Thực hiện các nỗ lực ít nhưng có ảnh hưởng nhiều

3.2.5 Kiểm soát căng thẳng

- Làm việc có ý thức với năng lực và nguồn lực của bản thân
- Có khả năng đánh giá đúng khả năng của bản thân
- Có thể đưa ra quyết định và hành động trong các tình huống phức tạp và có vấn đề
- Có thể đưa ra quyết định và hành động trong các giai đoạn nhu cầu gia tăng
- Biết và có thể nhận ra giới hạn của bản thân
- Tiếp nhận sự giúp đỡ từ những người khác
- Chấp nhận khoảng cách với bản thân và hoàn cảnh

- Khả năng nhận biết và đặt ưu tiên
- Có chiến lược tái tạo

3.2.6 Kỹ năng giao tiếp

- Thể hiện rõ ràng dễ hiểu
- Nỗ lực để hiểu người khác, để có thể lắng nghe
- Thường xuyên thông báo cho người khác và thu thập thông tin
- Chấp nhận những ý kiến khác biệt và không phán xét sớm
- Báo cáo và bày tỏ mối quan tâm và nhu cầu trực tiếp
- Khả năng tìm kiếm và hình thành quan điểm của bản thân
- Chú ý đến các tín hiệu cơ thể một cách có ý thức
- Chân thực
- Sự nhất quán trong cách diễn đạt bằng lời nói và ngôn ngữ cơ thể
- Có thể đánh giá tác động của thông điệp bản thân
- Có thể khơi nguồn cảm xúc đúng lúc

3.2.7 Kỹ năng cảm xúc

- Có khả năng nhận thức và phân loại cảm xúc của người khác
- Có khả năng ứng phó với cảm xúc của người khác
- Khả năng đồng cảm với người khác
- Có thể tham gia và tạo sự khác biệt cho bản thân
- Quan tâm và thể hiện sự quan tâm đến động cơ thúc đẩy của những người khác trong nhóm
- Có thể hiểu được động cơ thu đẩy và nhu cầu của người khác
- Có thể điều chỉnh và duy trì sự gần gũi và khoảng cách giữa các cá nhân
- Hòa đồng
- Có thể tạo ra sự cộng hưởng cảm xúc

3.2.8 Khả năng trong mối quan hệ

- Cởi mở và sẵn sàng dẫn thân vào một mối quan hệ
- Sẵn sàng chủ động định hình mối quan hệ
- Có thể áp dụng thái độ đánh giá cao nhưng không phán xét đối với người khác
- Tính chân thật và tính xác thực trong cách cư xử với người khác
- Có ý thức đương đầu với những hạn chế của chính mình và của người khác (linh hoạt và chấp nhận)
- Tôn trọng quyền riêng tư của người khác
- Phản ứng các dạng hỗ trợ đến -và từ- những người khác
- Thái độ hỗ trợ và khả năng chịu đựng khi đối mặt với các tình huống khủng hoảng

3.2.9 Khả năng trong xung đột

- Xác định những căng thẳng và giải quyết chúng như một vấn đề ưu tiên
- Phân biệt giữa mức độ thực tế và mức độ quan hệ
- Phản ứng thích hợp với những lời chỉ trích
- Có thể nắm bắt quan điểm của người khác
- Lắng nghe và tiếp thu ý kiến khác
- Nói ra ý kiến của bản thân
- Có thể nói „không“
- Khả năng chịu căng thẳng
- Khả năng đưa ra và nhận phản hồi mang tính xây dựng và phê bình

- Có chiến lược giải quyết vấn đề và xung đột mang tính xây dựng
- Trong trường hợp nguy hiểm, có thể đón nhận hoặc kêu gọi trợ giúp

3.2.10 Tinh thần đồng đội

- Duy trì sự tương tác khoan dung và linh hoạt
- Có khả năng và sẵn sàng cùng người khác tìm ra giải pháp
- Sẵn sàng đảm nhận các vai trò khác nhau trong nhóm
- Hành động thích hợp và phù hợp với hoàn cảnh
- Chịu trách nhiệm về nhóm và mục tiêu của họ
- Có thể trình bày quan điểm của riêng bạn và phản hồi các quan điểm khác
- Cởi mở với các giải pháp đồng thuận và thỏa hiệp
- Chấp nhận các quyết định đưa ra
- Cam kết thực hiện các thỏa thuận đã ký
- Cung cấp kiến thức và kỹ năng của bạn cho người khác
- Khả năng thừa nhận điểm yếu hoặc sai lầm
- Chia sẻ trách nhiệm về kết quả làm việc của nhóm

3.2.11 Kỹ thuật học tập và làm việc

- Làm việc hiệu quả
- Lấy thông tin cần thiết một cách độc lập
- Lọc thông tin theo mức độ quan trọng
- Có khả năng tập trung
- Thể hiện sự kiên trì – không bỏ cuộc dù khó khăn
- Tích hợp nội dung và khái niệm mới cho bản thân
- Liên tục học tập
- Có khả năng phân bổ nguồn lực của bản thân như năng lượng và thời gian
- Tạo và duy trì trật tự theo yêu cầu

3.2.12 Tổ chức công việc

- Nhận ra bản chất của một sự vật hoặc tình huống
- Lập và kiểm soát kế hoạch làm việc
- Sắp đặt và liên tục điều chỉnh các ưu tiên
- Biết và sử dụng điểm mạnh và năng lực của các thành viên trong nhóm
- Giao việc hợp lý
- Dự đoán và đánh giá hậu quả
- Sắp xếp nơi làm việc một cách tối ưu
- Sử dụng các công cụ phù hợp

3.2.13 Kỹ năng trình bày

- Tiếp xúc với cộng đồng như trong cuộc sống, thu hút họ
- Sử dụng nét mặt và cử chỉ phù hợp
- Tuân thủ các quy tắc tu từ
- Có thể tự do phát biểu trước nhóm
- Soạn thảo và truyền tải nội dung sao cho phù hợp với đối tượng
- Làm rõ nội dung phức tạp
- Mô tả bằng hình ảnh
- Tóm tắt nội dung đến mức cần thiết

- Có khả năng truyền tải tốt các kết quả và sự thành công
- Biết tác động của nhân cách bản thân và sử dụng nó một cách có ý thức

3.2.14 Kỹ năng sư phạm của giảng viên

Các đặc điểm cơ bản của kỹ năng sư phạm của các giảng viên đối với giáo dục và hỗ trợ cho các nhu cầu giáo dục đặt biệt là gì và làm thế nào để tóm tắt những đặc điểm này?

Năng lực sư phạm của giảng viên trong giáo dục và hỗ trợ nhu cầu giáo dục đặt biệt về cơ bản bao gồm 6 điểm sau:

1. Kỹ năng chẩn đoán: Giảng viên cần có khả năng nhận biết và chẩn đoán các nhu cầu giáo dục đặt biệt của học viên để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.
2. Khả năng điều chỉnh tài liệu và phương pháp học tập: Giảng viên cần có khả năng điều chỉnh tài liệu và phương pháp học tập cho phù hợp với nhu cầu của học viên có nhu cầu giáo dục đặt biệt để giúp họ tham gia thành công vào quá trình học tập và đào tạo.
3. Kỹ năng giao tiếp và tương tác: Giảng viên phải có khả năng giao tiếp và tương tác với các học viên và các bên liên quan khác (ví dụ: phụ huynh và các chuyên gia giáo dục đặt biệt) để tạo ra một môi trường học tập hợp tác và hòa nhập như mong muốn.
4. Kiến thức về lý thuyết và phương pháp cho nhu cầu giáo dục đặt biệt và kỹ năng áp dụng: Giảng viên cần có kiến thức về lý thuyết và phương pháp nhu cầu giáo dục đặt biệt để có thể phát triển và thực hiện các biện pháp hỗ trợ cá nhân phù hợp.
5. Khả năng phản ánh: giảng viên phải có khả năng phản ánh về thực tiễn của mình và tiếp tục học hỏi để nâng cao kỹ năng hỗ trợ người học có nhu cầu giáo dục đặt biệt.
6. Đồng cảm và kiên nhẫn: Huấn luyện viên phải thể hiện sự đồng cảm và kiên nhẫn đối với những học viên có nhu cầu giáo dục đặt biệt và duy trì sự bình tĩnh và điềm tĩnh trong những tình huống khó khăn.

3.2.15 Đào tạo theo định hướng năng lực và cá nhân

Năng lực biểu đạt là trung tâm của đào tạo theo định hướng năng lực. Nói chung, các năng lực chỉ có thể đạt được nếu người được đào tạo chủ động tiếp thu và phát triển chúng. Việc truyền đạt kiến thức trực tiếp từ người dạy đến người học chỉ có thể thực hiện được ở một mức độ hạn chế. Như đã nêu ở đây, người ta có thể mô tả các năng lực được hình thành trên toàn cầu với khả năng, kỹ năng và kiến thức.

Vì, bên cạnh những kiến thức và khả năng để sẵn sàng áp dụng, còn có sự sẵn sàng áp dụng với những gì đã học, do đó động lực thúc đẩy cũng đóng vai trò then chốt trong việc đánh giá năng lực.

Đào tạo nghề theo định hướng năng lực và cá nhân hóa là hình thức đào tạo nhằm phát triển các kỹ năng và khả năng cần thiết cho một công việc cụ thể, đồng thời có tính đến nhu cầu, sở thích và phong cách học tập của cá nhân.

Trong khuôn khổ đào tạo nghề định hướng năng lực và cá nhân hóa, trọng tâm là đạt được các năng lực cần thiết cho công việc thay vì chỉ truyền đạt các luận điểm và lý thuyết. Việc đào tạo dựa trên các hoạt động cụ thể và quy trình làm việc phải được thực hiện trong nghề nghiệp có liên quan. Các học viên có được cả kỹ năng chuyên môn và xã hội.

Việc đào tạo cá nhân có tính đến nhu cầu và phong cách học tập của các học viên. Mỗi học viên nhận được một hồ sơ đào tạo cá nhân phù hợp với khả năng, sở thích và nhu cầu của họ. Điều này có nghĩa là các học viên học theo tốc độ của riêng họ và tiến độ học tập của họ được giám sát riêng. Điều này tạo ra một môi trường học tập tối ưu, có tính đến điểm mạnh và điểm yếu của từng học viên.

Mục đích của đào tạo nghề theo định hướng năng lực và cá nhân hóa là cung cấp cho các học viên một khóa đào tạo thực tế và cá nhân để họ chuẩn bị tối ưu cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. Khóa đào tạo được thiết kế phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và nhằm đảm bảo rằng các học viên có thể hoàn thành tốt các kỹ năng và năng lực của họ trong thực hành nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa đào tạo.

Trong các giai đoạn học tập, luôn luôn chuyển từ dạy sang học bằng cách thực hiện các giai đoạn trong giải quyết vấn đề và phản ánh độc lập của phía học viên.

Để soạn giáo án và thực hiện hoặc phân công công việc thực hành như một nhiệm vụ/mục tiêu học tập, giảng viên có thể tham khảo bảng trắc nghiệm dưới đây để so sánh trước xem khóa đào tạo định hướng năng lực và cá nhân hóa ở mức độ nào.

3.3 Hướng dẫn định hướng cho giảng viên

Số thứ tự.	Câu hỏi	?
1	Các học viên có được luyện tập các kỹ năng trong một dự án luyện tập chung không?	
2	Các bài tập của dự án luyện tập hoặc phân công công việc của họ có được xây dựng theo định hướng năng lực không?	
3	Việc lập kế hoạch và thực hiện cho các buổi học có dựa trên giáo trình môn học hiện tại không?	
4	Việc lập kế hoạch và thực hiện cho các buổi học có kết hợp các hoạt động và phương pháp phù hợp liên quan đến chủ đề không?	
5	Quá trình học tập trong dự án có mang lại kết quả hay không?	
6	Kết quả bài tập có thể đạt được bằng các lộ trình học tập khác nhau không?	
7	Kết quả hoạt động hoặc kết quả bài tập có thể đạt được ở các cấp độ khác nhau không?	
8	Các học viên có thể làm việc theo tốc độ học tập theo từng cá nhân không?	
9	Việc đạt được ít nhất một kỹ năng trong phương pháp đã được tính đến chưa?	
10	Tình trạng năng lực cá nhân hoặc tình trạng hiệu suất cá nhân được xác định khi bắt đầu bài tập?	
11	Thành tích học tập cá nhân có được ghi lại vào cuối giai đoạn học tập không?	
12	Hỗ trợ các nhân qua việc giúp đỡ, cung cấp tài liệu hoặc thiết bị làm việc có được xem xét và khả thi không?	
13	Lộ trình học tập và kết quả học tập có được ghi lại theo cách dễ hiểu cho học viên không?	
14	Lộ trình học tập và kết quả học tập có được phản ánh hoặc báo cáo lại không?	
15	Việc lập kế hoạch và thực hiện có tính đến nội dung bổ sung cho việc học viên tự theo dõi tiến độ học tập không?	
16	Các lựa chọn để đánh giá hiệu suất cá nhân có được tính đến khi lập kế hoạch và thực hiện bài học không?	
17	Các bài tập có bao gồm các khía cạnh của học tập hợp tác không?	
18	Chủ đề và bài tập có hỗ trợ động lực học tập không?	
19	Việc soạn giáo án và thực hiện có liên quan đến các lĩnh vực phát triển không? Các câu hỏi chẩn đoán thích hợp và các biện pháp hỗ trợ có được áp dụng không?	
20	Chủ đề hoặc dự án có được kết hợp với các môn học hoặc dự án khác không?	

4. Chẩn đoán

Khi bắt đầu đào tạo trong môi trường giáo dục hòa nhập, sẽ có sự chẩn đoán, với trọng tâm của hoạt động/đào tạo nghề là chẩn đoán sư phạm. Một điều kiện tiên quyết quan trọng là xem xét từng học viên để tìm ra tiềm năng cải thiện và điểm mạnh của từng học viên và kết hợp chúng một cách bình đẳng vào các quá trình học tập chuyên nghiệp và xã hội cũng như hỗ trợ cá nhân.

Ngoài các yêu cầu cá nhân như lý lịch, khả năng nhận thức, sở thích và động lực, các yếu tố ảnh hưởng như hoàn cảnh gia đình hay ảnh hưởng của bạn bè đồng trang lứa cũng rất quan trọng.

Mục tiêu được tuyên bố của các quy trình chẩn đoán trong khuôn khổ sư phạm là đánh giá các điều kiện bắt đầu, yêu cầu học tập và tình trạng học tập của học viên, đồng thời xác định, lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp hỗ trợ phù hợp để có thể thực hiện được việc học tập cá nhân hóa. Thực tập sinh nên được "chọn" vào đâu.

4.1 Chẩn đoán nhu cầu hỗ trợ trong việc học tập

Mục đích của chẩn đoán để xác định nhu cầu giáo dục đặc biệt tập trung vào việc học tập là cung cấp trợ giúp cá nhân trong quá trình đào tạo. Kiến thức mong muốn có thể đạt được theo nhiều cách khác nhau, có thể được chia thành ba lĩnh vực:

- Chẩn đoán đầu vào
- Chẩn đoán sư phạm
- Chẩn đoán giáo dục đặc biệt

4.1.1 Chẩn đoán đầu vào

Chẩn đoán đầu vào bao gồm tất cả các bài kiểm tra không chính thức và tiêu chuẩn được thực hiện khi bắt đầu đào tạo nghề và ghi lại tình trạng phát triển hiện tại của các khả năng và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực đọc, viết và số học.

Mục đích của chẩn đoán đầu vào là liên kết và sắp xếp đề xuất học tập cho học viên với mức hiệu suất hiện tại của họ.

Các bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa là các thủ tục được thực hiện, đánh giá và đánh giá theo một chương trình xác định. Các bài kiểm tra đầu vào và các câu hỏi trong đó có thể cho phép quan sát mục tiêu và thu thập thông tin và cung cấp một bức tranh so sánh về các học viên trong một nhóm.

Nói chung, các bài kiểm tra sau đây đã được chứng minh là có thể thực hiện được trong quá trình chuyển đổi từ trường học sang đào tạo để ghi lại các yêu cầu đầu vào cơ bản cho đào tạo nghề:

Kiểm tra năng lực - toán học
• Kiểm tra kiến thức toán học cơ bản
• Kiểm tra nhóm
• Thời lượng khoảng 1 Giờ
• Đánh giá cụ thể công việc
• Đánh giá mỗi học viên khoảng 5 phút
• Các công cụ hỗ trợ đánh giá như mẫu bài đáp án trắc nghiệm, bảng tính Excel...
Kiểm tra năng lực - kiểm tra tốc độ đọc và hiểu
• Xác định khả năng đọc hiểu và tốc độ đọc
• Kiểm tra nhóm
• Thời lượng từ 4-5 Phút
• Đánh giá mỗi học viên khoảng 5 phút
Kiểm tra năng lực - Kiểm tra ngôn ngữ chung
• Kiểm tra khả năng đọc hiểu, từ vựng, ngữ pháp và các lĩnh vực khác của ngôn ngữ
• Kiểm tra nhóm
• Thời lượng khoảng 1,5 Giờ
• Đánh giá mỗi học viên khoảng 5-7 phút

4.1.2 Chẩn đoán sự phạm

Nhìn chung, các phương pháp chẩn đoán được sử dụng để mô tả sự khác biệt nhằm đưa ra các quyết định về định tính và định lượng. Trong lĩnh vực giáo dục, chẩn đoán liên quan đến các phương pháp được áp dụng cho các nhiệm vụ và hoạt động liên quan đến giáo dục, chăm sóc, hỗ trợ và giảng dạy. Nhiệm vụ quan trọng nhất của chẩn đoán giáo dục là giúp giảng viên đưa ra quyết định chính xác và phù hợp bất cứ lúc nào và lên kế hoạch cho các phương pháp của mình.

Ingenkamp và Lissmann định nghĩa khái niệm chẩn đoán sự phạm bằng các phương pháp dựa trên các hoạt động :

- Ingenkamp/Lissmann 2008, Trang 13

„Chẩn đoán sư phạm bao gồm tất cả các hoạt động chẩn đoán, thông qua đó các điều kiện và tiền đề của quá trình học và giảng dạy được xác định cho từng học viên riêng lẻ và cho nhóm học viên, các quá trình học được phân tích và kết quả học tập được xác định để tối ưu hóa quá trình học tập cá nhân. Ngoài ra, chẩn đoán sư phạm cũng bao gồm các hoạt động chẩn đoán, cho phép phân loại học viên vào các nhóm học tập hoặc chương trình hỗ trợ cá nhân, cũng như các nhiệm vụ được gắn liền với xã hội trong việc điều chỉnh nguồn nhân lực giáo dục hoặc cấp chứng chỉ. Thực hiện chẩn đoán sư phạm là nhiệm vụ của tất cả các giảng viên trong việc thiết lập môi trường hòa nhập. Thiết lập môi trường hòa nhập là gì? Với việc thiết lập môi trường hòa nhập, các lớp giảng dạy được định nghĩa trong các tổ chức giáo dục trong đó tất cả những người trẻ tuổi được giảng dạy và hỗ trợ cùng nhau. Đây luôn là những nhóm học tập không đồng nhất.

Các đặc điểm chính của chẩn đoán sư phạm là:

- Luôn được thực hiện dựa trên nhu cầu cụ thể, dựa trên quan sát hay đề xuất về nhu cầu hỗ trợ của người học, giúp phát hiện và giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập.
- Sử dụng các phương pháp kiểm tra để đánh giá năng lực và kỹ năng của người học, từ đó giúp định hướng cho quá trình học tập.
- Cung cấp thông tin về hành vi học tập và trình độ học vấn của người học, giúp giảng viên hiểu rõ hơn về năng lực và khả năng của học viên để thiết kế các kế hoạch giảng dạy phù hợp.
- Có vai trò không thể thiếu trong việc hỗ trợ cá nhân hóa cho người học, giúp đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp để giúp học viên phát triển tốt nhất có thể.

4.1.3 Thu thập dữ liệu đầu vào

Dữ liệu đầu vào cung cấp thông tin về nơi học và quá trình học tập của học viên. Chúng có thể được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, chẳng hạn như:

- Bảng câu hỏi và sơ yếu lý lịch
- Thông tin chi tiết về người giám hộ hợp pháp và bản thân học viên
- Chứng chỉ và bằng chứng nhận
- Đơn nhập học

4.1.4 Việc quan sát lớp học

Tất cả các giảng viên đều quan sát hàng ngày, tất nhiên điều này sẽ diễn ra cùng lúc với những gì đang diễn ra trong lớp. Có sự khác biệt giữa các quan sát không có mục tiêu và có mục tiêu. Các quan sát không có mục tiêu thường chỉ đánh giá những thứ được coi là đáng lo ngại. Hình thức quan sát này còn được gọi là quan sát mở phi cấu trúc, có thể được đánh giá và ghi chú một cách không chính thức.

Nếu những bất thường lặp đi lặp lại, giảng viên sử dụng các phương tiện quan sát có cấu trúc chặt chẽ. Điều này đòi hỏi giảng viên bám sát một vấn đề cụ thể, chẳng hạn như hành vi học tập và làm việc hoặc phát biểu thoải mái khi trình bày bài tập. Với mục đích này, Giảng viên nên ghi chép lại hành vi quan sát được vào nhập dữ liệu này vào một phiếu quan sát

Để có một kế hoạch hỗ trợ quan sát có mục tiêu rõ ràng hơn, giảng viên có thể phân loại các hình thức quan sát khác nhau và sử dụng chúng trong quá trình quan sát. (nguồn dựa trên: **Học tập trong trọng tâm của định hướng năng lực**, Stuttgart 2009):

- Cơ hội quan sát
- Quan sát có mục tiêu (trong các tình huống diễn ra)
- Quan sát thường xuyên và lâu dài
- Quan sát ngắn hạn có hệ thống
- Quan sát trong các tình huống chuẩn hóa

Những quan sát này có thể được lập kế hoạch và thực hiện trong quá trình làm việc cá nhân, theo cặp và theo nhóm. giảng viên bằng cách không can thiệp vào quá trình làm việc này, giảng viên sẽ có không gian và khoảng cách cần thiết để tiếp cận tình huống quan sát.

Các phiếu quan sát được sử dụng để đánh giá ở Việt Nam phải được xây dựng và phê duyệt bởi cơ quan nhà trường/tổ chức giáo dục có thẩm quyền

4.1.5 Tháo luận chẩn đoán

Nhìn chung, đó là việc thu thập dữ liệu cá nhân để ghi lại sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của học viên, để đánh giá tình trạng học tập và tìm hiểu những khó khăn trong học tập. Các nguyên tắc sau đây cho cuộc thảo luận chẩn đoán nên được giảng viên tuân thủ:

- Tạo một tình huống trò chuyện thoải mái riêng tư
- Tránh sự lo lắng hoặc các tình huống thi cử
- Thiết lập tính minh bạch bằng cách giải thích mục đích
- Thể hiện sự kiên nhẫn, không làm gián đoạn quá trình suy nghĩ (tránh những câu hỏi giữa chừng)
- Giữ tỷ lệ nói của bạn ở mức tối thiểu
- Đừng đánh giá sai lầm sai hay đúng (và cứ để nguyên như vậy)
- Dành thời gian để suy nghĩ
- Hãy nghỉ giải lao khi mọi việc dường như tình huống có vẻ trở nên quá căng thẳng
- Cung cấp các phương tiện trực quan phù hợp
- Đặt câu hỏi về tất cả các sự kiện (bao gồm cả những câu hỏi đúng) để tránh những câu trả lời không chắc chắn và không trung thực (vì sợ nói sai).
- Nếu cần: Tạo xung đột nhận thức bằng cách đặt câu hỏi thách thức
- Sử dụng câu hỏi mở thay vì câu hỏi đóng

Điểm khác biệt chính giữa câu hỏi đóng và câu hỏi mở là câu hỏi mở không có sẵn câu trả lời có thể trả lời bằng có hoặc không. Ví dụ về các câu hỏi mở có thể là:

- Bạn thích điều gì nhất về khóa đào tạo cho đến nay?
- Làm sao bạn biết được điều đó?
- Bạn tìm ra bằng cách nào
- Điều gì khiến bạn nghĩ ra điều này
- Bạn muốn thảo luận những điểm nào
- Cho tôi một ví dụ.
- Bạn đã biết gì về điều này/điều đó?

- Bạn đã có thể giải quyết những nhiệm vụ nào
- Thách thức lớn nhất của bạn cho đến nay là gì?

Cuộc thảo luận không chỉ dẫn đến một giải pháp hỗ trợ phù hợp mà còn xây dựng mối quan hệ giữa giảng viên và học viên.

4.2 Bảng câu hỏi

Giáo dục hòa nhập tại các trường dạy nghề đòi hỏi phải phân tích rõ ràng nhu cầu học tập của học viên để đảm bảo họ được hỗ trợ đầy đủ. Bảng câu hỏi chuẩn hóa có thể giúp đo lường và phân tích các điều kiện tiên quyết và hành vi cơ bản trong quá trình học tập.

Sau đây, bạn sẽ tìm thấy ba bảng câu hỏi chuẩn hóa từ Đức có thể được sử dụng cho mục đích này:

1. SELLMO (Self-Assessment Form on Learning and Achievement Motivation): SELLMO là một bảng câu hỏi đo lường động lực học tập và thành quả của người học. Nó bao gồm 36 mục được chia thành sáu thang đo: hứng thú học tập, hứng thú với việc giảng dạy, động lực, kiên trì, tự tin và lo lắng trong thi cử. Cả học viên và giảng viên đều có thể điền vào bảng câu hỏi.
2. SESSKO (phiếu tự đánh giá ghi lại kỹ năng tự chủ): SESSKO là bảng câu hỏi đo lường kỹ năng tự chủ của người học và qua đó đo lường hình ảnh của học viên, năng lực và thành quả của chính họ trong học nghề. Nó bao gồm 45 mục được chia thành chín thang đo: quản lý thời gian, lập kế hoạch làm việc, phản tư, tự đánh giá, động lực, tập trung, kiên trì, linh hoạt và kỹ năng giải quyết vấn đề. Mẫu đánh giá cũng giúp xác định nguyên nhân của hiệu quả học tập kém. Cả học viên và giảng viên đều có thể điền vào bảng câu hỏi.
3. LAVI và KLT-R (Xử lý chú ý dựa trên hiệu suất học tập ở trẻ em và thanh thiếu niên): LAVI và KLT-R là một bảng câu hỏi đo lường quá trình xử lý chú ý liên quan đến hiệu suất học tập ở thanh thiếu niên. Nó bao gồm 32 mục được chia thành bốn thang đo: Chú ý, Phân tán chú ý, Kiểm soát chú ý và Ước chế phản ứng. Nó ghi lại sự tồn tại và ứng dụng của các kỹ thuật học tập của người học và cung cấp thông tin về thái độ đối với việc học và về việc quản lý căng thẳng có thể phát sinh. Chỉ giảng viên mới có thể điền vào bảng câu hỏi.

Ở Đức, những bảng câu hỏi này có thể được mua trực tuyến trên nhiều trang web khác nhau.

Nhiệm vụ: Nghiên cứu xem bảng câu hỏi nào trong số các câu hỏi được liệt kê cũng có thể tồn tại theo cách tương tự ở Việt Nam! Đặt tên cho chúng và mô tả chúng theo nội dung, như được giải thích trên trang này bằng các ví dụ!

4.2.1 Mẫu câu hỏi tự đánh giá và đánh giá từ người khác

Những học viên trẻ có thể tự đánh giá bản thân, hoặc được đánh giá bởi giảng viên của họ và đánh giá lẫn nhau nhằm mang lại những hiểu biết có giá trị. Điều này liên quan đến tất cả lĩnh vực, bao gồm hành vi xã hội, học tập và công việc. Từ những đánh giá đã thực hiện, có thể nhận thấy sự thống nhất giữa việc tự đánh giá và đánh giá từ người khác là rất thấp do các quan điểm đánh giá khác nhau.

Việc tự đánh giá và đánh giá từ người khác có thể diễn ra ở các mức độ khác nhau (dễ, trung bình và khó khăn), theo đó đánh giá bên ngoài được đánh giá khách quan hơn vì theo quan điểm là đánh giá người khác một cách khách quan dễ hơn đánh giá chính mình. .

Tuy nhiên, cũng có rủi ro với các đánh giá từ người khác là chúng có thể chủ quan hoặc khách quan như tự đánh giá. Thường tùy thuộc vào mối quan hệ với người được đánh giá (học viên), cũng có những nguy cơ sai sót trong quá trình đánh giá, chẳng hạn như ác cảm/thông cảm, định kiến và đánh giá đơn giản hóa, khái quát hóa hoặc khuôn mẫu.

4.2.2 Chẩn đoán nhu cầu giáo dục đặc biệt

Mục tiêu và mối quan tâm quan trọng nhất của chẩn đoán giáo dục đặc biệt là phân tích chi tiết các nhu cầu hỗ trợ nhằm tạo cơ hội cho tất cả học viên nhận ra tiềm năng của mình, khai thác và phát triển hơn nữa. Ở Đức, GDĐBĐĐ xác định nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt và xác định trọng tâm hoặc ưu tiên hỗ trợ trong các thủ tục đánh giá giáo dục đặc biệt được chuẩn hóa, bởi vì có một mức độ trách nhiệm cao trong các quyết định để đào tạo thành công thể hệ trẻ. Tất cả các quyết định được đưa ra đều có tác động trực tiếp đến con đường học vấn của học viên và do đó phải luôn được đo lường và cân nhắc một cách có trách nhiệm.

Đồng thời, quy trình đánh giá nhằm định hướng và hỗ trợ giảng viên trong việc đảm bảo hỗ trợ giáo dục đặc biệt phù hợp cho học viên. Loại hỗ trợ này sẽ cho phép các học viên đạt được trình độ chuyên môn tốt nhất có thể với mỗi cá nhân.

Tư vấn giáo dục đặc biệt xuất phát từ quá trình này về cơ bản có các mục tiêu sau cho học viên:

- Tối ưu hóa điều kiện học tập và đào tạo
- Thu thập và đảm bảo hỗ trợ cần thiết càng sớm càng tốt
- Tạo cơ hội khai thác và mở rộng các nguồn lực hiện có
- Giúp đỡ để bù đắp cho những hạn chế/khiếm khuyết

Nếu cần kiểm tra trí thông minh để xác định nhu cầu giáo dục đặc biệt, thì việc này phải được thực hiện bởi một chuyên gia có chuyên môn (nhà giáo dục đặc biệt, nhà tâm lý học đường). Trường hợp học viên ở tuổi vị thành niên thì phải được sự đồng ý của phụ huynh, trường hợp đã qua tuổi vị thành niên thì phải được sự đồng ý của người liên quan.

Chẩn đoán bằng phương pháp kiểm tra trí thông minh được chỉ định cho các dấu hiệu sau:

- Làm rõ các dạng năng khiếu và năng lực cơ bản
- Chuẩn bị một báo cáo giáo dục đặc biệt cho một lộ trình giáo dục riêng, chẳng hạn như tại một trường dạy nghề với các hỗ trợ giáo dục đặc biệt
- Xem xét lại việc lựa chọn nghề đào tạo để hạn chế đòi hỏi quá sức – trong một số trường hợp nhất định, học viên trẻ tuổi có thể lựa chọn được đào tạo để trở thành chuyên gia

Nhiệm vụ: Nghiên cứu những bài kiểm tra trí thông minh nào tồn tại cho quy trình được đề cập ở Việt Nam! Đặt tên cho chúng và mô tả chúng về mặt nội dung!

4.2.3 Kết quả đánh giá

Tất cả các phương pháp chẩn đoán và nhất là hỗ trợ giáo dục đặc biệt cũng như hỗ trợ học viên có nhu cầu giáo dục đặt biệt đều nhằm hỗ trợ và tối ưu hóa quá trình học tập và phát triển của học viên.

Việc chẩn đoán và phương pháp đào tạo giáo dục hòa nhập trong đào tạo nghề, giảng viên cần làm những gì? Đi kèm với chẩn đoán và phương pháp đào tạo hòa nhập trong đào tạo nghề có nghĩa là giảng viên tham gia tích cực vào quá trình chẩn đoán và đánh giá năng lực và kỹ năng cá nhân của học viên, chỉ sử dụng các phương pháp và kỹ thuật cần thiết để xây dựng các biện pháp hỗ trợ và thực hiện.

Điều này đòi hỏi người đào tạo phải có năng lực chuyên môn cao và sự linh hoạt để nhận biết nhu cầu, vấn đề cá nhân của người học và đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Trọng tâm của chẩn đoán đi kèm và phương pháp đào tạo toàn diện là lựa chọn và áp dụng có ý thức các phương pháp và kỹ thuật đào tạo phù hợp với nhu cầu và khả năng cá nhân của học viên. Điều này có thể liên quan đến việc điều chỉnh các tài liệu học tập, sử dụng các phương pháp học tập đặc biệt hoặc áp dụng các công nghệ đã được sửa đổi để hỗ trợ và nâng cao quá trình học tập.

Vì lý do này, điều quan trọng là các giảng viên phải không ngừng học tập để giữ cho các kỹ năng và kiến thức của họ được cập nhật liên quan đến lý thuyết, phương pháp và công nghệ giáo dục đặc biệt. Điều quan trọng nữa là họ có thể hợp tác chặt chẽ với các chuyên gia của các chủ đề khác như giảng viên giáo dục đặc biệt, nhà tâm lý và phụ huynh để hỗ trợ toàn diện cho học viên.

Bất kỳ chẩn đoán định tính nào, chẳng hạn như quan sát và đánh giá dựa trên quan sát, mô tả, không chính thức và định lượng (tiêu chuẩn hóa), mà không thể đưa ra được biện pháp hỗ trợ và phát triển hơn nữa cho học viên, là chẩn đoán vô nghĩa và vô ích và do đó nên tránh.

4.3 Chẩn đoán các nhu cầu giáo dục đặt biệt chuyên sâu trong phát triển cảm xúc và xã hội

Chẩn đoán trong lĩnh vực phát triển cảm xúc và xã hội khám phá nhu cầu hỗ trợ cá nhân của những người trẻ tuổi thông qua các hành vi hạn chế về nhận thức hoặc lệch lạc so với chuẩn mực xã hội.

Các quy trình được lựa chọn và sử dụng tùy thuộc vào mục đích để đóng góp ý kiến chuyên môn hay chỉ để cung cấp chẩn đoán không chính thức hoặc tình huống.

Ở đây có sự phân biệt giữa khả năng phục vụ một cá nhân hay một sự kiện nhất định và mục tiêu hỗ trợ phù hợp cho sự phát triển cá nhân của người trẻ hay không.

- Theo R.Stein, có 4 cách giải thích về hành vi lệch lạc (2015, tr. 122):

1. Những điểm bất thường thể hiện trong con người của học viên, chúng là những dấu hiệu về tính cách của học viên đó.
2. Những điểm bất thường từ những tình huống đặc biệt mà học viên tự nhận thấy. Đây có thể là tình huống giảng dạy ở trường học, nhưng cũng có thể là tình huống ở nhà hoặc tại nơi làm việc.
3. Những điểm bất thường trong tương tác cụ thể giữa học viên và giảng viên hoặc bạn cùng lớp.
4. Những điểm bất thường được xác định qua nhận thức đặc biệt của một giảng viên, các giảng viên khác sẽ có những đánh giá về hành vi khác nhau.

Bốn kiểu hành vi bất thường này không nên được xem xét tách biệt với nhau, bởi vì chúng có thể biểu hiện trong sự kết hợp của một vài hoặc của cả bốn cùng nhau.

Mục đích của chẩn đoán này là để kiểm tra và xem xét tất cả các quan điểm khả thi cho các biện pháp hỗ trợ có mục tiêu.

4.3.1 Quan sát hành vi

Quan sát có thể được định nghĩa là nhận thức có mục tiêu (Arnold/Graumann/Rakhokchine 2008, trang 132). Việc quan sát hành vi trong đào tạo hoặc trong lớp học nhằm quan sát hành vi cụ thể của một học viên để phân tích.

Tài liệu quan sát về hành vi phải càng khách quan càng tốt và không có sự phán xét và diễn giải. Quan sát hành vi có thể được chia thành các dạng: quan sát mở, quan sát có hệ thống và quan sát theo cấu trúc. Nên quan sát không quá năm khía cạnh của hành vi và nên ghi lại những điều này vào một phiếu quan sát.

Quan sát hành vi mở
• Việc triển khai có thể diễn ra trên nhiều đơn vị dạy học
• Phù hợp cho việc khám phá (nghiên cứu) trong quan sát hành vi
• Tài liệu diễn ra theo các tiêu chí chung được xác định trước
• Nguy cơ của hiệu ứng quan sát (thay đổi hành vi (phản ứng) thông qua nhận thức về quan sát)
Quan sát có hệ thống
• Có tiêu chí quan sát cụ thể
• Hình thức quan sát được lập kế hoạch và thực hiện một cách có hệ thống
• Phù hợp với vai trò là một công cụ hỗ trợ kiểm tra một giả định (giả thuyết)
• Luôn được lên kế hoạch, có thể kiểm chứng và hướng tới mục tiêu
Quan sát theo cấu trúc
• Quan sát sử dụng kế hoạch quan sát theo một cấu trúc rõ ràng
• Dựa trên đơn vị quan sát và thời hạn
• Thích hợp để đánh giá một tình huống định kỳ cần thay đổi
• Thu thập dữ liệu nhất quán từ nhiều người quan sát
• Đảm bảo tính khách quan cao

Các lỗi quan sát hành vi sau đây có thể mắc phải cần cẩn thận để loại trừ chúng:

- Người quan sát có mong đợi về một hành vi nhất định
- Ấn tượng từ quan sát đầu tiên có ảnh hưởng đến quan sát tiếp theo và do đó ảnh hưởng đến đánh giá quan sát này.
- Thông tin đã biết về người được quan sát ảnh hưởng đến việc quan sát
- Các đặc điểm khác biệt được chú ý nhiều hơn làm ảnh hưởng đến quan sát khách quan
- Người quan sát đưa đặc điểm cá nhân vào việc chứng thực quan sát của họ
- Kết luận về đặc điểm của người được quan sát được rút ra chỉ bằng cách dựa trên hành vi được quan sát.

4.3.2 Trao đổi chẩn đoán

Trao đổi chẩn đoán liên quan đến việc thu thập thông tin quan trọng. Nên tập trung vào các khía cạnh thúc đẩy học tập để củng cố lòng tự trọng và niềm tin vào khả năng của chính mình.

Tuy nhiên, các khía cạnh cản trở quá trình học tập và hiệu suất học tập, hạn chế sự phát triển và khả năng học tập của học viên, cũng như các điểm yếu khác, cũng cần được khám phá và ghi lại.

Cốt lõi của việc trao đổi chẩn đoán là tìm ra những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến tình hình học tập, sinh hoạt của học viên và từ đó rút ra kết luận.

5. Kế hoạch hỗ trợ

Việc lập kế hoạch hỗ trợ chủ yếu dựa trên các điểm mạnh, các khía cạnh học tập và nâng cao hiệu suất cũng như các nhu cầu cụ thể của một học viên. Điều này dẫn đến việc khi lên kế hoạch hỗ trợ, tất cả các biện pháp hỗ trợ cần được đưa vào để học viên nhận được tất cả hỗ trợ cần thiết trong việc học tập và phát triển nhân cách của mình. Cần lưu ý rằng điều này phải được thực hiện trong khuôn khổ thực tế, tức là trong điều kiện khả năng nhất định của cá nhân đó. Kế hoạch hỗ trợ không phải là bản mô tả tất cả các mục tiêu học tập, mà kế hoạch hỗ trợ để nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ cá nhân tốt nhất có thể và thực hiện kế hoạch đó.

5.1 Quy trình lập kế hoạch hỗ trợ và nhóm lập kế hoạch hỗ trợ

Kế hoạch hỗ trợ mô tả một quy trình với các mục tiêu và biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu hỗ trợ cá nhân. Tính khả thi và khả năng tiếp cận được kiểm tra theo các khoảng thời gian nhất định và, nếu cần, sẽ được điều chỉnh bằng các biện pháp hoặc kế hoạch mới. Tất cả những người tham gia vào một kế hoạch hỗ trợ trong thực tế luôn là những chuyên gia trong lĩnh vực tương ứng của họ (nhóm lập kế hoạch hỗ trợ).

Nhóm lập kế hoạch hỗ trợ thường bao gồm nhiều thành viên khác nhau, chẳng hạn như giảng viên, giảng viên giáo dục đặc biệt, nhà tâm lý hoặc các chuyên gia khác. Mục đích của nhóm là cùng nhau xác định nhu cầu cá nhân và điểm mạnh của các học viên trong nội bộ và từ đó đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Sự hợp tác chặt chẽ trong nhóm cũng như với phụ huynh và bản thân học viên là rất quan trọng để có được bức tranh toàn cảnh về tình hình và lên kế hoạch cho các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

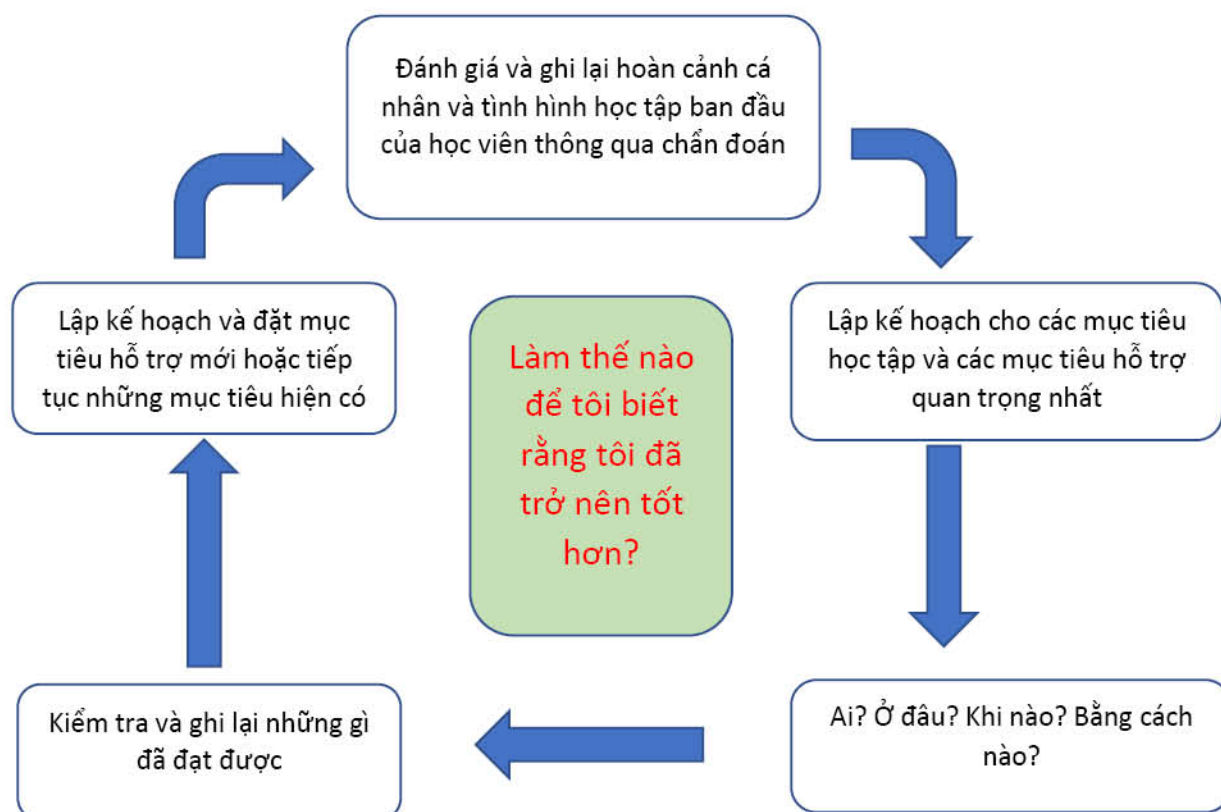
Tùy thuộc vào mục tiêu và trình độ đào tạo của học viên, có thể không đưa tất cả giảng viên bộ môn hoặc giảng viên vào kế hoạch hỗ trợ mà nên chỉ định một nhóm lập kế hoạch hỗ trợ có trách nhiệm để lập kế hoạch hỗ trợ.

Kế hoạch hỗ trợ dành cho Ai? Ở đâu? Khi? và Với cái gì? với mô tả và định nghĩa. Điều này được thực hiện trên cơ sở chẩn đoán đã được thực hiện, các quan sát và thông tin về (các) học viên và các mục

tiêu phát triển bắt nguồn từ họ. Tất cả các mục tiêu hỗ trợ được xây dựng và xác định trong một khoảng thời gian cụ thể và được xem xét theo thời gian.

Tất cả các kế hoạch hỗ trợ phải được cấu trúc một cách có hệ thống và xây dựng trên các khía cạnh sau:

- Triển vọng và khả năng tiếp cận nằm trong khung thời gian nhất định
- Có thể quản lý được
- Những trọng tâm cần đạt được
- Tất cả các mục tiêu phải thực tế và không bị lý tưởng hóa
-



Hình 3 - Quy trình (chu trình) lập kế hoạch hỗ trợ

Quá trình lập kế hoạch hỗ trợ này là kiểm tra và đặt câu hỏi về tính hiệu quả qua các bước và sáng kiến đã chọn. Điều này có thể đạt được bằng cách hỏi những câu hỏi hữu ích sau:

- Biện pháp, phương pháp nào hiệu quả?
- Có thể đạt được những lộ trình học tập và thăng tiến nào?
- Mục tiêu nào chưa thực hiện được và tại sao lại như vậy?
- Các khái niệm được lựa chọn để hỗ trợ cá nhân có hiệu quả không?
- Kỳ vọng có quá sức không?
- Mục tiêu hỗ trợ có cần duy trì hoặc thay đổi hoặc thậm chí bỏ qua không?

5.2 Lựa chọn mục tiêu hỗ trợ và biện pháp hỗ trợ

Trong đào tạo nghề, các học viên có được tất cả các kỹ năng và khả năng cần thiết để làm việc độc lập. Đây là những thách thức phải giải quyết theo yêu cầu của công việc, xã hội và cá nhân trong quá trình đào tạo hằng ngày.

Năng lực chuyên môn này bao gồm ba năng lực thiết yếu, đã được thảo luận ở đây trong hướng dẫn:

- Kỹ năng xã hội
- Kỹ năng phát triển bản thân
- Năng lực chuyên môn

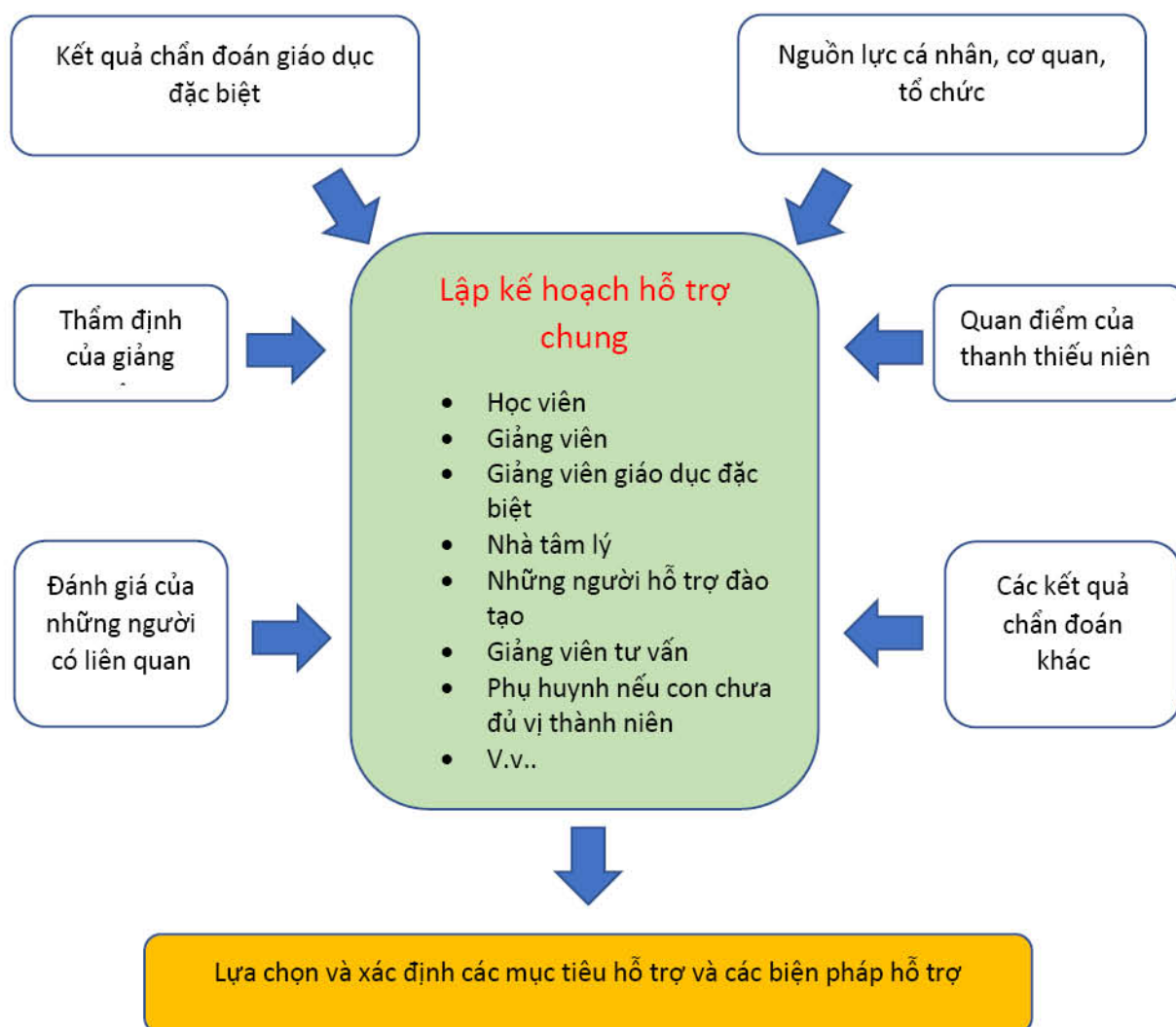
Các dạng năng lực cần thiết khác để rèn luyện các năng lực nói trên gồm năng lực nghiên cứu, năng lực học tập và năng lực giao tiếp.

Do đó, các mục tiêu hỗ trợ được xây dựng trên quan sát về những kỹ năng còn thiếu, được tiến hành bởi nhóm lên kế hoạch hỗ trợ và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giúp học viên đạt được trình độ chuyên môn nghề nghiệp. Các mục tiêu hỗ trợ được khuyến nghị là nên được thống nhất trong một khung thời gian hợp lý (tối đa là 6 tháng). Việc đặt mục tiêu còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan như năng lực của nhóm đào tạo, số lượng giảng viên hiện có, nghiệp vụ đào tạo...

Các biện pháp hỗ trợ có thể trông rất khác nhau và phải được cụ thể hóa cho phù hợp với nhu cầu của học viên. Ví dụ, việc điều chỉnh các bài học, giờ tự học, các bài tập có mục tiêu hoặc sử dụng tài liệu hỗ trợ hoặc hỗ trợ đặc biệt có thể hữu ích.

Việc đánh giá các mục tiêu hỗ trợ là một phần quan trọng của kế hoạch hỗ trợ nhằm kiểm tra sự thành công của các biện pháp và điều chỉnh chúng nếu cần. Các cuộc thảo luận thường xuyên với những người liên quan cũng như các quan sát và thử nghiệm có mục tiêu có thể hữu ích ở đây. Việc đưa các học viên (và có thể cả phụ huynh học viên) vào quá trình này là rất quan trọng để đánh giá hiệu quả của các biện pháp.

Lập kế hoạch hỗ trợ thành công cho đào tạo hòa nhập tại các trường dạy nghề luôn là một quá trình phức tạp đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ trong nhóm lập kế hoạch hỗ trợ, xem xét quan điểm của học viên và các biện pháp hỗ trợ cá nhân và phù hợp. Việc đánh giá kịp thời các biện pháp được đề ra trong mỗi kế hoạch hỗ trợ là một phần thiết yếu để kiểm tra sự thành công của hỗ trợ và, nếu cần, thực hiện các điều chỉnh.



Hình 4 - Lập kế hoạch hỗ trợ liên kết

(dựa trên: xem Viện tiểu bang cho việc Nghiên cứu Giáo dục và Chất lượng Trường học 2015, tr. 5)

5.3 Học viên là đối tác tích cực trong kế hoạch hỗ trợ

Trong đào tạo nghề, thanh niên đã ở độ tuổi phải tham gia một cách có ý thức và tích cực vào việc hỗ trợ lập kế hoạch và thiết lập mục tiêu. Mong muốn và mục tiêu phát triển của những người trẻ tuổi là một phần thiết yếu có thể đóng góp cho kế hoạch hỗ trợ và liên quan đến trách nhiệm cá nhân về sự phát triển tích cực và sáng tạo.

Các đặc điểm chính của kế hoạch hỗ trợ là xây dựng sự tích cực, tinh thần tự nguyện và khuyến khích học viên. Các mục tiêu hỗ trợ được nêu trong kế hoạch hỗ trợ phải được xây dựng rõ ràng và thể hiện sự tôn trọng đối với học viên.

Là một giảng viên, không khó để bạn thấy rằng ở thời điểm bắt đầu học nghề tất cả những người trẻ gặp khó khăn trong học tập đều đã có nhiều trải nghiệm tiêu cực ở trường phổ thông. Do đó, điều

quan trọng là học viên phải đóng vai trò tích cực và có thể đóng góp ý kiến và mong muốn của mình để chủ động chấp nhận kế hoạch hỗ trợ.

5.4 Đánh giá và xem xét các mục tiêu của kế hoạch hỗ trợ

Trong công việc giảng dạy hằng ngày, tất cả các giảng viên đều phải đối mặt với thách thức là họ luôn phải theo dõi các mục tiêu hỗ trợ của từng học viên, nhưng mặt khác, họ cũng phải làm việc với toàn bộ nhóm giảng dạy về một chủ đề giảng dạy chung. Việc hỗ trợ cho từng học viên bị cô lập khỏi nhóm giảng dạy không tương ứng với nguyên tắc hướng dẫn về hòa nhập và thường chỉ có thể thực hiện được ở một mức độ rất hạn chế về phạm vi nhân sự.

Tuy nhiên, đối với việc đánh giá và xem xét lại kế hoạch hỗ trợ và các mục tiêu được đưa vào trong kế hoạch đó, điều quan trọng là có thể tái tạo phương pháp tiếp cận để hỗ trợ một số học viên nhất định bằng các ghi chú hoặc hồ sơ khác. Tùy thuộc vào kết quả, giảng viên sẽ cần nghiêm túc cân nhắc các phương pháp không hỗ trợ cho việc đạt được các mục tiêu đã đề ra.giảng viên

Theo thời gian, tất cả các biện pháp hỗ trợ được sử dụng hiển nhiên đều được kiểm tra và đánh giá kết quả của chúng để xây dựng bước làm tiếp theo. Điều quan trọng khác là cần xác định cách loại bỏ những trở ngại và phương pháp nào có thể được sử dụng để tìm ra các lộ trình học tập và phát triển dự kiến thường tích hợp đào tạo hòa nhập trong giảng dạy hằng ngày.

Các mô hình năng lực khác nhau cũng có những quan điểm khác nhau khi đánh giá các mục tiêu hỗ trợ việc hòa nhập cho học viên gặp khó khăn trong học tập hoặc hạn chế trong phát triển cảm xúc xã hội. Sau giai đoạn này có thể xác định liệu các biện pháp hỗ trợ có hiệu quả hay không.

Ý kiến chuyên môn cho rằng về khung thời gian để xem xét các mục tiêu nên kéo dài từ bốn tuần đến một năm. Phần lớn các chuyên gia khuyến nghị ba lần xem xét mục tiêu cho mỗi năm đào tạo. Mặt khác, khoảng thời gian này cũng phải được cân nhắc phụ thuộc vào các mục tiêu hỗ trợ. Ví dụ: có thể hợp lý khi dành ra các khoảng thời gian đánh giá ngắn hơn cho các mục tiêu hỗ trợ trong lĩnh vực hành vi cảm xúc xã so với hành vi trong lĩnh vực hỗ trợ học tập.

Bản thân học viên cũng đóng một vai trò đặc biệt trong việc khám phá các năng lực hoặc tiềm năng chưa được nhận ra. Cách tiếp cận phải luôn tập trung vào mặt tích cực, ngay cả khi các mục tiêu hỗ trợ phải được xem lại và sửa đổi. Lòng tự trọng (xem mô hình năng lực: năng lực phát triển bản thân) quyết định phần lớn sự sẵn sàng, khả năng và hành vi để thực hiện, cũng như động lực bản thân để tiếp tục thực hiện các mục tiêu hỗ trợ mới hoặc đã được sửa đổi.

5.5 Kế hoạch hỗ trợ (mẫu quan sát)

- Dựa trên "Đào tạo nghề hòa nhập ở Bayern" (ISB, 2016)

Kế hoạch hỗ trợ cá nhân				
Tên:	Năm sinh:	Năm đào tạo:		
Nhóm học:	Ngành đào tạo:			
Người hướng dẫn:	Nhóm lên kế hoạch hỗ trợ:			
Mô tả về tình trạng hiện tại/xác định nhu cầu hỗ trợ				
	Mặt mạnh cá nhân	Đã thỏa các yêu cầu	Có nhu cầu cần hỗ trợ	Có nhu cầu cần hỗ trợ cao
Đặc điểm tính cách / hành vi xã hội				
Tự ý thức				
Trách nhiệm				
Tự đánh giá				
Tác phong / cách cư xử				
Đúng giờ				
Tinh thần đồng đội				
Khả năng tập trung				
Khả năng phản biện, khả năng giải quyết xung đột / khả năng vượt khó				
Khả năng giao tiếp trong lĩnh vực học				
Diễn đạt bằng lời lẽ				
Hiểu ý nghĩa, truyền tải nội dung đọc				
Tổng hợp câu / Làm việc với các bảng mẫu				
Thái độ công việc				
Tập trung / mất tập trung				
Hiếu ý/ có thể để ý				
Sẵn sàng thực hiện				
Kiên trì				
Kỹ năng thực tế + khéo léo				
Tự chủ/lập kế hoạch làm việc				
Hiệu suất làm việc				
Trật tự/cẩn thận tại nơi làm việc				
Độ tin cậy (thực hiện các đơn đặt hàng công việc)				
Tốc độ làm việc / thời gian				
Kỹ năng chuyên môn				
Thái độ học tập (ứng dụng các kỹ thuật trong học tập)				
Hiểu biết chuyên môn				
Có khả năng tính toán				
Trí tưởng tượng không gian				
Điểm đặc biệt/Tài nguyên				
???				
???				
???				

- Với học viên Long, N. kế hoạch hỗ trợ chung sau đây đã được phát triển. Cơ sở cho điều này là các ưu thế có sẵn trong cơ sở đào tạo. Các mục tiêu quan trọng nhất được đánh dấu bằng màu (xem "Đào tạo nghề hòa nhập ở Bayern" (ISB, 2016))

Kế hoạch hỗ trợ cá nhân				
Tên: Long, N.	Năm sinh.: 02.09.2006	Năm học: 4		
Nhóm học: MTC II	Ngành đào tạo: Metall Cutting Technician			
Giảng viên: Mr. Tien	Đội ngũ lên kế hoạch hỗ trợ: LILAMA 2			
Mô tả về tình trạng hiện tại/xác định nhu cầu hỗ trợ				
	Mặt mạnh cá nhân	Đã thỏa các yêu cầu	Có nhu cầu cần hỗ trợ	Có nhu cầu cần hỗ trợ cao
Đặc điểm tính cách / hành vi xã hội				
Tự ý thức			X	
Trách nhiệm			X	
Tự đánh giá				X
Tác phong / cách cư xử		X		
Đúng giờ	X			
Tinh thần đồng đội			X	
Khả năng tập trung		X		
Khả năng phản biện, khả năng giải quyết xung đột / khả năng vượt khó	X			
Khả năng giao tiếp trong lĩnh vực học				
Diễn đạt bằng lời lẽ			X	
Hiểu ý nghĩa, truyền tải nội dung đọc				X
Tổng hợp câu / Làm việc với các bảng mẫu				X
Thái độ công việc				
Tập trung / mất tập trung				X
Hiểu ý/ có thể để ý			X	
Sẵn sàng thực hiện			X	
Kiên trì			X	
Kỹ năng thực tế + khéo léo			X	
Tự chủ/lập kế hoạch làm việc				X
Hiệu suất làm việc			X	
Trật tự/cẩn thận tại nơi làm việc				X
Độ tin cậy (trong việc thực hiện theo đơn đặt hàng)			X	
Tốc độ làm việc / thời gian				X
Kỹ năng chuyên môn				
Thái độ học tập (ứng dụng các kỹ thuật trong học tập)			X	
Hiểu biết chuyên môn			X	
Có khả năng tính toán			X	
Tư duy về không gian			X	
Điểm đặc biệt/Tài Nguyên				
Sự sẵn sàng hợp tác	X			
Sẵn sàng làm thêm công việc	X			

Trọng tâm hỗ trợ/ Mục tiêu hỗ trợ	Các biện pháp hỗ trợ (công ty đào tạo, trường dạy nghề, học viên)	Người chịu trách nhiệm ?	Thời gian kiểm tra?
Khía cạnh thái độ công việc Thiết kế các cấu trúc để cải thiện tính trật tự gọn gàng	1. Giảng viên chủ nhiệm lớp thường xuyên kiểm tra bài vở của học viên Long. 2. Tất cả các giảng viên đảm bảo rằng Long ghi chép tài liệu chính xác trên lớp học. 3. Nếu Long quên tập vở thì hôm sau phải đảm bảo em đã đưa cho giảng viên bộ môn. 4. Long được cho lời khuyên và ví dụ từ các giảng viên về cách tổ chức bản thân tốt hơn.	Giảng viên chủ nhiệm/giảng viên bộ môn	Kiểm tra đầu tháng 12
Khía cạnh khả năng tập trung Thiết kế các cấu trúc lớp học giúp Long tập trung dễ dàng hơn	1. Long phải được xếp ngồi hàng ghế đầu. 2. Đảm bảo môi trường không có yếu tố gây nhiễu. 3. Lưu ý đến những học viên ngồi cạnh cần giữ yên lặng. 4. Giải quyết trực tiếp với họ, đặc biệt nếu bạn nhận thấy rằng Long không tập trung 5. Cách thức chung để tổ chức bài học: thay đổi về phương pháp, sự rõ ràng, sự khác biệt, v.v.	Tất cả các giảng viên	Kiểm tra trước tết đầu tháng 1
Các biện pháp khác	1. Trong lớp học tiếng Việt và các bộ môn khác, Long được cung cấp các văn bản giản lược, được điều chỉnh phù hợp tương đương với các học viên khác. 2. Tương tự, tất cả các bài tập và hướng dẫn phải được xây dựng theo lối tối ưu hóa về mặt văn bản. 3. Trong số học kỹ thuật, học viên viên có lợi thế khi ở trong các nhóm có trình độ khác nhau. 4. Nhóm yếu hơn nhận được các bài tập đã được tối ưu hóa về mặt văn bản và các trợ giúp tăng cường cho việc giải thích trong quá trình thực hành. 5. Các bài tập và tài liệu bổ sung được phát ra phải đi cùng với các trợ giúp học tập kèm theo	Tất cả giảng viên Sự khác biệt được tính toán theo giảng viên bộ môn Giảng viên chủ nhiệm (nếu ở VN có hình thức tổ chức này)	Kiểm tra qua buổi nói chuyện đánh giá Thường xuyên phản hồi
Kế hoạch hỗ trợ cá nhân được thống nhất với:			
<i>Học viên</i>	<i>Giảng viên, nhóm lên kế hoạch hỗ trợ</i>		
Buổi đánh giá tiếp theo: 02.03.2023	Kết quả đánh giá: ☐ tiếp tục tăng nhu cầu hỗ trợ ☐ giữ nguyên nhu cầu hỗ trợ		

- Dựa trên "Đào tạo nghề hòa nhập ở Bayern" (ISB, 2016)

6. Cấu trúc nhóm và làm việc theo nhóm

Đội ngũ giảng viên có trình độ và đa chuyên môn có vai trò đảm bảo chất lượng đào tạo hòa nhập. Theo tiêu chuẩn tối thiểu gồm có:

- Giảng viên
- Giảng viên kỹ năng xã hội
- Nhà tâm lý
- Giảng viên giáo dục đặc biệt hoặc giảng viên hỗ trợ và phụ đạo
- Giảng viên tư vấn

Để thực hiện các mục tiêu đào tạo và hòa nhập. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp luận phù hợp để sử dụng các phương pháp làm việc chuyên nghiệp cần thiết cho dạy nghề hòa nhập.

Toàn bộ quá trình hỗ trợ toàn diện nên được ghi lại rõ ràng và sau đó nêu rõ bằng văn bản ai tham gia hỗ trợ và ở mức độ nào, nguồn lực vật chất nào có sẵn và cách thức quản lý các quy trình về mặt tổ chức, không gian và thời gian. Dựa trên tình huống lý tưởng được mô tả, các mục tiêu có thể phải được rút lại tại một số điểm hoặc điều kiện nhất định có thể phải được thay đổi hoặc tạo ra những mục tiêu mới. Nếu hóa ra các điều kiện khung cần thiết để đạt được mục tiêu hiện không được áp dụng, thì câu hỏi đặt ra là liệu chúng có thể được tạo ra trong thời gian ngắn hay không.

Ngoài ra, làm việc trong các nhóm đa chuyên môn đặt ra những yêu cầu đặc biệt đối với giảng viên, chẳng hạn như kỹ năng làm việc nhóm tốt và đánh giá đúng vai trò của bản thân trong nhóm và điều chỉnh phù hợp. Mọi người liên quan và những người có trách nhiệm phải hiểu rằng một giảng viên với 20 đến 25 học viên trong các lớp học lý thuyết không đáp ứng được nhu cầu mà các lớp học hòa nhập đòi hỏi. Các mục tiêu và nhu cầu quảng cáo của tất cả các học viên trong nhóm giảng dạy phải luôn là tiêu chuẩn để đặt câu hỏi về các điều kiện nhất định và muốn tối ưu hóa chúng.

6.1 Mối quan hệ Giảng viên- Học Viên

Những lời khuyên đúng đắn dành cho các bạn trẻ gặp nhiều hạn chế trong việc chọn nghề cũng góp phần quyết định vào việc hòa nhập của các bạn ấy với môi trường đào tạo và hoàn thành tốt khóa đào tạo. Hơn nữa, đây là nơi bắt nguồn cho sự tôn trọng và công nhận đối với học viên tương lai.

Ngay trong quá trình đào tạo hòa nhập tiếp theo, bất kỳ hình thức đánh giá nào cũng đóng vai trò quan trọng hàng đầu không chỉ đối với các dịch vụ được cung cấp mà còn đối với con người.

Tuy nhiên, tất cả thành tích và sự đánh giá cá nhân nào trong đào tạo hòa nhập không chỉ dừng lại ở việc khen ngợi và công nhận, mà còn thúc đẩy bầu không khí học tập tích cực và tôn trọng lẫn nhau. Điều quan trọng là giảng viên phải luôn hỏi học viên cần hỗ trợ những gì để đạt được mục tiêu đào tạo và làm thế nào để nuôi dưỡng mối quan hệ tin cậy với học viên.

Quan điểm này cũng có giá trị đối với giảng viên, bởi vì những tác động sau:

- Môi trường học tập và đào tạo nghề được cải thiện
- Mối liên kết giữa doanh nghiệp đào tạo/trường dạy nghề được tăng cường
- Tình trạng vắng mặt giảm
- Động lực bản thân của học viên được phát huy
- Học viên cảm thấy thoải mái

- Giúp kiểm soát căng thẳng
- Khả năng tập trung và hiệu suất học tập được phát huy

Trong đào tạo hằng ngày, những cử chỉ nhỏ thường tạo nên sự khác biệt, một nụ cười tán thưởng, một cái nhìn tán thưởng, một câu hỏi tò mò, một sự lắng nghe thích thú, một cái gật đầu nhân từ, một nụ cười cảm thông hay một cái vỗ nhẹ vào lưng - mọi thứ đều có thể ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất của các học viên.

6.2 Làm việc theo nhóm chuyên môn đa ngành

Việc hòa nhập làm cho các việc hợp tác thành công giữa các giảng viên trở nên phức tạp hơn nhiều so với đào tạo với các nhóm giảng dạy đồng nhất. Sự hợp tác trong các môi trường hòa nhập không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ, bởi vì các yêu cầu để hợp tác thành công cần có thời gian và mọi người phải học cách làm việc để hướng tới một mục tiêu chung. Giảng viên thường không được chuẩn bị cho một tầm nhìn chung hoặc thái độ cơ bản, ngược lại: trong thực tế, thường thiếu kế hoạch nhân sự phù hợp, đào tạo và giáo dục nâng cao cũng như các nguồn lực vật chất.

Nhu cầu hợp tác đòi hỏi tất cả các giảng viên phải có một thái độ và sự hiểu biết chung về các giá trị và quan điểm. Để nhóm chuyên môn đa ngành có thể làm việc được, nó phải được tổ chức tốt ở các cấp độ khác nhau.

1. Khi nào? Ở đâu? - Cấp độ tổ chức: Ở đây muốn nói về thời gian cố định, phòng họp, cấu trúc bảo đảm và hỗ trợ từ ban quản lý của cơ sở giáo dục.
2. Về cái gì? – Cấp độ nội dung: Ở đây muốn nói về nhóm, đào tạo chung, cộng đồng học tập chuyên nghiệp và tư vấn, lời khuyên của trường đại học (tức là nhóm tự phản ánh). Vấn đề là liệu giảng viên có thường xuyên trao đổi thông tin để tìm kiếm sự giúp đỡ và giải pháp chung, đặc biệt là trong các tình huống khó khăn, cũng là điểm cần lưu ý ở đây.
3. Bằng cách nào? – Cấp độ mối quan hệ: Sự công nhận bình đẳng cho tất cả các thành viên trong nhóm, các cuộc gặp gỡ cùng cấp độ và sự sẵn sàng tự soi xét bản thân là những nét đặc trưng của cấp độ này. Mọi người có chia sẻ trách nhiệm để đảm bảo tất cả học viên có thể tham gia vào các hoạt động học tập không?

Sự hợp tác của các nhóm chuyên môn đa ngành này bao gồm các thỏa thuận, thiết kế và triển khai cũng như cân nhắc và phản ánh cho nhiều nhiệm vụ khác nhau, chẳng hạn như:

- Lập kế hoạch, chuẩn bị và thực hiện các bài học lý thuyết và thực hành
- Phối hợp và điều chỉnh các tài liệu giảng dạy được sử dụng
- Sử dụng các biện pháp phân biệt
- Xác định, thiết kế và tổ chức các biện pháp hỗ trợ
- Các nhóm chuyên môn đa ngành làm việc cùng nhau chứ không phải từng nhóm một (trao đổi và kết hợp các quan sát)
- Thiết kế các dự án liên quan đến chủ đề và độc lập với chủ đề (nhóm làm việc và khóa học)

6.3 Các điều kiện và quan điểm thuận lợi để có sự hợp tác tốt

Có những yếu tố thuận lợi cho sự hợp tác tốt và hiệu quả trong các nhóm chuyên môn đa ngành nghề. Sau đây là ví dụ:

- Thống nhất cơ bản của giảng viên về nguyên tắc làm việc trong nhóm hòa nhập
 - Giảng viên thấy được lợi ích cho công việc của họ khi tham gia
 - Thực hiện tốt hơn các mục tiêu chung
 - Một số giảng viên có trách nhiệm như nhau mặc dù sự phân bổ nhiệm vụ là cố định
 - Sự tin tưởng và nương tựa lẫn nhau trong hành động của mọi thành viên trong nhóm
 - Phải có đủ thời gian để củng cố tinh thần đồng đội
 - Các cuộc họp của nhóm phải diễn ra liên tục
 - Mọi người phải biết mình có nhiệm vụ cụ thể nào
 - Sự hợp tác của các nhóm này phải gắn liền với các giá trị của cơ sở giáo dục
 - Việc cùng xây dựng và trao đổi tài liệu giảng dạy (tương trợ)
 - Giảng viên nhận ra rằng năng lực của họ cũng đang phát triển
 - Các giảng viên khác nhau góp ý cho nhau
-
- Thiết kế các quy trình phát triển cá nhân và môi trường học tập hòa nhập trong giáo dục nghề nghiệp (U. Bylinski, tháng 6 năm 2016)

Hợp tác và cộng tác đa ngành đang trở thành yếu tố thành công trung tâm để thiết kế các quy trình học tập hòa nhập (Buchmann/Bylinski 2013). Việc hợp tác cũng cần có sự hợp tác trong chính tổ chức và nhóm làm việc với các chuyên gia sư phạm, ví dụ như về lĩnh vực phúc lợi thanh niên và lĩnh vực quản lý chuyển đổi khu vực. Các nhà giáo dục (ví dụ: từ lĩnh vực giáo dục thường xuyên và đặc biệt) chịu trách nhiệm chung, ví dụ: trong giảng dạy theo nhóm hoặc trong khuôn khổ lập kế hoạch hỗ trợ hợp tác, trong các cuộc thảo luận tình huống hoặc trong các cộng đồng học tập mà họ phát triển các nhiệm vụ công việc chung, hãy thống nhất về các mục tiêu cho học viên và cùng nhau theo đuổi chúng.

Chỉ bằng cách tiếp thu các góc nhìn và quan điểm khác nhau, tầm nhìn (nghề nghiệp) của mỗi người mới có thể mở rộng.

6.4 Điều kiện và quan điểm cần tránh để có sự hợp tác tốt

Ngay khi một số giảng viên làm việc cùng nhau, các ý kiến khác nhau sẽ xuất hiện. Do đó, điều quan trọng là những quan điểm và thái độ khác nhau này vẫn tạo điều kiện cho văn hóa thảo luận tích cực và một cuộc thảo luận cởi mở về ý kiến của người khác.

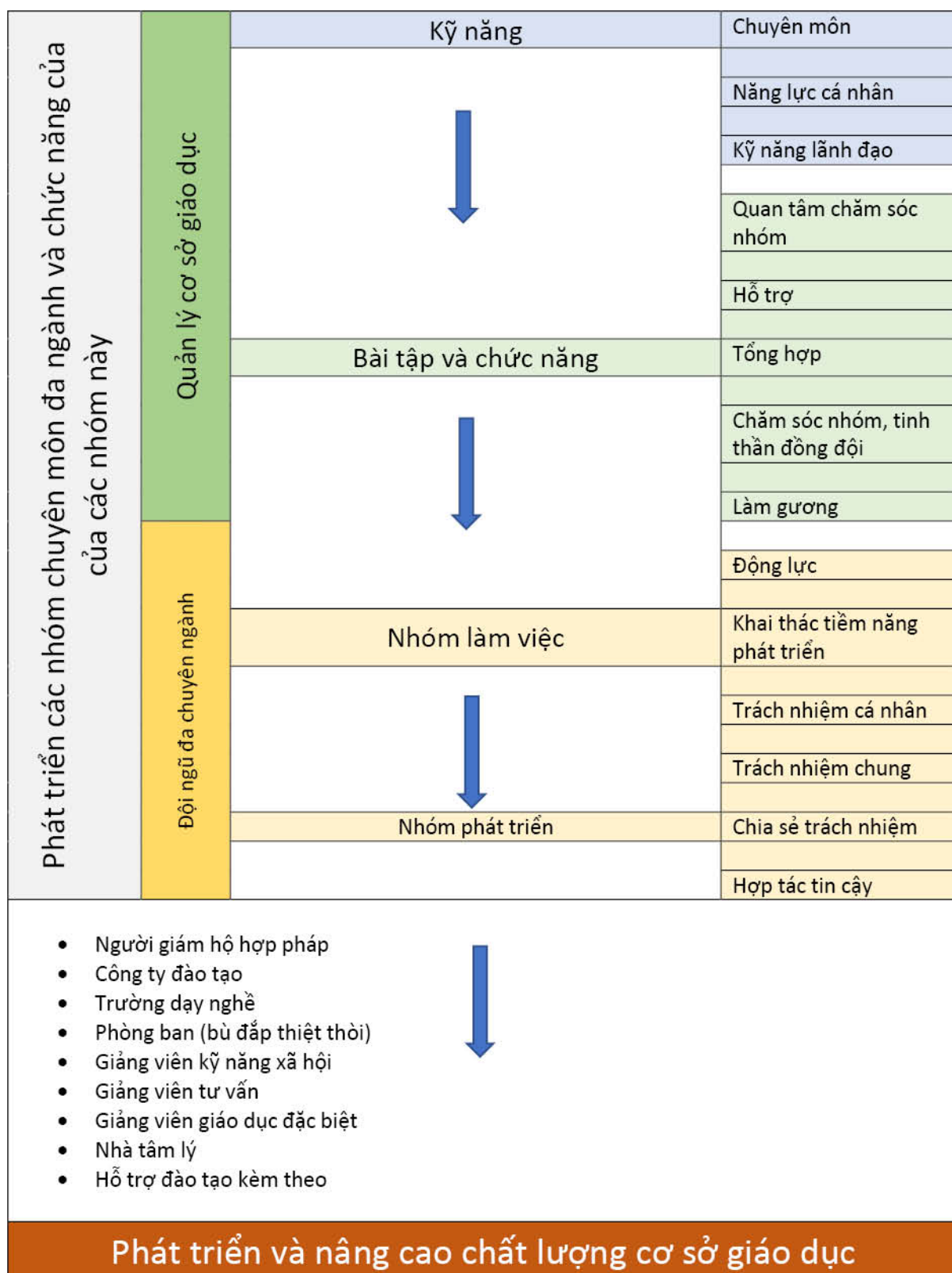
Có những trải nghiệm và phản hồi từ các thiết lập hòa nhập có ảnh hưởng tiêu cực hoặc thậm chí cản trở sự thành công của sự cộng tác mang tính hợp tác. Những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến suy nghĩ và hành động của tất cả những người liên quan có thể là, ví dụ:

- Định kiến chung
- Hòa nhập được coi là một gánh nặng
- Chưa sẵn sàng thay đổi
- Các nhóm giảng dạy quá đông
- Quan điểm cho rằng hòa nhập có giới hạn
- Nỗ lực nửa vời (không có đủ cán bộ chuyên môn, phòng ốc, vật tư)
- Giảng viên có thái độ sự phạm khác nhau
- Giảng viên có ý kiến khác nhau về phương pháp giảng dạy trong cách làm việc chung
- Có nhiều giá trị khác nhau
- Có cách hiểu khác nhau về vai trò của nhiệm vụ trong nhóm
- Không có hỗ trợ tài chính từ cơ quan giáo dục đại học (không thể tài trợ cho công tác hòa nhập)
- Các khóa đào tạo cho giảng viên không được triển khai
- Quan điểm phổ biến là khuyết tật ở thanh niên cản trở tốc độ học tập
- Quan điểm phổ biến cho rằng thanh thiếu niên khuyết tật có hành vi gây phiền hà
- Quan điểm phổ biến là những người trẻ có thành tích cao không được hỗ trợ đầy đủ
- Dạy các kỹ năng mềm với quan điểm đề cao nỗ lực là không công bằng
- Bắt nạt và cô lập thanh thiếu niên khuyết tật là một phần trong đời sống học đường hằng ngày tại các cơ sở giáo dục hòa nhập
- Việc phát triển xã hội chiếm quá nhiều thời gian – nội dung bài học bị phớt lờ

6.5 Xây dựng mạng lưới hỗ trợ

Những điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo hòa nhập cho thấy tinh thần đồng đội thực sự quan trọng như thế nào đối với chất lượng đào tạo cũng như đối với sự phát triển của cơ sở giáo dục/trường dạy nghề. Theo nghĩa rộng hơn, đó là việc phát triển ý thức gắn kết với nhau, nhưng cũng là việc nhận ra đúng lúc khi các kỹ năng của chính mình không đủ để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của các học viên.

Vì đào tạo hòa nhập là một quá trình rất phức tạp nên sẽ luôn cần phải xây dựng một mạng lưới các chuyên gia từ các lĩnh vực chuyên môn khác nhau để có thể chủ động và can thiệp nếu cần thiết nhằm hỗ trợ quá trình này. Mạng lưới này cũng bao gồm ban quản lý của cơ sở giáo dục, các chuyên gia bên ngoài và thường là phụ huynh.

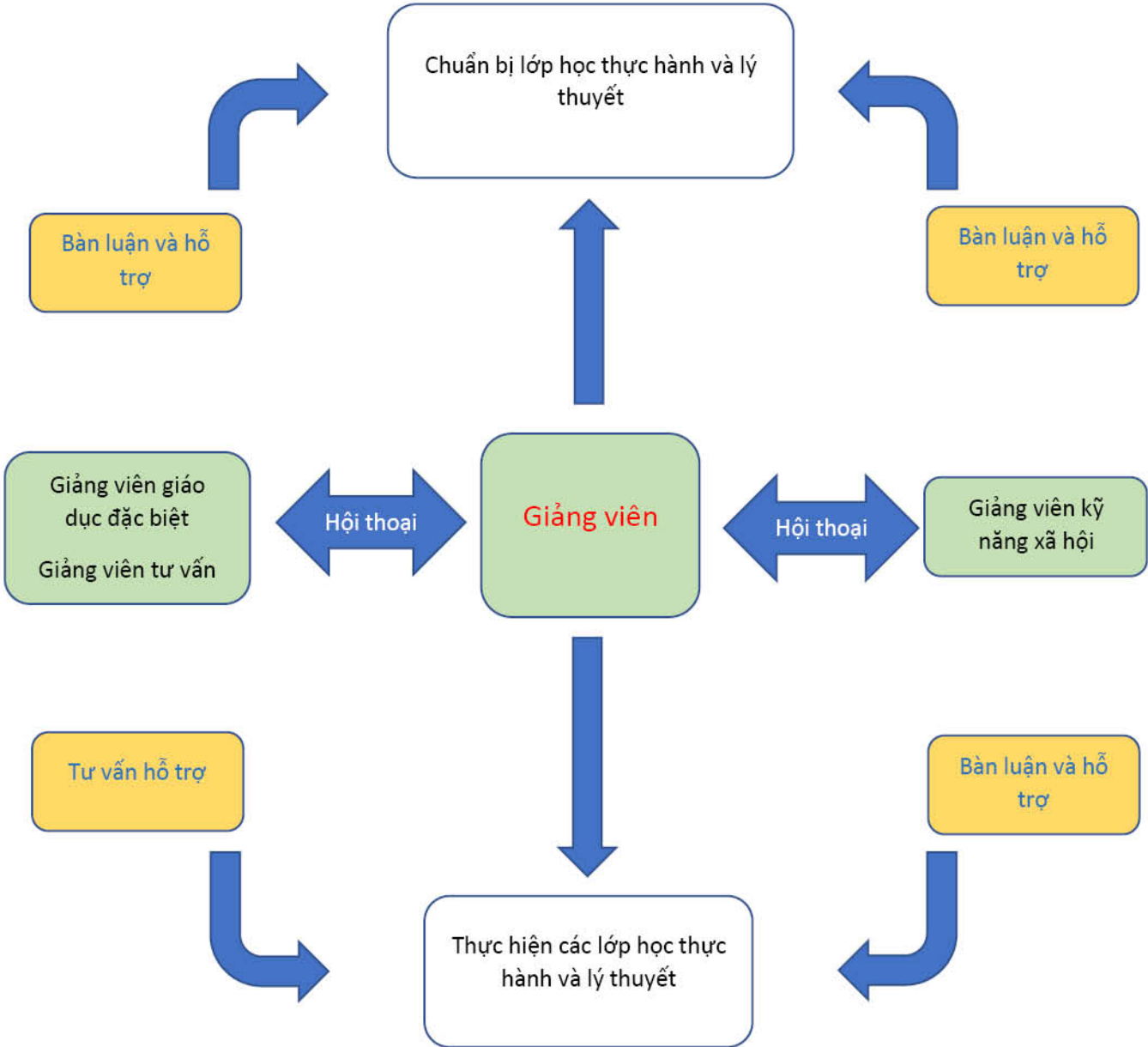


Hình 5 – Nhóm chuyên môn đa ngành

6.6 Nhiệm vụ và hiểu biết về vai trò trong các nhóm chuyên môn đa ngành

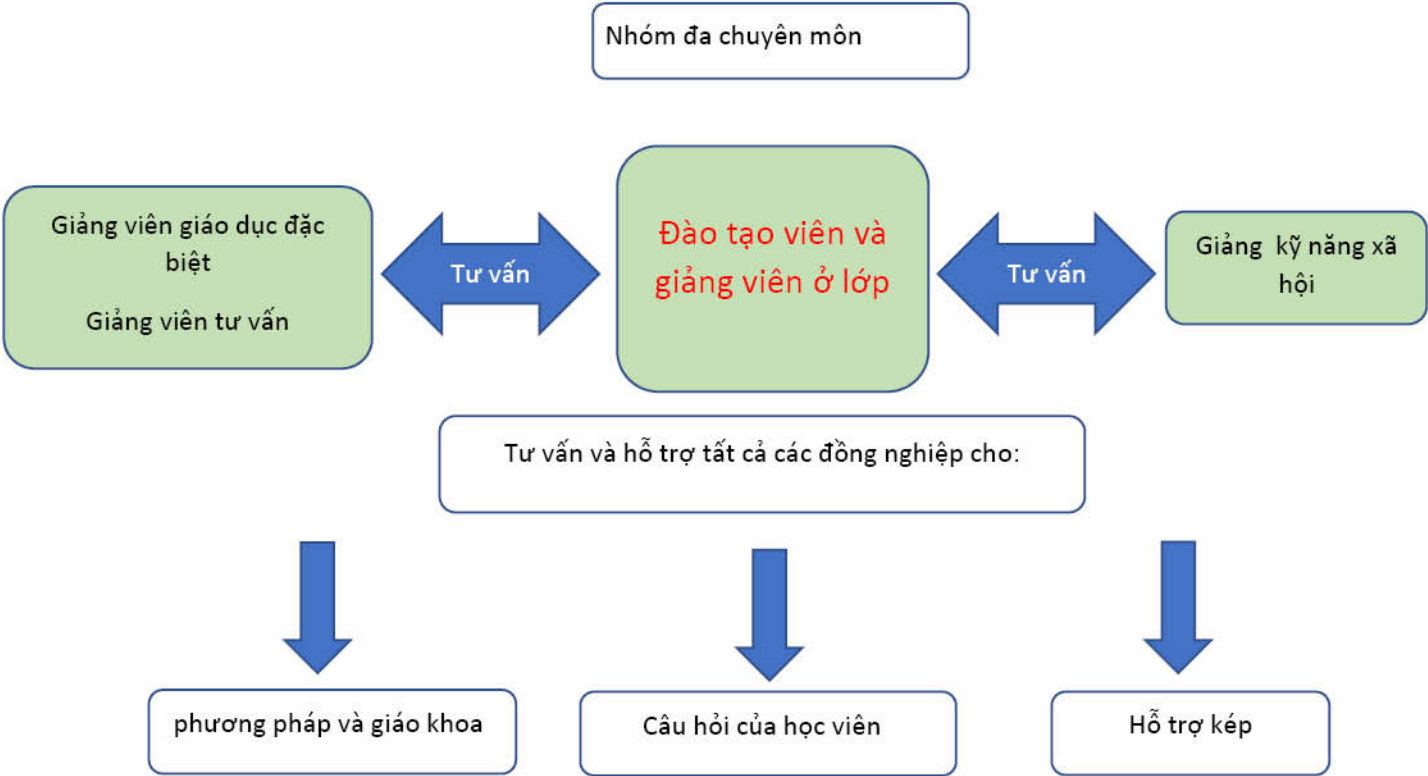
Các nhóm chuyên môn đa ngành thực hiện các nhiệm vụ bên trong lẫn bên ngoài và duy trì mối quan hệ với các học viên và phụ huynh trong việc tư vấn, giáo dục và đào tạo. Như đã đề cập, sự hiểu biết đúng đắn về vai trò có tầm quan trọng lớn ở đây.

6.6.1 Vòng hoạt động nội bộ



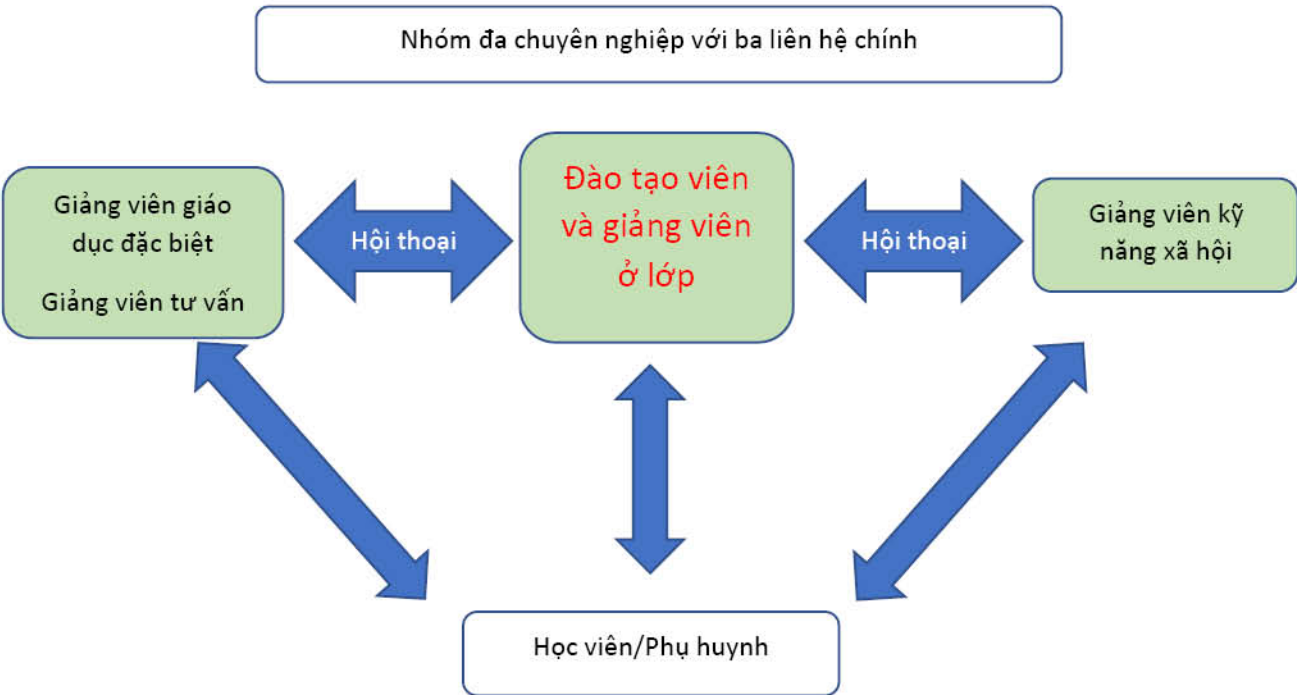
Hình 6 – Vòng hoạt động nội bộ

6.6.2 Vòng hoạt động bên ngoài



Hình 7 – Vòng hoạt động bên ngoài

6.6.3 Vòng hoạt động của học viên và gia đình



Hình 8 – Vòng hoạt động của học viên/ phụ huynh

Nhóm chuyên môn đa ngành là một mạng lưới hỗ trợ, trong đó, ngoài các thành viên chủ chốt trong nhóm như giảng viên thực hành và lý thuyết, bản thân học viên và phụ huynh, các chuyên gia khác cũng tham gia vào, nhiệm vụ chính của họ sẽ được giải thích ngắn gọn tại đây theo ví dụ về cấu trúc ở Đức. Để đạt được sự hòa nhập thành công, tất cả thành viên nhóm phải làm việc chặt chẽ và phối hợp các nhiệm vụ của họ với nhau.

6.6.4 Giảng viên kỹ năng xã hội

Các giảng viên kỹ năng xã hội tư vấn cho các học viên về các câu hỏi liên quan đến sự hỗ trợ của tất cả các lĩnh vực của cuộc sống và học tập. Người ta cũng thường tìm kiếm sự giúp đỡ ở đây để được tư vấn về hỗ trợ giải quyết nợ, phòng chống bắt nạt và các vấn đề về nghiện ngập và bạo lực cũng như các vấn đề tương tự trong cuộc sống hằng ngày, tức là đối với tất cả các vấn đề xã hội, tình cảm và cá nhân. Các giảng viên kỹ năng xã hội là những chuyên gia trong việc phát triển các kỹ năng giải quyết xung đột cho học viên.

Các giảng viên kỹ năng xã hội cũng cung cấp các sự kiện nhằm củng cố nhân cách và các kỹ năng xã hội hoặc cũng tiến hành các buổi tư vấn cá nhân thuần túy. Họ sẽ chịu trách nhiệm tổ chức các nhóm xã hội và các dự án để tăng cường ý thức cộng đồng tại cơ sở giáo dục.

Các chuyên gia này có mạng lưới tốt và cũng có thể cung cấp các đầu mối liên hệ phù hợp nếu lĩnh vực chuyên môn của họ không thể giải quyết vấn đề.

6.6.5 Giảng viên tư vấn

Giảng viên tư vấn làm việc liên quan trực tiếp đến môn học và tư vấn về tất cả các khía cạnh của đào tạo kỹ thuật. Điều này giúp hỗ trợ giảng viên trong việc tổ chức các bài học và cuộc sống học đường hằng ngày.

Mặt khác, giảng viên tư vấn giúp giải đáp mọi thắc mắc bù đắp thiệt thòi, vì họ đã rất quen với cách dạy lý thuyết và yêu cầu kiểm tra, thi cử.

Giảng viên tư vấn cũng tích cực giải đáp về việc bỏ học và cho lời khuyên về các lựa chọn nâng cao trình độ.

6.6.6 Nhà tâm lý (Học đường)

Vai trò của nhà tâm lý học đường là hỗ trợ học viên đối phó với các vấn đề về cảm xúc và tâm lý. Điều này bao gồm thực hiện chẩn đoán và kiểm tra để xác định các vấn đề về học tập và hành vi, tư vấn và hỗ trợ học viên về các vấn đề về cảm xúc và tâm lý, đồng thời tư vấn cho giảng viên về thiết kế bài học và hỗ trợ học viên.

Nhà tâm lý học chia sẻ trách nhiệm làm việc với các chuyên gia khác để tạo điều kiện cho một lộ trình đào tạo thành công. Các hoạt động này cũng nhằm thực hiện các biện pháp phòng ngừa các vấn đề tâm lý như căng thẳng hoặc trầm cảm.

6.6.7 Hỗ trợ đào tạo

Hỗ trợ đào tạo (HTĐT) trong khuôn khổ đào tạo hòa nhập có nhiệm vụ đồng hành cùng học viên có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt trong quá trình đào tạo và hòa nhập thị trường lao động. Cụ thể, điều này có thể có nghĩa là:

- Hỗ trợ vượt qua các thách thức chuyên môn và cá nhân trong đào tạo
- Thúc đẩy các kỹ năng xã hội và kỹ năng giao tiếp
- Tư vấn cho học viên và doanh nghiệp đào tạo về các vấn đề liên quan đến hòa nhập của người khuyết tật
- Hợp tác với các chuyên gia khác trong thị trường lao động và hệ thống xã hội để hỗ trợ hội nhập thành công vào thị trường lao động

Hơn nữa, việc hỗ trợ đào tạo cung cấp hỗ trợ trong toàn bộ thời gian đào tạo ngoài giờ giảng dạy thông thường cho học viên có khó khăn trong học tập và ôn tập liên quan đến kiểm tra và luyện thi.

6.6.8 Giảng viên giáo dục đặc biệt

Về lý thuyết và thực hành, giảng viên giáo dục đặc biệt làm việc với những học viên thiết thòi các yếu tố cá nhân và xã hội. Đó là về việc đồng hành, tư vấn và hỗ trợ những bạn trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt thông qua sự giúp đỡ với mục tiêu sự đánh giá cao và công nhận sự đa dạng. Các nhà giáo dục đặc biệt còn là các nhà khoa học giáo dục, nhà trị liệu ngôn ngữ và nhà tư vấn tổ chức, tập trung vào hỗ trợ xã hội, trường học và nghề nghiệp của từng cá nhân và do đó có thể hỗ trợ học viên tham gia vào mọi lĩnh vực của cuộc sống. Công việc hỗ trợ của họ nhằm tăng cường tính độc lập của các học viên với các nhu cầu hỗ trợ cá nhân.

Người làm công tác giáo dục đặc biệt có sự kết hợp giữa giảng viên, nhà giáo dục và người chăm sóc với rất nhiều trách nhiệm, bởi vì với tư cách là nhà giáo dục đặc biệt, bạn làm việc với những người trẻ tuổi bị suy giảm chức năng thần kinh, thể chất hoặc tinh thần và cần rất nhiều sự quan tâm và giúp đỡ. Không chỉ sự thấu hiểu, đồng cảm mà năng lực sư phạm cũng là phẩm chất quan trọng nhất của người giảng viên giáo dục đặc biệt.

7. Tổ chức và thiết kế bài học

Dù cho yếu tố hòa nhập được đưa vào bài học mỗi ngày ở lớp hay trong công việc thực tế tại xưởng, thì hiệu quả của tất cả các biện pháp luôn phụ thuộc vào khái niệm mà trên hết là khả năng nhất định để thực hiện tất cả các biện pháp hỗ trợ được chỉ định trong đó để thiết kế buổi học hòa nhập. Các điều kiện cơ bản, chẳng hạn như các yêu cầu về tổ chức, liên quan đến nội dung và nhân sự, chủ yếu ảnh hưởng và xác định việc lựa chọn các mục tiêu hỗ trợ và các biện pháp của chúng.

Kế hoạch cụ thể để thực hiện các biện pháp hỗ trợ theo dự định cũng tác động đến việc chuẩn bị và lập kế hoạch đào tạo hòa nhập. Tất nhiên, các hình thức giảng dạy, tài liệu giảng dạy, hình thức tổ chức mới phải được tạo ra và việc sử dụng các phương tiện hữu ích liên quan đến các tình huống đào tạo mới được khuyến khích và thường là cần thiết. Để có thể thực hiện các biện pháp hỗ trợ, cần phải điều chỉnh và đảm bảo đào tạo phù hợp với nhóm đối tượng khi thực hiện các điều kiện đã đề cập hoặc chất lượng của việc thực hiện phụ thuộc trực tiếp vào điều này. Trọng tâm của tất cả những việc này là các giảng viên thực hiện các biện pháp hỗ trợ này và những học viên có khó khăn không giống với học viên khác và vượt mức bình thường của tất cả học viên.

Trong các lý thuyết từ sách giáo khoa, không có ví dụ hoàn hảo nào mà tất cả giảng viên và thành viên của nhóm đa chuyên môn có thể áp dụng làm hướng dẫn. Mỗi tình huống và mỗi nhóm giảng dạy riêng sẽ cần sự động viên và hỗ trợ khác nhau. Việc lựa chọn các cách thức và phương tiện để đạt được điều đó yêu cầu nhóm phải triển khai và quyết định nhiều lần.

7.1 Sự chuyên biệt

Các kế hoạch hỗ trợ cá nhân chỉ có thể được áp dụng trong công việc hằng ngày với học viên khi phương pháp sư phạm và nguồn lực học tập cũng tạo điều kiện cho sự chuyên biệt hóa và cá nhân hóa phù hợp. Sự chuyên biệt có ý nghĩa gì trong đào tạo nghề?

- Paradies / Linser 2001, Sự chuyên biệt trong lớp học. trang 9

“Sự chuyên biệt trong trường học và trong lớp học xem tính cá nhân như là cơ sở cấu thành và chỉ theo đuổi một mục tiêu duy nhất: Mỗi cá nhân học viên nên được thử thách nhiều nhất có thể và do đó được khuyến khích theo cách tối ưu. Kết quả học tập và hành vi học tập của cá nhân là cơ sở để đo lường sự chuyên biệt về nội dung, giáo khoa, phương pháp, cấp độ xã hội và cấp độ tổ chức. Sự chuyên biệt hóa có nghĩa là phân biệt, sàng lọc, xếp loại và chia nhỏ nội dung học tập, bởi vì học tập là một quá trình phức tạp và mang tính cá thể.”

Với sự chuyên biệt, nội dung và phương pháp học tập được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và khả năng học tập của từng cá nhân học viên. Các phương pháp khác nhau có thể được sử dụng, chẳng hạn như các nhiệm vụ có độ khó khác nhau, làm việc nhóm hoặc tách nhóm học tập, cũng như làm việc cá nhân hoàn toàn.

Một ví dụ là các học viên làm việc theo nhóm và được giao các nhiệm vụ cá nhân phù hợp với trình độ học tập cá nhân của họ. Hình thức học tập chuyên biệt này sau đó cũng đòi hỏi sự hỗ trợ của các

tài liệu giảng dạy khác nhau và hình thức giảng dạy linh hoạt, cởi mở để học viên có thể tham gia thành công vào bài học.

Trong trường hợp lý tưởng, sự chuyên biệt sẽ gồm việc điều chỉnh và sửa đổi tất cả nội dung học tập, tài liệu giảng dạy, các phương pháp học tập và việc sử dụng các phương tiện theo nhu cầu được chẩn đoán riêng cho tất cả học viên trong nhóm học tập.

Mặc dù lý tưởng, của cá nhân hóa và chuyên biệt hóa trong đào tạo nghề công nghệ là tối đa hóa các cơ hội bình đẳng, lý tưởng này là không thể thực hiện được do cách tổ chức các bài học và các nguồn lực sẵn có.

7.2 Sự chuyên biệt theo thể chất bên ngoài và khả năng bên trong

Trong trường hợp có sự khác biệt về thể chất bên ngoài, nhóm giảng dạy không đồng nhất này được chia thành nhiều nhóm hoặc khóa học nhỏ khác nhau và tách biệt về mặt không gian. Các nhóm này được giám sát trong lớp bởi một giảng viên bổ sung từ nhóm chuyên môn đa ngành. Các nhóm học tập được kết hợp lại với nhau sao cho các yêu cầu đầu vào hiện có càng đồng nhất càng tốt.

Việc phân chia các nhóm học tập có thể phụ thuộc vào các khía cạnh khác nhau, chẳng hạn như độ tuổi, loại hình học tập, hiệu suất hoặc các hướng chuyên môn hóa (tiền, phay). Tuy nhiên, sẽ thực tế hơn nếu việc phân chia các nhóm học tập này trực tiếp dựa trên các mục tiêu hỗ trợ cho từng học viên. Lợi ích của việc chuyên biệt theo thể chất bên ngoài này là việc đạt được sự đồng nhất cao hơn. Tuy nhiên, không bao giờ có thể đạt được một nhóm học tập có sự đồng nhất tuyệt đối với những khác biệt về thể chất bên ngoài, và tình huống này cũng chỉ là một tình huống lý tưởng theo lý thuyết.

Trên thực tế, sự khác biệt về thể chất bên ngoài trong đào tạo nghề thường được nhìn nhận trên hiệu suất và kiến thức, vốn mâu thuẫn với định hướng của đào tạo hòa nhập với đặc điểm hiệu suất là tương tác học tập trong các nhóm không đồng nhất. Vì vậy, nếu có điều kiện nhân sự để một số giảng viên thực hiện việc chuyên biệt dựa trên thể chất bên ngoài, thì sẽ phù hợp với các nguyên tắc hướng dẫn toàn diện hơn, không tập ra các nhóm học tập chỉ dựa trên hiệu suất và kiến thức, và từ đó tăng cường tương tác học tập trong trường hợp có sự khác biệt về thể chất bên ngoài.

Với sự khác biệt về khả năng bên trong, nhóm học tập được tổ chức cùng nhau và được phân ra vào những thời điểm học tập nhất định. Dựa trên các tiêu chí nhất định mà giảng viên đã sử dụng trước đó để phân loại, nhóm học tập có thể triển khai khác nhau trong cùng một thời điểm.

Với sự chuyên biệt theo khả năng bên trong, giảng viên có nhiều lựa chọn mà họ có thể áp dụng để triển khai.

Đặc điểm của chuyên biệt: Kiến thức và Hiệu suất
- Bài tập được lựa chọn ở các cấp độ khác nhau - Giảng viên đưa ra mức độ phù hợp hoặc học viên tự chọn - Mức độ khó tăng dần - Tất cả học viên bắt đầu với nhiệm vụ dễ nhất - Tất cả các học viên tiếp tục với mức độ phức tạp nhất có thể
Tất cả học viên đều được giao nhiệm vụ như nhau, có thể sử dụng trợ giúp ở các mức độ khác nhau
Làm việc nhóm: Các nhóm cùng làm việc với các nhiệm vụ có độ phức tạp khác nhau và cùng nhau giải quyết chúng
- Người mới bắt đầu được giao các nhiệm vụ có độ phức tạp khác nhau, nhưng có cùng kết quả - Mức độ phức tạp trong các bài tập có thể được tùy chỉnh, ví dụ, bằng cách thêm các số liệu kỹ thuật, thông tin thừa hoặc không cần thiết, các phép tính kèm theo được chỉ định, v.v.
Đặc điểm của sự chuyên biệt : Thời gian
Học viên hoàn thành cùng số lượng bài tập trong thời gian khác nhau
Học viên có thành tích cao được giao thêm bài tập
- Các giai đoạn của bài học có thể được tùy chỉnh: giai đoạn luyện tập dài hơn, giai đoạn lặp lại và định hướng trước bài học, giai đoạn thực hành và ứng dụng ngắn hơn sau cùng - Giảng viên có thể hướng dẫn lộ trình học tập cho từng cá nhân và cung cấp thời gian hỗ trợ thêm
Đặc điểm của sự chuyên biệt: Nội dung giảng dạy
- Nhóm giảng dạy làm việc cùng nhau về một chủ đề, nhưng các khía cạnh riêng lẻ của chủ đề được giải quyết cụ thể hơn khi nhóm làm việc. - Nhóm giảng dạy làm việc theo các nhóm nhỏ về các chủ đề khác nhau
Các cá nhân trong các nhóm nhỏ ở lớp làm việc theo đề bài
Ở các xưởng thực hành, học viên có thể thực hiện các nhiệm vụ bắt buộc và tùy chọn
Giảng viên đưa ra các chủ đề để học viên tự chọn.
Đặc điểm của sự chuyên biệt: Phương pháp học tập (theo loại hình học tập)
- Người học ngôn ngữ bằng lời nói: thích học qua văn bản hoặc bằng cách viết hoặc giải thích - Người học logic-toán học: học tốt hơn khi sử dụng các cấu trúc, bản đồ tư duy, bản đồ khái niệm - Người học bằng hình ảnh không gian: thích học qua hình ảnh, phim hoặc cấu trúc trực quan - Người học thể chất-vận động: thích học qua các mô hình, việc đóng vai và thực hành
Tham khảo Phong cách học tập, Karin Hölscher, 2012, tr.104

7.2.1 Hỗ trợ hành động thông qua các biểu tượng

Các giảng viên có thể cung cấp các nhiệm vụ học tập ở các cấp độ khác nhau (học tập phân hóa). Việc sử dụng biểu tượng rất hữu ích ở đây để truyền tải thông tin và nhiệm vụ được chuẩn hóa về mặt thị giác bằng cách sử dụng các ký hiệu.

Hệ thống biểu tượng này mang đến cho các giảng viên cách thức truyền tải mà không cần thông tin bằng văn bản và phản ứng độc lập với ngôn ngữ. Việc sử dụng các hành động hỗ trợ giúp học viên dễ dàng nhận biết.

Tầm quan trọng và lợi ích của việc dùng hình ảnh hình dung:

- Các biểu tượng đơn giản hóa các câu lệnh phức tạp.
- Tùy thuộc vào yêu cầu học tập của từng cá nhân, học viên có thể xác định các hình ảnh, ký hiệu, màu sắc và hình dạng phi ngôn ngữ quanh môi trường học tập thông thường một cách độc lập.
- Học viên có thể sử dụng tranh tượng hình trong lớp học như một công cụ hỗ trợ thực hành, ví dụ: trong giai đoạn học tập cá nhân, trong hội thảo và khi kiểm tra các mục tiêu học tập.
- Sự hiểu biết về các biểu tượng thúc đẩy cơ hội tham gia của học viên.
- Sự hiểu biết về các biểu tượng được các học viên có được sự độc lập và an toàn.

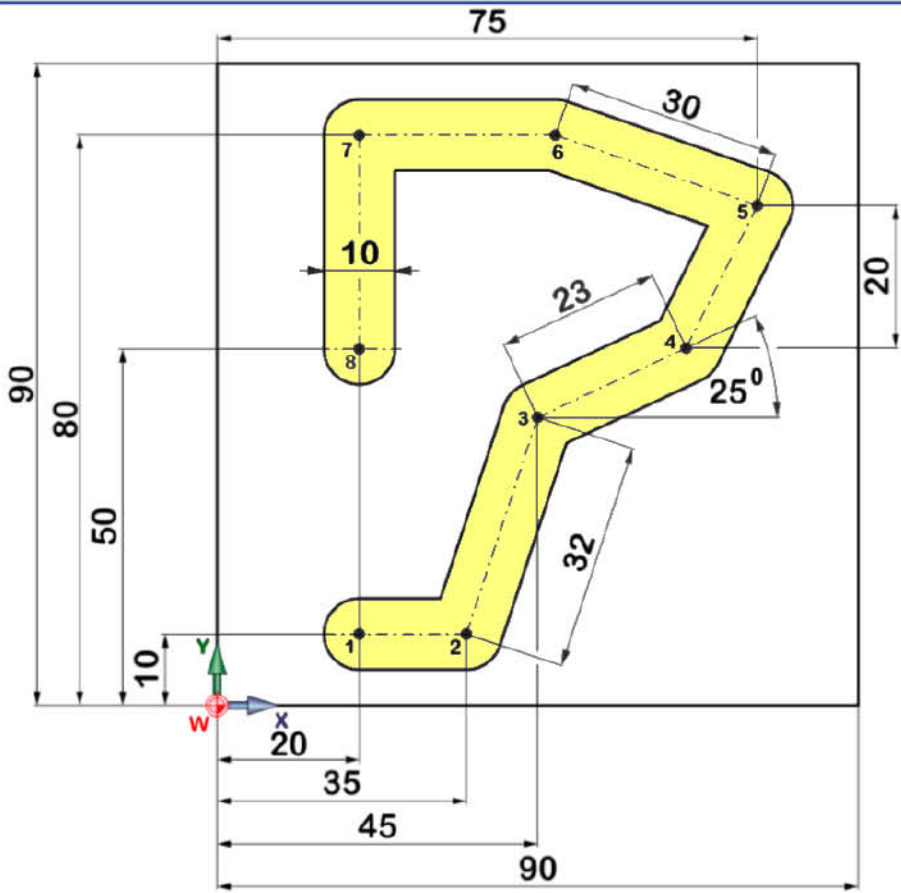
Biểu tượng	Ý nghĩa
	• Môn học
	• Chủ đề của bài kiểm tra mục tiêu học tập sắp tới
	• Các bài tập hoặc câu hỏi
	• Bài tập luyện tập hoặc kiểm tra mục tiêu học tập
	• Tìm hiểu về... /Nhận thông tin từ...
	• Hãy suy nghĩ
	• Hãy ghi chú
	• Làm việc nhóm
	• Hỗ trợ giải pháp - cách tiếp cận giải pháp

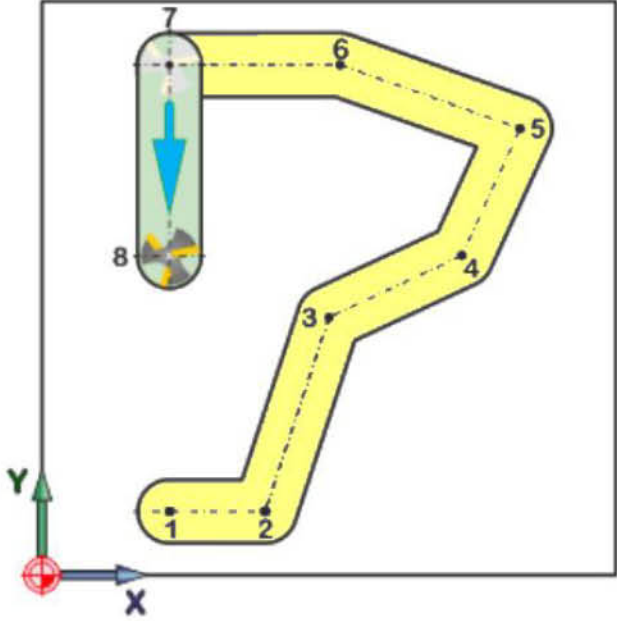
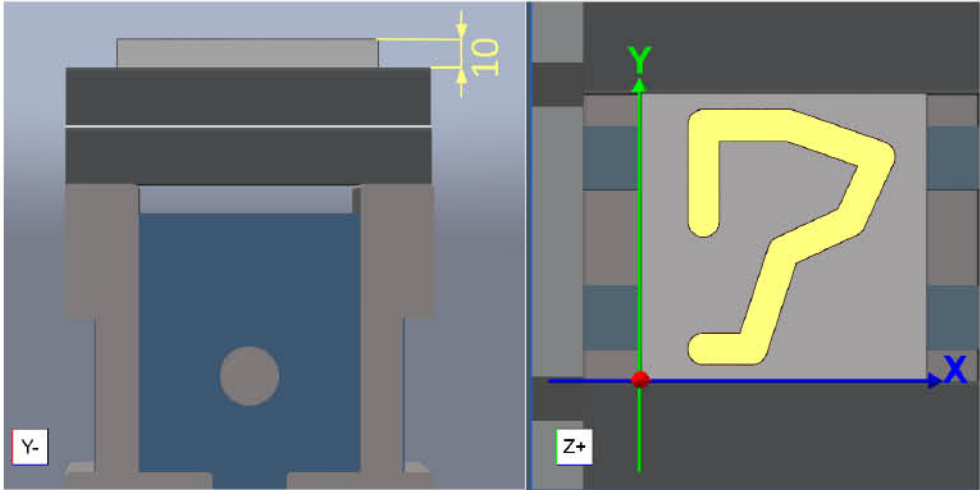


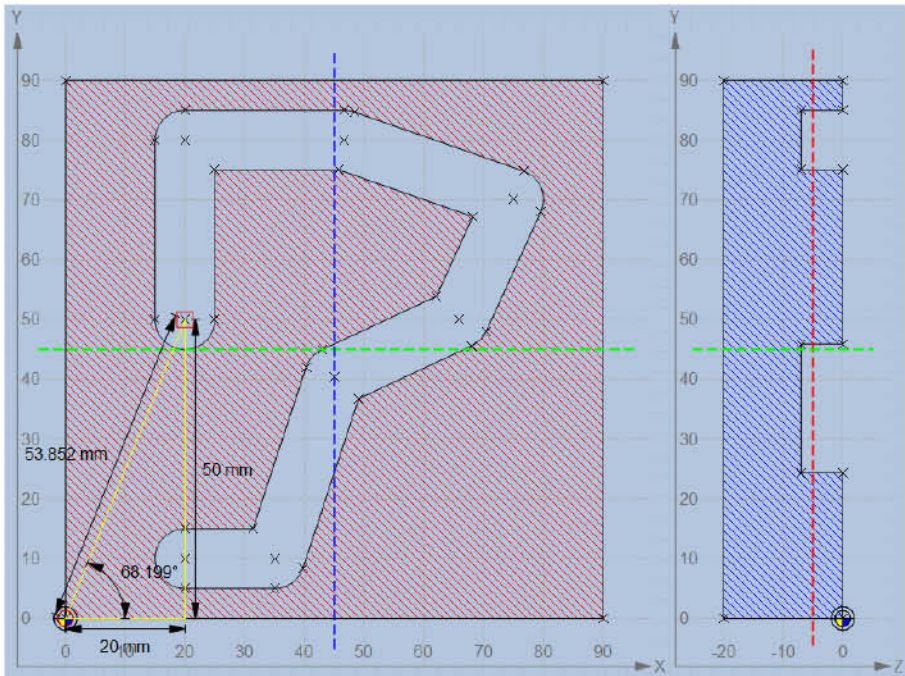
- Mục tiêu - Nội bài tập/ Nội bài kiểm tra mục tiêu học tập

7.2.2 Trang hướng dẫn nhiệm vụ với các ký hiệu hỗ trợ hành động

Ví dụ về bài tập lập trình, qua đó chỉ ra việc sử dụng các ký hiệu hành động trong mô tả nhiệm vụ học tập và thực hành .

Phay CNC: Trang hướng dẫn nhiệm vụ với các ký hiệu hỗ trợ hành động	
	Lập trình CNC cơ bản: Example_G1_M.fnc.
	Phay (từ đường tâm): Code "G1" với D, AS, XI, YI và H
	
	- Phay rãnh cho phôi có kích thước 90x90x20 (mm). - Chiều rộng rãnh tương ứng với đường kính của dao phay. - Trình tự xử lý tương ứng với việc đánh số, bắt đầu bằng điểm 1 và kết thúc bằng điểm 8.

	 • Dao T6 là dao phay cacbua nguyên khối VHM có đường kính 10 mm. • Độ sâu của rãnh là 7 mm.
	• Đọc hướng dẫn lập trình cho lập trình PAL để tìm hiểu về các việc lập trình với G1. • Kẹp phôi trong bộ mô phỏng theo cách kẹp sau: 
	• Hãy suy nghĩ về ý nghĩa của các tham số sẽ được sử dụng trong lập trình. • D = • AS = • XI = • YI = • H = • Cài đặt máy phay CNC theo nhiệm vụ bài tập và quan sát cách kẹp được chỉ định và dao cụ sẽ được sử dụng.
	• Đầu tiên hãy điền chương trình của bạn vào các khoảng trống và sau đó chạy chương trình trong mô phỏng CNC:

	N10 G54 N20 G94 G97 F250 S4500 T TC1 M13 N30 G X Y Z2 P1 N40 G Z N50 X P2 N60 X D H P3 N70 D AS P4 N80 X YI P5 N90 Y D H P6 N100 X P7 N110 Y P8 N120 T M
	Giải bài tập lập trình theo từng cá nhân. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào mà bạn không thể giải quyết bằng cách sử dụng các bài tập đã cho hoặc tài liệu giảng dạy được phép, hãy hỏi người bên cạnh của bạn trong lớp học CNC.
	Trợ giúp giải pháp: Kiểm tra tính chính xác của chương trình bằng phép đo phôi trong chương trình mô phỏng: 
	- Mục tiêu: Giải bài tập trong 35 phút. - Chương trình CNC phải chứa tất cả các bản vẽ và các tài liệu khác trong khi thiết lập chương trình. - Lưu chương trình với tên: Example_G1_M.fnc.

7.3 Tinh giản giáo trình

Thuật ngữ này được sử dụng như một phương pháp hành động, đặc biệt là trong giáo dục chuyên ngành.

Tinh giản giáo trình có nghĩa là giảng viên giảm bớt sự phức tạp của bài học để làm cho nó dễ tiếp cận và dễ hiểu đối với tất cả học viên. Ví dụ, với mục đích này, có thể sử dụng các phương tiện trực quan, ngôn ngữ đơn giản hóa hoặc các ví dụ minh họa cụ thể. Nhiệm vụ của việc giảm thiểu nội dung học tập là các sự kiện được chuẩn bị cho các học viên theo cách mà họ có thể nhận biết và hiểu được.

Việc tinh giản giáo trình được sử dụng trên hết khi việc lựa chọn nội dung học tập được tạo ra từ nguồn kiến thức phong phú phức tạp hoặc khi một chủ đề phức tạp được minh họa theo cách đơn giản hóa. Điều này được thực hiện bởi các giảng viên rút gọn chủ đề thành dàn ý cơ bản, ý tưởng cơ bản hoặc mẫu đơn giản hóa. Do đó, giảm thiểu giáo trình là một kỹ thuật giảng dạy nên được sử dụng trong bối cảnh lĩnh vực học tập khó quản lý và các nhiệm vụ học tập ngày càng phức tạp để cho phép những học viên gặp khó khăn trong học tập đạt được các mục tiêu học tập đã chỉ định và tránh bị choáng ngợp.

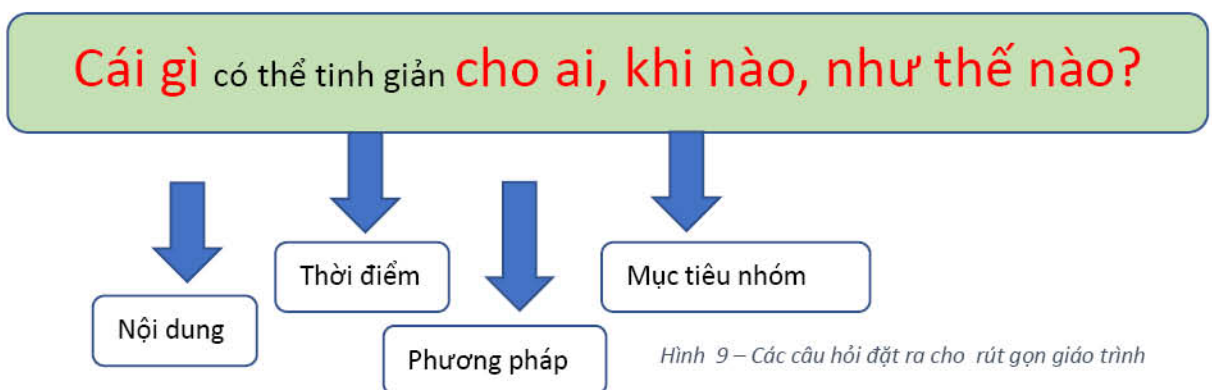
Việc tinh giản giáo trình có thể diễn ra ở hai cấp độ, cần phân biệt giữa tinh giản lượng và tinh giản chất lượng:

- Tinh giản lượng giáo trình (giảm nội dung hoặc độ khó) – giảm theo chiều dọc
- Tinh giản độ phức tạp của nội dung (giảm cấu trúc) - giảm theo chiều ngang

Tinh giản theo chiều dọc tương đương với rút gọn nội dung học tập, chỉ đề cập đến những câu cốt lõi của nội dung học tập. Cả trong phạm vi của tính phức tạp và phạm vi hiện hữu đều có thể được truyền đạt một cách hạn chế để cho phép học viên trình bày bài học một cách dễ hiểu.

Với phương pháp tinh giản theo chiều ngang, không có gì thay đổi trong chuyên môn. Việc giảm thiểu đạt được bằng cách minh họa các tuyên bố trừu tượng. Điều này có thể đạt được bằng nhiều cách, ví dụ như sử dụng các công cụ như bản phác thảo, hình ảnh, thí nghiệm, video hoặc các phương pháp khác. Nó cũng đạt được để giải thích bằng cách sử dụng các ví dụ và so sánh.

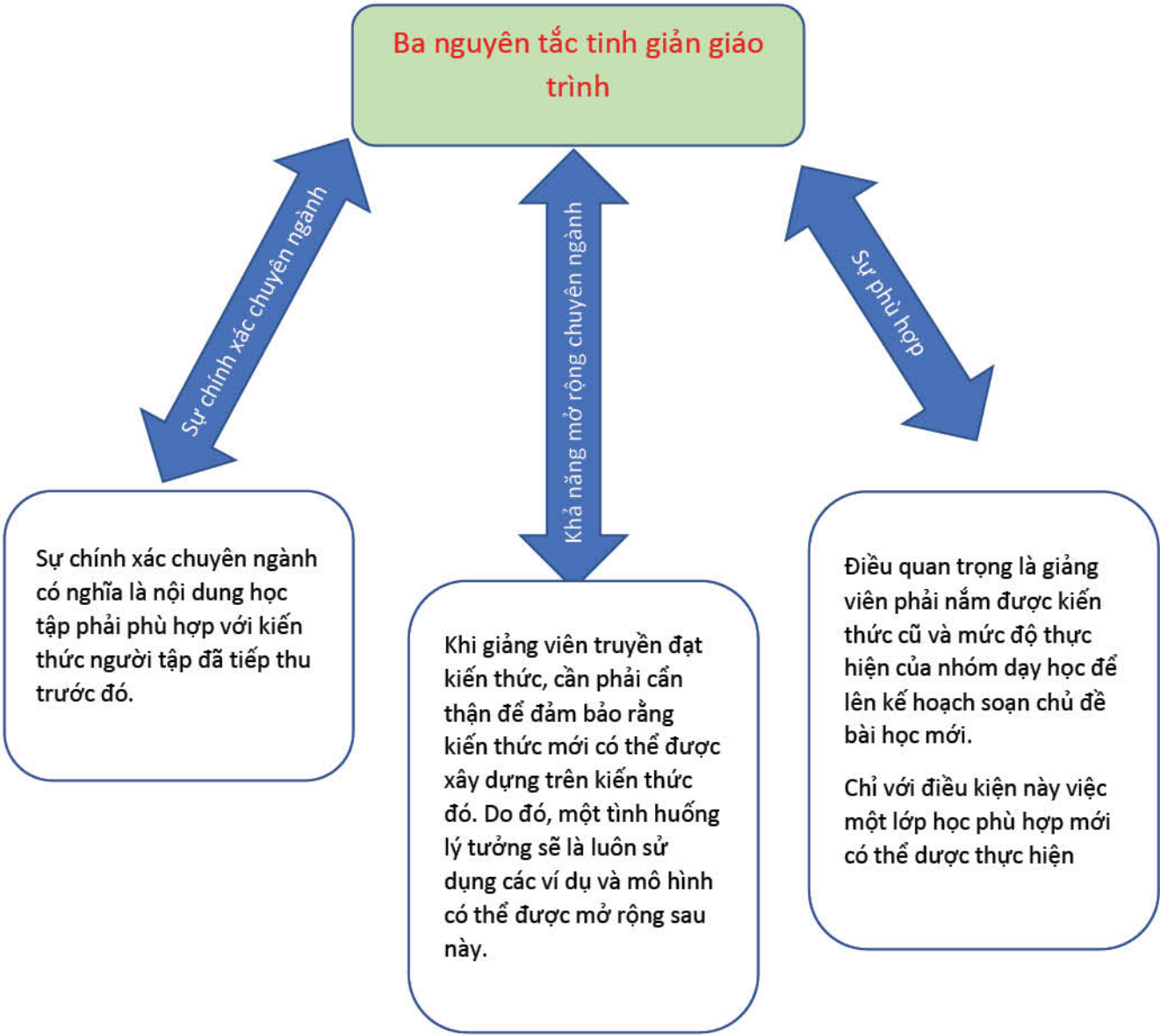
Từ quan điểm chuyên môn và ở cấp độ chuyên nghiệp, giảng viên phải quyết định học viên sẽ làm việc với nội dung nào. Các giảng viên là những chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy của mình và có khả năng tốt nhất để đánh giá điều gì là quan trọng và điều gì có thể dời lại cho đến phần sau của bài học.



Hình 9 – Các câu hỏi đặt ra cho rút gọn giáo trình

Tuy nhiên, khi nói đến tinh giản giáo trình, cũng cần lưu ý rằng có một số nội dung học tập không thể tinh giản mà không làm mất đi những kiến thức học tập quan trọng của học viên.

Trong trường hợp này, sẽ hợp lý hơn nếu dời nội dung học tập này sang thời gian sau của bài học, khi học viên có thể đối phó tốt hơn với nội dung học tập phức tạp.

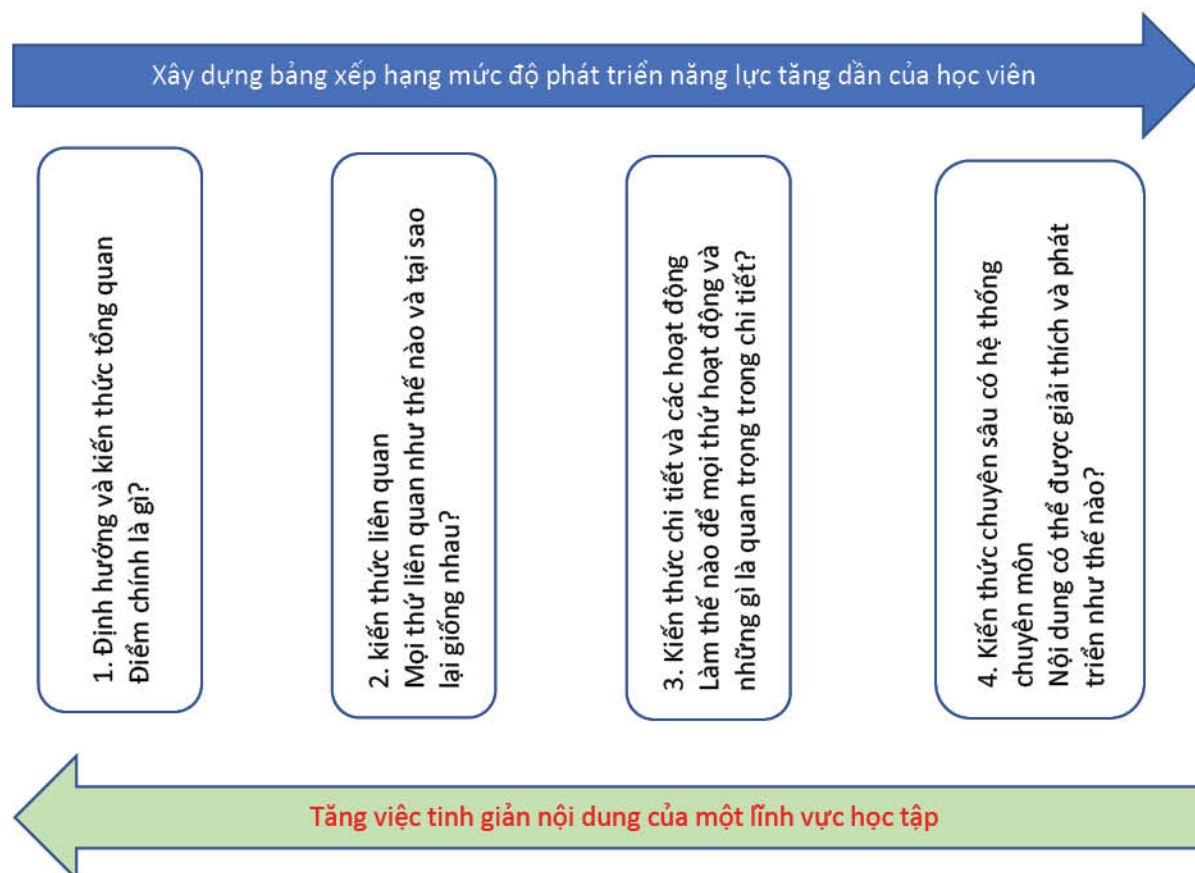


Hình 10 – Các nguyên tắc của tinh giản giáo trình

Việc tinh giản nội dung thực tế là giảm giáo trình, bởi vì nội dung thực sự được giảm.

- (dựa theo. Lehner, 2012, S. 93 f.) Thứ bậc của kiến thức:

"Một cách để tinh giản nội dung của một lĩnh vực học tập có thể là ví dụ: B. Trước hết là hệ thống hóa nội dung theo thứ bậc kiến thức theo năng lực tăng dần của học viên.



Hình 11 – Xếp hạng việc tinh giản nội dung của một lĩnh vực học tập

Bài tập: Đối với một nhóm học tập không đồng nhất, hãy chuẩn bị hai trang hướng dẫn khác nhau để lập trình các chuyển động tròn với "G2" và "G3" theo mẫu phay CNC:

Trang nhiệm vụ với ký hiệu hành động!

Nhóm 1: Học viên đã thể hiện sự phát triển trong kiến thức và hiệu suất tốt

Nhóm 2: Học viên có biểu hiện khó khăn trong học tập và kém hiệu quả (cần hỗ trợ)

Sử dụng kiến thức hiện có hoặc có được của bạn về tổ chức và thiết kế bài học, cũng như liên quan đến sự khác biệt và tinh giản giáo trình, để thiết kế các trang nhiệm vụ!

Để thực hiện trong lớp học với các bảng bài tập, Hãy lưu ý những câu hỏi sau đây như gợi ý cách giải ở trang tiếp theo để chuẩn bị nội dung học tập cho việc soạn bài và chuẩn bị bảng bài tập của mình!

Lưu ý: Danh sách kiểm tra này đặt việc giảm định lượng trước khi giảm chất lượng.

(Nguồn dựa trên: Phương pháp dạy thực hành - Mamczek – 2011)

STT.	Checklist chuẩn bị nội dung học tập	Đã kiểm tra
1	Tiến hành phân tích nhóm mục tiêu: tài liệu giảng dạy được chuẩn bị cho ai?	
2	Giảng viên tự phân tích: Giảng viên có chuyên môn gì?	
3	Xác định mục tiêu dạy/học: Cần học cái gì?	
4	Đặt khung thời gian cho các mục tiêu dạy/học: Có bao nhiêu thời gian để dạy môn học?	
5	Khung tham chiếu và thuật ngữ kỹ thuật: điều gì có thể yêu cầu	
6	Phân định và làm mỏng chủ đề: Cái gì phải cho vào và cái gì có thể bỏ đi?	
7	Tập hợp nội dung học tập: Những nội dung riêng lẻ nào tạo thành chủ đề?	
8	Gói nội dung học tập: Có thể tóm tắt những gì?	
9	Lập kế hoạch cho một kế hoạch học tập: Làm thế nào để các khía cạnh quan trọng nhất có thể được phối hợp và thiết kế?	
10	Trực quan hóa kế hoạch học tập: Làm thế nào một chủ đề có thể được lập kế hoạch rõ ràng?	
11	Tạo chủ đề nhỏ cho trực quan học tập: Hình ảnh trực quan phải chi tiết đến mức nào?	
12	Thiết kế bản kế hoạch phụ: Có nên hiển thị nội dung riêng lẻ không?	
13	Phát triển một dạng mẫu: Giảm chất lượng có thể trông như thế nào?	

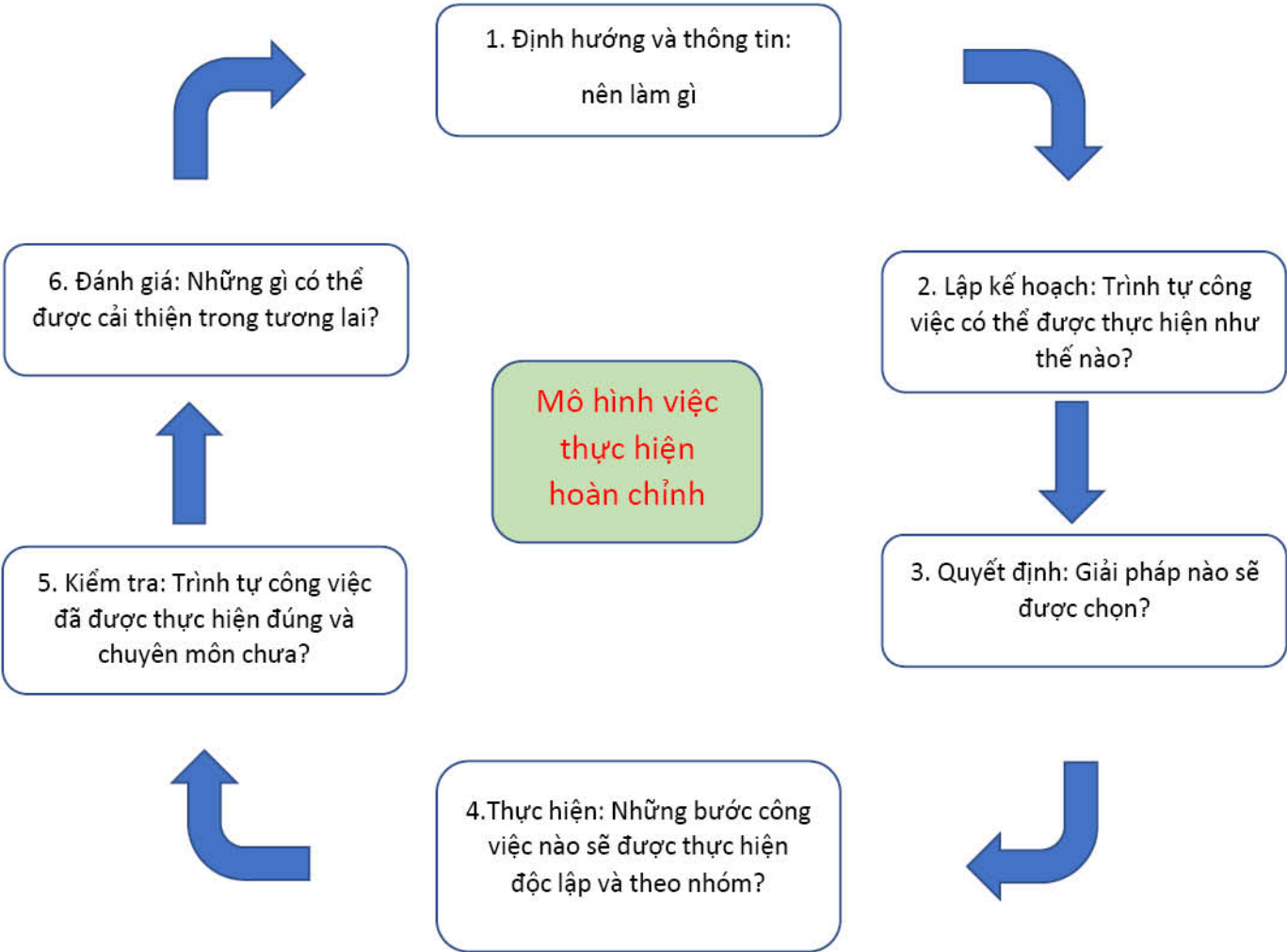
7.4 Tối ưu hóa văn bản và tính rõ ràng của tài liệu giảng dạy

Sự gia tăng các kỹ năng của học viên thường diễn ra thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ học tập và với sự trợ giúp của tài liệu học tập và bài tập. Vì không có giải pháp chung cho việc tạo và thiết kế tài liệu học tập cũng như các bài tập, nên giảng viên phải luôn xem xét và tính đến nhu cầu hỗ trợ cá nhân của tất cả học viên. Điều này đặc biệt quan trọng khi các kỳ vọng về năng lực trong một nhóm học tập và do đó hầu hết ở nhiều học viên cho thấy sự khác biệt lớn.

Các tài liệu giảng dạy được cung cấp phải luôn được xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo rằng chúng không gây choáng ngợp cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

Ví dụ, tình trạng quá tải này là do khả năng đọc văn bản chưa được phát triển đầy đủ theo cách mà học viên có thể hiểu được ý nghĩa đầy đủ của nó. Trong các bài học lấy người dạy làm trung tâm, giảng viên luôn có cơ hội và tùy theo tình huống bài học để nhắc lại một số nội dung khi học viên hỏi hoặc giải thích thêm thông qua các câu trả lời. Tuy nhiên, trong quá trình tự học của học viên gặp khó khăn trong học tập, có nguy cơ là những tài liệu này sẽ nhanh chóng trở nên quá tải nếu tài liệu giảng dạy và thông tin được cung cấp vượt quá khả năng tập trung và chiến lược giải quyết vấn đề của học

viên. Mô hình hành động hoàn chỉnh đòi hỏi học viên phải có mức độ linh hoạt cao và do đó phải cho phép học viên học tập thành công ngay từ giai đoạn định hướng và thông tin, trong đó các văn bản được cung cấp đều dễ hiểu.



Hình 12 – Mô hình việc thực hiện hoàn chỉnh

7.4.1 Tối ưu văn bản

Nền tảng của việc tối ưu hóa văn bản là có thể trình bày một sự việc hoặc nội dung bằng các phương tiện ngôn ngữ khác nhau. Các văn bản được sử dụng trong đào tạo nên dựa trên các kỹ năng ngôn ngữ của những người học viên trẻ. Các yêu cầu về chất lượng đối với văn bản trên lớp, trong học tập, kiểm tra, thi một cách khách quan đòi hỏi tính dễ hiểu, rõ ràng hoặc rõ ràng và minh bạch.

Điều này có nghĩa là các văn bản được cân bằng về mặt kỹ thuật và được xây dựng theo cách hướng tới nội dung học tập. Do đó, chúng phải phù hợp với chương trình giảng dạy và các quy định hiện hành của nghề đào tạo. Do đó, giảng viên có nhiệm vụ xử lý văn bản và tài liệu giảng dạy sao cho chúng được xây dựng và cấu trúc rõ ràng sao cho học viên có thể định hướng bản thân một cách nhanh chóng và rõ ràng về nhiệm vụ được giao. Điều quan trọng là việc tối ưu hóa văn bản không làm thay đổi nội dung của thông tin.

Ví dụ, có những yêu cầu rõ ràng do các yêu cầu của các phòng ban chịu trách nhiệm trong các bài thi:

Bài thi cần:

- Khách quan
- Dễ hiểu và rõ ràng
- Tránh nhấn mạnh và phản biện một chiều
- Kiểm tra năng lực chuyên môn
- Cung cấp kết quả đáng tin cậy - thực sự kiểm tra những gì họ phải kiểm tra về mặt nội dung
- Phân biệt giữa hiệu suất cao và hiệu suất kém
- Tiết kiệm chi phí khi thực hiện

Mục đích tối ưu hóa văn bản của các tài liệu giảng dạy và kiểm tra cho học viên có khó khăn trong học tập phải là kiểm tra kiến thức chuyên môn và phải đảm bảo khả năng đọc hiểu liên tục.

7.4.2 Nguyên tắc cho đơn giản và dễ dàng hóa ngôn ngữ

Phần lớn học viên gặp khó khăn trong học tập không hiểu ngôn ngữ khó. Vì vậy giảng viên cần lưu ý những quy tắc quan trọng để tránh bị choáng ngợp khi học và hiểu. Có các quy tắc được khuyến nghị cho ngôn ngữ dễ hiểu, luôn phải dựa trên các kỹ năng của học viên. Vì vậy, trong đào tạo, người ta cũng nói đến việc làm cho ngôn ngữ không còn rào cản nữa, để đáp ứng nhu cầu của học viên.

Ví dụ, nguyên tắc quan trọng đối với dễ hiểu hóa và theo đó đơn giản hóa ngôn ngữ là:

- Sử dụng từ ngữ đơn giản.
- Sử dụng những từ mô tả một cái gì đó chính xác.
- Dùng từ quen thuộc. Tránh thuật ngữ kỹ thuật và từ nước ngoài.
- Giải thích từ khó và thông báo trước từ khó.

- Luôn sử dụng cùng một từ cho cùng một thứ.
- Sử dụng từ ngữ ngắn gọn.
- Nếu không hiệu quả: tách các từ dài bằng dấu gạch nối. Sau đó, học viên có thể đọc các từ tốt hơn.
- Không sử dụng chữ viết tắt.
- Sử dụng động từ.
- Sử dụng các từ chủ động.
- Tránh giả định.
- Sử dụng ngôn ngữ tích cực bất cứ khi nào có thể.
- Tránh dùng thành ngữ và ngôn ngữ tượng hình.
- Luôn sử dụng dấu chấm than khi được nhắc.
- Xây dựng cấu trúc thông tin trong văn bản một cách logic (nguyên nhân trước hệ quả, trình tự thời gian, thông tin trước hướng dẫn).
- Sử dụng phông chữ dễ đọc và cỡ chữ tối thiểu.
- Luôn đánh dấu những thông tin quan trọng.

7.4.3 Cấu trúc rõ ràng trong tài liệu làm việc

Trong phần "Hỗ trợ hành động các biểu tượng", nó đã chỉ tính hữu ích qua việc thiết kế các trang nhiệm vụ bằng các biểu tượng. Thì nếu các tài liệu được tối ưu hóa về văn bản và được xây dựng bằng ngôn ngữ đơn giản hóa, thì các phần nội dung quan trọng được thể hiện một cách phù hợp cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

Hình thức trình bày thông qua hướng dẫn trực quan chính xác của tài liệu giảng dạy và kiểm tra là rất quan trọng cho sự thành công trong học tập. Tài liệu nên dễ hiểu, đơn giản và có cấu trúc tốt. Tính dễ hiểu có thể được làm tròn bởi cấu trúc rõ ràng trong tài liệu công việc liên quan đến nhiệm vụ công việc và cấu trúc văn bản. Sự bình đẳng về hình ảnh này đảm bảo giá trị nhận dạng tốt và học viên có thể nắm bắt các nhiệm vụ nhanh hơn.

Ngoài ra, điều gì có thể còn được xem xét?

Khi **bố trí trang hướng dẫn nhiệm vụ**, các sắp đặt như sau tạo thành một tiêu chuẩn dễ nhận biết: lề, đầu trang và cuối trang, định dạng dọc hoặc ngang, số trang, phông chữ, cỡ chữ, bố cục trang tính và sử dụng khoảng trắng cũng như tô màu.

Đầu trang của trang hướng dẫn nhiệm vụ phải chứa tên, lớp, chủ đề và ngày tháng.

Đề bài trên trang hướng dẫn nhiệm vụ nên được thiết kế theo cách chỉ có một nhiệm vụ được xây dựng cho mỗi câu. Bạn phải luôn sử dụng các thuật ngữ giống nhau để đưa ra hướng dẫn (giải thích..., tên..., liệt kê..., mô tả...)

Tài liệu trung tâm của trang hướng dẫn nhiệm vụ phải ở dạng văn bản, hình ảnh, bảng hoặc ý tưởng và cũng nên được sắp xếp rõ ràng ở giữa trang hướng dẫn nhiệm vụ và chiếm không gian lớn nhất.

Các câu trong một cấu trúc văn bản giúp cải thiện sự rõ ràng một cách đáng kể

Đánh dấu bằng văn bản có màu hoặc in đậm hoặc in nghiêng thu hút sự chú ý đến những gì quan trọng và trọng tâm của nội dung.

7.5 Thiết kế bài học với hai giảng viên

Như đã giải thích trong phần "Nhu cầu giáo dục đặc biệt", việc giảng dạy các nhóm giảng dạy không đồng nhất thường đòi hỏi một giảng viên thứ hai thay đổi cách tổ chức môi trường học tập. Đây là điều kiện then chốt để thành công trong môi trường học tập hòa nhập và thường đạt được với sự hợp tác giữa giảng viên phổ thông và giảng viên giáo dục đặc biệt. Trong mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai giảng viên, cả hai đều có lợi cho nhau và chấp nhận rằng các khuôn khổ và trách nhiệm cụ thể của nhiệm vụ được vượt quá theo nghĩa hỗ trợ tốt nhất có thể cho tất cả học viên.

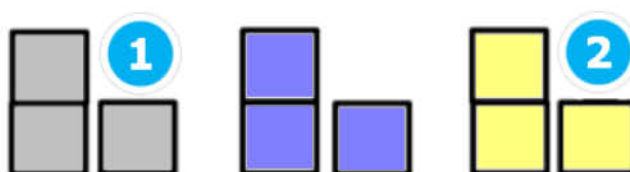
Kinh nghiệm dạy học hợp tác cho thấy mô hình hợp tác rất tốt giữa các giảng viên cũng thúc đẩy học tập hợp tác trong nhóm dạy học và cũng khuyến khích học tập hợp tác. Làm việc với hai giảng viên là một giải pháp thay thế cho việc thành lập các nhóm giảng dạy nhỏ hơn và hiệu quả hơn vì một giảng viên có thể hỗ trợ và chẩn đoán cụ thể trong lớp học. Theo kinh nghiệm, đồng giảng dạy là con đường mong muốn trong việc thiết lập môi trường học tập hòa nhập. Tất nhiên, việc dạy chung phải được thực hành và thử nghiệm, tránh tình trạng giảng viên thứ hai chỉ đảm nhận chức năng thụ động. Như đã lưu ý trước đó, có thể đáng xem xét sử dụng sự khác biệt bên ngoài như một phương pháp giảng dạy, với sự giúp đỡ của giảng viên thứ hai, để làm việc và học tập một cách có ý nghĩa với các nhóm giảng dạy nhỏ hơn.

Để sử dụng hợp lý cho sự chuyên biệt nội tại, có nhiều mức độ lập kế hoạch và thực hiện bài học khác nhau. Cả hai giảng viên đều ở trong lớp học hoặc hội thảo và giảng viên có thể đóng góp tùy theo thể mạnh chuyên môn và sự đồng cảm nghề nghiệp của họ.

Để học viên chấp nhận hai giảng viên ngang nhau, cần khuyến khích sự chuyên biệt nội bộ và đảm bảo rằng giảng viên cũng thay đổi vai trò giảng dạy theo thời gian. Điều này cũng tạo ra hiệu ứng phụ là giảng viên có thể nhìn vào nhau và học hỏi lẫn nhau để phát triển hơn nữa năng lực của bản thân.

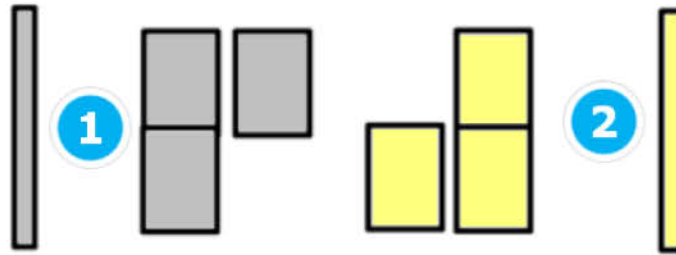
Giảng dạy tại trạm (Station teaching):

- Hình thức dạy học mở
- Nội dung bài học được chia nhỏ.
- Các nhóm giảng dạy thay đổi từ trạm này sang trạm khác.
- Các nhóm dạy lần lượt được giảng viên hướng dẫn.
- Thích hợp nhất để đi theo mô hình thực hiện xuyên suốt toàn phần.
- Các nhóm dạy học nên được sắp xếp không đồng nhất.



Giảng dạy song song (Parallel teaching):

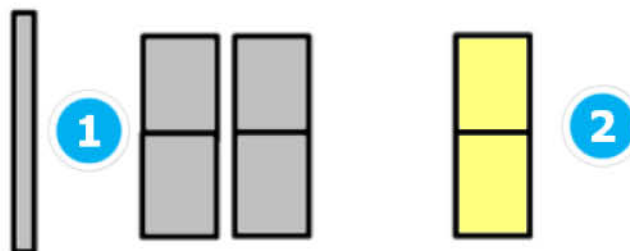
- Mỗi giảng viên dạy một nửa nhóm dạy.
- Cả hai dạy cùng một nội dung được lên kế hoạch chung.
- Ưu điểm: nhóm dạy nhỏ
- Học tập cá nhân và hiệu quả
- Học viên cảm thấy dễ dàng hơn khi tham gia lớp học.
- Giảng viên có thể trao đổi và rút kinh nghiệm.



Hình 14 – Giảng dạy song song (Parallel teaching)

Giảng dạy theo phân chia:

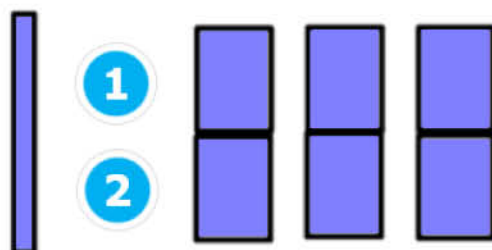
- Một giảng viên làm việc với phần lớn nhóm giảng dạy có thể giải quyết vấn đề.
- Giảng viên khác làm việc với nhóm giảng dạy nhỏ hơn ở một cấp độ khác.
- Nhóm nhỏ có thể làm việc hiệu quả hơn và theo cách khác biệt hơn (ví dụ: với các tài liệu khác).
- Hình thức giảng dạy này đòi hỏi kỷ luật và cân nhắc đặc biệt vì hai giảng viên thường nói cùng một lúc.
- Các nhóm nhỏ phải luôn được tập hợp lại (để tránh nguy cơ bị kỳ thị).



Hình 15 -Giảng dạy phân chia (Alternative teaching)

Giảng dạy nhóm:

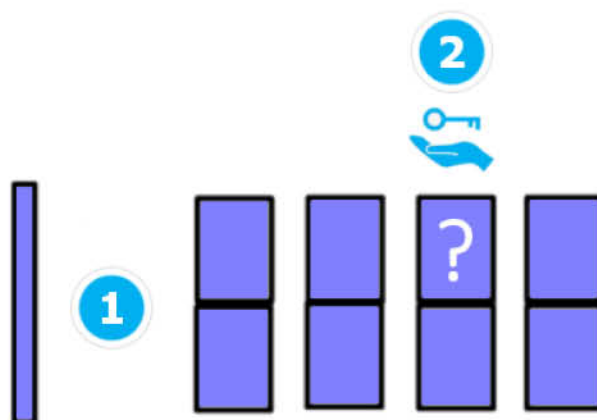
- Cả hai giảng viên cùng thực hiện các bài học với tất cả các học viên.
- Giảng viên thay phiên nhau dẫn dắt bài học.
- Ví dụ: một giảng viên hướng dẫn thảo luận, một giảng viên làm mẫu .
- Sự hợp tác tốt giữa các giảng viên là tấm gương tích cực cho học viên.
- Các bài học có thể được làm phong phú bằng các phong cách giảng dạy khác nhau của giảng viên.
- Hình thức dạy học này đòi hỏi sự phối hợp rất tốt và kinh nghiệm hợp tác của giảng viên.



Hình 16 – Giảng dạy theo nhóm (Team teaching)

Một người dạy – một người hỗ trợ (One teaches – one assists):

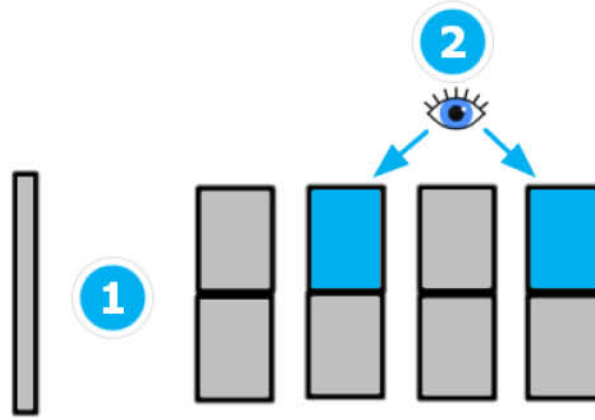
- Giảng viên thứ hai tập trung vào từng học viên riêng lẻ, trong khi sự chú ý của học viên hướng đến giảng viên thứ nhất.



Hình 17 - Một người dạy - một người hỗ trợ (One teaches - one assists)

Một người dạy - một người quan sát (One teaches – one observes):

- Giảng viên thứ hai thực hiện việc quan sát từng học viên để có được những nhận biết sâu sắc về chẩn đoán.
- Giảng viên quan sát có thể thu được những hiểu biết quan trọng về mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ đối với từng học viên.



Hình 18 – Một người dạy- một người quan sát (One teaches – one observes)

7.6 Buổi học mở lấy học viên làm trung tâm

Các hình thức dạy học mở này thay đổi tình hình dạy và học, bởi vì các khái niệm đã thay đổi liên quan đến việc học viên đưa ra các quyết định trong lớp học và cũng được phép có tiếng nói trong đó. Các hình thức giảng dạy này đòi hỏi giảng viên phải linh hoạt và cởi mở ở mức độ cao, bởi vì sự tham gia tích cực của học viên đối với việc thực hiện các bài học là trọng tâm của phương pháp tiếp cận có phương pháp ở đây. Thời gian và tốc độ học tập, nội dung học tập và quan hệ đối tác học tập có thể được thiết kế linh hoạt và phần lớn do học viên quyết định.

Thông qua cách tiếp cận dạy học mở này, sẽ tăng cường phát triển khả năng tự định hướng quá trình học tập của học viên và **giảm tỷ lệ dạy học lấy giảng viên làm trung tâm**. Trọng tâm là học viên còn giảng viên có chức năng bổ sung và tư vấn. Đối với học viên, các hình thức dạy học này nhằm giúp họ trở nên độc lập hơn, có khả năng hành động và đưa ra quyết định. Ví dụ, mục đích của dạy học lấy học viên làm trung tâm là để học viên làm việc theo nhóm, để họ có thể tự đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó. Điều này đòi hỏi các học viên phải cùng nhau lên kế hoạch cho các nhiệm vụ của mình một cách độc lập và hợp lý.

Việc giảm trọng tâm vào giảng viên cho phép giảng viên có **nhều thời gian hơn để cung cấp hỗ trợ khác biệt** cho người học có nhu cầu cá nhân.

7.6.1 Làm việc nhóm và thảo luận trên lớp

Tỷ lệ làm việc nhóm và thảo luận trên lớp là yếu tố hình thành lớp học mở, qua đó học viên học cách làm việc tích cực và độc lập. Dạy học trực diện và dạy học theo nhóm là những hình thức và phương pháp xã hội mà giảng viên có thể sử dụng một cách có mục tiêu. Các bài học nhóm có thể được cấu trúc theo hai cách khác nhau: Một là bài học nhóm với cùng một công việc và cùng một chủ đề. Ở đây, tất cả các học viên làm việc thông qua cùng một chủ đề bài học hoặc các nhiệm vụ giống nhau. Cách hai của các bài học nhóm được thiết kế theo cách mà một số học viên làm việc trên một chủ đề hoặc nhiệm vụ phức tạp chung của bài học, nhưng các nhóm khác nhau cũng giải quyết hoặc tìm ra các lĩnh vực chủ đề khác nhau cho bài tập.

Một lợi thế khi làm việc theo nhóm với cùng khối lượng công việc là động cơ cạnh tranh và bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, các bài học nhóm đòi hỏi những kỹ năng rất cụ thể từ phía học viên, chẳng hạn như cách thức giải quyết vấn đề độc lập và trách nhiệm cá nhân khi học.

- Aschersleben mô tả trong cuốn sách "Giới thiệu phương pháp giảng dạy" Chương: Bài học nhóm" các bước cá nhân phải tuân theo trong các bài học nhóm như một hình thức giảng dạy mở:

1. Động lực học tập
2. Thông báo chủ đề
3. Thảo luận hướng dẫn có giới hạn hoặc thảo luận mô phạm
4. Thiết kế chung kế hoạch công tác
5. Cung cấp các phương tiện cần thiết
6. Thành lập nhóm làm việc
7. Lập kế hoạch nội bộ trong nhóm
8. Làm việc nhóm
9. Thiết trình hoặc báo cáo nhóm
10. Tóm tắt và phát triển từ kết quả đạt được

Để hệ thống hóa phương pháp và tầm quan trọng của nó cũng như làm cho nó rõ ràng, ông (Aschersleben) đã chia mười bước này thành ba phần chính:

- I. Chuẩn bị (bước 1 – 7)
- II. Làm việc nhóm (bước thứ 8)
- III. Xây dựng (bước 9 – 10)

Thiết kế lớp học với làm việc theo nhóm là một cách hiệu quả trong giáo dục nghề nghiệp hòa nhập để khuyến khích học tập và hợp tác đồng thời đáp ứng sự đa dạng của người học. Các học viên được chia thành các nhóm không đồng nhất để đảm bảo rằng mỗi học viên có thể hưởng lợi từ các kỹ năng và thế mạnh đa dạng của các thành viên trong nhóm.

Giảng viên cung cấp các bài tập và mục tiêu được xác định rõ ràng để các thành viên trong nhóm cùng nhau thực hiện. Các bài tập nên được thiết kế theo cách mà chúng thách thức tất cả các học viên đồng thời đáp ứng nhu cầu cá nhân của họ. Trong quá trình làm việc nhóm, mỗi người học có cơ hội đóng góp tích cực và chịu trách nhiệm cho sự thành công của dự án nhóm. Giảng viên thường đóng vai trò là người hỗ trợ và cung cấp hỗ trợ và hướng dẫn cho các học viên khi cần thiết.

Bằng cách làm việc cùng nhau trong các nhóm không đồng nhất, các học viên có thể cải thiện các kỹ năng giao tiếp và xã hội của họ, đồng thời học cách đối phó với các quan điểm và ý kiến khác nhau.

Đồng thời, họ có thể học hỏi và hỗ trợ lẫn nhau, điều này có thể giúp hiểu rõ hơn về nội dung và có động lực cao hơn.

Tuy nhiên, có một số **khía cạnh có vấn đề** trong quá trình thực hiện cần được xem xét.

Đầu tiên, có thể khó thành lập các nhóm đủ hỗn hợp để phản ánh sự đa dạng của các học viên, nhưng đủ đồng nhất để đảm bảo sự hợp tác và tiến bộ của nhóm. Do đó, giảng viên nên tiến hành một cách tận tâm khi chia nhóm, có tính đến cả nhu cầu học tập cá nhân và lợi ích của học viên.

Một vấn đề khác là không phải tất cả các học viên đều tích cực tham gia vào công việc nhóm hoặc đóng góp một cách thích hợp. Giảng viên có thể phải ứng với điều này bằng cách đặt ra những kỳ vọng và quy tắc rõ ràng cho công việc nhóm và đảm bảo rằng tất cả học viên đều tham gia bình đẳng. Các biện pháp hỗ trợ như huấn luyện đồng đẳng hoặc hỗ trợ cá nhân từ giảng viên cũng có thể hữu ích.

Ngoài đề:

Huấn luyện đồng đẳng là một hình thức học tập hợp tác trong đó người học hỗ trợ lẫn nhau để đạt được mục tiêu học tập cá nhân của họ. Các học viên tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập của mình và giúp đỡ lẫn nhau bằng cách đưa ra phản hồi, trao đổi ý kiến hoặc cùng nhau đưa ra giải pháp.

Huấn luyện đồng đẳng dựa trên ý tưởng rằng người học có thể học hỏi lẫn nhau và sự hợp tác cũng như chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm đó giúp cải thiện và đẩy nhanh quá trình học tập. Điều này cho phép những người học đã có kỹ năng hoặc năng lực nhất định truyền lại kiến thức và kinh nghiệm của họ cho những người học khác chưa có.

Các **biện pháp đối phó hiệu quả** đối với các **khía cạnh có vấn đề** trong nhóm làm việc cho giảng viên bằng cách cố gắng thực hiện các ý tưởng sau đây cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt để giúp họ hòa nhập thành công vào công việc nhóm:

- Giảng viên cung cấp một cấu trúc rõ ràng và chuyên sâu về công việc nhóm để hỗ trợ.
- Tập hợp các bài tập đóng, mở và tự nguyện giúp học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt giải một số bài tập một cách độc lập.
- Thành phần của các nhóm được xác định sao cho hỗ trợ được sự tham gia tích cực của tất cả các học viên. Khía cạnh này có thể được thúc đẩy bởi thực tế là các học viên phân chia các mệnh lệnh riêng lẻ hoặc từng phần cho nhau một cách độc lập và tự quyết.
- Giảng viên yêu cầu các nhóm học tập lập kế hoạch làm việc rõ ràng. Trước khi công việc học tập thực sự bắt đầu, phải xác định rõ học viên nào sẽ làm gì.
- Giới hạn thời gian bắt buộc cho các mục tiêu học tập cá nhân của công việc nhóm được chỉ định cho tất cả các nhóm.
- Giảng viên phản ánh về công việc nhóm với các học viên.

Một thách thức khác là sự hợp tác giữa các học viên với các kỹ năng và nhu cầu khác nhau. Ở đây, điều quan trọng là giảng viên phải chọn các nhiệm vụ và hình thức công việc phù hợp để tất cả học viên có thể đóng góp. Các biện pháp hỗ trợ như tài liệu bổ sung hoặc sự trợ giúp từ giảng viên thứ hai hoặc sinh viên thực tập sư phạm cũng rất hữu ích.

Điều quan trọng là tất cả các giảng viên cần lưu ý những điều sau: Trong công việc nhóm, giảng viên yêu cầu nhiều kỹ năng xã hội và nghề nghiệp trong nhóm giảng dạy, mà những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt không có hoặc chỉ phát triển một chút. Các ví dụ sau nên được đề cập ở đây (theo Weidner, 2005, p. 18 f.):

- Lắng nghe cẩn thận
- Hướng sự tập trung của mình
- Không để bị phân tâm
- Để người khác nói xong
- Có thể giúp đỡ người khác, yêu cầu giúp đỡ
- Cung cấp hỗ trợ
- Đưa ra lời phê bình mang tính xây dựng
- Có khả năng nắm bắt suy nghĩ của người khác và đưa họ đi xa hơn
- Có thể tóm tắt/diễn giải các đóng góp bằng lời nói
- Khả năng đàm phán và thỏa hiệp
- Có thể tự lên kế hoạch cho công việc của mình
- Có thể phát biểu tự do trước một nhóm
- Có thể đọc và hiểu các văn bản
- có thể áp dụng kiến thức trước
- Có khả năng tóm tắt nội dung

7.6.2 Lớp học trong xưởng như một vòng trạm

Các hình thức học tập trong lớp học hoặc trong xưởng được xem như một trạm, nơi các học viên thực hiện các nhiệm vụ học tập và làm việc một cách độc lập theo sự lựa chọn tự do. Các bài tập học tập và công việc này được các học viên lựa chọn riêng lẻ theo trình tự và giải quyết theo trình độ kiến thức hoặc sở thích hiện tại của họ. Các tài liệu và tài liệu liên quan đã được giảng viên hoặc giảng viên chuẩn bị trước.

Hình thức giảng dạy này khuyến khích trách nhiệm cá nhân và tính độc lập của học viên và mang lại cho giảng viên nhiều phạm vi để phân chia. Trong hội thảo, hình thức giảng dạy này giống như một loại hội thảo thực hành hoặc trải nghiệm, bởi vì các học viên trải nghiệm nội dung học tập thông qua khám phá độc lập.

Cần lưu ý rằng cho dù các học viên cố gắng độc lập ở mức độ nào, thì luôn phải có phần giới thiệu về nhiệm vụ công việc (các biện pháp phòng ngừa tai nạn). Ở đây cho phép việc học đôi hoặc học cùng nhóm giữa các học viên (huấn luyện đồng đẳng).

7.6.3 Việc đóng vai trò và mô phỏng

Sau đây là một số vai trò và mô phỏng có thể được sử dụng trong lớp học và những kỹ năng được khuyến khích cụ thể:

1. Cải thiện kỹ năng giao tiếp: Các vai trò được sử dụng để khiến người học hứng thú với việc diễn lại các tình huống khác nhau nhằm cải thiện kỹ năng giao tiếp. Ví dụ: họ có thể nhận yêu cầu của khách hàng, xử lý khiếu nại hoặc thảo luận khó khăn với cấp trên hoặc đồng nghiệp. Tại đây, họ thực hành một cách có ý thức phần thảo luận kỹ thuật đi kèm và các giai đoạn thảo luận tình huống mà học viên gặp trong kỳ thi cuối kỳ mở rộng.
2. Khuyến khích tinh thần đồng đội và sự cộng tác: Mô phỏng dự án nhóm hoặc quy trình công việc có thể giúp học viên thực hành cộng tác, phối hợp và giải quyết xung đột trong nhóm. Phương pháp này có thể đặc biệt có lợi cho người học với các kỹ năng và kiến thức sẵn có khác nhau, khi họ học cách nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của mình và sử dụng chúng để đạt được mục tiêu chung.
3. Mô phỏng các tình huống công việc thực tế: Thông qua việc mô phỏng các tình huống công việc thực tế, học viên có thể áp dụng và nâng cao các kỹ năng và kiến thức của mình trong bối cảnh thực tế. Ví dụ, họ có thể diễn lại các tình huống xung đột tại nơi làm việc (thậm chí dưới áp lực thời gian) để cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề của mình.

Để đảm bảo rằng các hoạt động đóng vai và mô phỏng thành công trong đào tạo nghề hòa nhập, giảng viên có thể thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:

- Đặt mục tiêu và phương hướng rõ ràng cho bài tập.
- Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ và điều chỉnh phù hợp với khả năng của học viên.
- Đưa ra phản hồi và hỗ trợ trong và sau bài tập.
- Cung cấp thời gian để suy ngẫm và phản hồi nhằm thu hút học viên đánh giá hiệu suất của họ và xác định điểm mạnh và điểm yếu của họ.

Các nhiệm vụ học tập tốt có tầm quan trọng lớn và được hiển thị trong trường hợp lý tưởng có các đặc điểm sau:

- Đặc tả tình huống rõ ràng
- Mô tả vai trò rõ ràng
- Mô phỏng thực tế
- Phù hợp với cuộc sống hàng ngày và đề cập đến những yếu tố cần thiết của một lĩnh vực chuyên môn.
- Cho phép và thúc đẩy sự phát triển độc lập và áp dụng kiến thức chuyên môn.
- Thúc đẩy mọi người hiểu và áp dụng kiến thức chuyên môn.
- Các chiến lược học tập và giải quyết vấn đề được đào tạo và phát triển thêm.
- Được áp dụng và thuần thục ở các cấp độ khác nhau đối với học viên có mặt mạnh và yếu
- Tạo nên sự thành công trong học tập và là một phần của sự học tập thành công và đa dạng.

7.6.4 Các thang giáo trình học tập



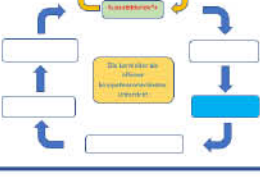
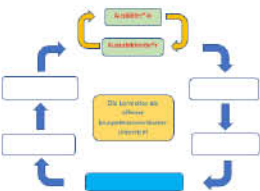
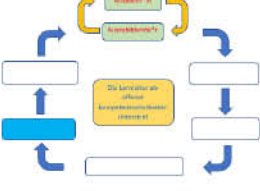
Hình 19 – Vòng các nấc thang giáo trình học tập

Các nấc thang giáo trình học tập là một trình tự của toàn bộ bài học hoặc chủ đề, được chia thành các yếu tố hoặc mục tiêu học tập nhỏ hơn. Các học viên nhận được một bản tóm tắt ngắn gọn và giải thích về quy trình (kế hoạch trình tự) của các đơn vị học tập sẽ được phát triển bởi giảng viên hoặc giảng viên.

Ở giai đoạn luyện tập và áp dụng với mức độ khó tăng dần, học viên có thể làm việc theo hình thức học tập mở dưới dạng cá nhân, đồng đội hoặc nhóm. Tất cả các học viên làm việc thông qua nội dung được chỉ định và có thể hoàn thành nội dung đó theo tốc độ học tập của riêng họ. Các giai đoạn làm việc cá nhân, đối tác hoặc nhóm có thể thay đổi, cũng như sự hỗ trợ từ giảng viên, điều này chỉ được cung cấp khi cần thiết.

Ví dụ tưởng cơ bản của hình thức giảng dạy này là học viên kiểm soát quá trình học tập của họ một cách độc lập nhất có thể, điều quan trọng là phải kiểm tra mức độ kiến thức về những gì đã học thông qua các bài tập bổ sung và kiểm tra mục tiêu học tập. Tùy thuộc vào kết quả, các giải thích và hỗ trợ bổ sung có thể được đưa vào.

Sự tích hợp vào mô hình quy trình:

Giai đoạn của các nấc thang giáo trình học tập	Đưa vào mô hình quy trình
	Chuẩn bị và bắt đầu học tập: • Nhìn nhận và làm rõ các kỳ vọng • Kích hoạt sự sẵn sàng học hỏi qua việc sắp xếp nội dung • Cung cấp các trang bài tập và các công cụ hỗ trợ học tập khác
	Mở ra, hướng dẫn và thiết kế lộ trình học tập • Phát triển nội dung học tập mới • Các giai đoạn thực hành và ứng dụng
	Đưa ra và nhận định hướng • Xác định mức độ học tập theo định hướng mà không đánh giá kết quả học tập • Hỗ trợ cá nhân từ các bạn cùng lớp và giảng viên • Các giai đoạn đánh giá thường xuyên
	Củng cố và mở rộng năng lực • Tạo điều kiện thuận lợi và quản lý các tình huống yêu cầu khác biệt • Học viên điều chỉnh và kiểm soát quá trình học tập một cách độc lập

	Phản ánh và đánh giá học tập • Kiểm soát mục tiêu học tập (bài kiểm tra) để đo lường thành công trong học tập • Phản hồi và suy ngẫm quá trình việc làm việc và học tập

Trong đào tạo nghề hòa nhập, việc sử dụng các thang giáo trình có thể có những ưu điểm và khuyết điểm khác nhau.

Ưu điểm:

- Học có cấu trúc và theo từng bước: Thang giáo trình cho phép nội dung học được trình bày theo một trình tự hợp lý và theo từng bước, giúp ích cho nhiều người học. Cung cấp một phương pháp có cấu trúc để giới thiệu cho học viên một mục tiêu học tập cụ thể theo một cách có trật tự. Điều này có thể giúp tạo điều kiện học tập và đo lường sự tiến bộ của người học.
- Tùy chỉnh: Thang giáo trình có thể được tùy chỉnh theo nhu cầu và khả năng cá nhân của người học, cho phép hỗ trợ cá nhân. Điều này đặc biệt tốt trong một môi trường học tập hòa nhập. Ví dụ, một số phần của nhiệm vụ có thể được điều chỉnh riêng lẻ hoặc có thể cung cấp các công nghệ hỗ trợ đặc biệt.
- Đánh giá tiến độ học tập: Việc xem xét và đánh giá thường xuyên tiến độ học tập cho phép xác định điểm mạnh và điểm yếu của người học và cung cấp hỗ trợ có mục tiêu hơn nữa.
- Khuyến khích sự tự tin và tính độc lập: Tăng dần độ khó của các nhiệm vụ có thể giúp xây dựng sự tự tin của người học khi họ dần dần vượt qua các thử thách khó khăn hơn.

Khuyết điểm:

- Mất thời gian với giảng viên: Thời gian và nội dung soạn bài rất nhiều so với chuẩn bị dạy trực tiếp.
- Phần giới thiệu và tóm tắt các chủ đề của thang giáo trình thường được dành ít thời gian. Theo đó, một buổi giới thiệu của giảng viên nên được thực hiện trước lớp.
- Làm việc với phương pháp dạy học mở này đòi hỏi tính linh hoạt rất cao. Giảng viên cũng phải đối mặt với câu hỏi làm thế nào các thời gian trống của các học viên có thành tích cao có thể được sử dụng một cách có ý nghĩa.
- Dù trong hình thức giảng dạy mở và phân hóa, ở cuối giai đoạn đào tạo các học viên phải thực hiện viết các kiểm tra mục tiêu học tập và bài kiểm tra cuối khóa như nhau.
- Người học nghề trước tiên phải học cách làm việc với thang giáo trình. Làm việc trong các giai đoạn làm quen, tóm tắt, trình bày, bài tập và ứng dụng đòi hỏi một mức độ kỷ luật tự giác cao.

- Hệ thống thang giáo trình sẽ làm học viên thực hiện với những thứ khác trong giờ học. Tính độc lập trong học tập được yêu cầu khiến người ta dễ dàng đạt được các mục tiêu học tập hơn bằng cách sao chép chúng, cho phép bản thân nghỉ giải lao lâu hơn và không giải quyết các nhiệm vụ bổ sung có thể.

Một ví dụ về phát triển bậc thang giáo trình và bài tập được đưa ra ở hai trang sau. Thang giáo trình có thể được sử dụng trong đào tạo cơ bản về đọc bản vẽ kỹ thuật cho tất cả các ngành nghề kim loại.

Phương pháp giảng dạy của thang giáo trình luôn phải đi kèm với việc bổ sung các bài tập đi kèm và các nhiệm vụ chuyên sâu để học viên đạt hiệu quả cao. Nó cũng giúp giảng viên có thời gian cần thiết để đối phó với những học viên học kém và tập trung vào các kỹ năng cần thiết liên quan đến kỳ thi. Do đó, những học viên có thành tích kém hơn cũng có thể tuân theo người hướng dẫn học tập với nội dung giảm bớt, trong khi những học viên có thành tích cao hơn có thể thực hành chuyên sâu và độc lập hơn.

Khi giới thiệu thang giáo trình trong lớp học, học viên nên nhờ giảng viên ký vào các bậc mà họ đã đạt được trên thang giáo trình. Khi các học viên trở nên có tự giác hơn và đam mê học hơn khi leo lên bậc thang giáo trình, các học viên cũng có thể so sánh các bảng bài tập một cách độc lập.

Giảng viên nên kiểm tra sự thành công trong học tập ở mỗi giai đoạn của hướng dẫn học tập thông qua các bài tập và kiểm tra khách quan về học tập. Ngoài ra, bài tập về nhà cũng có thể được đưa vào như các bậc thang giáo trình.

Để giảng viên cũng nhận được phản hồi về việc học viên có tiến bộ với các tài liệu từ người giám sát học tập, các câu hỏi ngắn cũng có thể có các câu hỏi ngắn trong thang giáo trình dưới dạng phản hồi của học viên.

Phần thiết yếu của thang giáo trình là tài liệu học tập do giảng viên cung cấp cho học viên. Để làm cho việc học với thang giáo trình trở nên thú vị nhất có thể, tất cả các phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức về chủ đề học tập hiện tại nên được xem xét. Có thể sử dụng kết hợp các sách chuyên môn (sách bảng về ngành kim loại), bảng tính, tài liệu thông tin, bài tập tương tác về kỹ thuật xây dựng các bộ phận và video đào tạo có thể làm ví dụ cho thang đào tạo trong giao tiếp kỹ thuật.

Giai đoạn	Cấu trúc các cấp độ trong thang giáo trình
	Giới thiệu ngắn gọn và giải thích về qui trình

	Bài tập có độ khó tăng dần trong bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm
	Các bài tập và bài kiểm tra

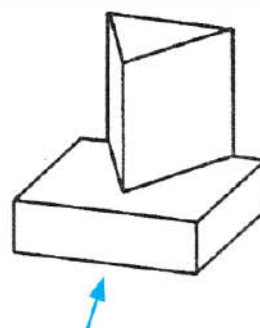
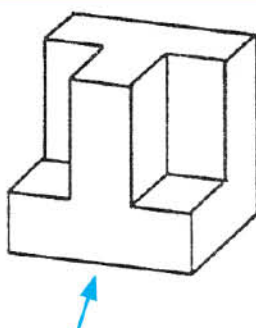
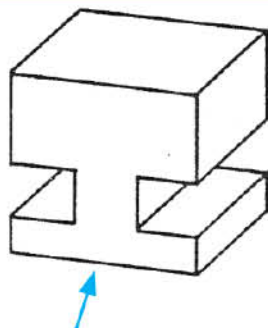
Thang đào tạo - Các giao tiếp kỹ thuật					
Tên:		Ngày sinh.:	Năm học:		
Nhóm đào tạo:		Ngành đào tạo:			
Bảng hướng dẫn nhiệm vụ: Abl	Bảng bài luyện tập: Ue	Video đào tạo: V			
Bảng thông tin: Ibl	Kiểm tra mục tiêu học tập: Test	Tài liệu thông tin: I			
Tựa đề/Đề tài		Tiêu chuẩn	Nguồn	Hoàn tất ngày	Kiểm tra ngày
Các thành phần bản vẽ					
Bảng vẽ A0 đến A6		DIN EN ISO 5457	Abl 1.1		
Trường văn bản trong bản vẽ kỹ thuật		DIN EN ISO 7200	Abl 1.2		
Các đường nét trong bản vẽ cơ khí		DIN ISO 128-24 DIN EN ISO 128-20	Abl 1.3		
Quy tắc cơ bản để trình bày Phương pháp chiếu/ký hiệu		DIN ISO 128-30	Abl 1.4		
Mặt chiếu		DIN ISO 128-30	Abl 1.5 V 1		
Trình bày mặt cắt		DIN ISO 128-40/44/50	Abl 1.6 V 2		
Đường bao, hệ thống của việc nhập kích thước		DIN ISO 128-50 DIN 406-10	Abl 1.7		
Đường kích thước, đường giới hạn, đường trợ giúp kích thước, số kích thước		DIN 406-11	Abl 1.8		
Nhập kích thước trong bản vẽ kỹ thuật		DIN 406-11 DIN ISO 6410-1 DIN 406-12 DIN ISO 2768-1 + 2	Abl 1.9		
	Củng cố kiến thức và giải bài tập đọc bản vẽ sau đây!		Ue 1		
	Đánh giá thành công học tập cho phần này của thang giáo trình bằng cách đánh dấu!				
Thành phần phối					
Cạnh phối (ký hiệu)		DIN ISO 13715	Abl 2.1		
Các đường chạy ren, cắt ren		DIN 76-1	Abl 2.2		
Mô tả ren		DIN ISO 6410-1	Abl 2.3		
Khoan tâm		DIN 332-1	Abl 2.3		
Các thông tin bản vẽ cho việc khoan tâm		DIN ISO 6411	Abl 2.4		
Mài khía ren		DIN 82	Abl 2.5 V3 Ibl 2.5.2		
Cắt theo kích thước rãnh ren và kích thước chìm		DIN 509	Abl 2.6		
	Củng cố kiến thức và giải bài tập để xác định và tính các thành		Ue 2		

	phần phôi trong bản vẽ kỹ thuật sau đây!				
	Đánh giá thành công học tập cho phần này của thang giáo trình bằng cách đánh dấu!				
Bề mặt					
Sai lệch hình dạng	DIN 4760	Abl 3.1			
Hình dạng bề mặt và các thông số	DIN EN ISO 4287 DIN EN ISO 4288	Abl 3.2			
Đo đoạn độ nhám	DIN EN ISO 4288	Abl 3.3			
Chi tiết bề mặt hoàn thiện (Hình ảnh)	DIN EN ISO 1302	Abl 3.4			
	Củng cố kiến thức và giải bài tập về phương pháp đo và đánh giá chất lượng bề mặt sau đây!		Ue 3		
	Đánh giá thành công học tập cho phần này của thang giáo trình bằng cách đánh dấu!				
Dung sai và độ khớp					
Định nghĩa	DIN ISO 286-1	Abl 4.1			
Kích thước giới hạn, Kích thước đo lường và dung sai	DIN ISO 286-1	Abl 4.2			
Độ khớp	DIN ISO 286-1	Abl 4.3			
Các hệ thống độ khớp	DIN ISO 286-1/2	Abl 4.4			
Dung sai chung	DIN ISO 2768-1/2	Abl 4.4 Ibl 4.4.2			
	Củng cố kiến thức và giải bài tập tính dung sai và độ khớp sau đây !		Ue 4		
	Đánh giá thành công học tập cho phần này của thang giáo trình bằng cách đánh dấu!				
Kiểm tra sự thành công học tập					
	Giải bài kiểm tra mục tiêu học tập sau đây và hoàn thành các nhiệm vụ trong 45 phút!		Test 1		

Giao tiếp kỹ thuật: Ue 1 (Bài tập 1)



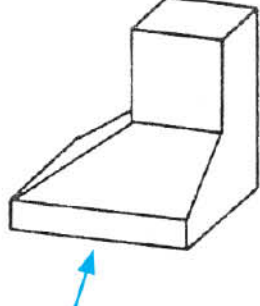
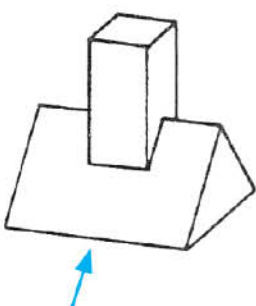
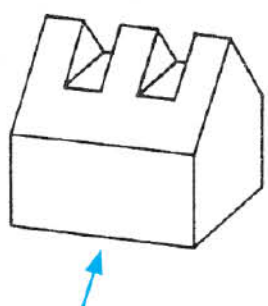
Hãy tìm những hình chiếu thuộc về những khối này!
Viết các số vào trong bảng đằng sau các mặt chiếu cần tìm!
Giải bài tập mà không cần trợ giúp từ bên ngoài!



Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu cạnh:

Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu trên:

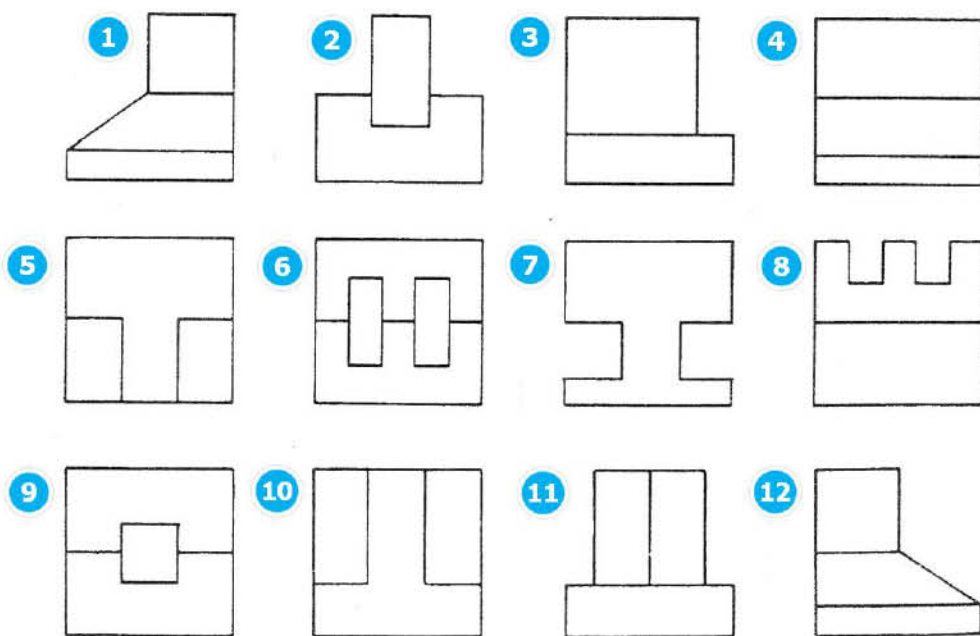
Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu cạnh:



Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu trên:

Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu trên:

Mặt chiếu trước:
Mặt chiếu cạnh:



8. Hỗ trợ và khuyến khích bổ sung

Trung tâm đào tạo và theo đó các giảng viên giảng dạy ở đó phải phản ứng với các học viên trong môi trường hòa nhập có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Điều này có nghĩa là các giảng viên phải luôn để mắt đến sự hỗ trợ cá nhân của các học viên. Thực tế trong đào tạo hàng ngày cho thấy, ngoài tất cả các khả năng tổ chức và thiết kế bài học chuyên biệt, các biện pháp bổ sung thường là cần thiết để hỗ trợ một số học viên và hoàn thành tốt việc đào tạo nghề của họ. Việc xác định các nguyên tắc về hiệu suất trong đào tạo vẫn như hết cũ và cũng cần phải cẩn thận để đảm bảo rằng tạo ra quá nhiều sự khác biệt thực tế sẽ dẫn đến nguy cơ khoảng cách học tập giữa các học viên có thể chênh lệch quá nhiều.

Um Lernhemmnisse zu überwinden und einen Lernzuwachs zu ermöglichen, der trotz differenziertem Unterricht nicht oder nur sehr schwer erreicht werden kann, sind oft weitere zusätzliche Lernunterstützungen notwendig. Es geht hierbei darum, dass trotz des unbedingten Willens zu lernen, trotzdem Minderleistungen entstehen. Obwohl ausreichende Lernangebote bestehen, werden Leistungen und deren gemessene Ergebnisse (Lernzielkontrollen) durch Auszubildende in inklusiven Settings nicht erreicht.

Để vượt qua những trở ngại trong học tập và tạo điều kiện cho quá trình học tập không thể đạt được hoặc chỉ có thể đạt được với rất nhiều khó khăn mặc dù có sự dạy học khác biệt, việc hỗ trợ học tập bổ sung thường là cần thiết. Điều này liên quan đến việc mặc dù có mong muốn học tập, nhưng hiệu suất kém vẫn xảy ra. Mặc dù có đủ cơ hội cho học tập, nhưng hiệu suất và kết quả được đo lường (qua kiểm soát mục tiêu học tập) ở các học viên trong việc sắp xếp môi trường hòa nhập không đạt được

8.1 Các yếu tố của quá trình học tập

Học tập trong đào tạo nghề là một quá trình kéo dài trong nhiều năm và có thể được xem như một chuỗi phát triển cá nhân phức tạp. Về cơ bản, quá trình học tập này bao gồm bốn yếu tố (xem Lauth/Brunstein/Grünke 2014):

1. Sự chú ý có mục tiêu: Chỉ có một vài thứ từ một lượng lớn thông tin cảm quang mà sự chú ý được hướng đến, được ghi nhớ. Tất cả các thông tin khác sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ giác quan trong vòng nửa giây.

2. Khả năng phân loại những ý nghĩa: Bộ nhớ làm việc chỉ có thể chứa từ 5 đến 9 đơn vị ý nghĩa tại một thời điểm. Một đơn vị có thể là một số duy nhất hoặc một sơ đồ phức tạp. Người học có khả năng phân loại thông tin thành các danh mục càng tốt thì càng có nhiều thông tin phù hợp với bộ nhớ làm việc của họ.

3. Sự chuyên sâu và thực hiện lặp lại : Chỉ khi thông tin liên tục tìm đường từ bộ nhớ làm việc sang bộ nhớ dài hạn thì các tế bào thần kinh mới được kết nối với nhau trong não, tức là thông tin được lưu trữ.

4. Kết nối Lưu trữ: Học tập sâu và bền vững diễn ra trên hết khi các kết nối khớp thần kinh mới có thể được nhúng vào các mạng lưới hiện có, tức là trong nội dung liên quan.

8.2 Gián đoạn trong quá trình học tập

Mỗi yếu tố này có thể bị xáo trộn ở những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập vì nhiều lý do (xem Lauth/Brunstein/Grünke, 2014):

1. Kiến thức chuyên ngành: Sinh viên có nhu cầu hỗ trợ học tập thường có nền tảng kiến thức thấp cả về kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành.

Kiến thức về các thuật ngữ kỹ thuật hoặc tổng quan về các quy trình hoạt động còn thấp. Đây là giáo dục theo hai cách. Thông tin từ sách giáo khoa hoặc ngôn ngữ của giảng viên chỉ có thể được tiếp thu một cách rời rạc, vì có một số từ không quen thuộc trong một câu đối với học viên. Không gian bộ nhớ làm việc chứa đầy thông tin rời rạc, không được phân loại thuật ngữ kỹ thuật khó. Rất nhiều thông tin quan trọng, đặc biệt là ngữ cảnh, bị lướt qua. Thông tin mới không tìm thấy bất kỳ mạng thông tin hiện có nào mà học viên có thể tiếp cận được. Học tập khó khăn và đòi hỏi sự lặp lại nhiều hơn nữa.

2. Kỹ năng nhận thức rộng:

Mọi hoạt động học tập và giải quyết nhiệm vụ trong lớp học đều đòi hỏi người học phải lập kế hoạch, kiểm soát và giám sát. Học viên phải có khả năng lập kế hoạch và sử dụng các chiến lược dành riêng cho nhiệm vụ, để phản ánh về quá trình và sự thành công của hoạt động học tập và để phân tích những sai lầm. Những kỹ năng này đặc biệt cần thiết trong các tình huống hành động phức tạp trong lớp học tại các trường dạy nghề, nhưng chúng cũng được yêu cầu khi giải quyết một bài tập kỹ thuật trong tính toán kỹ thuật. Học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập thường không sử dụng các phương pháp có ý thức như vậy theo ý mình.

Do đó, việc học của họ thường có vẻ lộn xộn và không có hệ thống, việc học trở nên không hiệu quả và ngẫu nhiên.

3. Áp dụng các chiến lược học tập và ghi nhớ: Như đã mô tả ở trên, việc học đòi hỏi một mặt là sự lặp lại kiến thức có ý nghĩa và mặt khác là sự phân loại có ý nghĩa, cũng như nhận ra các quy luật và mối liên hệ, liên kết kiến thức với những gì đã học. Những kỹ thuật này thường được gọi là “học tập việc học” trong trường học. Học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập thường không biết các chiến lược tổ chức, xây dựng và lặp lại và ghi nhớ như vậy hoặc không sử dụng chúng hoặc sử dụng chúng không chính xác. Điều này khiến việc học của bạn trở nên khó khăn hơn.

4. Động lực: Do quá trình học tập trong quá khứ nên học viên có nhu cầu học tập thường không tự tin vào khả năng học tập của mình. Họ nhận thấy những nỗ lực học tập của họ không hiệu quả lắm. Do đó, ý chí vượt qua khó khăn trong học tập và nỗ lực trong một khoảng thời gian thường không đủ.

8.3 Các hoạt động hỗ trợ học tập

Wie bereits in diesem Leitfaden beschrieben, haben die inklusiven Settings erst einmal die Aufgabe, Lernhemmnisse bei den Auszubildenden zu ermitteln. Die im Abschnitt **Diagnostik** beschriebenen Leistungsmessungen durch Tests geben einen Überblick über die Selbstkompetenz und das Wissen um Lerntechniken, gleichfalls natürlich auch um vorhandene Defizite. Diese standardisierten Verfahren zur Diagnose und die Unterrichts- und Verhaltensbeobachtungen der Mitglieder der multiprofessionellen Teams lassen einen Rückschluss darauf zu, welche Strategien die Auszubildenden im Unterricht und in der praktischen Arbeit in der Werkstatt beim Arbeiten, Lernen und Problemlösen anwenden und welche Handlungen typisch für einzelne Auszubildende sind.

Nur đã được mô tả trong mục hướng dẫn này, việc thiết lập bố trí hòa nhập có nhiệm vụ xác định các rào cản học tập giữa các học viên. Các phép đo hiệu suất thông qua bài kiểm tra được mô tả trong phần **chẩn đoán** cung cấp một cái nhìn tổng quan về năng lực bản thân và kiến thức về các kỹ thuật học tập, và tất nhiên là cả những thiếu sót hiện có. Các quy trình chẩn đoán được tiêu chuẩn hóa này cũng như các bài học và quan sát hành vi của các thành viên trong nhóm đa chuyên môn cho phép đưa ra kết luận về chiến lược mà học viên sử dụng trong lớp học và trong công việc thực tế tại hội thảo khi làm việc, học tập và giải quyết vấn đề và những hành động nào là điển hình cho các học viên cá nhân.

Chỉ khi có được những nhận biết đáng tin cậy từ chẩn đoán này thì mới quyết định lĩnh vực tài trợ nào có nhiều dự trữ nhất cần được phát triển và củng cố thông qua các biện pháp tài trợ có mục tiêu.

8.3.1 Hỗ trợ trong việc đạt được chuyên môn cụ thể

Học tập và giảng dạy thành công trong đào tạo nghề hòa nhập có nghĩa là trước hết phải tạo ra một môi trường học tập và đào tạo thuận lợi. Điều này đặc biệt bao gồm ba khía cạnh quan trọng cần được nhấn mạnh để tạo ra môi trường học tập thành công cho học viên:

1. Thiết lập văn hóa nhận lỗi tích cực
2. Sử dụng có ý thức ngôn ngữ dễ hiểu.
3. Áp dụng các quy trình lập kế hoạch và hành động một cách chính xác.

Người học nghề khi bắt đầu phát triển nghề nghiệp sẽ khó mang theo các chiến lược học tập và giải quyết vấn đề phù hợp từ giáo dục phổ thông. Do đó, các giảng viên làm việc trong môi trường hòa nhập đặc biệt gặp nhiều thách thức trong việc nhận ra những thiếu hụt này, phân tích nguyên nhân của chúng và bù đắp những thiếu sót này một cách có mục tiêu. Để điều này thành công, tất cả các yêu cầu về tư duy và hành động nghề nghiệp đối với mỗi học viên phải rõ ràng và rõ ràng, nội dung và kỹ năng học tập phải logic và có cấu trúc tốt.

Đối với những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt, điều này có nghĩa là, ví dụ, bảng bài tập, bảng bài tập và video học tập, cần được thiết kế và cấu trúc theo cách mà việc mô tả, công thức và hướng suy nghĩ được xây dựng và lặp lại trong quá trình học tập một cách cơ bản.

Tất cả nội dung học tập, kiến thức, kỹ năng mà người học tiếp thu phải đạt được sự chú ý mong muốn thông qua giáo trình sử dụng trong quá trình học tập. Các học viên được giảng viên khuyến khích và hướng dẫn tự học để xây dựng kiến thức cũ cho giai đoạn học tiếp theo, để ghi nhớ các thuật ngữ chuyên môn và nhận biết và tiếp thu các ngữ cảnh cơ bản có ý nghĩa trong nghề đào tạo của họ.

Học tập độc lập cũng có nghĩa là học viên có thể nhận ra khi nào cần học thêm cho mình ngoài thời gian giảng dạy chuyên môn. Thời lượng giảng dạy cho học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt thường không đủ để tiếp thu hết nội dung học tập hiện tại trong khuôn khổ yêu cầu.

Đối với giảng viên, vấn đề thường xuyên là điều chỉnh thiết kế của bài học cho phù hợp với tình huống tương ứng. Các giai đoạn học tập trong đó học viên làm quen với nội dung học tập một cách độc lập và tự kiểm tra kỹ năng thông qua các bài tập có thể phải được thay thế bằng các đơn vị giảng dạy trong đó học viên học dưới sự giám sát và được dạy những điều cơ bản về kỹ thuật cụ thể.

Các quan sát của nhóm hỗ trợ cũng rất quan trọng ở đây, bởi vì các cơ hội học tập thêm dưới dạng thời gian học tập, ví dụ như trong việc thực tập, trong đó hỗ trợ đào tạo hoặc tại nhà là cần thiết. Ở đây các sự thống nhất và sự phối hợp từ phía nhóm hỗ trợ là cần thiết, để hỗ trợ và dẫn dắt mỗi học viên hướng đến mục tiêu.

Điều quan trọng là thời gian học thêm của học viên cũng được giảng viên hỗ trợ bằng cách cung cấp tài liệu dạy và học bổ sung đầy đủ, phù hợp.

Ngoài lề

Kỹ năng nhận thức rộng trong học tập

- Theo: <https://dorsch.hogrefe.com/stichwort/lernstrategien-metakognitive>

“Các chiến lược học tập nhận thức rộng là các chiến lược bao quát về lập kế hoạch (planning), giám sát (monitoring) và điều tiết cũng như đánh giá quá trình học tập của bản thân (các quá trình dạy-học). Chúng được gọi là các chiến lược học tập nhận thức rộng vì chúng được thiết kế để định hướng và kiểm soát các chiến lược nhận thức. Các chiến lược nhận thức rộng khác với các chiến lược nhận thức ở chỗ các trạng thái hoặc chức năng nhận thức là các đối tượng được phản ánh. Nhận thức là một yếu tố quyết định thiết yếu của nhận thức rộng. Do đó, các chiến lược học tập nhận thức rộng ít liên quan đến quá trình học tập thực tế (learning) và liên quan nhiều hơn đến việc kiểm soát quá trình học tập của bản thân. Sự kiểm soát này càng trở nên phù hợp thì yêu cầu học tập càng cao và các mục tiêu học tập liên quan càng đòi hỏi khắt khe hơn. Việc sử dụng duy nhất các chiến lược nhận thức đạt đến giới hạn của nó khi mức độ phức tạp của các yêu cầu học tập tăng lên. Học tập đánh giá phản ánh dựa trên sự tương tác của các quá trình nhận thức rộng, tùy thuộc vào giai đoạn của quá trình học tập mà người học hiện đang ở, có các hình thức khác nhau (học tập, tự định hướng) và yêu cầu các chiến lược học tập nhận thức rộng tương ứng. Lập kế hoạch là khi bắt đầu một nhiệm vụ. Điều này một mặt bao gồm việc xác định mục tiêu nào đang được phấn đấu và mặt khác, làm thế nào để đạt được mục tiêu này. Giám sát, là một quy trình trung tâm khác của các chiến lược học tập nhận thức rộng, không chỉ đề cập đến việc xác định sự khác biệt mục tiêu/thực tế, mà còn liên quan đến việc điều chỉnh quá trình xử lý công việc hoặc sự đồng hành quan trọng của tiến trình xử lý các nhân. Việc đánh giá diễn ra sau khi hoàn thành một nhiệm vụ học tập và đề cập đến việc so sánh các kết quả quan sát được với một tiêu chuẩn hoặc với một mục tiêu đã đặt ra trước đó trong quá trình lập kế hoạch. Với sự tham chiếu chặt chẽ đến quá trình lập kế hoạch trước đó, giờ đây nó được đánh giá xem kết quả có tương ứng với mục tiêu đã đặt ra hay không và liệu quá trình học tập có diễn ra theo đúng kế hoạch hay không.

Trong khi các chiến lược học tập nhận thức phục vụ để đạt được tiến bộ trong học tập thông qua cách xử lý tài liệu mới khác nhau của từng cá nhân, các chiến lược học tập nhận thức rộng có chức năng đảm bảo kiểm soát thành công bên trong các bước học tập của chính mình. Thông qua việc sử dụng các chiến lược học tập nhận thức rộng, người học đảm nhận các nhiệm vụ kiểm soát mà theo truyền thống thường được giao cho giảng viên hoặc do họ đảm nhận. Không có nghi ngờ gì về tầm

quan trọng của nhận thức rộng đối với sự thành công trong học tập của học viên và nhiều nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả của nó.”

8.3.2 Hỗ trợ phát triển các kỹ năng nhận thức rộng

Nếu học viên bắt đầu giải quyết các nhiệm vụ mà không suy nghĩ cẩn thận về nhiệm vụ cụ thể, có thể nhận thấy rằng nhiệm vụ không được lập kế hoạch các bước công việc riêng lẻ và kết quả không được kiểm tra và đánh giá.

Trong đào tạo nghề, lập kế hoạch trình tự công việc, nâng cao nhận thức về các yêu cầu công việc bằng cách sử dụng tài liệu và minh họa kỹ thuật, sử dụng sách bảng tra cứu, sách giáo khoa, bảng bài tập và Internet là những yêu cầu hàng ngày để nắm vững các nhiệm vụ học tập và làm việc cũng như vượt qua các kỳ thi cuối khóa. Điều này liên quan đến phân tích các văn bản và tìm ra một cách có hệ thống và ghi lại các thông tin cơ bản cho nhiệm vụ hiện tại. Cơ sở cho điều này là năng lực cần thiết để nắm bắt ý nghĩa của những gì được viết và thực hiện nó.

Về cơ bản, người học phải có khả năng phân tích nội dung văn bản và nhận ra cấu trúc của nội dung để hiểu nhiệm vụ và so sánh, phân loại kiến thức với yêu cầu hiện tại. Trước tiên, học viên phải học cách phát triển và áp dụng có ý thức các kỹ năng, phân tích và chiến lược. Trong trường hợp học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt, các kỹ năng này được phát triển chậm hơn và không rõ rệt như với các học viên khác trong các nhóm giảng dạy không đồng nhất. Đây chính là lúc trách nhiệm của giảng viên cho việc phát huy những kỹ năng này ở những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Vấn đề là giảng viên chỉ ra các lộ trình và chiến lược học tập chậm hơn, trong các giai đoạn ngắn hơn và rõ ràng hơn, đồng thời chỉ ra việc thực hiện chúng bằng các ví dụ cụ thể. Trong các giai đoạn giảng dạy này, sự xen kẽ giữa các lời giải thích của giảng viên và các giai đoạn thực hành có giám sát sẽ hỗ trợ về mặt phương pháp.

Việc phản ánh hiệu suất đạt được thông qua phản hồi từ giảng viên nên diễn ra liên tục, hoặc đặc biệt dựa trên nền tảng mà học viên trước tiên phải phát triển khả năng tự đánh giá hiệu suất và kết quả học tập của mình.

Để phát triển nâng cao các kỹ năng nhận thức rộng trong quá trình học tập, học viên cần ngày càng có trách nhiệm hơn và tiến hành theo kế hoạch cũng như tối ưu hóa các giai đoạn của quá trình học tập và do đó phát triển năng lực nhận thức rộng của bản thân.

Trong quá trình phát triển nâng cao của thiết kế bài học và phát triển các kỹ năng nhận thức rộng, việc tự hướng dẫn cũng có thể được sử dụng hoặc có thể được huấn luyện thay vì hướng dẫn thông qua giảng viên. Cần phải chú ý ở đây để các học viên trình bày các bước riêng lẻ của chiến lược và tự theo được các bước hành động.

8.3.3 Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc hành vi học tập

Hành vi học tập và theo đó sự thành công của đào tạo bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Về cơ bản, các điều kiện liên quan đến nhận thức, tình cảm, xã hội và công việc ảnh hưởng đến hành vi học tập.

Các điều kiện **nhận thức** bao gồm kiến thức sẵn có cũng như khả năng tiếp thu kiến thức mới. Tất nhiên, trí nhớ và trí thông minh đóng một vai trò quan trọng ở đây, bởi vì nội dung học tập mới không thể được lưu trữ ngay lập tức trong đầu.

Cảm giác, tình cảm và lòng tự trọng ảnh hưởng đến hành vi học tập như điều kiện **tình cảm**. Cảm xúc có ảnh hưởng đáng kể đến sự sẵn sàng học hỏi và thực hiện và do đó đến sự thành công của khóa đào tạo. Một thái độ tích cực trong công việc và cuộc sống sẽ luôn có tác động tích cực đến sự sẵn sàng và khả năng tiếp thu, vì vậy một thái độ tiêu cực bên trong sẽ gây bất lợi cho quá trình học tập. Một yếu tố quan trọng từ quan điểm của các điều kiện tình cảm là động lực cá nhân, bởi vì không có động lực thì không có sẵn sàng học hỏi, bởi vì nó là điều kiện tiên quyết cơ bản để học tập và làm việc thành công.

Các mối quan hệ **xã hội** đặc biệt dựa trên môi trường xã hội của học viên, thường bao gồm gia đình, bạn bè, học viên trong nhóm giảng dạy và tất nhiên là giảng viên. Các mối quan hệ xã hội có thể ảnh hưởng đến khả năng học tập và hành vi cả tích cực và tiêu cực. Ví dụ, nếu có những căng thẳng và xung đột trong môi trường xã hội, chiến lược học tập tốt nhất vẫn có thể thất bại. Do đó, luôn luôn khuyến khích rằng các vấn đề được giải quyết và, nếu có thể, được giải quyết, để tất cả sự chú ý của học viên có thể tập trung vào sự phát triển chuyên nghiệp.

Khi nói đến **điều kiện làm việc**, trọng tâm chính là chỗ học tập. Khi học, điều quan trọng là học viên cảm thấy thoải mái trong môi trường học tập của mình. Chúng bao gồm các khía cạnh của vị trí đào tạo như thiết bị trong lớp học và xưởng, chất lượng và số lượng thiết bị làm việc được cung cấp, quy mô lớp học và chất lượng giám sát trong lớp học.

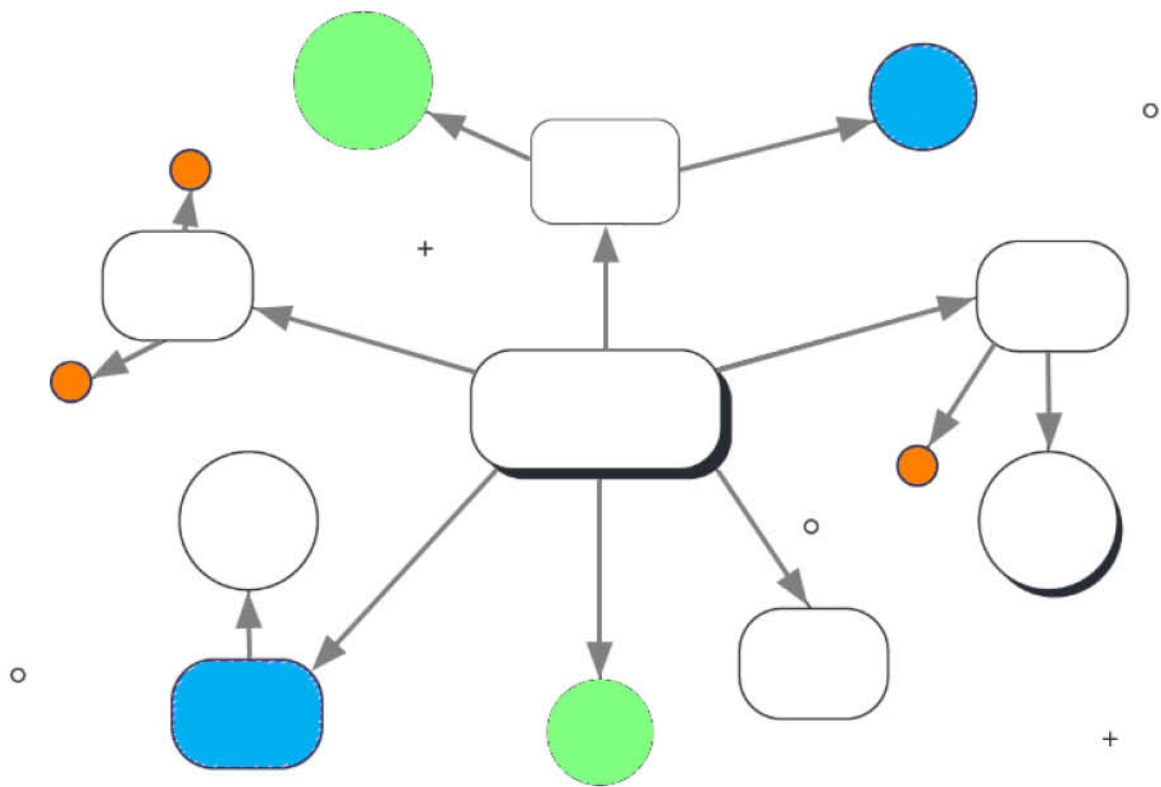
8.3.4 Phát triển các chiến lược học tập và ghi nhớ

Khía cạnh "học từ việc học" ẩn chứa khả năng áp dụng một cách có ý thức các lý thuyết học tập nhất định bằng cách áp dụng các chiến lược và kỹ thuật học tập phù hợp. Ở đây cũng vậy, có thể thấy rằng những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập cần được hướng dẫn và thực hành nhiều để áp dụng các kỹ thuật theo từng bước nhỏ và thông qua việc lặp lại thường xuyên để tối ưu hóa việc học, đồng thời thúc đẩy và phát triển hiệu suất ghi nhớ.

Điều quan trọng cơ bản là các học viên nhận được sự hỗ trợ từ giảng viên trong việc lựa chọn các phương pháp phù hợp, áp dụng chúng nhiều lần và nhận phản hồi về tính đúng đắn và chất lượng của việc thực hiện. Có những kỹ thuật có thể được sử dụng trong lĩnh vực quảng cáo và đặc biệt được khuyến nghị:

Kỹ thuật	Giải thích thuật ngữ
Trực quan	Trực quan hóa giúp làm rõ các mối tương quan phức tạp, tăng sự chú ý và cải thiện giá trị của việc ghi nhớ. Như đã được giải thích trong hướng dẫn này với các biểu tượng hành động, các hình ảnh nhất định và định kỳ có thể là một cách dễ hiểu để giải thích các nhiệm vụ và nội dung cũng như chỉ định đúng quy trình. Chúng tăng cường sự chú ý và đặt ưu tiên cho sự hiểu biết và học tập hiệu quả. Do đó, giao tiếp bằng hình ảnh là một hằng số khi học tập đối với các học viên.
Kỹ thuật Loci	Kỹ thuật này còn được gọi là "phương pháp định tuyến". Các sự kiện cần học được liên kết với một môi trường, vị trí hoặc các bộ phận đã biết của một đối tượng. Với kỹ thuật này, các học viên học cách hình dung các sự kiện được học. Những ý tưởng (sự kiện) này được lưu trữ trong môi trường quen thuộc tại các địa điểm nhất định theo thứ tự tự xác định và bằng cách đi qua các địa điểm nhiều lần, những ý tưởng này có thể được tái sử dụng lại bằng trí nhớ.
Thẻ ghi chú	Các thẻ ghi chú hoạt động theo một hệ thống câu hỏi và câu trả lời đơn giản. Mặt trước của thẻ có câu hỏi, hình vẽ hoặc trình bày kỹ thuật hoặc điền vào chỗ trống như trong các kỳ thi. Chỉ một thông tin được yêu cầu cho mỗi thẻ và một hộp thẻ chỉ mục có 5 ngăn được sử dụng. Các thẻ có nội dung học tập sẽ được thực hành được đặt trong ngăn đầu tiên và chúng được lặp lại. Các thẻ có câu hỏi được trả lời đúng trong lần lặp lại đầu tiên được đặt trong ngăn thứ hai. Câu hỏi trả lời sai vẫn còn trong ngăn đầu tiên. Ngay khi ngăn thứ hai được lấp đầy, nội dung thẻ được đặt ở đó sẽ được lặp lại lần thứ hai. Nội dung trả lời đúng sẽ vào ngăn thứ ba, nội dung trả lời chưa rõ lại vào ngăn thứ nhất. Đây là cách chúng tôi tiến hành. Do đó, những nội dung học tập khó nhớ được thu vào môn học đầu tiên. Các thẻ càng lùi xa thì câu hỏi của nó càng ít được chú ý hơn vì kiến thức đã được tiếp thu tốt. Nếu thẻ ở ngăn thứ năm thì có thể bỏ thẻ vì nội dung học đã được lưu vào bộ nhớ dài hạn bằng cách lặp lại năm lần.
Bản đồ tư duy	Bản đồ tư duy là một phương pháp sáng tạo trong đó thông tin và các mối quan hệ được thể hiện bằng đồ họa. Đây là nơi bạn làm việc theo cách của bạn từ trong ra ngoài. Bắt đầu với chủ đề chính, các khu vực và tiểu khu vực khác nhau được ánh xạ bằng cách sử dụng các nhánh. Các chi tiết được đánh dấu dưới dạng từ khóa, màu sắc hoặc ký hiệu (đối với loại hình học đồ họa). Điều này dần dần tạo ra một bản đồ tư duy như một cái nhìn tổng quan. Thẻ này giúp ghi nhớ những thông tin hoặc nội dung học tập quan trọng liên quan.
Sơ đồ	Sơ đồ làm tăng mức độ chú ý trong bài thuyết trình và hỗ trợ loại hình trực quan của người học. Chúng có chức năng tạo động lực tốt, bởi vì hình ảnh có thể khơi dậy sự chú ý và tò mò của học viên. Chúng cũng có

	chức năng hỗ trợ trí nhớ, vì chúng hỗ trợ việc lưu giữ và ghi nhớ thông tin như một phương tiện hỗ trợ trí nhớ.
Bản đồ khái niệm	Bản đồ khái niệm là một khái niệm hoặc bản đồ tri thức. Phương pháp trực quan hóa cấu trúc các quá trình suy nghĩ và biểu thị bằng đồ họa các kết nối và mối quan hệ. Hình thức biểu diễn này giúp tạo điều kiện thuận lợi và hiểu sâu hơn về văn bản. Nếu hai thuật ngữ có liên quan với nhau, chúng được kết nối bằng một mũi tên. Các mũi tên có thể được sử dụng để mô tả mối quan hệ giữa các điều khoản. Các yếu tố cốt lõi được biểu diễn dưới dạng danh từ, trong khi các mối quan hệ logic của các yếu tố được viết trên các mũi tên và hầu hết được biểu diễn dưới dạng động từ. Sau khi học xong, đây là một kỹ thuật học tập đáng nhớ, rất hiệu quả và khuyến khích tư duy vượt trội ở học viên.



Hình 20 – Biểu diễn bản đồ khái niệm

Bài tập: Xây dựng bản đồ khái niệm cho từng bước công việc cần thiết để thiết lập máy tiện CNC và máy phay trong trình giả lập Kiểm tra điều kiện với PAL2012 của MTS, để sử dụng chúng trong bài học giới thiệu về thiết lập máy dao cụ và để minh họa cho bước làm việc cần thiết này để sử dụng!

8.3.5 Hỗ trợ phát triển động lực và động lực bản thân

Các học viên đã nhận thức được khuôn khổ của kiểm tra cuối khóa mở rộng và trọng số của bài kiểm tra cuối khóa phần 1 rằng kết quả học tập đạt được không chỉ được đo lường khi kết thúc khóa đào tạo. Việc đưa vào áp dụng hình thức thi mở rộng năm 2019 tại Trường Cao đẳng LILAMA2 tỉnh Đồng Nai là minh chứng cho thấy những ưu điểm của hình thức thi này đã được nhìn nhận và đổi mới. Ngay từ khi bắt đầu đào tạo, học viên đã nhận thức được rằng có mối liên hệ trực tiếp giữa nỗ lực học tập với kết quả học tập đạt được và tỷ lệ cao trong kết quả chung của kết quả khóa học được xác định sau khoảng một nửa thời gian đào tạo.

Hình thức kiểm tra này ra đời chủ yếu nhằm động viên học viên và tạo động lực để hiểu để họ đặt ra mục tiêu cao hoặc cũng là kết quả đủ cho kết quả học tập ngay từ khi bắt đầu việc đào tạo.

Trong đào tạo hàng ngày, giảng viên được yêu cầu đặt ra các mục tiêu có thể đạt được theo từng bước nhỏ và khi học các kỹ thuật và chiến lược học tập mới, giảng viên phải luôn xác định xem nỗ lực của từng học viên có ảnh hưởng gì đến kết quả học tập. Các giảng viên giỏi có thể sử dụng các mục tiêu có thể đạt được để trình bày những thành công trong học tập từng bước nhỏ và do đó tạo động lực cho họ, bởi vì trong các môi trường hòa nhập, giảng viên cũng có nhiệm vụ phát triển sự sẵn sàng của học viên để nỗ lực, kiên trì ngay cả với những thất bại nhỏ và xây dựng văn hóa học tập cho bản thân (khả năng tập trung).

Để tránh bị quá tải, các nhiệm vụ đặt ra phải luôn tương ứng với trình độ kiến thức hiện tại của học viên và cũng phải có khả năng nắm vững thực tế trong thời gian sẵn có và với thiết bị hỗ trợ hoặc tài liệu giảng dạy có sẵn tại địa điểm học tập. Đó là tránh những tình huống mà học viên bị thừa hoặc thiếu thách thức, điều này gây ra tình trạng bất ổn, đặc biệt là trong các nhóm dạy không đồng nhất, gây căng thẳng và do đó làm mất động lực và tất nhiên, gây khó khăn không cần thiết cho giảng viên.

Nếu tất cả các biện pháp hỗ trợ được mô tả trong phần này của hướng dẫn được sử dụng, mọi học viên nên có những tiến bộ trong học tập và phát triển thói quen trong tất cả các lĩnh vực học tập liên quan đến đào tạo. Động viên là một hình thức hỗ trợ tốn nhiều thời gian và khó cung cấp trong giờ học bình thường, bởi vì việc quan sát từng cá nhân học viên và mối quan hệ được quan sát giữa nỗ lực và kết quả có ý nghĩa quyết định đối với hỗ trợ có mục tiêu. Nhưng đó cũng là việc dạy mọi người chịu trách nhiệm về hiệu suất của bản thân. Điều này bao gồm việc cho học viên thấy ý chí thúc đẩy bản thân. Không phải học viên nào cũng biết cách tự tạo động lực nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Đây là nơi giảng viên có thể giúp đỡ và đưa ra các mẹo để tìm ra động lực trong việc học:

Lời khuyên	Danh sách kiểm tra động lực bản thân
1	Chống lại thái độ tiêu cực và thói quen bi quan - Nghĩ tích cực!
2	Ngừng việc từ bỏ trách nhiệm và thể hiện bản thân - khám phá ý nghĩa riêng cho mình!
3	Làm việc trái với thói quen hàng ngày và bỏ đi lối mòn bế tắc - hãy làm điều gì đó mới mẻ!
4	Bạn thực sự muốn làm gì? Đặt và xác định mục tiêu - hãy suy nghĩ!
5	Hãy thực tế và không tự mãn - hãy trung thực với chính mình!
6	Nhận ra những gì bạn đã đạt được và ghi lại những (một phần) thành công của bạn - hãy viết nó ra!
7	Mọi cách tiếp cận và mọi nỗ lực đều có giá trị. của nó Hành trình là mục tiêu - đừng căng thẳng vì bạn việc đang trên đường cũng có giá trị như khi đến nơi! Hay nói cách khác: Mọi nỗ lực đều mang lại sự học hỏi!
8	Mỗi thành công nhỏ đều quan trọng, ngay cả khi bạn chưa đạt được mục tiêu của mình. Thành công một phần cho phép bạn kiên trì và những thành công này chứng minh bạn đúng - hãy tự ăn mừng!
9	Những người khác có thể giúp đỡ và hỗ trợ bạn về mặt cảm xúc. Đừng liên tục cố gắng trở thành một chiến binh đơn độc - hãy để họ giúp bạn!
10	Mỗi người là khác nhau. Cố gắng đưa ra những quan điểm khác nhau cho chính mình - tìm hiểu chính mình! Nguy cơ mất động lực của bạn càng thấp!

8.4 Hỗ trợ và tư vấn về cho việc sợ thi cử

Hầu như tất cả các học viên đều biết cảm giác sợ hãi trước các kỳ thi, đó là cảm giác sợ thất bại trong tình huống quan trọng nhất của khóa đào tạo, cụ thể là vào ngày thi. Học viên càng khó học thì càng có nhiều khả năng họ sẽ sợ rơi vào trạng thái lo lắng không xác định trong các tình huống thi, thậm chí có thể gọi là „tắt nguồn“. Lo lắng khi thi là một dạng thuộc đánh giá xã hội, có nghĩa là đằng sau nó không phải là nỗi sợ thất bại, mà là nỗi sợ hậu quả của sự thất bại. Ý nghĩ bị xấu hổ, bị từ chối, bị gạt ra ngoài lề xã hội hoặc bị cười nhạo sẽ kích hoạt suy nghĩ này.

Lý do cho lối suy nghĩ này, một mặt là do kỳ vọng quá cao vào bản thân (luôn muốn trở nên tốt và sợ mắc lỗi), sợ người khác nghĩ gì về mình (thiếu tự tin), áp lực bên ngoài (thêm một điểm kém và sẽ không có giấy chứng nhận) và trải nghiệm tồi tệ (bài kiểm tra mục tiêu học tập thực hành cuối cùng trên máy phay cũng bị sai).

Trong các môi trường thiết lập hòa nhập, các học viên đã học cách coi đội ngũ giảng dạy là sự hỗ trợ, giúp đỡ và xin lời khuyên, đặc biệt là trong các tình huống khó khăn và các vấn đề không thể giải quyết một cách độc lập. Vì vậy, tự nhiên, nhiệm vụ của đội ngũ giảng dạy là chỉ ra những cách thức và chiến lược vượt qua sự lo lắng trong kỳ thi có thể giúp vượt qua sự lo lắng trong kỳ thi và thoát ra khỏi vòng xoáy lo lắng này.

Sự lo lắng về kỳ thi thể hiện ở các lĩnh vực khác nhau (xem Waschke, 2015, trang 16):

- Trong các triệu chứng thực thể như run, buồn nôn, đánh trống ngực, nhức đầu hoặc vã mồ hôi.
- Suy nghĩ – những suy nghĩ xoay quanh thất bại và điểm yếu của bản thân, những suy nghĩ gây sợ hãi chiếm phần lớn quá trình suy nghĩ và cản trở khả năng giải quyết các nhiệm vụ kiểm tra.
- Hành vi – tránh các tình huống thi cử, việc học bị trì hoãn cho đến giây phút cuối cùng.

Trong nhiều trường hợp, có thể khắc phục sự lo lắng trong kỳ thi bằng cách tư vấn cho học viên và chọn năm phương pháp tư vấn sau (xem Waschke, 2015, trang 17-21):

Phương pháp tư vấn 1: Lo lắng vừa phải về thi cử và việc căng thẳng liên quan đến ngày thi là những phản ứng hoàn toàn bình thường trong tình huống này, Việc Adrenaline được kích hoạt bởi sự căng thẳng sẽ cải thiện khả năng tập trung và suy nghĩ, đồng thời giải phóng thêm năng lượng.

Phương pháp tư vấn 2: Là một cuộc trò chuyện giữa giảng viên/người hỗ trợ - học viên - trong đó sự lo lắng về kỳ thi được phân tích và những suy nghĩ gây ra sự lo lắng về kỳ thi được đặt tên rõ ràng và đưa ra các chiến lược khả thi đối với sự lo lắng và bồn chồn và thực hiện. Những suy nghĩ tiêu cực:

- Tôi sẽ trượt bài kiểm tra...
- Tôi là kẻ thất bại...
- Chỉ là tôi quá ngu ngốc...

nên được thay thế bằng các tín hiệu dừng đã được luyện tập dưới dạng những suy nghĩ tích cực.

Phương pháp tư vấn 3: Là việc xây dựng các câu hỏi hữu ích, tích cực:

- Điều gì đã từng giúp bạn vượt qua kỳ thi?
- Bạn bè của bạn làm gì khi kỳ thi sắp đến?
- Tại sao bạn thấy thi một số môn dễ hơn?

và những suy nghĩ để bình tĩnh:

- Tôi sẽ vượt qua kỳ thi vì tôi đã luyện tập rất nhiều...
- Tôi bắt đầu bài thi một cách bình tĩnh và bắt đầu với những nhiệm vụ dễ dàng..
- Dù không được điểm cao nhưng sau này con sẽ là công nhân giỏi tay nghề của công ty...
- Tôi tập trung vào những gì tôi có thể làm một cách tự tin...

Những cách tiếp cận tích cực này cần được đào tạo và phải được thực hành tốt trước tình huống thi thực, bởi vì nếu nỗi sợ xuất hiện trong kỳ thi, thì những suy nghĩ tích cực này cần được sử dụng. Về cơ bản, đó là dự đoán các tình huống có vấn đề và thực hành các phản ứng đúng đắn đối với chúng.

Phương pháp tư vấn 4: Là thái độ làm việc trong kỳ thi. Các học viên phải nắm vững rõ ràng tiến trình của khu vực thi và các tài liệu thi sẽ được sử dụng trong đó thông qua các mô phỏng thi trước đó. Bằng cách thực hành các bài kiểm tra trước đây, mức độ khó được nhận thức gần đúng và quản lý thời gian, phương pháp tiếp cận và mẹo từ các cuộc thảo luận trong nhóm giảng. Sự năng động của nhóm cũng làm giảm tải cho đội ngũ giảng viên trong việc tư vấn về lo lắng kỳ thi.

Phương pháp tư vấn 5: Phương pháp này nhằm giảm căng thẳng trong kỳ thi đang diễn ra, có thể đạt được bằng các bài tập thư giãn như thở bằng bụng hoặc thư giãn cơ dần dần (các cơ được thả lỏng sẽ làm giãn các dây thần kinh, giúp bạn dễ dàng đối phó với căng thẳng hơn). Các học viên phải thử

và thực hành các kỹ thuật này trong các giai đoạn im lặng để sử dụng chúng trong các tình huống căng thẳng cụ thể nhằm giảm lo lắng và giải phóng căng thẳng.

8.5 Quản lý lớp học (Classroom Management - CM)

Điểm mấu chốt của quản lý lớp học (Classroom Management) là khả năng của giảng viên chỉ đạo, dẫn dắt lớp học sao cho tất cả học viên hiểu được mục tiêu của giáo dục chuyên nghiệp và thời gian trên lớp dành cho việc học có thể được sử dụng hiệu quả nhất có thể mà không gây ra ít gián đoạn nhất có thể.

- **Cổng thông tin trường học Đức của Quỹ Robert Bosch viết (Lãnh đạo lớp học, A. Kuhn, 2022):**

Khi được hỏi về những thách thức lớn nhất trong việc giảng dạy hàng ngày, các giảng viên luôn gặp phải tình trạng ồn ào, tiếng ồn lớn và hậu quả là việc giảng dạy bị gián đoạn. Trong một cuộc khảo sát đại diện mà Forsa thực hiện thay mặt cho Quỹ Robert Bosch vào cuối năm 2018, 23% giảng viên được khảo sát cho rằng hành vi của học viên là thách thức lớn nhất. 17% đặt ý chí học hỏi và tính kỷ luật lên hàng đầu trong danh sách các thử thách.

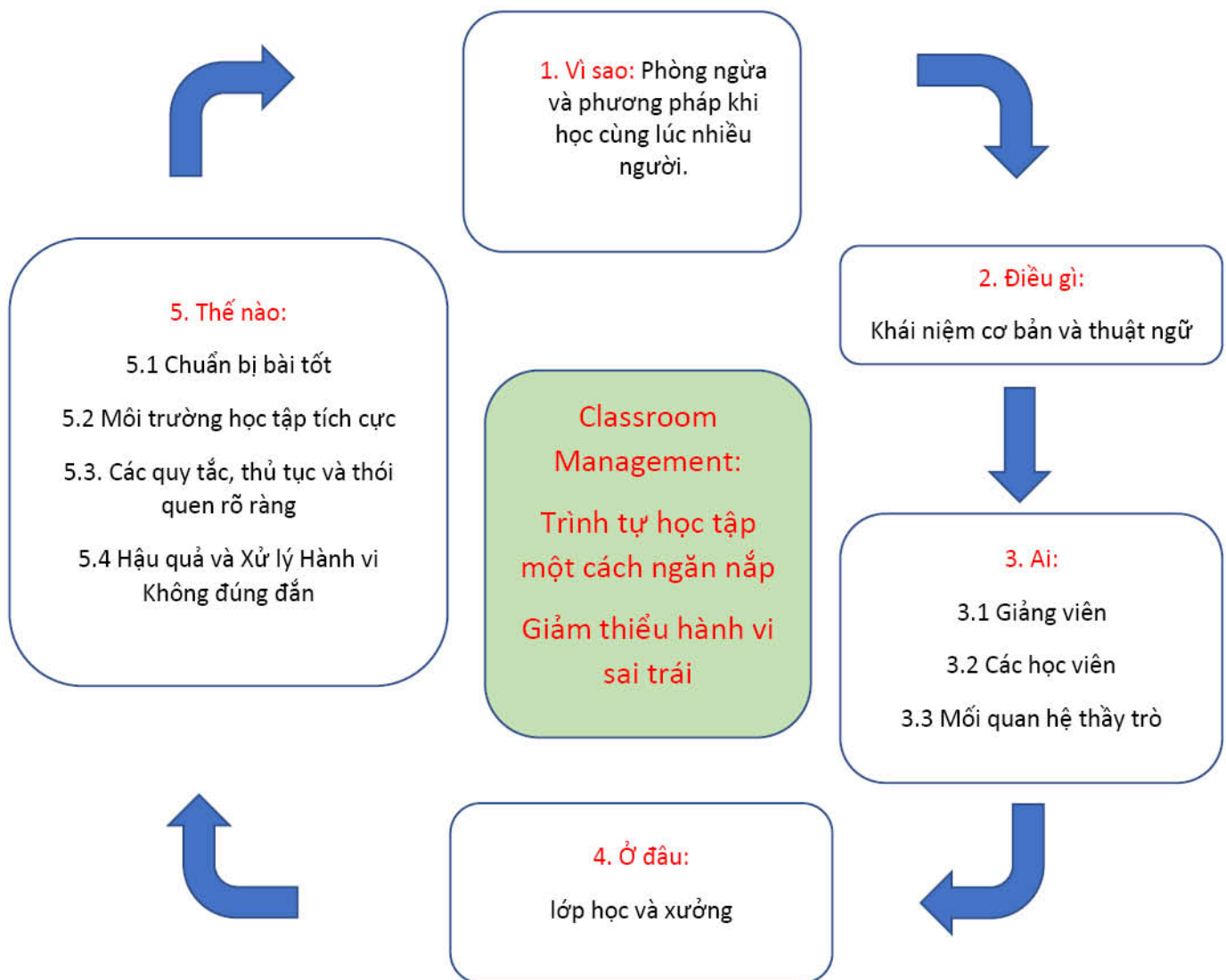
8.5.1 Quy tắc trong lớp học

Quản lý lớp học đề cập đến tất cả các hành động và chiến lược mà giảng viên thực hiện để tạo ra một môi trường học tập tích cực và hiệu quả.

Quản lý lớp học tốt là giảng viên thành công trong việc thu hút sự chú ý của học viên vào nội dung học tập. Học viên gặp khó khăn trong học tập và/hoặc có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực phát triển cảm xúc xã hội thường thể hiện các kiểu hành vi gây ra sự gián đoạn trong lớp học. Do đó, giảng viên cần phải biết hành vi rõ ràng để quản lý lớp học tốt và làm gương để thực hiện các quy tắc đã thiết lập một cách hiệu quả, chẳng hạn như:

- Chúng ta duy trì thông tin liên lạc rõ ràng.
- Chúng ta đưa ra lý do cho việc giới thiệu các thói quen và quy tắc.
- Chúng ta thực hành xử lý sự gián đoạn một cách nhất quán.
- Chúng ta cung cấp tài liệu giảng dạy có kế hoạch tốt.

Các quy tắc và kỳ vọng rõ ràng và sự mong đợi sẽ giúp tất cả học viên tập trung vào việc học và thể hiện hành vi tôn trọng. Trong đào tạo có nhu cầu giáo dục đặc biệt, các quy tắc và kỳ vọng này có thể được điều chỉnh và trực quan hóa để đáp ứng nhu cầu của học viên.



Hình 21 - CRM

Với nội quy của lớp học, điều quan trọng là tất cả học viên phải hiểu chúng để có thể áp dụng chúng. Do đó, điều cần thiết là các quy tắc này phải được luyện tập cùng với các học viên. Ở đây giả định rằng đội ngũ giảng viên đã cùng nhau thống nhất về các quy tắc này và áp dụng chúng. Các quy tắc được thiết lập phải được thực hiện một cách nhất quán, vì vậy hệ quả của hành vi sai trái có nhiều khả năng được nhận ra. Hành vi nhất quán này từ phía giảng viên cũng đòi hỏi mức độ kỷ luật tự giác cao, tuy nhiên, điều này sẽ phát triển thành một bầu không khí học tập tích cực theo thời gian và ngăn chặn sự mềm mỏng của các quy tắc.

- Cổng thông tin trường học Đức của Quỹ Robert Bosch viết (lãnh đạo lớp, A. Kuhn, 2022):

Việc quản lý lớp học có thể giúp giảng viên hài lòng hơn và do đó khỏe mạnh hơn. Trong một nghiên cứu dựa trên video, cô ấy đã so sánh các tình huống giảng dạy khác nhau và nhận thấy rằng "những

giảng viên đã quản lý để thực thi các quy tắc rõ ràng và thực hành giảng dạy hướng đến học viên nhiều hơn sẽ ít căng thẳng hơn."

8.5.2 Ưu tiên trong trường hợp có gián đoạn

Kinh nghiệm cho thấy rằng những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt rất khó tập trung vào các bài học trong các nhóm giảng dạy vô kỷ luật, ồn ào và thường xuyên bị phân tâm. Trên hết, chính những xáo trộn nhỏ, chẳng hạn như la hét hoặc nói chuyện với các học viên khác, đã gây ra tình trạng bất ổn liên tục trong lớp học và gây khó khăn cho việc giảng dạy của giảng viên.

Các nghiên cứu cho thấy rằng khoảng 35% thời gian giảng dạy không được sử dụng do sự gián đoạn ngăn cản việc học tập (xem Görgner, 2015, trang 55).

Nếu có thể, mọi sự gián đoạn phải được giảng viên nhận ra một cách nhất quán và ngăn chặn ngay từ đầu. Được áp dụng một cách nhất quán, việc làm này sẽ giảm bất kỳ sự xáo trộn nhỏ nào trước khi nó trở thành một vấn đề lớn hơn. Mọi sự xáo trộn không bị trừng phạt đều gây nguy hiểm cho sự thành công trong học tập và thường là nguyên nhân của sự xáo trộn tiếp theo. Quản lý lớp học hiệu quả và giảng dạy tốt có liên quan trực tiếp với nhau, hiệu quả của việc quản lý lớp học thay đổi tùy theo việc tuân thủ các thỏa thuận ràng buộc và hình phạt nếu không tuân thủ.

Can thiệp ngay lập tức trong trường hợp gián đoạn cũng được hỗ trợ bởi thực tế là điều này ngăn chặn tình hình leo thang và nguy cơ về mức độ nghiêm trọng của sự gián đoạn tăng lên khi tiến trình gián đoạn được ngăn chặn.

Mỗi học viên phải biết các giới hạn và hậu quả liên quan đến việc học tập, công việc và hành vi xã hội của họ. Tuy nhiên, việc phản hồi liên tục về những thành công trong hành vi giảng dạy cũng là cần thiết, bởi vì phản ánh về hành vi tích cực tập trung học viên vào mục tiêu thực tế của mỗi bài học.

Những giảng viên tham gia quá nhiều vào việc gián đoạn sẽ có nguy cơ làm gián đoạn quá trình học tập quá thường xuyên. Điều này, làm cho việc học không thoải mái. Theo thời gian, những nhà giáo dục giỏi sẽ học cách phản ứng không lời với những sự quấy rầy và ngăn chặn chúng bằng ánh mắt hoặc cử chỉ.

8.5.3 Kỹ thuật quản lý lớp học

- Xem Viện Nghiên cứu Giáo dục và Chất lượng Trường liên Bang ở München (isb)

Các kỹ thuật quản lý lớp học sau đây giúp thiết kế các bài học sao cho học viên hoàn toàn bận rộn trong lớp, tham gia tích cực và ít có hành vi sai trái:

Hiện diện: hành động "Đã Biết" có nghĩa là khả năng nhận thức chính xác những gì đang xảy ra trong lớp, ghi nhận hành vi sai trái ngay lập tức và báo cáo lại cho học viên. Giảng viên tạo ấn tượng là người có thể nhìn thấy mọi thứ: "Thầy tôi nhìn thấy mọi thứ".

Đa nhiệm: Giảng viên có thể điều khiển nhiều quá trình trong bài học cùng một lúc.

Không bị cản trở: Giảng viên tránh ngưng, ngắt chuyên đề. Bài học tiến hành trong các bước dễ hiểu.

Tập trung: Giảng viên không bị mất “sợi dây”, điều đó tránh được sự chậm trễ do vấn đề quá mức trong trường hợp có hành vi sai trái.

Duy trì sự tập trung của nhóm: Các bài học huy động toàn bộ nhóm học tập: mọi người đều cảm thấy có trách nhiệm. Mức độ hoạt động trong lớp học cao, càng nhiều học viên hoạt động tích cực trong một tiết học càng tốt. Các sinh viên làm việc theo nguyên tắc chịu trách nhiệm: kết quả công việc của tôi được kiểm tra bởi cộng sự, nhóm và giảng viên.

Các khía cạnh thúc đẩy học tập khác là phương tiện học tập thú vị, đầy thử thách, nhiệm vụ nhóm và hành vi truyền cảm hứng của giảng viên giúp củng cố động lực học tập, sự hợp tác và sự kiên trì của nhóm học tập. Kiên trì và nhẫn nại là những đặc điểm tính cách thiết yếu mà giảng viên phải mang lại để giảm thiểu mức độ gián đoạn một cách bền vững.

8.5.4 Mối quan hệ giữa giảng viên và học viên

Mối quan hệ tốt đẹp, tin cậy giữa học viên và giảng viên là tiêu chí và cơ sở quyết định cho việc giảng dạy tốt và tôn trọng lẫn nhau. Đặc biệt, những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt thường ít được đánh giá cao ở trường phổ thông mà họ đã theo học trước đây và cảm thấy thất bại.

Mối quan hệ giữa giảng viên/giảng viên-học viên tốt có ý nghĩa quan trọng trong mọi hướng để học tập và giảng dạy thành công. Những học viên được đối xử tôn trọng và được coi trọng sẽ xây dựng niềm tin cơ bản và cảm thấy thoải mái trong môi trường học tập của họ. Họ trả tiền cho những điều kiện khuôn khổ tốt này bằng cách có động lực và cam kết hơn trong lớp học.

Không nên nhầm lẫn điều này với thực tế rằng đây phải là một mối quan hệ bình đẳng. Không nghi ngờ rằng: Mối quan hệ huấn luyện viên/giảng viên-học viên chắc chắn không bình đẳng. Giảng viên đảm nhận một vị trí đặc biệt do lợi thế cạnh tranh, trách nhiệm và quyền hạn (chỉ dẫn) của họ. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy và trò cần có thời gian tìm hiểu nhau và phụ thuộc vào số giờ cũng như khả năng tình cảm của giảng viên. Để thiết lập và duy trì mối quan hệ này, lời khuyên sau đây được đưa ra cho các giảng viên:

Lời khuyên	Lời khuyên về xây dựng mối quan hệ giảng viên/giảng viên-học viên tốt
1	Ngoại hình: Tư thế tự tin, cởi mở kết hợp với nụ cười thân thiện để gây phản ứng tích cực từ phía học viên.
2	Chia sẻ một chút về con người bạn (tại sao bạn lại trở thành giảng viên? Sở thích của bạn là gì?) để tạo bầu không khí thoải mái!
3	Luôn chào hỏi các học viên của bạn một cách thân thiện, họ sẽ cảm nhận được sự đánh giá cao của bạn ngay từ giây phút đầu tiên trong lớp.
4	Quan sát những học viên đặc biệt khó khăn và luôn báo cáo lại cho họ về những tiến bộ tích cực của họ.
5	Thể hiện sự quan tâm sau thời gian đào tạo, nhưng vẫn cẩn thận để duy trì vai trò cụ thể giữa giảng viên và học viên*, đừng quá cá nhân.
6	Cố gắng thiết lập và làm gương cho văn hóa mắc lỗi tích cực, bởi vì sai lầm rất quan trọng khi học.

7	Giảng viên nên dành thời gian để lắng nghe, lắng nghe và quan tâm đến những gì học viên của họ đang nghĩ, điều gì khiến họ lo lắng hoặc điều gì khiến họ vui.
8	Không nên coi thường lời khen ngợi. Lời khen ngợi được nhìn nhận phải luôn bao gồm toàn bộ con người và không chỉ là một thành tích tự phát. Một số ngại khen ngợi lộ liễu nên chọn hình thức khác (có thể bằng văn bản dưới hình thức kiểm tra mục tiêu học tập).
9	Đừng quên khen ngợi cả nhóm giảng dạy khi thích hợp. Nó củng cố tinh thần đồng đội và ý thức cộng đồng.
10	Luôn xưng hô với học viên bằng tên, bất kể bạn gặp họ ở đâu.
11	Giữ liên lạc với phụ huynh nếu họ muốn biết những gì cần chú ý nhất hoặc những gì phụ huynh mong đợi. Bạn không chỉ cho họ biết nếu bạn gặp vấn đề mà còn nếu bạn có điều gì đó tích cực để thông báo.
12	Luôn cố gắng rút lại cảm xúc trong những thời điểm khó khăn, luôn thực tế. Bằng cách này, bạn ghi lại quyền lực và quyền kiểm soát.

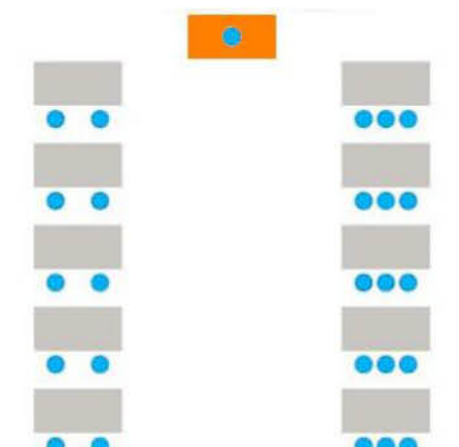
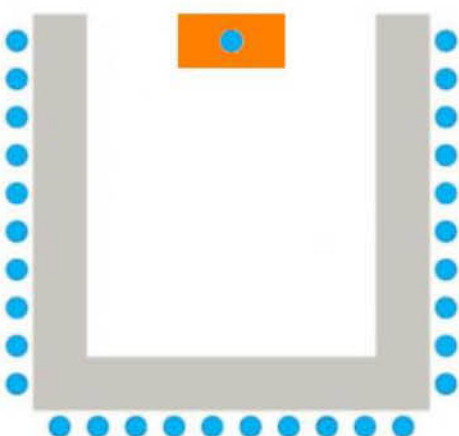
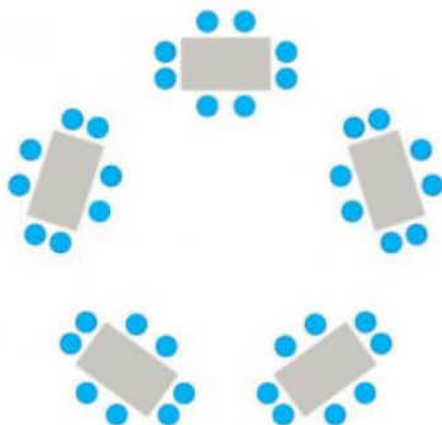
8.5.5 Sắp xếp chỗ ngồi tối ưu

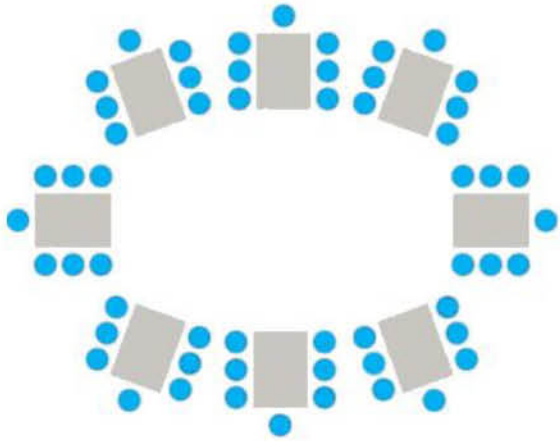
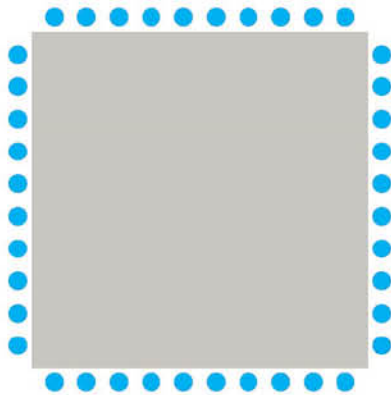
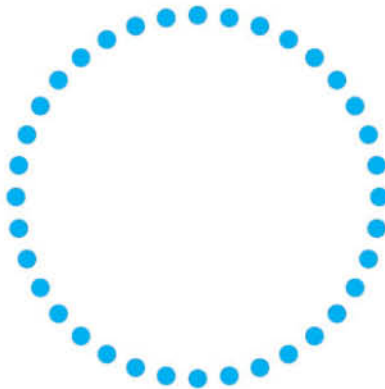
Những người cùng loại sẽ gắn bó với nhau. Trong các nhóm giảng dạy không đồng nhất, điều này có nghĩa là các hàng học viên giỏi tập trung ở một góc của lớp học và hàng học viên gặp khó khăn trong học tập ở góc còn lại, những người này vì lý do này không thể giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, những người giỏi học trong lớp cùng với những học viên giỏi khác. Trường hợp này là bình thường, nó cũng là vấn đề đối với các học viên kém hiệu quả cũng như đối với giảng viên trong lớp, bởi vì nó củng cố sự bất bình đẳng trong hành vi và kết quả học tập. Do đó, điều quan trọng là phải quan sát kỹ điều này và tạo ra sự sắp xếp chỗ ngồi không đồng nhất trong các môi trường học tập không đồng nhất. Do đó giảng viên có thể can thiệp một cách đơn giản theo hình thức này hay hình thức khác và thông qua việc sắp xếp chỗ ngồi cụ thể cũng thúc đẩy tình bạn (trong học tập)

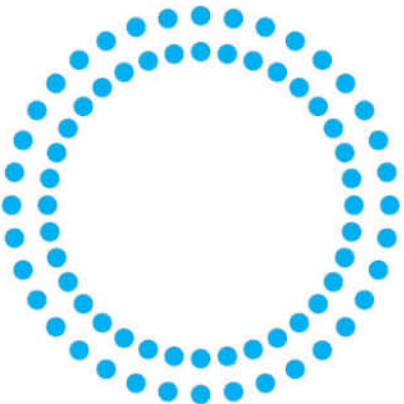
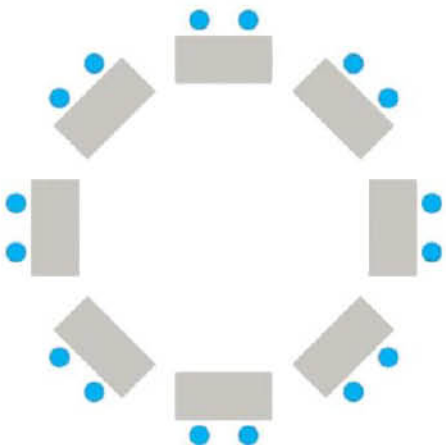
Cách sắp xếp chỗ ngồi cổ điển với những dãy bàn dài đã cho thấy nó thúc đẩy sự bất ổn và mất tập trung giữa các học viên. Các học viên khó tiếp cận hơn do cách sắp xếp chỗ ngồi này và có thể ẩn mình trong lớp tốt hơn. Việc sắp xếp chỗ ngồi mà giảng viên có thể dễ dàng tiếp cận tất cả các học viên sẽ thúc đẩy và đơn giản hóa việc giảng dạy một cách đáng kể, có thể tác động sự gián đoạn dễ dàng hơn và sự gián đoạn có thể được giải quyết tốt hơn. Dưới góc độ của học viên, giảng viên cũng được nhìn nhận tốt hơn.

Học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt nên được giảng viên sắp xếp tốt nhất, nghĩa là các em có thể dễ dàng tiếp cận và ngồi gần phương tiện giảng dạy và thuyết trình chứ không phải 'trốn' ở cuối lớp học.

Việc tổ chức sắp xếp chỗ ngồi trong lớp học là trách nhiệm của giảng viên và cũng có thể được xử lý khác nhau trong trường hợp mất tập trung hoặc xáo trộn lẫn nhau. Ở đây, điều quan trọng là phải luôn tìm được sự cân bằng và nhạy cảm đúng đắn đối với vai trò mà giảng viên giao cho các học viên. Học viên gây rối nhanh chóng nhận ra lý do tại sao được xếp cạnh người được cho là một sách trong nhóm giảng dạy, và mặt khác, chúng ta không thể mong đợi rằng người một sách phải bảo đảm kết quả học tập tốt hơn cho các học viên khác. Đây sẽ là một mức tải vượt quá mức bình thường đối với những người có hiệu suất cao hơn.

Các tính năng của sự sắp xếp chỗ ngồi	Sắp xếp chỗ ngồi
Cổ điển: Ưu điểm: • Rất thích hợp cho các bài giảng/thuyết trình • Lớp học không phải sắp xếp lại. Khuyết điểm: • Học viên thường thụ động hơn. • Các cuộc thảo luận về bài học phát sinh giữa giảng viên và từng học viên riêng lẻ.	
Dạng chữ U: Ưu điểm: • Rất thích hợp cho các bài giảng/thuyết trình. • Giao tiếp bằng mắt tốt giữa giảng viên và học viên. • Tốt cho các tài liệu thuyết trình. Khuyết điểm: • Việc sắp xếp chỗ ngồi chiếm nhiều diện tích. • Khoảng cách xa hơn giữa các học viên.	
Các bàn nhóm theo hình sao: Ưu điểm: • Rất thích hợp làm việc nhóm. Khuyết điểm: • Đây là cách sắp xếp chỗ ngồi rất tích cực.	

Bảng nhóm trong hội nghị toàn thể: Ưu điểm: - Tuyệt vời để chuyển đổi giữa các lớp học toàn thể và làm việc theo nhóm nhỏ mà không cần phải thay đổi chỗ ngồi một lần nữa. Nachteil: - Trong thời gian học trong hội nghị toàn thể các nhóm cũng giữ nguyên vị trí	
Hình vuông: Ưu điểm: - Ít cần lập kế hoạch - Giảng viên không có chỗ ngồi độc quyền. Khuyết điểm: - Không phải tất cả các học viên đều có thể nhìn thấy nhau.	
Vòng tròn: Ưu điểm: - Không có bàn, không có rào cản. - Không gian cho nhiều học viên. - Thúc đẩy ý thức cộng đồng giữa các học viên. - Thúc đẩy không khí thảo luận. Khuyết điểm: - Bố trí chỗ ngồi thường không thoải mái (không gian trống) cho học viên. - Bàn quen thuộc không còn được sử dụng.	

Vòng tròn đôi: Ưu điểm: • Không có bàn, không có rào chắn. • Không gian cho số lượng lớn học viên. • Không khí rất cởi mở, thoải mái và kích thích thảo luận. • Thúc đẩy không khí thảo luận. Khuyết điểm: • Không phải tất cả các học viên đều có thể nhìn thấy nhau. • Khi chọn chỗ ngồi, ưu tiên vòng ngoài (muốn ẩn thân).	
Gruppentische im Lerntandem: bàn nhóm nối đuôi nhau: Ưu điểm: • Rất phù hợp để làm việc trong một nhóm học tập song song (nhóm nhỏ). • Các học viên đều có thể nhìn thấy nhau. Khuyết điểm: • Cách sắp xếp chỗ ngồi này chiếm nhiều không gian.	

8.5.6 Các quy trình và quy tắc được thiết lập

Các quy trình và thói quen cố định rất hữu ích trong việc giữ cho các bài học không bị gián đoạn nhất có thể. Chúng giúp các học viên hiểu và cấu trúc quá trình làm việc và tự tổ chức. Điều quan trọng là mọi học viên đều biết phải làm gì khi nào và ở đâu. Các quy trình đóng một vai trò rất quan trọng trong đào tạo gia công kim loại trong xưởng, bởi vì chúng cũng là biện pháp ngăn ngừa tai nạn, điều này phải được giảng viên tuân thủ nghiêm ngặt và liên tục. Tuy nhiên, các học viên phải biết rằng các hướng dẫn về các quy tắc cần tuân thủ sẽ chuyển giao trách nhiệm cho họ (trách nhiệm cá nhân).

Các quan sát cho thấy rằng các quy trình và quy tắc được thiết lập sẽ làm tăng sự hài lòng của học viên và phải được giới thiệu, minh họa và thực hành trước. Các quy trình định kỳ trong lớp học và trong hội thảo được coi là các quy trình thủ tục và các tình huống sau đây phù hợp để tiêu chuẩn hóa chúng:

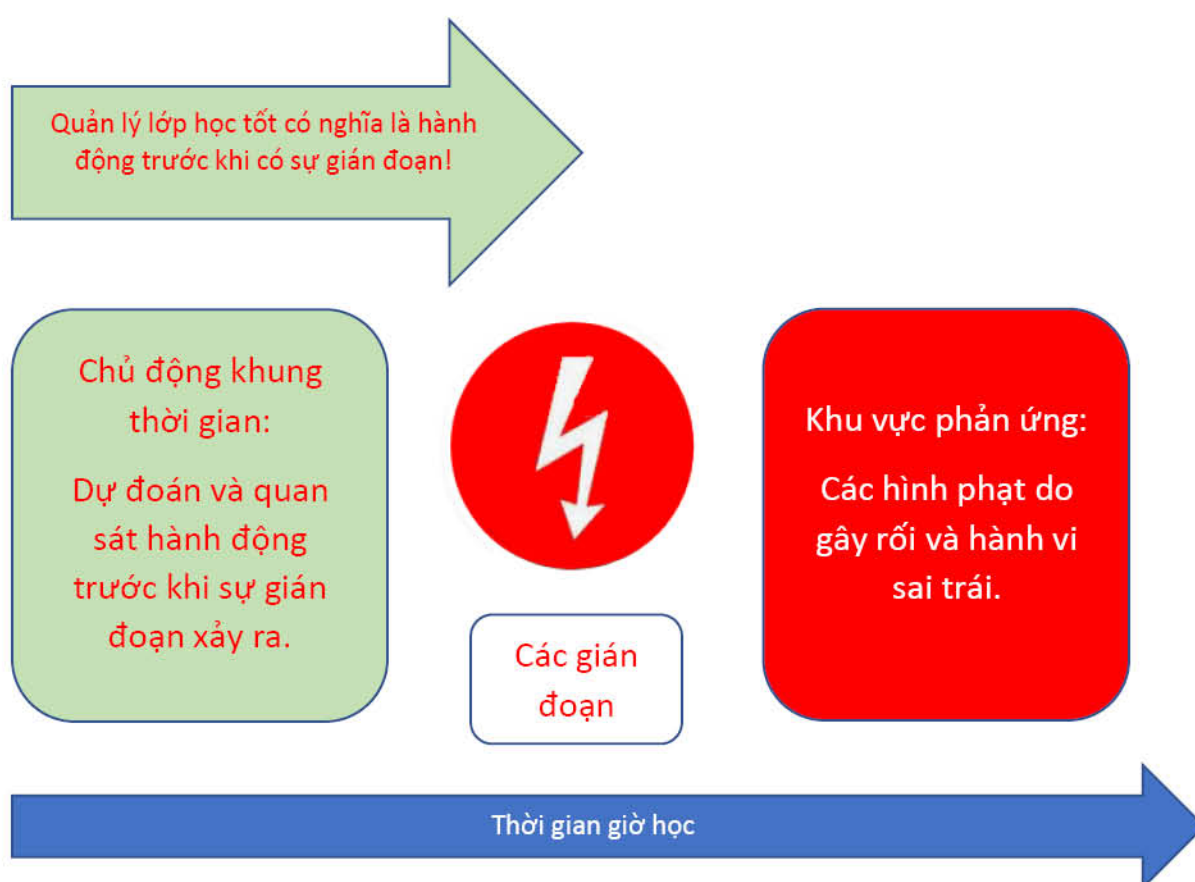
- Bắt đầu tiết học và lời chào
- Kết thúc tiết học và chuyển tiếp giữa các bài học (cất và lấy vật liệu làm việc - đặc biệt là thiết bị đo lường trong xưởng, vệ sinh máy móc...)
- Chuyển tiếp giữa các giai đoạn dạy học (pha làm việc và pha hướng dẫn)
- Chuyển đổi giữa các hình thức xã hội (thay đổi làm việc nhóm giữa hội nghị và bài giảng)
- Nhờ giảng viên giúp đỡ
- Tuân thủ tất cả các biện pháp phòng ngừa tai nạn

- Ứng xử trong làm việc nhóm
- Nắm bắt nội dung học tập trong trường hợp vắng mặt

Ngoài ra những hành vi dường như được coi là đương nhiên (ví dụ: những nơi không được phép hút thuốc, cấm uống rượu trong khuôn viên trường học) cũng nên được quy định để các hành vi vi phạm cũng có thể bị phạt.

Ngoài ra, các quy tắc ứng xử nên như thế nào tùy thuộc vào thực tế là giảng viên cũng tuân thủ chính xác các quy tắc và thông số kỹ thuật và bản thân họ coi các quy trình là quan trọng, hợp lý và có thể thực hiện được (có thể người đào tạo có thể yêu cầu học viên đi giày an toàn trong xưởng không, nếu giảng viên xuất hiện trong đôi xăng đan?)

Tất cả các biện pháp quản lý lớp học được liệt kê cho thấy rằng chính những chi tiết nhỏ thường có ý nghĩa quyết định để bài học diễn ra tốt đẹp và để học viên thành công.



Hình 22 - CRM chủ động

8.6 Đối phó với việc bắt nạt

Ngoài đề:

Thuật ngữ bắt nạt bắt nguồn từ tiếng Anh và có thể được dịch là "làm ảnh hưởng" hoặc "bắt nạt". Ta có thể phân biệt hoặc quan sát hai loại bắt nạt:

- Bắt nạt trực tiếp: trêu chọc, đe dọa, coi thường, xúc phạm, coi thường, làm xấu hổ, bắt nạt
- Bắt nạt gián tiếp: gạt ra bên lề, làm tổn hại danh tiếng, "kỳ thị" bằng cách giấu thông tin và làm hư hỏng tài sản của người bị bắt nạt

Cần phân biệt giữa bắt nạt, quấy rối hoặc đe dọa. Điều này đề cập đến bạo lực thể xác được thực hiện trong giới trẻ, trong đó một số nạn nhân bị hành hạ bởi những người trẻ tuổi có thể chất vượt trội so với họ (thường là bạn cùng lớp).

8.6.1 Nguyên nhân có thể của việc bắt nạt

Một nhóm học tập không đồng nhất làm tăng khả năng xung đột thường thấy hơn trong các cộng đồng học tập đồng nhất. Khả năng xảy ra trong quá trình trưởng thành và khám phá bản thân trong thời gian đào tạo cũng đóng một vai trò nhất định.

Typisch für Situationen, die Mobbing auslöst bzw. in der die Ursachen dafür zu finden sind, sind in inklusiven Settings:

Trong các môi trường hòa nhập, các tình huống điển hình gây ra bắt nạt có thể do các nguyên nhân sau:

- Thất bại của giảng viên không giải quyết vấn đề thành thạo (nạn nhân phóng đại, nạn nhân đổ lỗi cho mình, nạn nhân quá nhạy cảm).
- Học viên có và không có nhu cầu giáo dục đặc biệt phát triển các khía cạnh của động lực nhóm và hình thành các nhóm biệt lập.
- Học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt cần và cần nhiều sự hỗ trợ.
- Những học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt từ chối hỗ trợ đặc biệt vì họ muốn được 'bình thường'.
- Những người học việc không có nhu cầu giáo dục đặc biệt, cảm thấy quá tải trong vai trò liên tục giúp đỡ những người học việc khác.
- Học viên không có nhu cầu giáo dục đặc biệt lo lắng rằng sẽ không nắm vững chủ đề vì các bài học tiến triển quá chậm (Có phải tất cả các nội dung liên quan đến kỳ thi đều được giảng dạy không?).
- Học viên không có nhu cầu giáo dục đặc biệt cảm thấy không đủ năng lực, chán nản và khó chịu vì nội dung học lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần.
- Học viên có và không có nhu cầu giáo dục đặc biệt từ chối các hình thức học tập hợp tác và chỉ chấp nhận giảng viên.

Thông thường, sự leo thang đến mức bắt nạt là bởi sự giao tiếp không đủ và xáo trộn, vì những vấn đề cơ bản, xung đột và tranh chấp này không được giải quyết. Thông thường, các nạn nhân bị bắt nạt bị cô lập, những kẻ bắt nạt không nhận được phản hồi về tác động và hậu quả của hành động tiêu cực của họ, và thanh thiếu niên không tham gia vẫn bị động. Nhóm thụ động thường sợ hãi bản thân và thường vui mừng khi không phải là người bị hại hoặc có hành vi, trong trường hợp xấu nhất là xem và cảm thấy giết gâu hài hước

8.6.2 Ngăn ngừa việc bắt nạt

Cơ sở quan trọng nhất của việc ngăn ngừa bắt nạt là sự học tập về mặt xã hội và cảm xúc, bởi vì điều này phát triển thái độ và thái độ tích cực và hỗ trợ ở các học viên.

Đối với điều này, điều cần thiết là giảng viên, đặc biệt là trong môi trường học tập không đồng nhất, có thể đóng góp các kỹ năng liên môn để giảm nguy cơ bắt nạt hoặc thậm chí bạo lực xảy ra trong cơ sở giáo dục. Không thể cho rằng học viên khi bắt đầu lớn lên sẽ có thể hình thành và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội của mình một cách độc lập trong suốt thời gian đào tạo, tức là không cần sự trợ giúp của giảng viên.

Có thể phân biệt các lĩnh vực phòng ngừa bậc 1 (hoặc phổ quát), bậc hai (hoặc chọn lọc) và bậc 3 (hoặc chỉ định). Theo Schubarth (2013, trang 101), có thể chia nhỏ các cấp độ phòng ngừa như sau:

Phòng ngừa sơ cấp	
Mục tiêu	Các ví dụ về các hành động phòng ngừa có thể
- Bất bạo động như một mục tiêu (giáo dục) - Thúc đẩy và ổn định lòng tự trọng và niềm tin vào người khác - Tăng cường thái độ vì xã hội - Thúc đẩy kỹ năng giao tiếp và tương tác	- Chuyên nghiệp hóa giảng viên liên quan đến các kỹ năng liên môn của họ - Thực hành và ví dụ về giải quyết xung đột bất bạo động - Hợp tác giữa nhà trường và phụ huynh/người giám hộ - Đối phó với bạo lực và gây hấn trong lớp học - Tăng cường môi trường học đường và văn hóa học tập - Tăng cường các kỹ năng cá nhân và xã hội - Rõ ràng, minh bạch và hỗ trợ cá nhân - Văn hóa thỏa thuận - Cấu trúc và quy tắc rõ ràng
Phòng ngừa bậc hai	
Mục tiêu	Các ví dụ về các hành động phòng ngừa có thể
Những người có một số yếu tố nguy cơ cần được tăng cường (ví dụ: thông qua các biện pháp/đào tạo có mục tiêu)	Xử lý các vụ gây rối trong lớp, công tác sư phạm với những người có hành vi bạo lực/nạn nhân
Phòng ngừa bậc 3	
Mục tiêu	Các ví dụ về các hành động phòng ngừa có thể
Mit Personen, die bereits auffällig geworden sind, soll gearbeitet werden. Maßnahmen zur Verhaltensveränderung bis hin zu Resozialisierung werden durchgeführt. Làm việc với những người đã có hành vi. Các biện pháp thay đổi hành vi thông qua tái xã hội hóa được thực hiện.	Sự tham gia của các chuyên gia hoặc tổ chức bên ngoài (tâm lý học đường, công tác xã hội, cảnh sát, v.v.)

Tổng quan cho thấy rõ rằng giảng viên có thể làm việc ở cấp tiểu học và đôi khi cả ở cấp trung học, bởi vì ở đây việc kiểm soát và tránh nguy cơ bạo lực và bắt nạt là ưu tiên hàng đầu.

Các sự kiện đại diện cho nguyên tắc chỉ đạo của tổ chức giáo dục và xác định các giá trị của sự tương tác tôn trọng cũng đã được chứng minh là một biện pháp phòng ngừa.

Đặc biệt trong môi trường học tập hòa nhập, các chủ đề như khoan dung, tôn trọng, sẵn sàng giúp đỡ người khác và thể hiện sự đánh giá cao đối với mọi người là những điều cơ bản quan trọng của hành động xã hội và đó là mục tiêu được tuyên bố để cho phép phát triển và củng cố nhân cách của tất cả các học viên. Mỗi thực tập sinh nên được coi là một con người có giá trị, bất chấp áp lực học tập và biểu diễn và bất kể thành tích đạt được.

Phòng chống bắt nạt luôn là nhiệm vụ (phát triển) của cơ sở giáo dục nhằm tạo ra bầu không khí thuận lợi cho việc học tập và lấy việc học tập với tiêu chuẩn chất lượng cao làm trung tâm của việc đào tạo. Có thể mô tả vai trò và mức độ hành động của giảng viên trong công việc phòng ngừa hàng ngày như sau:

- Thống nhất giữa lời nói và hành động (làm gương)
- nêu gương các hình thức giao tiếp và cách cư xử mang tính xây dựng
- Thể hiện thái độ xã hội và củng cố chúng ở những người khác
- Thúc đẩy quyền tự quyết của học viên
- Xây dựng mối quan hệ kiên cường với học viên (ví dụ, học viên phản ứng thế nào trước những lời chỉ trích?)
- Cho phép học viên đồng quyết định
- Quan tâm đến sự phát triển các kỹ năng xã hội và cảm xúc của học viên
- Thể hiện kỹ năng quản lý xung đột (làm rõ quan điểm, quản lý xung đột, định hướng giải pháp)

8.7 Bù đắp thiệt thòi cho học viên

Ở Đức, các quy định về đền bù thiệt thòi được quy định trong Đạo luật Đào tạo nghề (BBiG) và Bộ luật Thủ công, nhưng cũng được quy định trong luật trường học của các quốc gia liên bang tương ứng.

Trong khuôn khổ đào tạo kép, các phòng và hiệp hội có trách nhiệm "tính đến hoàn cảnh đặc biệt của người khuyết tật trong đào tạo và kiểm tra" trên cơ sở Mục 65 của Đạo luật Dạy nghề và Mục 42I của Bộ luật Thủ công. Cần phải đền bù cho những thiệt thòi để sự khiếm khuyết cá nhân của một người trẻ tuổi trong quá trình đào tạo, đặc biệt là ở trường học và tất nhiên là trong các kỳ thi, không trở thành một bất lợi. Bằng chứng về tình trạng khuyết tật (nhưng không phải là khuyết tật nghiêm trọng, xem bên dưới) là yêu cầu cơ bản để được bồi thường thiệt thòi. Bồi thường cho những thiệt thòi tại các trường dạy nghề được mô tả trong các quy định về trường học của các bang liên bang.

Hỗ trợ dành cho học viên, thường được gọi là bù đắp thiệt thòi, được chia thành ba lĩnh vực:

- Hỗ trợ cá nhân
- Bù đắp thiệt thòi
- Bảo lưu điểm số
- Xem "Đào tạo nghề hòa nhập ở Bavaria" (ISB, 2016)

"**Hỗ trợ cá nhân**" liên quan đến các biện pháp sư phạm, phương pháp giáo khoa và tổ chức trường học cũng như việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ kỹ thuật. Có thể xảy ra trong trường hợp rối loạn phát triển liên quan đến kỹ năng học đường, khuyết tật và tất cả các ưu tiên hỗ trợ giáo dục đặc biệt.

Mục đích của nó là hỗ trợ học viên khuyết tật trong quá trình phát triển học tập. Nó chỉ áp dụng cho bài học. Nó được cấp bởi giảng viên trong khuôn khổ của sự tùy ý tổ chức và sự phạm."

Mặt khác, "bồi thường cho những thiệt thòi" và "bảo vệ điểm số" đề cập đến việc đánh giá hiệu suất. Để bù đắp cho những thiệt thòi, chất lượng và số lượng kết quả học tập cần thiết của học viên được giữ nguyên, chỉ có thể thay đổi loại hình và hình thức đánh giá kết quả học tập. Mặt khác, việc bảo vệ điểm số thay đổi các yêu cầu về hiệu suất, ví dụ, trong trường hợp khiếm thính, các bài thuyết trình bằng miệng có thể được bỏ qua hoặc chúng có thể được giảm trọng số. Các biện pháp bù đắp cho những bất lợi không được liệt kê trong chứng chỉ, nhưng trong trường hợp bảo vệ cấp độ, một ghi chú về hiệu suất không đạt được phải được đưa vào nhận xét của chứng chỉ.

"Việc bồi thường bất lợi cho các bài kiểm tra một phần của bài kiểm tra cuối kỳ mở rộng chỉ được thực hiện theo yêu cầu của học viên tại văn phòng kiểm tra chịu trách nhiệm và quy định rằng" báo cáo y tế, tâm lý và các phát hiện khác biệt từ các cơ quan chính thức, chẳng hạn như cơ sở để các nhà cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng nghề nghiệp (BIBB) tính đến việc xác định tình trạng khuyết tật. Sau quyết định này, có thể tìm thấy sự hỗ trợ phù hợp có tính đến nhu cầu cho mỗi học viên tương ứng."

Cần nhấn mạnh lại một lần nữa: Yêu cầu về nội dung của kỳ thi, tức là các nhiệm vụ cụ thể trong kỳ thi, không thay đổi về chất. Tất cả các khoản bồi thường cho những bất lợi là trường hợp cá nhân và các hình thức cấp có thể khác nhau. Bù đắp thiệt thòi và bảo lưu điểm số không được cung cấp tự động trong lĩnh vực có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong lĩnh vực học tập và phát triển tình cảm-xã hội.

Dưới đây là tổng quan về các hình thức bồi thường bất lợi có thể có mà thực tập sinh có thể được cấp khi nộp đơn:

Trọng tâm hỗ trợ học tập	Trọng tâm hỗ trợ phát triển tình cảm xã hội
• Gia hạn thời gian • Thời gian nghỉ dài hơn và linh hoạt • Sự hiện diện của một người đáng tin cậy • Các nhiệm vụ kiểm tra được xây dựng theo cách dễ hiểu (tối ưu hóa văn bản) • Thử nghiệm trong môi trường quen thuộc • Khuyến khích và đánh giá cao	• Gia hạn thời gian • Người đồng hành trong kỳ thi (người quen) • Khám cá nhân trong phòng riêng • Nên cho phép ngắt quãng khi phát sinh tình huống xung đột • Cho phép nghỉ thêm • Chia nhỏ toàn bộ bài thi thành các bài thi nhỏ

Các kỳ thi tối ưu hóa văn bản đã chỉ ra rằng học viên có thể tìm ra câu trả lời đúng nhanh hơn 20%.

9. Các điển hình thực tiễn tích cực

Trọng tâm của các điển hình thực tiễn tốt là trao đổi kinh nghiệm và kiến thức của các giảng viên và giảng viên dạy nghề và giáo dục xã hội. Những ví dụ này được thu thập và ghi lại trong nhiều danh mục khác nhau và đóng vai trò là vô số giải pháp tốt trong thực tế, một mặt có thể được đặc trưng bởi thiết kế cụ thể của các ví dụ giảng dạy và mặt khác bởi sự phát triển của các tính năng chất lượng. Việc thực hiện các ý tưởng thực tiễn tốt và đánh giá đâu là những điển hình thực hành tốt có chất lượng cao là tùy thuộc vào người sử dụng và các bên thực hiện.

BiBB giải thích điều này (xem Trình độ học nghề của thanh niên có nhu cầu giáo dục đặc biệt, 2005, tr.210-211):

“Các chuyên gia sư phạm phát triển một quy trình hoặc giải pháp cho một yêu cầu đặt ra cho họ. Khi làm như vậy, họ bắt đầu từ khuôn khổ con người và thể chế có sẵn cho họ. Nhóm mục tiêu, thời gian có sẵn, thiết bị của cơ sở, nguồn lực, đối tác hợp tác, nhân sự và trình độ của nhân viên, sự cởi mở với các lựa chọn thay thế, v.v. đều đóng một vai trò. Tất cả những khoảnh khắc đó giúp quyết định liệu một giải pháp có được coi là tốt cho việc thực hành – theo nghĩa là hữu ích và đáng được chuyển giao – hay không...”

Thực tiễn tốt được đặc trưng bởi thực tế là nó thể hiện sự mô tả hướng đến mục tiêu của một giải pháp thành công, chủ yếu ở quy mô nhỏ trong bối cảnh hành động được mô tả chính xác.

Các câu hỏi để đánh giá thực tiễn tốt là:

- Giải pháp có thể được mô tả như thế nào (cách tiếp cận, mục tiêu, nhóm mục tiêu, người tham gia, điểm chính)?
- Việc triển khai được thiết kế như thế nào (phương pháp, thủ tục)?
- Thành công của giải pháp (kết quả, sản phẩm, thay đổi) là gì?
- Yếu tố thúc đẩy hay cản trở (cấu trúc, con người, động cơ và sở thích)?
- Nguồn lực nào, nguồn lực nào đã được sử dụng (thời gian, nhân sự, vật liệu)? "

9.1 Đo lường năng lực

9.1.1 Hệ thống đánh giá

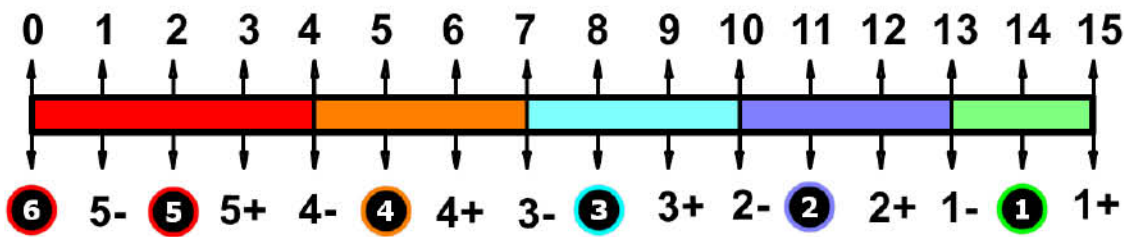
Mục tiêu của bất kỳ khóa đào tạo nghề nào là đạt được các kỹ năng toàn diện thông qua phát triển khả năng làm việc, kết hợp các kỹ năng chuyên môn với các kỹ năng cá nhân và xã hội. Điều này cũng nên hướng tới người khuyết tật, cụ thể ở đây là những người khuyết tật học tập tương ứng. Các bài học với học viên khuyết tật học tập phải dựa trên thành tích và hành vi học tập của họ. Các quyết định giáo khoa và các quy trình có phương pháp trong lớp học được xác định bằng cách phân biệt giữa mức độ yêu cầu, tốc độ học tập và nhu cầu hỗ trợ của từng cá nhân.

Định nghĩa sau đây có thể được tìm thấy trong giáo trình cho các học viên chuyên ngành cơ khí cắt (xem giáo trình học tập liên quan đến công việc, Bộ Giáo dục và Văn hóa, tháng 7 năm 2014, trang 4):

"Năng lực chuyên môn được định nghĩa là sự sẵn sàng và khả năng của cá nhân để ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp, xã hội và riêng tư một cách có suy nghĩ thấu đáo và có trách nhiệm với cá nhân và xã hội. Việc mô tả các kỹ năng được phát triển thúc đẩy việc đào tạo các kỹ năng chuyên nghiệp.

Cơ sở của thiết kế mô phạm và phương pháp của các bài học trong các lĩnh vực học tập là các tình huống học tập nhằm cho phép phát triển các kỹ năng trong các đơn vị định hướng thực hành. Các tình huống học tập mô tả các nhiệm vụ và vấn đề liên quan đến thực tế từ lĩnh vực học tập tương ứng. Họ đòi hỏi ở sinh viên tính độc lập, trách nhiệm cao và tuân thủ nguyên tắc hành động triệt để trong quá trình làm việc."

Hệ thống 15 thang điểm, tức là hệ thống với điểm số, đã chứng minh tính hữu dụng của nó trong hệ thống đánh giá của lớp học định hướng hành động. Thành tích được xác định chính xác hơn bằng cách chia chúng thành các điểm so với các điểm từ 1 đến 6. Do đó, sự khác biệt giữa điểm 2+ và điểm 2- có thể thấy rõ hơn nhiều trong bài đánh giá năng lực. Bằng cách này, các xu hướng trong đánh giá hiệu suất cũng có thể được nhìn thấy rõ hơn.



Hình 23 -Thang điểm đánh giá Hệ thống 15 điểm

9.1.2 Kiểm tra đánh giá năng lực

Qua các hình thức giảng dạy thay đổi, các hình thức đánh giá hiệu suất mới cũng đã phát triển trong những năm gần đây. Việc dạy và học văn hóa ở nhiều cơ sở giáo dục có chuyển biến. Các hình thức học tập tích cực, định hướng hành động, cá nhân và hợp tác chắc chắn cũng đòi hỏi các hình thức đánh giá hiệu suất mới. Định hướng về năng lực, như được hình thành trong chương trình và nhiệm vụ dạy học mới, cũng dẫn đến những yêu cầu mới về đánh giá kết quả hoạt động, nhưng cũng mở rộng trong đó khả năng quan sát và đánh giá.

Trong dạy học định hướng hành động, một đánh giá hiệu suất khác biệt đã được thiết lập, xác định đánh giá hiệu suất từ các **kỹ năng chuyên môn** và **kỹ năng dự án**.

Dự án làm việc trong đào tạo kim loại với việc phân tích nhiệm vụ công việc, thu thập thêm thông tin cần thiết cho quá trình xử lý dự án, lập kế hoạch trình tự công việc và xử lý phôi cũng như tài liệu cuối cùng và trình bày kết quả công việc mang lại nhiều phạm vi tiếp thu năng lực và theo đó đánh giá năng lực. Đào tạo chuyên nghiệp thành công ngày nay bao gồm nhiều loại năng lực cần thể hiện

và thách thức đối với giảng viên là lựa chọn và đánh giá các năng lực cần thiết để giải quyết nhiệm vụ và áp dụng kiến thức chuyên môn.

Việc đánh giá hiệu suất và theo đó cho điểm kết quả từ các **kỹ năng chuyên môn** và **kỹ năng dự án**. Việc đánh giá kỹ năng nghề nghiệp là kết quả của việc xem xét các kiến thức chuyên môn, mối liên hệ quy trình, thủ tục, xác định tiêu chuẩn định mức và kết quả thực hiện dự án.

Hành vi xã hội, việc áp dụng các phương pháp một cách có hệ thống, giao tiếp trong quá trình thực hiện và hoàn thành quá trình học tập được quan sát và sử dụng để đánh giá các **kỹ năng dự án**. Năng lực dự án bao gồm một số lượng lớn các phần năng lực mà từ đó có thể thực hiện các quan sát: năng lực cá nhân, xã hội, phương pháp, giao tiếp và học tập. Trong mô hình đánh giá năng lực này, năng lực giao tiếp được xếp vào năng lực cá nhân và năng lực học tập được xếp vào năng lực phương pháp để có cái nhìn tổng quan hơn.

Các năng lực phù hợp sau đó có thể được lựa chọn từ một nhóm lớn các đặc điểm để quan sát năng lực mà giảng viên muốn quan sát, đánh giá và đánh giá.

9.1.3 Các hạng mục đánh giá – tiêu điểm lựa chọn và hệ thống điểm

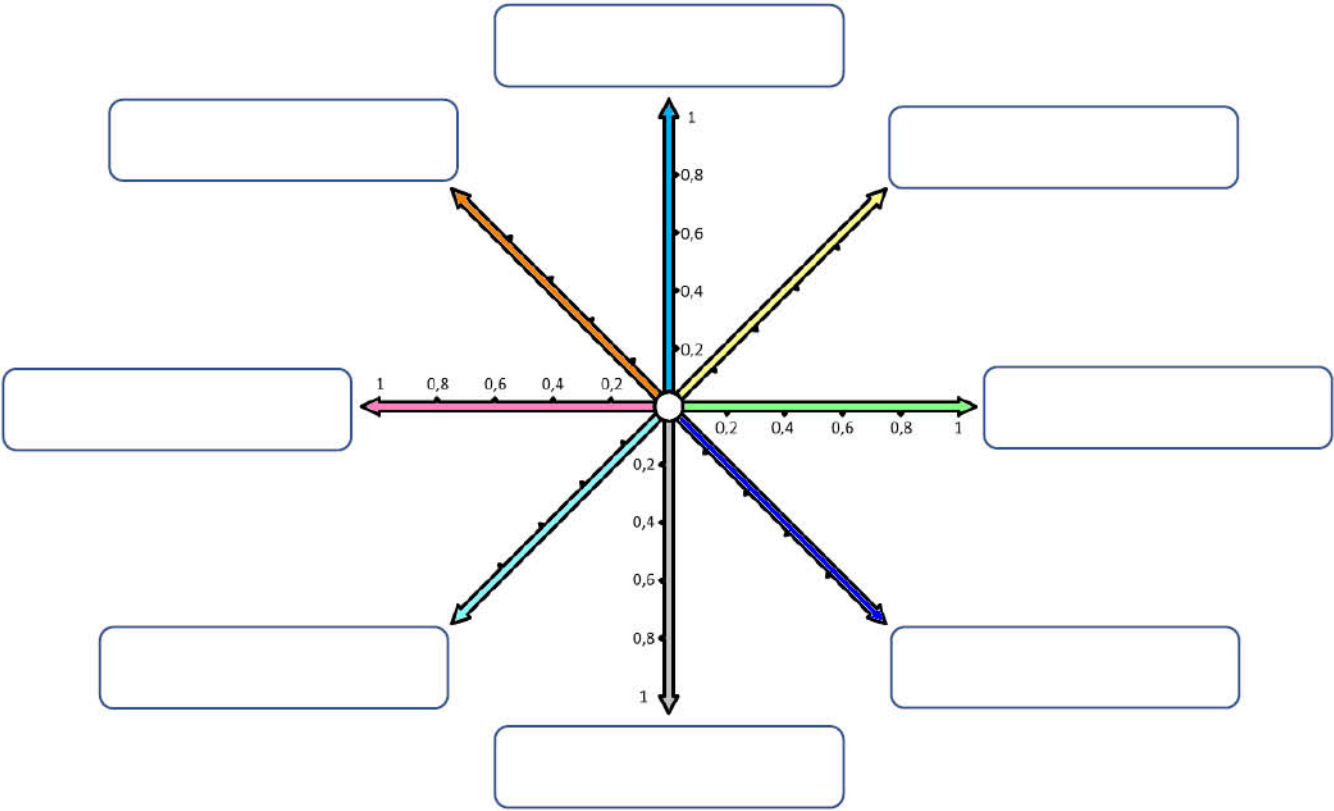
Giảng viên có cái nhìn tổng quan về các hạng mục đánh giá và chọn các tiêu điểm (năng lực) liên quan từ danh sách sẽ được quan sát và sau đó đánh giá để xử lý dự án mới. Các năng lực được chọn cho thấy là chúng quan trọng và do đó có tính quyết định trong quá trình xử lý dự án hiện tại để củng cố và phát triển hơn nữa các năng lực.

Giảng viên có khả năng gán một yếu tố cao hơn cho các năng lực cụ thể để tăng trọng số cho chúng. Đối với đánh giá số thực tế, một hệ thống điểm theo gia số 2/10 được áp dụng, xếp hạng cao nhất là 1 và các đặc điểm của đánh giá như sau:

- 0 Năng lực không rõ rệt
- 0,2 Năng lực có điểm yếu lớn
- 0,4 Năng lực kém
- 0,6 Năng lực hiện hữu và dễ nhận biết
- 0,8 Năng lực phát triển tốt
- 1 năng lực đặc biệt rõ rệt

Các hệ số được nhân có thể đi từ 1 đến 3 và phải luôn đạt tổng điểm là 15 (xem thang đánh giá). Điều này cho phép hiển thị mối quan hệ với thang điểm khóa từ 1 đến 6.

Một bảng nhập giá trị đầu vào có thể được sử dụng cho tất cả các hệ thống trực đo lường năng lực. Cũng có thể tạo hồ sơ năng lực với 6 hoặc 4 quan sát hiệu suất, tùy thuộc vào hồ sơ được đánh giá hoặc mức độ phức tạp của các quan sát. Các lĩnh vực đánh giá chính có thể được nhập trực tiếp vào các trường văn bản hoặc có thể được làm rõ từ phân tích bằng cách sử dụng các số liên tiếp.



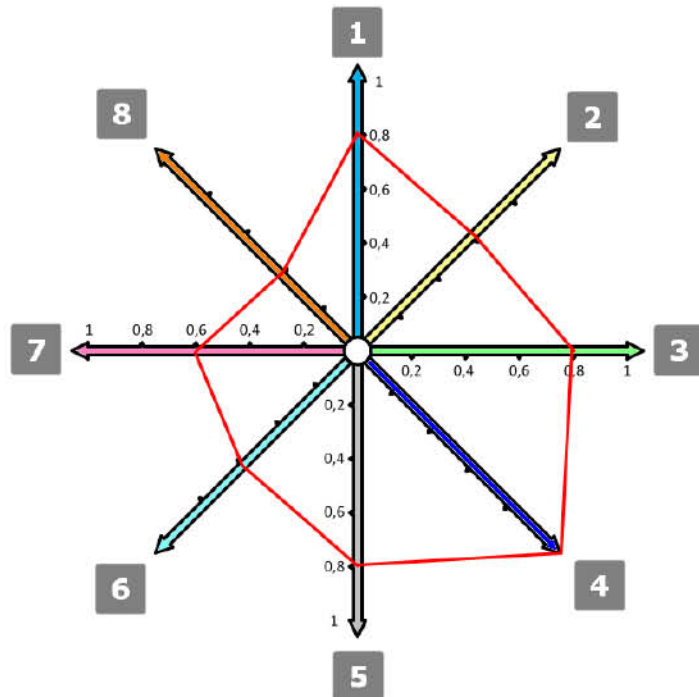
Hình 24 – Phân tích năng lực

Phân tích năng lực đưa ra một cái nhìn tổng quan về những điểm mạnh và dự trữ hiệu suất mà học viên có. Tương tự như vậy, các phân tích năng lực tương tự có thể được lặp lại theo thời gian và sau đó được so sánh. Bằng cách này, sự phát triển năng lực có thể được hiển thị bằng đồ họa tốt và nhanh chóng.

Mặt khác, phân tích năng lực cũng có thể cho thấy sự thể hiện một phía của kỹ năng và năng lực, chẳng hạn nếu kiến thức lý thuyết được phân tích và trình bày ở một mặt của phép đo năng lực và kiến thức thực tế được phân tích và trình bày ở phía bên kia, và sự khác biệt lớn về năng lực là hiển nhiên. Lưới phân tích năng lực càng được mở rộng thì năng lực của (các) học viên được đánh giá càng rõ rệt.

Phân tích năng lực chuyên môn

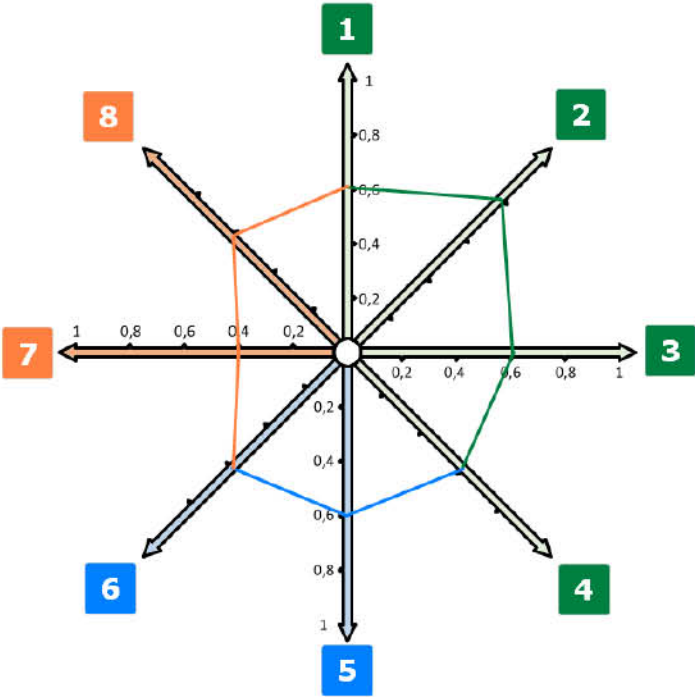
Đặt điểm trong quan sát		Giảng viên	Hệ số	Kết quả	Học viên
1	lập kế hoạch trình tự công việc	0,8	1	0,8	
2	Thiết lập dao cụ và máy	0,6	1	0,6	
3	Xác định dữ liệu công nghệ	0,8	1	0,8	
4	Lập trình các bước công việc	1	2	2	
5	Thực hiện qui trình	0,8	3	2,4	
6	Tối ưu trình tự công việc	0,6	3	1,8	
7	Kiểm tra chất lượng và lập tài liệu	0,6	2	1,2	
8	Biết, quan sát và áp dụng UVV	0,4	2	0,8	
Điểm: 2-				10,4	



Hình 25 - Phân tích kỹ năng nghề nghiệp

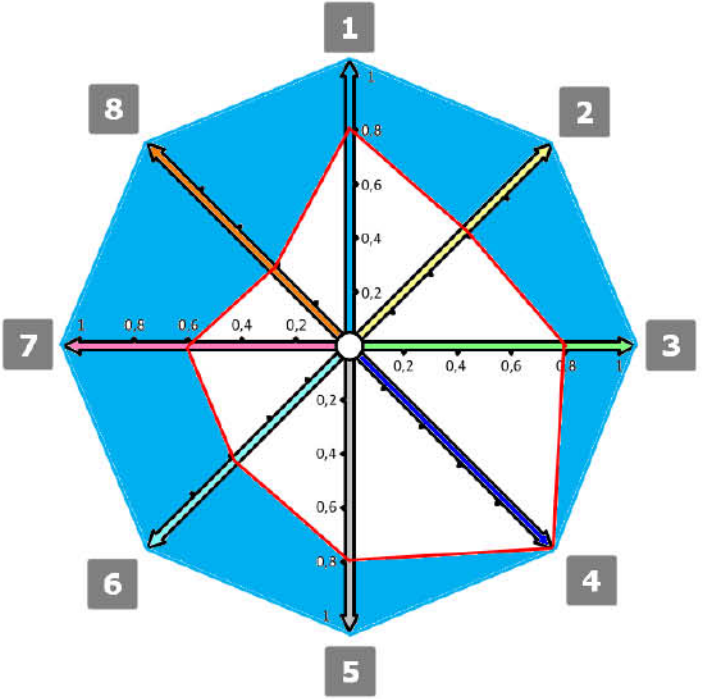
Phân tích năng lực dự án

Đặt điểm trong quan sát		Giảng viên	Hệ số	Kết quả	Học viên
Năng lực bản thân					
Kỹ năng giao tiếp					
1	Làm việc linh hoạt và theo tình hình	0,6	1	0,6	
2	Trao đổi thông tin	0,8	1	0,8	
3	Sử dụng phương tiện một cách hợp lý	0,6	1	0,6	
4	Lập hồ sơ	0,6	2	1,2	
Kỹ năng xã hội					
5	Phù hợp với đội	0,6	2	1,2	
6	Thể hiện sự đánh giá có tính xây dựng và công bằng	0,6	3	1,8	
Kỹ năng phương pháp					
Năng lực học tập					
7	Liên kết từ cái đã biết đến cái chưa biết	0,4	2	0,8	
8	Học tập và làm việc tập trung	0,6	3	1,8	
Điểm: 3+				8,8	

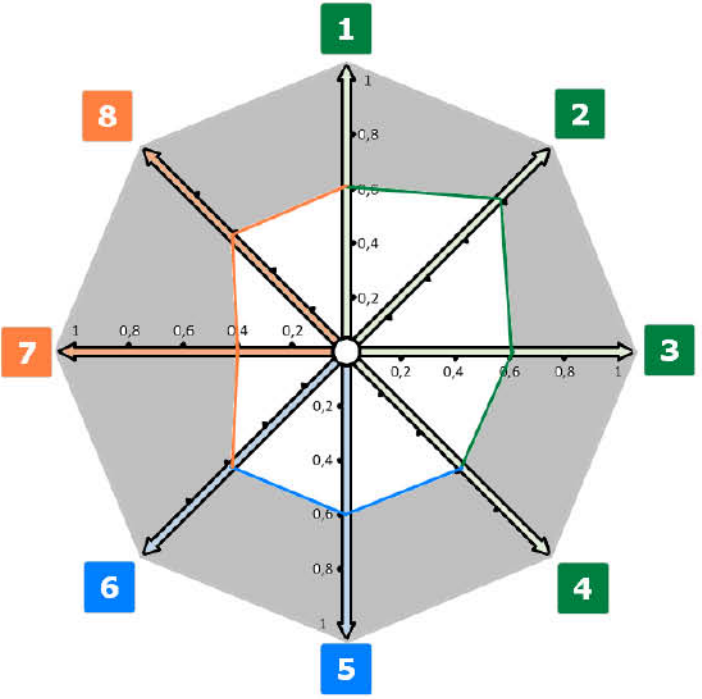


Hình 26 -- Phân tích năng lực liên quan đến dự án

Bằng cách thêm màu sắc cho các khu vực bên ngoài, các năng lực chưa đạt được mở rộng mạng lưới năng lực cho thấy các cơ hội phát triển hoặc điểm yếu hiện tại và có thể dùng để xác định các nhu cầu hỗ trợ cá nhân khác.



Hình 27 - Cơ hội phát triển nghề nghiệp



Hình 28 - Cơ hội phát triển liên quan đến dự án

9.1.4 Tổng quan các tiêu chí đánh giá

Năng lực chuyên môn	Năng lực dự án
• Lên kế hoạch trình tự công việc • Biết, quan sát và áp dụng UVV • Biết và giải thích các ký hiệu và tín hiệu • Biết và đọc tài liệu đi kèm • Lựa chọn máy móc, vật tư, phụ liệu • Thiết lập dao cụ và máy móc • Xác định thông số kỹ thuật • Xác định và lựa chọn giải pháp cho vấn đề • Nhận biết các mối liên hệ quy trình và hệ thống • Xác định, lựa chọn và áp dụng tiêu chuẩn • Đọc đúng bản vẽ kỹ thuật • Giải thích các qui trình có hệ thống • Biết vật liệu và xác định công nghệ yêu cầu • Lựa chọn và so sánh các phương pháp làm việc hợp lý • Xác định kết quả và áp dụng vào thực tế • Áp dụng những gì bạn đã học vào các tình huống mới • Biết và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng • Lên kế hoạch về thời gian để tự giám sát trong khi bạn làm việc • Thực hiện kẹp và định hướng phôi • Sử dụng thiết bị đo lường và kiểm tra đúng cách • Xác định và trình bày các đề xuất cải tiến • Tạo chương trình CNC • Lập trình các bước làm việc • Thực hiện chỉnh sửa • Tối ưu hóa trình tự công việc • Điền vào các báo cáo thử nghiệm • Đánh giá thông tin từ sách và tài liệu chuyên ngành • Trình bày kết quả công việc	Năng lực bản thân • Xác định vấn đề và tìm giải pháp • Đương đầu với căng thẳng trong môi trường chuyên nghiệp • Hành động và phản ứng linh hoạt tùy tình huống • Suy nghĩ và hành động tin cậy • Tìm, truyền và trao đổi thông tin • Đánh giá và hành động có trách nhiệm • Chia sẻ trách nhiệm Kỹ năng giao tiếp • Sử dụng các phương tiện khác nhau để lấy thông tin • Sử dụng phương tiện truyền thông một cách có trách nhiệm và phù hợp • Đánh giá tài liệu • Chia nhỏ thông tin một cách hợp lý • Chuẩn bị và trình bày thông tin • Tranh luận đúng sự thật • Chuẩn bị tài liệu • Chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình • • Kỹ năng xã hội • Phát triển và chịu trách nhiệm xã hội • Nói rõ sở thích và nhu cầu • Thể hiện sự phê bình có tính xây dựng và công bằng • Chấp nhận và thực hiện những lời chỉ trích • Rèn luyện lòng khoan dung đối với người khác • Đề nghị và hỗ trợ • Phù hợp với nhóm • Phát triển và thúc đẩy tư duy và hành động hợp tác • Tích cực giúp định hình hoạt động nhóm • Xây dựng niềm tin • Thiết lập các mối quan hệ xã hội • Cùng tham gia các quyết định có tính hợp tác •

• Xác định dữ liệu công nghệ và tối ưu hóa chúng dựa trên tình huống • Biết lựa chọn linh kiện, phụ tùng tiêu chuẩn và đặt hàng từ nhà sản xuất • Điền và gửi các giấy tờ đính kèm của công việc • Tiến hành thảo luận kỹ thuật • Kiểm tra chất lượng lập hồ sơ • Lập tài liệu • Trình bày kết quả công việc • Xử lý vật liệu và phụ liệu theo cách thân thiện với môi trường • Vệ sinh, chăm sóc và bảo trì các thiết bị kỹ thuật, máy móc và cốt liệu	Kỹ năng về phương pháp • Đưa ra quyết định độc lập • Suy luận từ cái đã biết đến chưa biết • Xây dựng mục tiêu công việc và ghi nhớ chúng • Xác định vấn đề • Xác định và tóm tắt kết quả • Lập kế hoạch độc lập về trình tự công việc • Thực hiện trình tự công việc một cách độc lập • Hiểu và đánh giá kế hoạch • Ứng phó linh hoạt với các tình huống thay đổi • Lập kế hoạch và thiết lập giờ làm việc • Làm việc có mục đích • Giải thích cho trình tự công việc được chỉ định • Cấu trúc các nhiệm vụ phức tạp theo cách thích hợp • Nhận biết vấn đề và thu hẹp nguyên nhân • Phân tích quy trình • So sánh các giải pháp và đánh giá đúng tính khả thi • Tìm và đánh giá các giải pháp thay thế • Lựa chọn phương pháp làm việc • Xác định quy trình công việc • Hạn chế lỗi hệ thống và thông báo lỗi • Có khả năng chuyển giao kết quả và phương pháp • Định hình tổ chức công việc • Đi đến kết luận • Tạo và sử dụng ngữ cảnh • Sử dụng các kỹ thuật cho việc sáng tạo • Thiết lập tiêu chuẩn đánh giá Kỹ năng học tập • muốn tìm tòi • Xây dựng chiến lược học tập của riêng mình • Học và làm việc tập trung • Chọn các bước học một cách độc lập • Tận dụng các ưu đãi giáo dục • Sẵn sàng cung cấp thông tin • Vận dụng đúng kiến thức và phương pháp • Xử lý thông tin một cách độc lập • Áp dụng những gì bạn đã học được vào các nhiệm vụ và vấn đề mới
---	--

Bảng có thể được mở rộng theo mong muốn của tất cả giảng viên, tùy thuộc vào nhóm chuyên môn nào đang được đào tạo và kỹ năng nào đặc biệt có giá trị cho việc này.

9.2 Ví dụ bài học phay CNC 3+2 trục

Ví dụ thực tế cho lớp học hòa nhập cho nhóm chuyên môn MCT được phát triển. Để thực hiện các bài học hòa nhập, các bước công việc được hỗ trợ với các minh họa kỹ thuật, biểu đồ về quy trình và

các tùy chọn hỗ trợ riêng cho từng học viên. Ví dụ này có thể được sử dụng để thiết kế bài học và để chuẩn bị cho bài kiểm tra viết cuối kỳ, phần 2, trên lớp. Tên môn học và mô-đun đề cập đến “Chương trình hợp tác đào tạo” Kỹ thuật viên Cắt gọt kim loại hiện hành, được xây dựng tại Trường Cao đẳng Lilama 2 và được sử dụng để đào tạo và kiểm tra từ năm 2019.

Ngành	Gia công CNC V: Phay CNC-với Hệ thống máy gia công 5 trục
Mô-đun 12	- Thực hành phay CNC: thiết lập, lập trình và tối ưu hóa - Mô-đun đào tạo định hướng thực hành và chứa kiến thức lý thuyết chuyên môn để thực hiện độc lập các yêu cầu công việc với máy phay CNC 5 trục.
Các năng lực từ Mô-đun	Sau khi hoàn thành bài thực hành, học viên sẽ có thể: - Thiết lập và lựa chọn cấu hình điều khiển trong phần mềm mô phỏng động học AC, BC cho gia công 5 trục - Chọn, chuẩn bị, lắp ráp và căn chỉnh dao cụ và thiết bị kẹp phôi - Nhập, kiểm tra, thay đổi và tối ưu chương trình trên máy phay CNC 5 trục - Chuyển giao và bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật và hoạt động Tùy chọn: - ghi lại và trình bày kết quả công việc của bạn
Nội dung	- Tạo và chạy thử các chương trình theo mã DIN/ISO/PAL cho máy phay CNC 5 trục trên PC (phần mềm MTS). - Học viên có thành tích cao có thể tạo tài liệu như một nhiệm vụ bổ sung để luyện thi hoặc học lại. - Học viên đạt thành tích cao có thể giải quyết thêm một bài tập khác.
Đề tài của môn học	Phay 3+2 trục bằng ngôn ngữ cho kỳ thi CNC PAL2012

9.2.1 Năng lực cần có của học viên

Các kỹ năng của học viên	• Các học viên xây dựng các kỹ năng đã đạt được về lập trình, vận hành và bảo trì máy phay CNC. • MD4: Sản xuất các bộ phận và cụm lắp ráp phức tạp bằng máy tiện và máy phay truyền thống • MD8: Gia công CNC III: Sản xuất các bộ phận và cụm chi tiết phức tạp bằng máy phay CNC (3 trục)
Kỹ năng chuyên môn	• Có thể sử dụng trình mô phỏng phay MTS • Có thể cài đặt cụ và thiết bị kẹp một cách chuyên nghiệp
Kỹ năng cá nhân	• Có thể nhận ra lỗi và vấn đề trong lập trình và tìm giải pháp • Có thể tìm, chuyển và trao đổi thông tin • Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm hiệu quả
Kỹ năng xã hội	• Có thể nói rõ sở thích và nhu cầu • Làm việc cùng nhau hiệu quả trong học tập song song hoặc theo nhóm • Có thể đề nghị và hỗ trợ • Có thể cho và nhận phản hồi
Kỹ năng về phương pháp	• Sử dụng được máy tính và phần mềm MTS • Có thể cơ cấu kết quả công việc • Có thể ghi lại rõ ràng kết quả công việc • Có thể trình bày kết quả công việc • Áp dụng các quy tắc phản hồi đã biết

9.2.2 Tình trạng lớp học

Có 16 học viên trong nhóm giảng dạy, 6 người trong số họ có nhu cầu giáo dục được chẩn đoán. Các lĩnh vực hỗ trợ chính trong đơn vị giảng dạy này, được đặc biệt chú ý, là: • Trí tưởng tượng và tư duy không gian • Đọc đúng và áp dụng các hình minh họa kỹ thuật • Lập kế hoạch làm việc đúng kỹ thuật • Áp dụng các chiến lược giải quyết vấn đề chính xác cho các thông báo lỗi khi lập trình • Tư duy giải quyết vấn đề • Đọc lập xây dựng và trình bày nội dung kỹ thuật • Tốc độ lập trình
Các biện pháp chuyên biệt hóa trong lớp học: • Ngôn ngữ đơn giản khi đặt nhiệm vụ (tối ưu hóa văn bản cho toàn bộ nhóm giảng dạy) • Khi có yêu cầu, từng học viên được nhận thêm các công cụ hỗ trợ cho trí tưởng tượng không gian: hệ tọa độ, khối xoay với các mức xử lý, trình tự công việc • Khi có yêu cầu, từng học viên sẽ nhận được video hướng dẫn cách thiết lập máy phay với dao cụ, phôi và tọa độ gốc của phôi • Học viên nhanh hơn nhận được các nhiệm vụ và bài tập bổ sung theo yêu cầu • Học viên nhanh hơn tạo tài liệu cho tất cả học viên để học tập và ôn tập

Hình 29 – Bộ phận phay MD12



MD12: Gia công CNC V: CNC-Phay với hệ thống máy gia công 5-Trục



Linh kiện thể hiện trong bản vẽ kỹ thuật sẽ được lập trình trên máy phay 3+2 trục với PAL2012!

Hãy xem kỹ bản vẽ kỹ thuật!

Tạo một trình tự công việc

Chọn máy sau:

PAL2007-Mill-BC@Spinner U5 620-BC T40 SK40

Thiết lập máy phay CNC với các dao cụ và thiết bị kẹp!

Sử dụng bộ dao cụ được cung cấp và bảng mô tả kẹp!

Lập trình bộ phận phôi trong trình mô phỏng phay CNC trên PC!

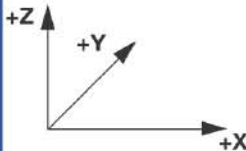
Kiểm tra quá trình gia công và độ chính xác kích thước của phôi!



Phay CNC: 3+2 trục

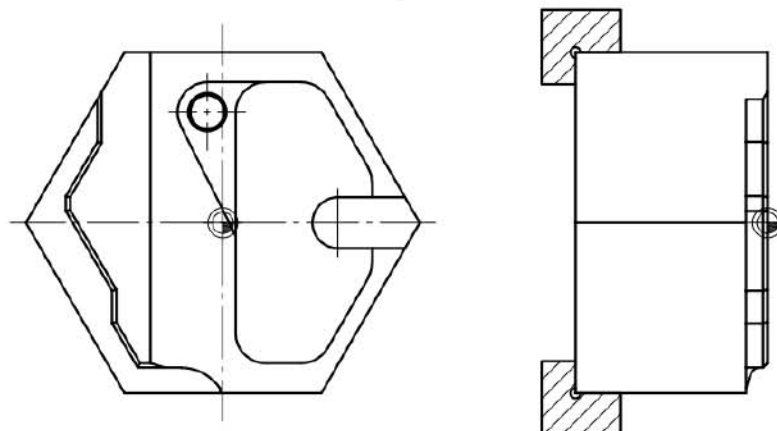
Tài liệu hình dạng dao cụ: T1 – T8

	Technological data							
Dao -số	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8
Dao $\varnothing$ (mm)	12 x 90°	10 x 90°	20	20	25	25	16	16
Tốc độ cắt (m/min)	40	105	150	175	150	175	150	175
Độ sâu cắt $a_p = \max.$	5	2	5	5	20	20	6	5
Vật liệu cắt	HSS	SC	SC	SC	SC	SC	SC	SC
Độ ăn dao $f_z / \text{rev. (mm)}$	0,1	0,03	0,1	0,08	0,08	0,05	0,06	0,04
Số lưỡi		4	2	2	4	4	4	4
					✓	✓	✓	✓

i 2				Phay CNC: 3+2 trục				
				Tài liệu hình dạng dao cụ: T9 – T16				
	Technological data							
Dao -số	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16
Dao Ø (mm)	12	12	10	10	7,8	9,8	8H7	10H7
Tốc độ cắt (m/min)	150	175	150	175	30	30	15	15
Độ sâu cắt $a_p = \max.$	6	6	5	5				
Vật liệu cắt	SC	SC	SC	SC	HSS	HSS	HSS	HSS
Độ ăn dao $f_z / \text{rev. (mm)}$	4	4	3	3	0,08	0,1	0,1	0,12
Số lưỡi	0,05	0,035	0,04	0,03				
								
	✓	✓	✓	✓				

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật bằng tiếng Anh được ghi rõ trong phần mềm.

  	Tên:
	Tạo bảng mô tả trình tự công việc (mô tả kẹp)



Số TT.	Trình tự công việc	Werkzeug-Nr.	Bemerkung
1	Kiểm tra kích thước thô		
2	kẹp phôi		Bảng mô tả kẹp
3	Xác định tọa độ gốc của phôi		
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16	kiểm soát chất lượng		
17	tháo kẹp phôi		
18	Mài dũa sản phẩm		

Hỗ trợ 1: hệ tọa độ để hỗ trợ trí tưởng tượng không gian (ví dụ khối tọa độ sản xuất riêng của Siemens, Heidenhain)



1



Hỗ trợ 2: Khối xoay để hỗ trợ nhận thức về không gian



Nhờ giảng viên in khối lập phương trên giấy dày!

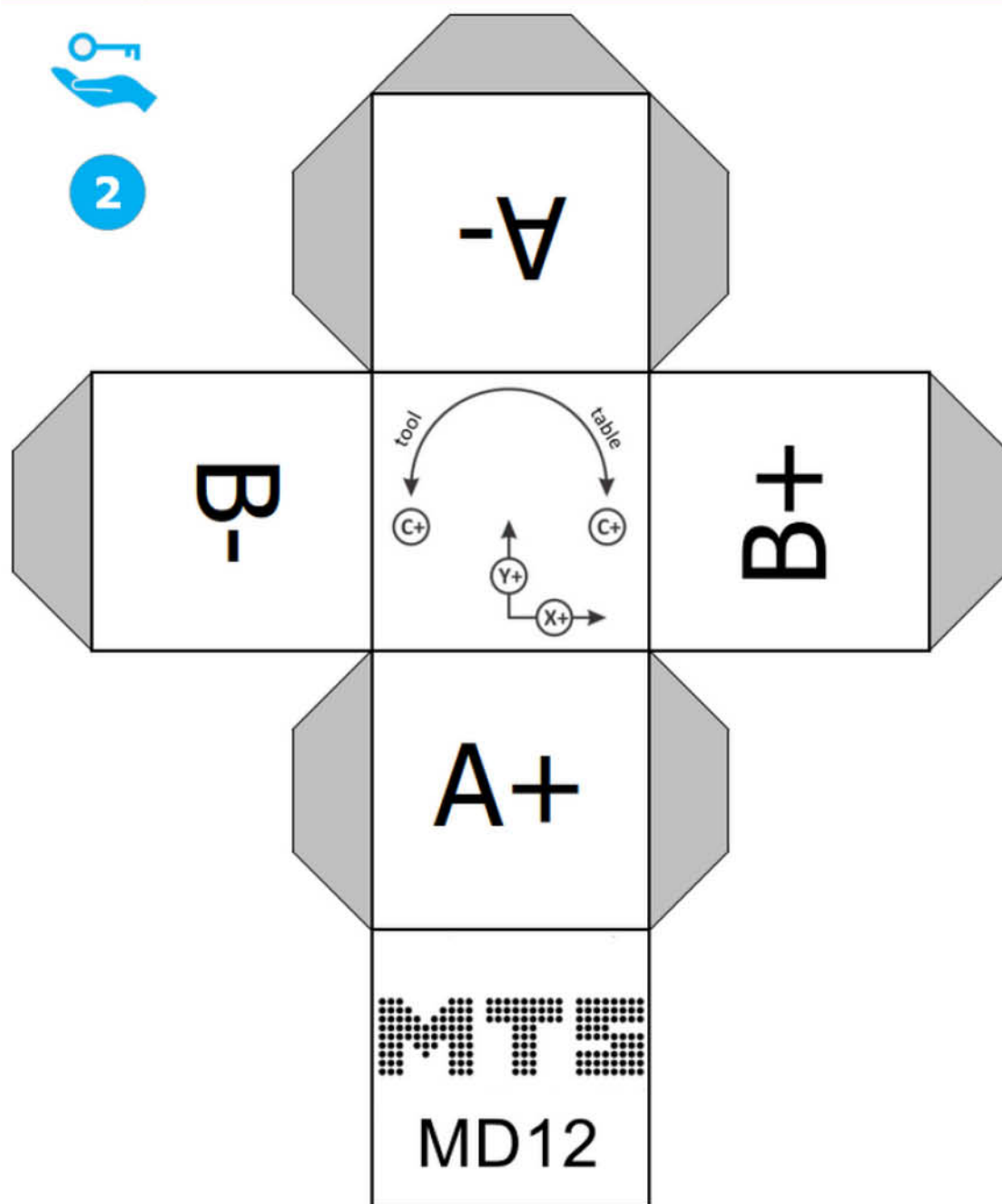
Cắt ra!

Dán khối lập phương lại với nhau tại các nếp gấp màu xám!

Yêu cầu trợ giúp nếu bạn cần dán khối lập phương lại với nhau!

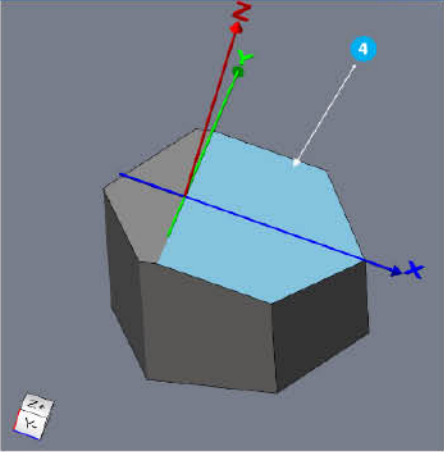
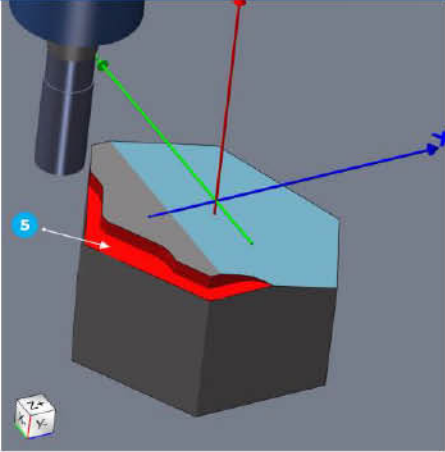
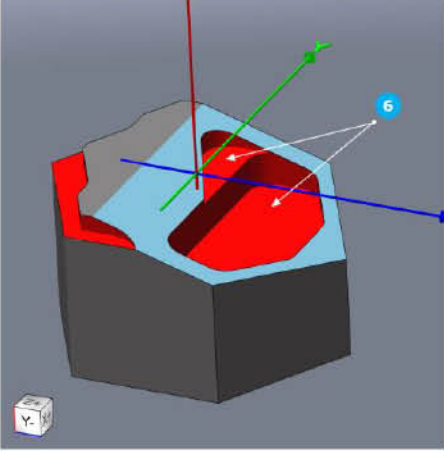
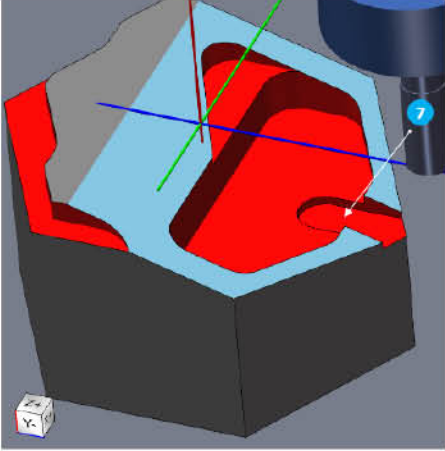


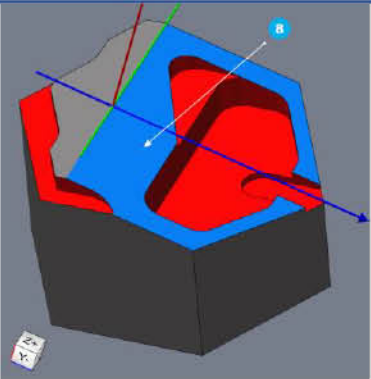
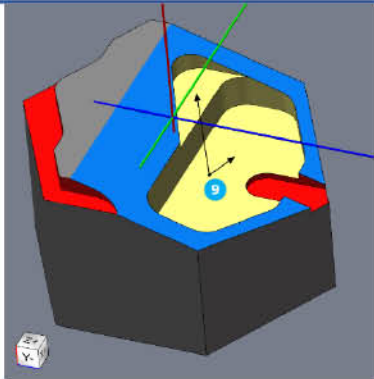
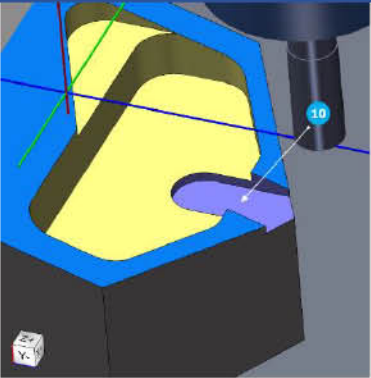
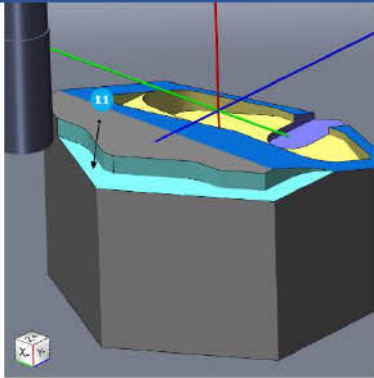
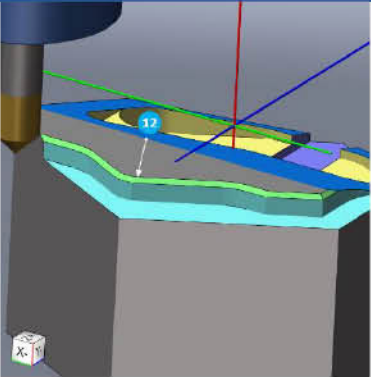
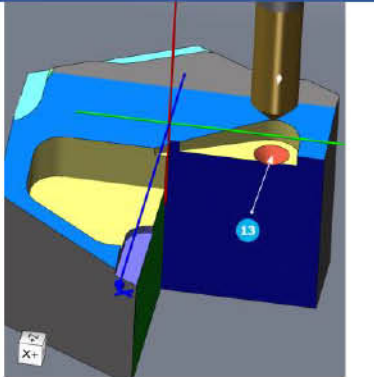
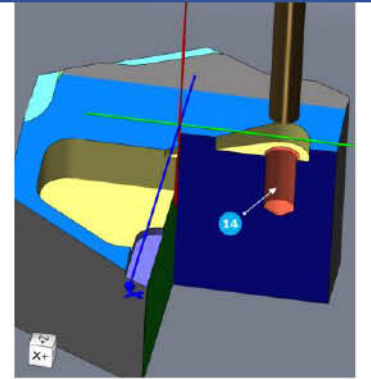
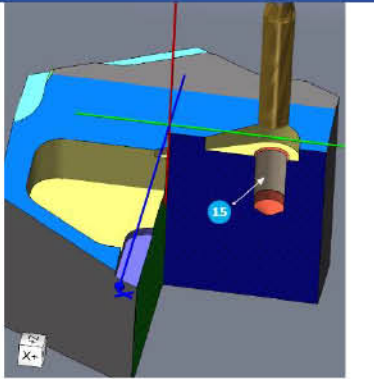
2



Hình 30 – Khối xoay!

Hỗ trợ 3: Trình tự công việc	
 	Sử dụng trình tự công việc sau đây để hỗ trợ lập trình thành phẩm!

Số TT	Trình tự công việc	Số TT.	Trình tự công việc
1	Kiểm tra kích thước thô		
2	kẹp phôi		
3	Xác định tọa độ gốc của phôi		
4		5	
6		7	

8		9	
10		11	
12		13	
14		15	
16	kiểm soát chất lượng		
17	tháo kẹp phôi		
18	Mài dũa sản phẩm		

Hỗ trợ 4: Video hướng dẫn cài đặt máy phay 3+2 trục

 	Để thiết lập máy phay, hãy xem video! Việc thiết lập được hiển thị ở đây trong các bước sau: • Thông tin chung • Phôi và thiết bị kẹp • Độ lệch tọa độ 0 • Dao cụ
	Nếu có thể, hãy làm việc với màn hình thứ hai và tai nghe!
 	Lặp lại các bước từ video trong trình giả lập CNC để bắt đầu chương trình của bạn đúng cách và thiết lập máy! Nếu cần thiết, hãy làm việc với nhóm!

Bài tập bổ sung 1: Chuẩn bị tài liệu và trình bày kết quả công việc



Chuẩn bị tất cả thông tin đi kèm trong lệnh sản xuất dưới dạng tài liệu!

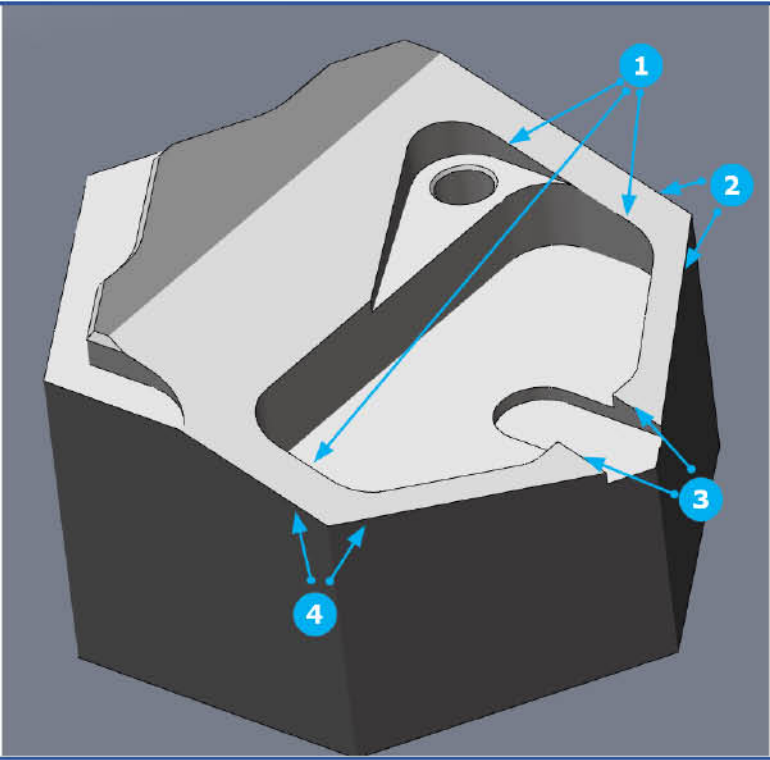


Điều này tuân theo các khía cạnh sau:

- Trình tự công việc
- Chương trình CNC
- Giao thức đo lường
- NCA - File
- Chương trình dạng PDF
- Dự án dạng PDF



Trình bày giải pháp cho yêu cầu công việc của bạn bằng cách sử dụng các tài liệu bạn đã chuẩn bị!

Bài tập bổ sung 2: Vát mép trên các đường biên dạng của phôi	
 	Mở rộng chương trình CNC của bạn! Phay vát mép trên tất cả các đường viền được đánh dấu trong hình ảnh 3D!
  	
	Hãy trình bày cách giải pháp cho bài tập bổ sung này trong chương trình CNC!

9.2.4 Lập kế hoạch qui trình

Các bước hành động		Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Định hướng/ Thông tin	Học viên nhận bản vẽ kỹ thuật chi tiết đã phay và file định dạng dao. Học viên tự làm quen với tài liệu và đọc kỹ bài làm. Thảo luận trên lớp: Giảng viên tóm tắt nhiệm vụ và giúp học viên lựa chọn cấu hình điều khiển phù hợp nếu cần thiết.	Làm việc riêng lẻ	Một học viên lập lại những hỗ trợ được phép có sẵn cho giải pháp trong MD12.	Sách bảng kim loại Hướng dẫn lập trình PAL2012 Máy tính bỏ túi
	GV: Tiếp theo chúng ta cần làm gì? Học viên: Viết trình tự công việc và xác định dữ liệu công nghệ, lập trình, mô phỏng và tối ưu chương trình trên máy CNC Simulator. Cuối cùng, kiểm soát chất lượng bằng cách đo lường trong trình giả lập. Giảng viên hình thành các hoạt động học tập không đồng nhất song song theo yêu cầu.	Thảo luận trong lớp	Một học viên hoặc một học viên - nếu có thể với nhu cầu giáo dục đặc biệt - lập lại nhiệm vụ. Điều này cho phép giảng viên kết luận rằng những học viên kém thể chất hơn cũng đã hiểu nhiệm vụ học tập. Giảng viên giải thích những tài liệu hỗ trợ bổ sung nào có thể được yêu cầu để được hỗ trợ giải quyết nhiệm vụ.	   

Các bước hành động	Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Làm việc nhóm: Học viên lập trình linh kiện phay 3+2 trục – cấu hình BC. Bạn sẽ nhận được một bản vẽ kỹ thuật và một kế hoạch làm việc để điền vào. Dựa trên bản vẽ kỹ thuật và các dao cụ, máy móc sẵn có, học viên quyết định cách thức tiến hành. Giải pháp được phát triển, thử nghiệm, mô phỏng và lưu dưới dạng PDF dưới dạng chương trình CNC với trình giả lập MTS bằng ngôn ngữ thử nghiệm PAL1012. Thành phẩm là chương trình CNC mô phỏng không có lỗi với các thông số kỹ thuật công nghệ từ tệp hình dạng công cụ.	Thảo luận trong lớp Cá nhân hoặc nhóm làm việc giống như một hoạt động học tập song song (sắp xếp chỗ ngồi trên PC thường không cho phép các nhóm lớn hơn mà không xảy ra gián đoạn). Mỗi học viên hoặc mỗi nhóm phát triển giải pháp cho nhiệm vụ trên bộ mô phỏng CNC. Để làm được điều này, mọi người hãy viết một trình tự công việc ngay từ đầu để lên kế hoạch lập trình công việc một cách có hệ thống. Sau đó, bộ mô phỏng CNC được thiết lập (thiết bị kẹp, dụng cụ, điểm gốc). Học viên chủ yếu vận dụng kiến thức từ học phần MD4 và MD8.	Giảng viên cung cấp một bản tóm tắt kiến thức quan trọng nhất trước đây từ MD4 và MD8 cho các học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Để hiểu rõ hơn về các trục xoay trong quá trình phay và vị trí của hệ tọa độ, học viên có thể nhận (1) một khối tọa độ và (2) một khối xoay để họ tự dân lại với nhau. Điều này giúp lập kế hoạch và hiểu các cân nhắc về lập trình dễ dàng hơn. Trình tự công việc cũng có thể được cung cấp dưới dạng hỗ trợ trực quan (3) cho những học viên vẫn gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch trình tự công việc.	 1 2 3
Lên kế hoạch/ Quyết định/ Thực hiện			

Các bước hành động	Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Lên kế hoạch/ Quyết định/ Thực hiện	Thúc đẩy việc tuân thủ các quy tắc của nhóm: ví dụ: tuân thủ các quy tắc trò chuyện	Từ kinh nghiệm giảng dạy, giảng viên biết rằng việc thiết lập máy CNC có thể mất nhiều thời gian, cung như viết chương trình CNC. Để hỗ trợ học viên chuyên biệt, học viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt có thể sử dụng tài liệu hỗ trợ (4) và xem quá trình thiết lập dưới dạng video và hiểu các bước công việc trong trình giả lập. Một khả năng khác của các tình trạng chuyên biệt là không giao các thiết bị hỗ trợ hoặc một số thiết bị hỗ trợ cho các học viên có thành tích cao. Theo đó, những học viên này sẽ phát triển giải pháp của riêng họ mà không cần thông số kỹ thuật.	  

Các bước hành động		Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Kiểm tra/ Đánh giá	Học viên trình bày chương trình CNC của mình, nếu giải đúng thì không được xuất hiện thông báo lỗi, va chạm dao.	Học viên cá nhân hoặc nhóm trình bày kế hoạch trình tự công việc của họ và chương trình CNC cho giảng viên.	Các học viên đã viết chương trình nhưng không thể giải cho các thông báo lỗi hoặc va chạm dao có thể được hỗ trợ trong quá trình học nhóm	
	Một kiểm tra chất lượng phối đã được thực hiện từ trước. Tất cả các kích thước từ bản vẽ kỹ thuật đã được kiểm tra bằng mô hình 3D của trình mô phỏng bằng chức năng "Đo".	Những người học việc có nhu cầu giáo dục đặc biệt nhận được sự giúp đỡ trong việc đo lường trong nhóm học hoặc từ giảng viên.	Nếu nhóm không tìm ra giải pháp cho vấn đề, giảng viên sẵn sàng giúp đỡ.	
	Thời gian gia công được so sánh và các tùy chọn để tối ưu hóa chương trình CNC được thảo luận.	Làm việc nhóm		

Các bước hành động	Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Một hoặc các học viên trình bày kết quả công việc của họ: • Trình tự công việc • Chương trình CNC • Giao thức đo lường • Tập NCA • Chương trình PDF • Dự án PDF Tất cả các tài liệu cần thiết cho phần trình bày ở đây đều có thể được tạo bằng các chức năng phần mềm bổ sung từ trình mô phỏng CNC. Các học viên biết các chức năng này từ các mô-đun MD4 và MD8.	Nhiệm vụ bổ sung 1 Mỗi học viên Làm việc nhóm (các nhóm thực hiện đồng nhất) làm việc nhóm từng bộ phận Phản ánh từ bản thân và từ bên ngoài	Một hình thức cho sự chuyên biệt là những học viên có thành tích cao được giao thêm một nhiệm vụ để những thực tập sinh có hiệu suất thấp hơn có thêm thời gian lập trình và tránh bị gián đoạn. Sau khi trình bày, các tài liệu đã xây dựng được bàn giao cho tất cả các học viên để lặp lại và chuẩn bị cho kỳ thi. Khó nghe: Người nghe cần có thái độ phù hợp trong khi trình bày (yên tĩnh, tập trung lắng nghe) trong đó giảng viên chỉ ra tầm quan trọng của việc trình bày kết quả.	    
Tiến hành/ Trình bày/ Tài liệu			

Các bước hành động	Phương thức/ Hình thái xã hội	Biện pháp hỗ trợ	Vật liệu
Một hoặc nhiều học viên trình bày kết quả công việc trong: Phay vát mép Tầm quan trọng của bài tập được giảng viên nhấn mạnh: Trong kinh doanh không ai được bán thành phẩm có cạnh sắt. Một nhiệm vụ như thế này là tiêu chuẩn công nghiệp. Lên kế hoạch/ Quyết định/ Thực hiện/ Trình bày	Nhiệm vụ bổ sung 2 Thực tập sinh cá nhân Làm việc nhóm (các nhóm thực hiện đồng nhất) làm việc nhóm từng bộ phận Phản ánh từ bản thân và từ bên ngoài	Lần thứ hai, Các bài tập bổ sung cho thể tạo ra cho các học viên chuyên biệt, trong đó những học viên có thành tích cao được giao thêm nhiệm vụ thứ hai để những người kém hơn có thêm thời gian lập trình, tránh gián đoạn hoặc xem tài liệu. từ nhiệm vụ bổ sung 1, hiện có sẵn cho bạn sau phần trình bày. Sau phần trình bày, chương trình CNC mở rộng được bàn giao cho tất cả các học viên.	    

9.3 Đào tạo chuyên viên thực hành chuyên môn

9.3.1 Cơ sở pháp lý

Thanh niên khuyết tật, do loại khuyết tật và mức độ nghiêm trọng của khuyết tật, không thể tham gia khóa đào tạo thường xuyên ngay cả khi áp dụng bù đắp thiết thời, có thể hoàn thành khóa đào tạo thực hành chuyên môn theo Mục 66 BBiG/Mục 42r HwO. Ở Đức, việc xác định sự thiếu phù hợp để đào tạo tiêu chuẩn được thực hiện bởi phòng dịch vụ tâm lý nghề nghiệp của cơ quan tuyển dụng có trách nhiệm và là điều kiện tiên quyết để được đào tạo trong nghề với tư cách là một bác sĩ chuyên khoa.

Đào tạo chuyên viên thực hành chuyên môn là việc đào tạo trong Luật đào tạo nghề, cho phép việc làm tiếp theo trên thị trường việc làm. Nội dung đào tạo theo các nghề đào tạo đã được công nhận **nhưng yêu cầu khối lượng kiến thức lý thuyết ít hơn**. Do đó, đào tạo thực hành chuyên môn thường được gọi là "**đào tạo giảm lý thuyết**". Bài kiểm tra cuối cùng được thực hiện trước phòng ban chịu trách nhiệm. Việc đào tạo kéo dài từ 2 đến 3,5 năm. Thanh niên khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải nộp đơn lên phòng có thẩm quyền để được đào tạo theo § 66 BBiG/ § 42m HwO, theo đó địa điểm đào tạo phải được đảm bảo an toàn vào thời điểm này.

- Quy định đào tạo của các cơ quan có thẩm quyền theo Điều 66 của Luật Đào tạo nghề và Điều 42m của Luật Thợ thủ công:

"(1) Đối với những người khuyết tật mà do tính chất và mức độ khuyết tật của họ không thể được đào tạo trong một nghề nghiệp được công nhận, các cơ quan có thẩm quyền / Hội thợ thủ công sẽ thiết lập các quy định đào tạo tương ứng với các khuyến nghị của Ủy ban chính của Viện Đào tạo nghề liên bang. Nội dung đào tạo nên được phát triển từ các nội dung của các nghề nghiệp được công nhận, với sự xem xét đến tình hình và phát triển của thị trường lao động chung. Trong đơn xin theo câu 1, cần chứng minh khả năng đào tạo trong ngành nghề mong muốn."

9.3.2 Đào tạo theo quy định của chuyên viên thực hành chuyên môn.

Từ một thống kê năm 2016 (xem Thách thức qua đào tạo nghề trong thủ công) cho thấy khoảng 2.300 thanh niên (năm 2015) đã chọn một khóa học theo các quy định đào tạo riêng tại Đức. **70%** trong số những quy định đào tạo riêng này là những người trẻ có **khuyết tật học thuật**.

Đối với những thanh niên này, các phòng ban có trách nhiệm đã phát triển các **quy định chuyên môn** cho chuyên gia thực hành. Các quy định chuyên môn này dựa trên các quy định đào tạo của một nghề đào tạo được công nhận và có mục tiêu truyền đạt **năng lực chuyên môn để hành động**.

Để hướng nghiệp cho việc đào tạo chuyên môn, phải chẩn đoán các khuyết tật học thuật, mà không thể tiếp tục và bắt kịp việc đào tạo bao gồm cả những nhóm học viên đa dạng. Phạm vi tổng thể của khuyết tật học thuật được Bleidick miêu tả như sau:

"Nhìn chung, việc học chậm, học ít kiến thức, chỉ nhớ được ngắn hạn, gặp vấn đề về hiểu biết với các khái niệm trừu tượng và nội dung học tập, và giới hạn về chuyển giao kiến thức" (Các triệu chứng chính theo Ulrich Bleidick, "Giới thiệu về Giáo dục đặc biệt, Tập 2", 1998, W. Kohlhammer GmbH, Stuttgart).

Những thanh thiếu niên này đặc biệt được cung cấp các cơ hội giáo dục phù hợp với nhu cầu của họ trong quá trình đào tạo chuyên nghiệp. Họ được hỗ trợ cá nhân hóa thông qua một kế hoạch hỗ trợ đặc biệt, xem xét các khuyết tật cụ thể và được cập nhật liên tục. Với các quy định của người thực hành chuyên môn, đó là một bằng cấp chuyên nghiệp được đào tạo trên cơ sở BBiG/HwO.

"Phòng ban chuyên môn" có nghĩa là trong mỗi khu vực của Đức có một tổ chức chịu trách nhiệm cho việc đào tạo nghề, tổ chức này có thể tạo ra các quy định đào tạo người thực hành chuyên môn độc lập và khác biệt theo khuyến nghị của Viện Đào tạo Nghề Đức (BIBB). Trên toàn quốc có 21 tổ chức, đã phát triển nội dung đào tạo học viên trong chuyên môn thực hành dựa trên nội dung của các nghề đào tạo được công nhận, [với sự xem xét về vị trí địa lý và phát triển của thị trường lao động chung](#).

Việc đào tạo theo các quy định cho chuyên viên trong thực hành chuyên môn chủ yếu được thực hiện trong các [cơ sở đào tạo ngoài doanh nghiệp](#), chuyên về nhóm đối tượng học viên này. Các nội dung học lý thuyết được giảng dạy tại cơ sở đào tạo ngoài doanh nghiệp.

Việc điều chỉnh các nội dung học và thời gian học là điều quan trọng, cũng như sự [thay đổi trọng tâm](#) giữa các nội dung học lý thuyết và thực hành.

Các trang tiếp theo so sánh quá trình đào tạo chuyên viên chuyên môn thực hành về gia công kim loại, cũng như chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại, và chuyên viên thực hành về gia công kim loại. Để làm rõ hơn về sự giảm thiểu lý thuyết trong quá trình đào tạo người thực hành chuyên môn, các lĩnh vực học và các kỳ thi tốt nghiệp phần 1 và 2 của Đức được so sánh với tổng số điểm. Những so sánh này sẽ giúp đưa ra những hiểu biết để có thể tạo ra một hình ảnh rõ ràng hơn về quá trình đào tạo người thực hành chuyên môn và đánh giá và khuyến khích khả năng triển khai nghề này cho thanh niên có khuyết tật ở Việt Nam. Điều này có thể được thực hiện như một giải pháp thay thế cho các môi trường học tập không đồng nhất và với các nhóm lớp học đồng nhất cho đào tạo người thực hành chuyên môn.

[Bài tập: Dựa trên nội dung học tập \(các mô-đun\) của "Chương trình Đào tạo Hợp tác" của Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại từ LILAMA 2, xem xét các mô-đun và nội dung kiểm tra nào có thể sử dụng hoặc cần được điều chỉnh để thiết lập một chương trình đào tạo tương đương với chuyên viên thực hành cơ khí chế tạo tại Việt Nam!](#)

[Sử dụng ví dụ bài kiểm tra hoàn chỉnh cho bài kiểm tra cuối kỳ mở rộng phần 1 và 2 làm phụ lục cho hướng dẫn và để đánh giá mức độ khó của các nhiệm vụ.](#)

9.3.3 Tổng quan về các lĩnh vực học tập Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại và chuyên viên thực hành

- Xem Bộ Giáo dục và Văn hóa Saarland, tháng 7 năm 2014 (Bảng lĩnh vực chuyên viên thực hành)

STT	Thời gian đào tạo3,5 Jahre Lĩnh vực học tập	Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại				Chuyên viên thực hành cơ khí cắt gọt kim loại			
		1.Jahr	2.Jahr	3.Jahr	4.Jahr	1.Jahr	2.Jahr	3.Jahr	4.Jahr
1	Sản xuất linh kiện bằng dụng cụ cầm tay	80				120			
2	Sản xuất linh kiện kèm theo máy	80				50			
3	Sản xuất các bộ phận lắp ráp đơn giản	80				70			
4	Bảo trì hệ thống kỹ thuật	80				40			
5	Sản xuất các linh kiện bằng phương pháp gia công cắt chính xác.		100				200	80	40
6	Bảo dưỡng, kiểm tra máy công cụ		40				40		
7	Vận hành hệ thống điều khiển		60				40	40	20
8	Lập trình và sản xuất bằng máy công cụ điều khiển số		80					160	80
9	Sản xuất linh kiện sử dụng quy trình gia công tinh			80					
10	Tối ưu hóa quy trình sản xuất			100					
11	Lập kế hoạch và tổ chức sản xuất có sự trợ giúp của máy tính			100					
12	Chuẩn bị và thực hiện đơn sản xuất riêng lẻ				60				
13	Tổ chức và giám sát quy trình sản xuất trong sản xuất hàng loạt				80				

9.3.4 So sánh qui trình đề thi cuối kỳ phần 1

- Chi tiết tiện và phay cần được sản xuất trong cơ sở sản xuất: Giải thích về việc thực hiện nhiệm vụ bài tập cho phòng thương mại có thẩm quyền. - Phương án 1: Cả hai bộ phận với một máy thông thường. - Phương án 2: Cả hai bộ phận đều có máy điều khiển NC / CNC. - Phương án 3: Một bộ phận với máy tiện / phay thông thường và một bộ phận với máy tiện / phay điều khiển NC / CNC.			
Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại		Chuyên viên thực hành	
Trọng số 40% cho kết quả cuối cùng		Trọng số 30% cho điểm số cuối cùng	
Bài tập với các giai đoạn thảo luận tình huống Trọng số trong AP1: 50% Thời gian mục tiêu: 6,5 giờ		Bài tập với các giai đoạn thảo luận tình huống Trọng số trong AP1: 65% Thời gian mục tiêu: 6,5 giờ	
Thực hiện nhiệm vụ bài tập với các giai đoạn thảo luận tình huống		Thực hiện bài tập với các giai đoạn thảo luận tình huống	
Giai đoạn	Trọng số	Giai đoạn	Trọng số
Lập kế hoạch	10%		
Thực hiện	75%	Thực hiện	70%
Kiểm tra	10%	Kiểm tra	20%
Giai đoạn thảo luận tình huống (10 phút)	5%	Giai đoạn thảo luận tình huống (10 phút)	10%

Lý thuyết			
Chuyên viên cơ khí cắt gọt		Chuyên viên thực hành	
Bài thi viết Trọng số trong AP1: 50% Thời gian mục tiêu: 1,5 giờ		Bài thi viết Trọng số trong AP1: 35% Thời gian mục tiêu: 1,5 giờ	
23 bài tập bắt buộc – Phần A		35 bài tập bắt buộc	
Phần A Trọng số 40%		Trọng số 100%	
3 Bài tập có thể bỏ chọn		Không thể bỏ chọn	
6 – Bài tập không thể bỏ chọn			
3 Bài tập cho	Toán học	4 Bài tập cho	Toán học
3 Bài tập cho	Giao tiếp kỹ thuật	4 Bài tập cho	Giao tiếp kỹ thuật
Phần B Trọng số 60%			
8 bài tập không bắt buộc			
Không thể bỏ chọn			

9.3.5 So sánh qui trình đề thi cuối kỳ phần 2

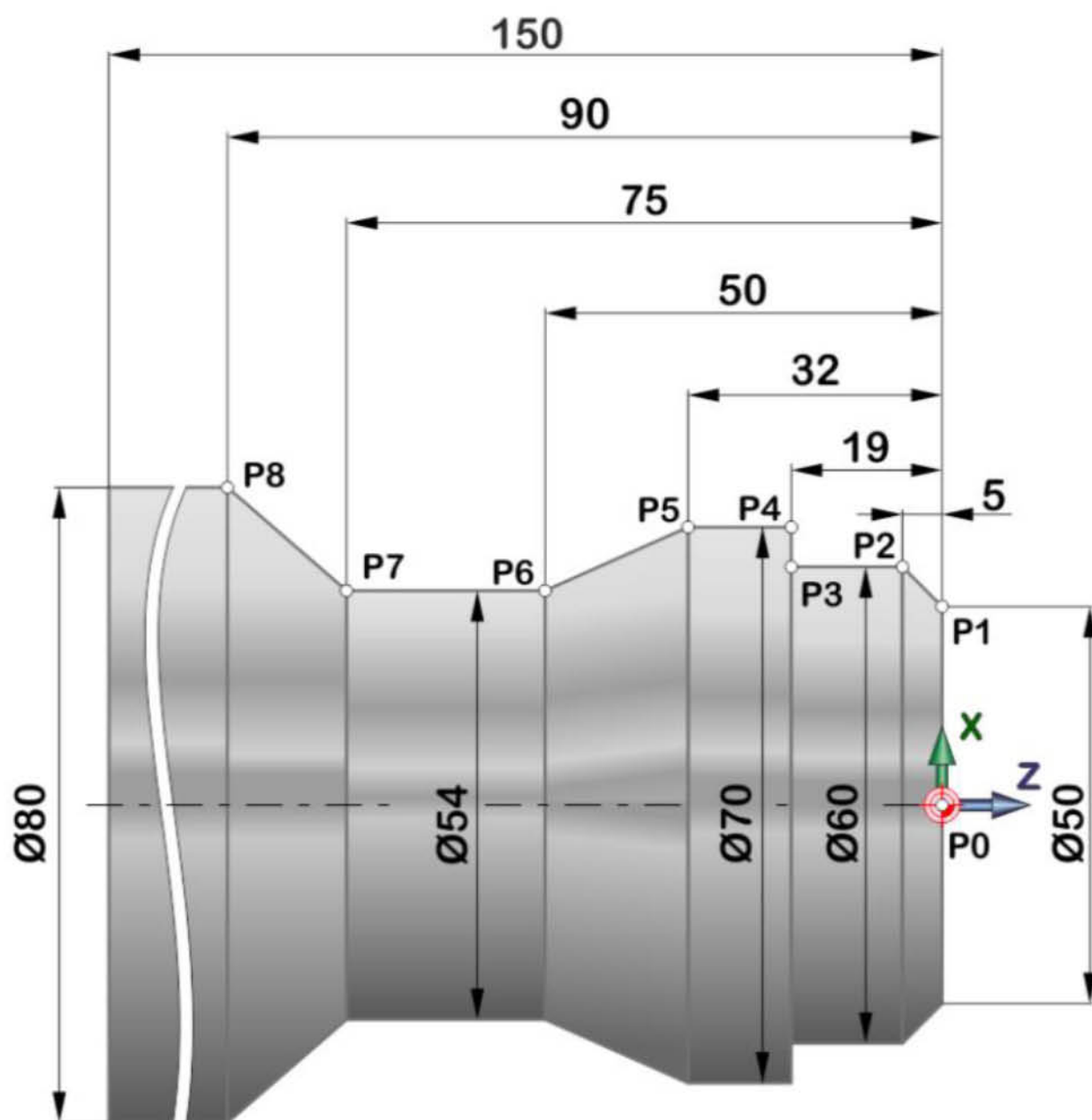
- Chi tiết tiện và phay cần được sản xuất trong cơ sở sản xuất: Giải thích về việc thực hiện nhiệm vụ bài tập cho phòng thương mại có thẩm quyền. - Phương án 1: Cả hai bộ phận với một máy thông thường. - Phương án 2: Cả hai bộ phận đều có máy điều khiển NC / CNC. - Phương án 3: Một bộ phận với máy tiện / phay thông thường và một bộ phận với máy tiện / phay điều khiển NC / CNC.			
Chuyên viên cơ khí cắt gọt			
Trọng số 60% cho kết quả cuối cùng		Trọng số 70% cho kết quả cuối cùng	
Thời gian chuẩn bị và thực hiện: 8 giờ			
Thực hiện bài tập thực hành Trọng số trong AP2: 50% Thời gian mặc định: 6 giờ		Nhiệm vụ với các giai đoạn thảo luận tình huống Trọng số trong AP2: 40% (của 70%) Thời gian mặc định: 12 h	
Thực hiện nhiệm vụ bài tập với thảo luận kỹ thuật kèm theo		Durchführung Arbeitsaufgabe mit begleitendem Fachgespräch	
Giai đoạn	Trọng số	Giai đoạn	Trọng số
Lập kế hoạch	10%	Lập kế hoạch	10%
Thực hiện	70%	Thực hiện	65%
Kiểm tra	20%	Kiểm tra	10%
Thảo luận kỹ thuật kèm theo (20 phút)	Sắp xếp các giai đoạn	Thảo luận kỹ thuật kèm theo (15phút)	15%

Lý thuyết: Tổng thời gian 270phút = 4,5 h		Lý thuyết: Tổng thời gian 210 phút = 3,5 h	
Chuyên viên cơ khí cắt gọt kim loại		Chuyên viên thực hành	
Bài thi viết cuối khóa phần 2		Bài thi viết cuối khóa phần 2	
Trọng số trong AP2: 50%		Trọng số AP2: 30% (von 70%)	
Dự án 1: sản xuất nhóm thành phẩm thông thường		Lên kế hoạch nhiệm vụ	
Trọng số 40%	105 phút	Trọng số 10%	60 phút
14 Bài tập bắt buộc - AFA	3 để bỏ chọn 4 không thể bỏ chọn	20 bài tập bắt buộc	Không thể bỏ chọn
4 Bài tập bắt buộc - AFA	Không thể bỏ chọn		
14 Bài tập bắt buộc - FT	3 để bỏ chọn 4 không được bỏ chọn		
4 Bài tập không bắt buộc - FT	Không thể bỏ chọn		
Dự án 2: Tiện CNC- sản xuất thành phẩm		kỹ thuật sản xuất	
Máy tiện với trục CYB và trục đảo			
Trọng số 40%	105 phút	Trọng số 10%	90 phút
Chương trình CNC: 2 Kết quả 10- hoặc 100-điểm khóa - AFA		35 bài tập bắt buộc	Không thể bỏ chọn
14 bài tập bắt buộc - FT	Không thể bỏ chọn		
4 bài tập không bắt buộc - FT	Không thể bỏ chọn		
oder			
Dự án 3: phay CNC- sản xuất thành phẩm			
Máy phay 3+2 trục AC hoặc BC			
Trọng số 40%	105 phút		
Chương trình CNC: 2 Kết quả 10- hoặc 100-điểm khóa - AFA			
14 bài tập bắt buộc - FT	Không thể bỏ chọn		
4 bài tập không bắt buộc - FT	Không thể bỏ chọn		
Kinh tế và Xã hội học		Kinh tế và Xã hội học	
Trọng số 20%	60phút	Trọng số 20%	60 phút
18 bài tập bắt buộc	3 để bỏ chọn	25 bài tập bắt buộc	3 để bỏ chọn
8 không bắt buộc	1 để bỏ chọn		

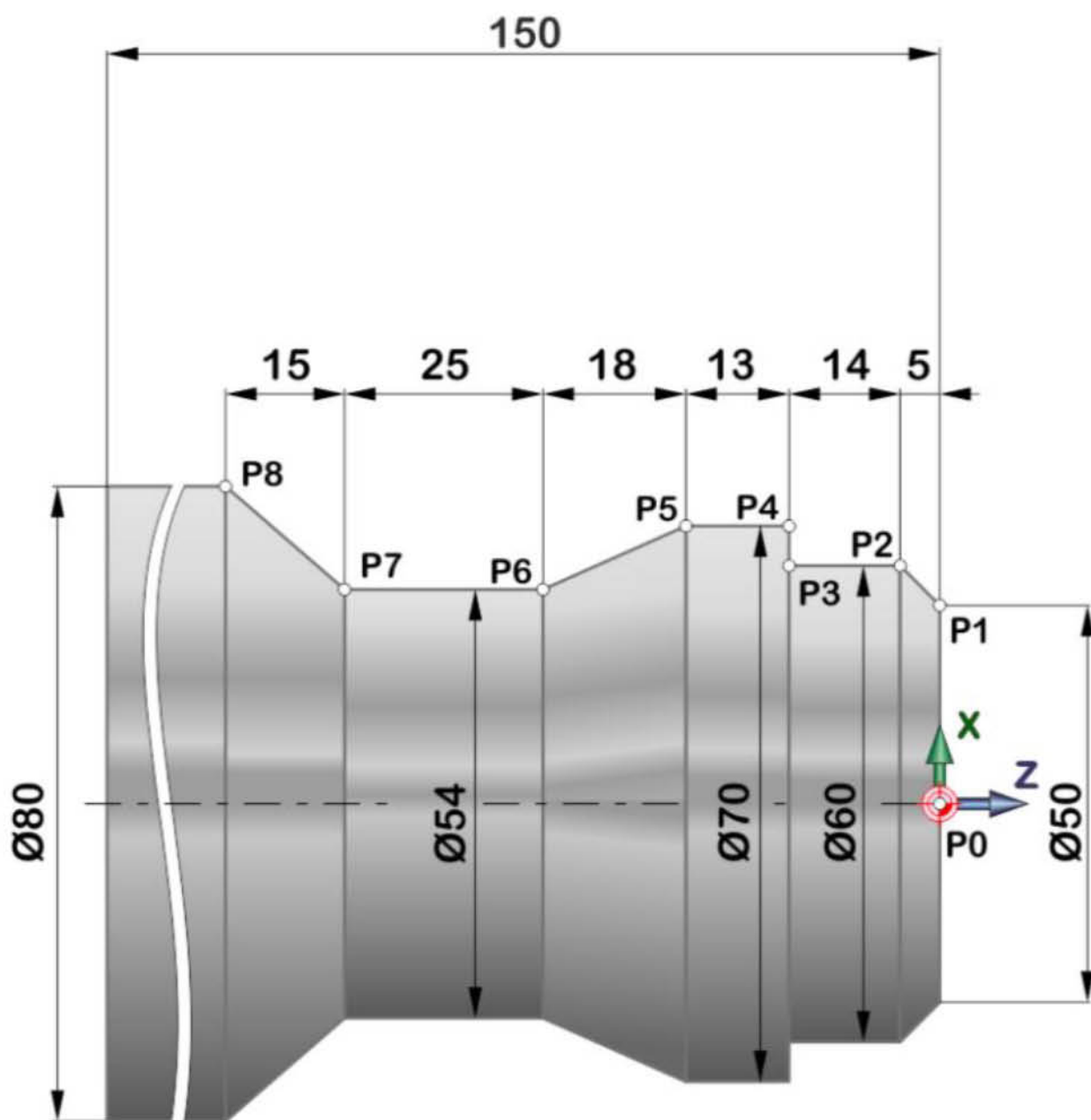
AFA - Phân tích nhiệm vụ và chức năng / FT - Công nghệ sản xuất

10. Phụ lục thiết kế bảng tổng hợp

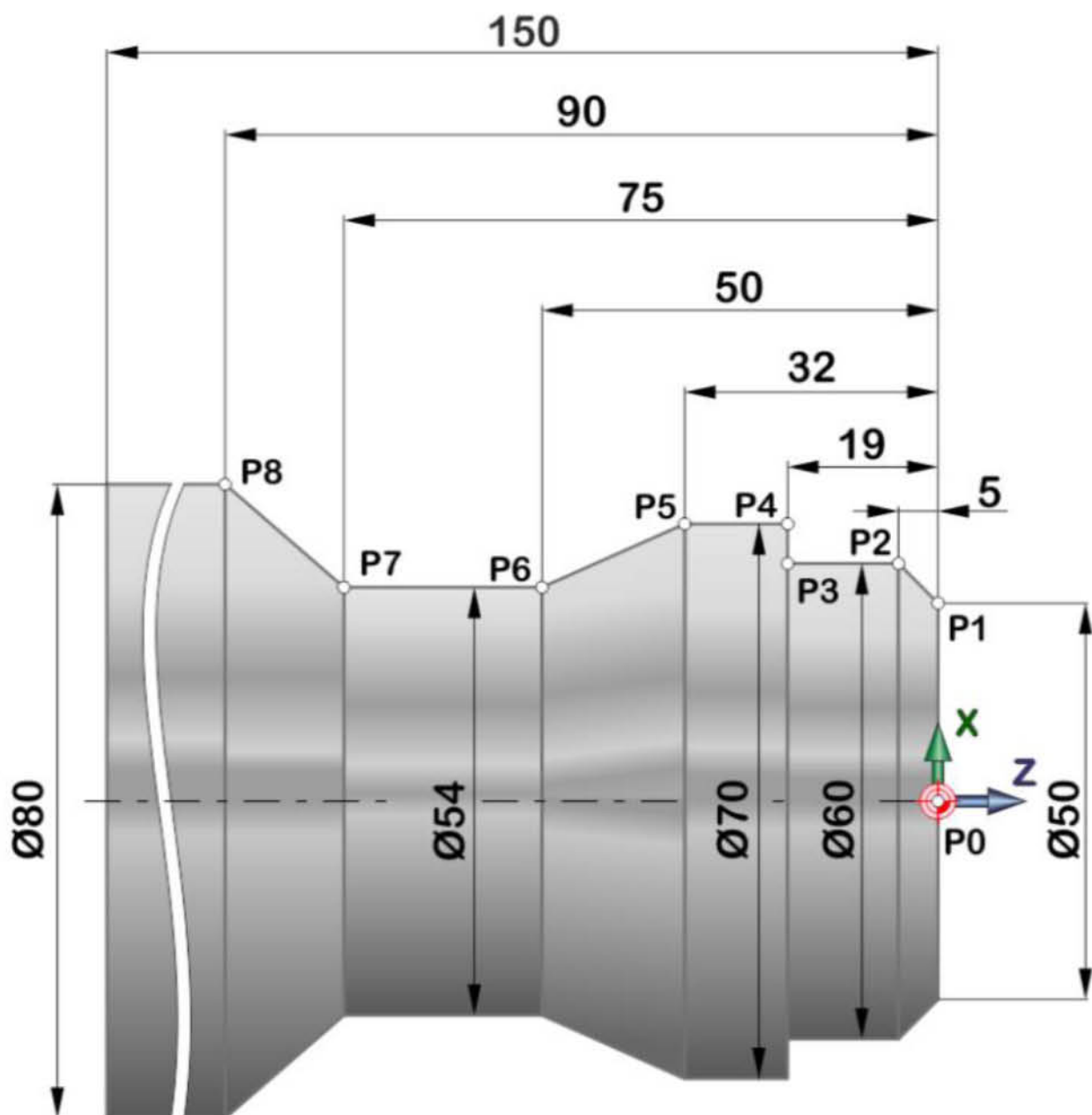
10.1 Tiện



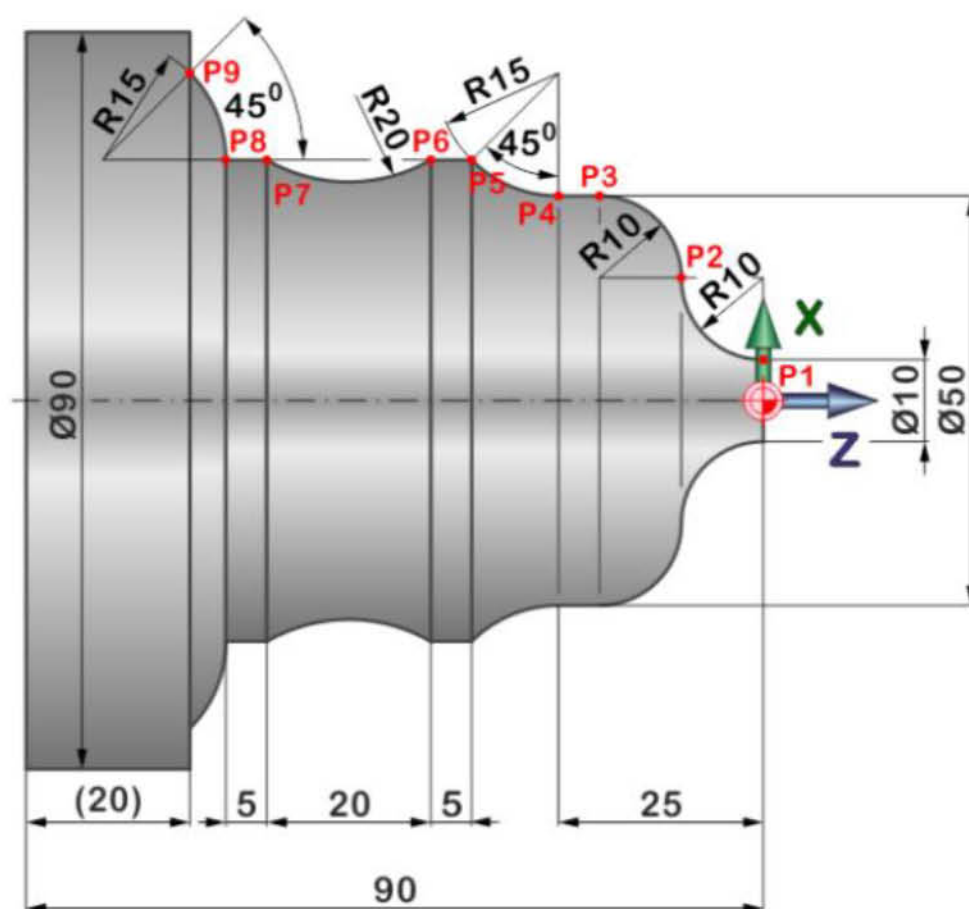
Hình31 – Tiện với kích thước tuyệt đối



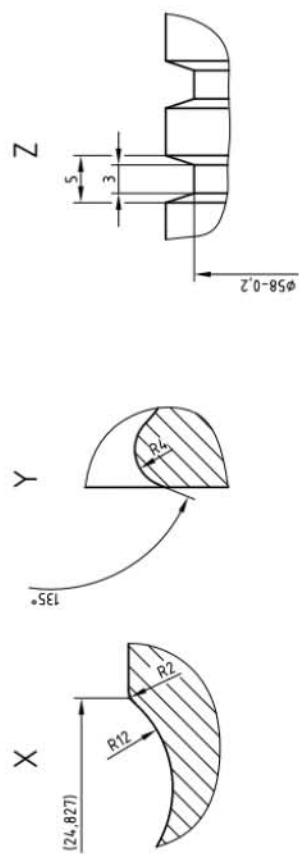
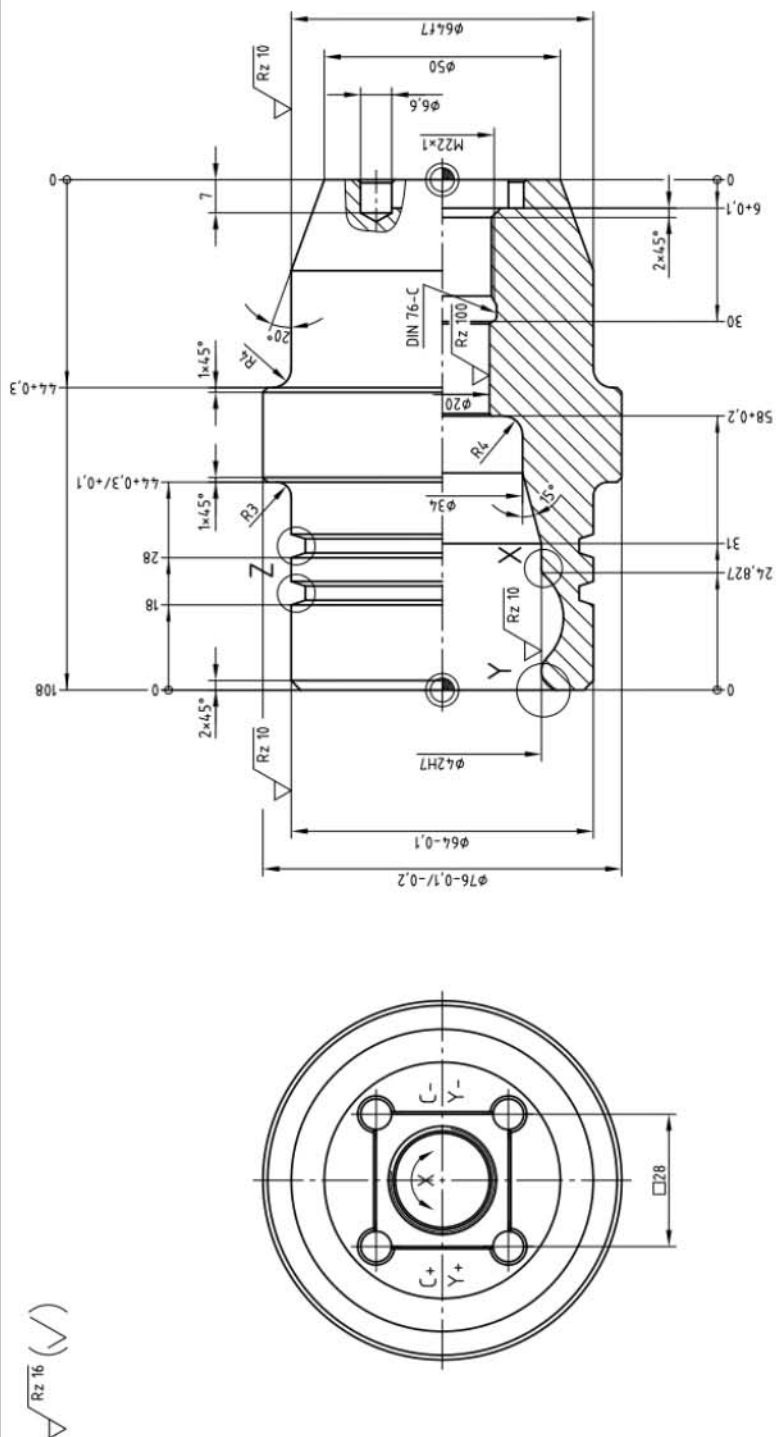
Hình 32 – Tiện kích thước tăng dần



Hình 33 – Tiện G1

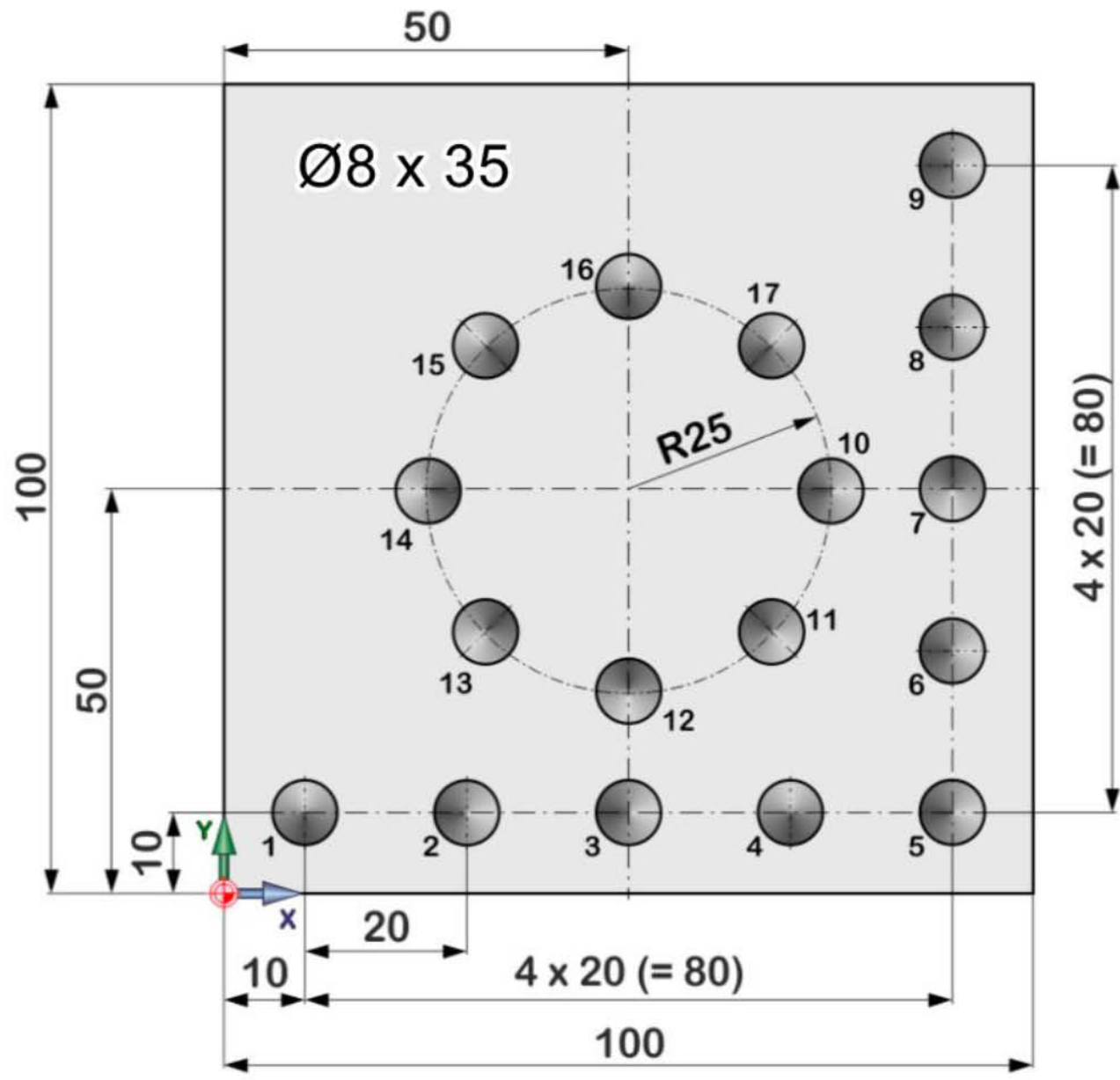


Hình 34 – Tiện G2/3

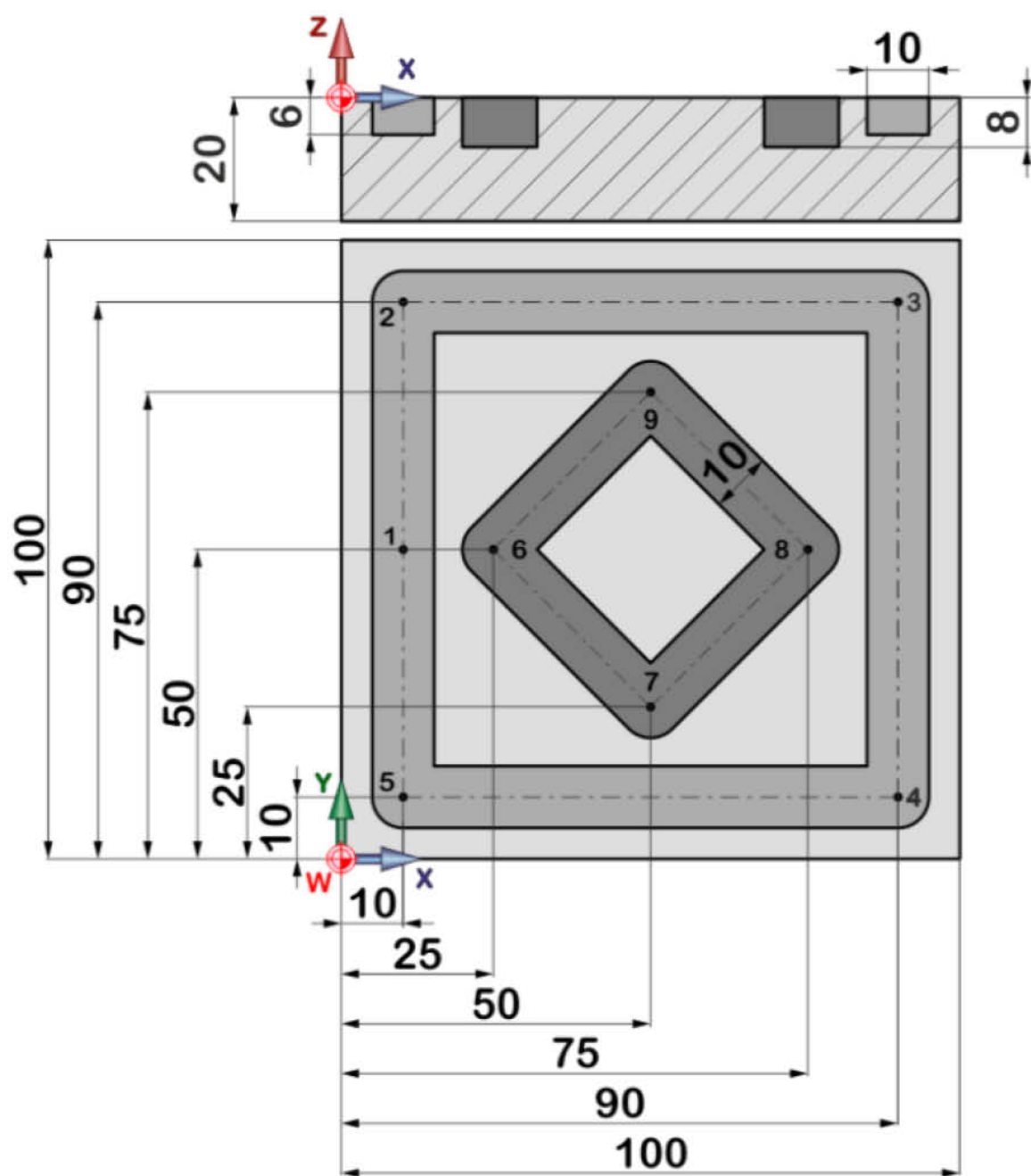


1	1	CNC turning part	EN AW-AlMgSiPb	Ø 80 × 110 DIN EN 1561
Pos.-Nr.	pc.	designation	standard sheet	blank dimensions
		MD 11		
		scale	Metal Cutting Technician project 2	
		General tolerances ISO 2768-mK		
		page	1(1)	

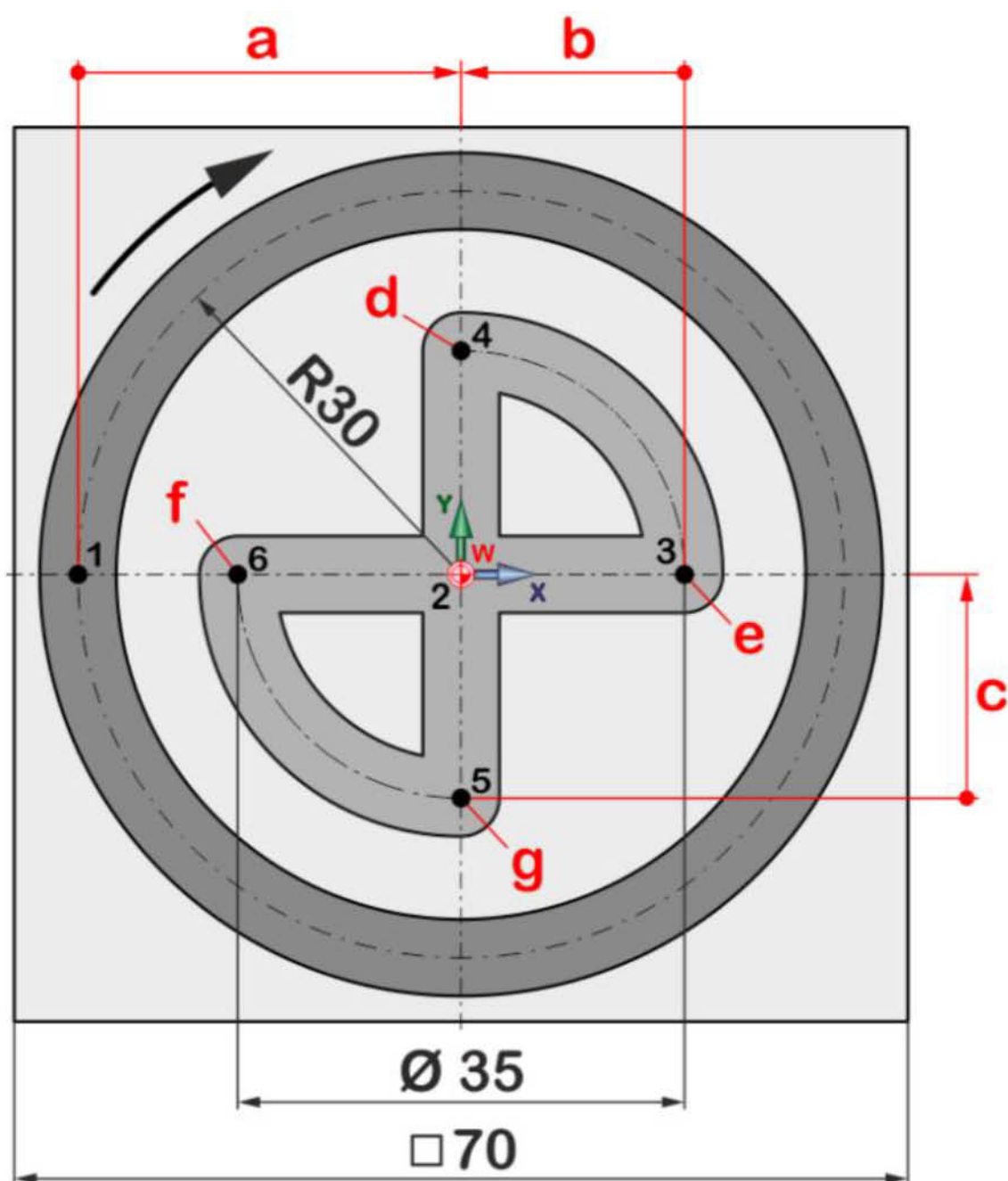
10.2 Phay



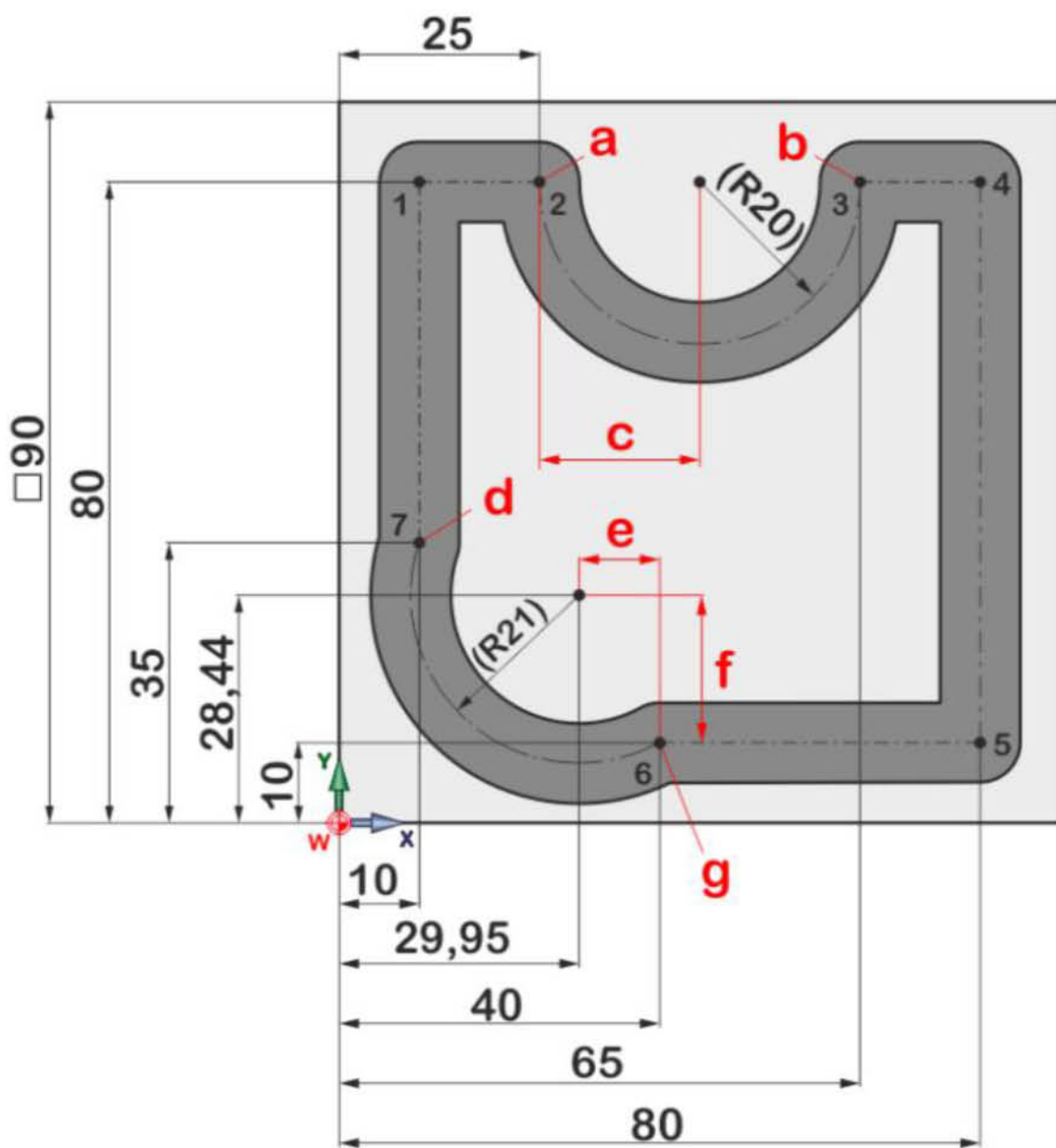
Hình 36 – Phay lỗ



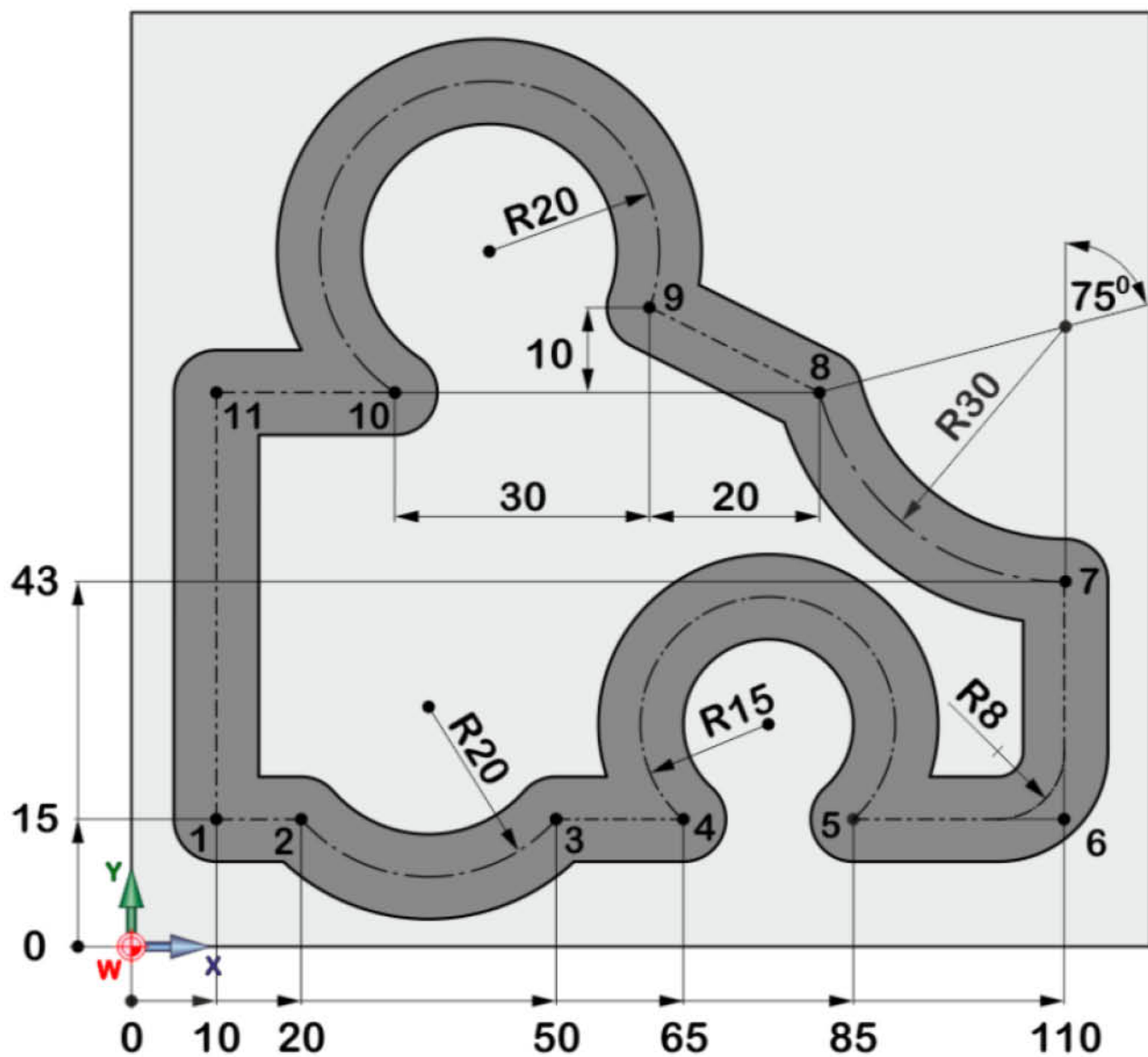
Hình 37 – Phay với G1



Hình 38 – Phay với G1/G2/G3_1



Hình 39 - Phay G1/G2/G3_2



Hình 40 – Phay G1/G2/G3_3

Mô-đun đào tạo được xây dựng và phát triển trong khuôn khổ Hợp tác Phát triển với Khối Doanh nghiệp Tư nhân (DPP) “Đào tạo nghề cho Sản xuất Thông minh Ứng dụng trên Máy công cụ”. Dự án DPP được hỗ trợ bởi chương trình develoPPP.de của Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) và được phối hợp thực hiện bởi các đối tác hợp tác Công ty TNHH Siemens Việt Nam, Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA 2 và Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) GmbH, đại diện bởi Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam”.

